

# NAM PHONG

VĂN - HỌC KHOA - HỌC TẬP - CHÍ

## LỊCH - SỬ VÀ HỌC - THUYẾT CỦA VOLTAIRE

(Phúc-lộc đặc - nhĩ)

### I

Lịch-sử của ông VOLTAIRE là cái lịch-sử rất sung-mãn, rất hoạt-dộng, rất phong-phú, rất ly-kỳ, nổi chìm cũng lắm, chắc-trở cũng nhiều, thế mà thủy-chung vẫn là cái lịch-sử trang-nghiêm một vị danh - sĩ, suốt đời tận-tụy về nghiệp văn-chữ không phải là cái lịch-sử bông-lông một kẻ giang hồ theo về chủ-nghĩa lãng-mạn. Có người nói đời ông chính là một quyển văn kiệt-tác của ông, một quyển văn có phong-vị, có hứng-thú vô-cùng. Cuộc đời ví như một cái trường hí-kịch, thì ông chính là một vai đóng trò xuất-sắc nhất, cách-bộ nhẹ-nhàng lanh-lợi, diễn kịch vừa có duyên, vừa tự-nhiên, vừa hăng-hái. Là vì bản-tính ông là một người chí-thành, bất-cứ làm việc gì không hề có chút giả-dối, không hề có cái thái-độ úp mở, cái thói cách khờ-m-lợm một chút nào. Mỗi việc ông làm là ông để hết tài-lực, tâm-trư, dục-tình, cân-cốt vào đấy, cho nên trong 80 năm trời ông sống ở đời, thật đã đem một cái tư-cách rất phong-phú mà hoạt-dộng với đời, không có hồi nào nghỉ, không có lúc nào ngừng. Muốn cho biết rõ nhân-cách ông, đọc sách ông chưa đủ, phải biết cái cách sinh-hoạt của ông vậy.

1694. Ông là con thứ ba của FRANÇOIS AROUET, trước làm trang-sự ở *Châtelet*, sau giữ việc thu thuế ở viện kế-toán. Như thế thì nhà ông cũng là một nhà có, vào bậc trung-lưu xã-hội thành *Paris*, có gia-tư, lại có học-thức. Dễ cũng bởi đó nên ông có cái tính độc-lập, không chịu luồn-lỏi những kẻ quyền-quí, lại có cái tính vụ-thực, hiểu biết sự đời, chứ không mơ-màng những chuyện viễn-vông, đó là hai cái tính tiêu-biểu trong nhân-cách của ông.

Thủa nhỏ ông theo học các thầy đạo về dòng *Jésuites* (dòng Tên); cách giáo-dục của các thầy có ảnh-hưởng về tâm-trí ông nhiều lắm. Trường ông học là trường *Louis le Grand*, vào học từ năm 1701; học thì có tài, mà tính lại ngộ-nghịch; các thầy thấy có tư-cách thông-minh dĩnh-ngộ cũng lấy làm yêu, nhưng mà xem cách cử-chỉ đường-đốt, lời ăn nói tự-do, lại đối với đạo Cơ-đốc không có cái thái-độ kính-trọng như các con trẻ khác, các thầy lại lấy làm lo lắm. Có thầy đã đoán trước rằng học-trò này về sau chắc là một tay phản-đối đạo. Về tôn-giáo thì ông có tính hoài-nghi như thế, nhưng về văn-học thì ông sẵn lòng theo sự giáo-huấn của các thầy; cách giáo-huấn ấy hơi có ý hẹp-hòi một chút, nhưng rất là tinh-xảo và có đặc-sắc vô-cùng. Các thầy dạy cho ông biết ham mến cổ-học *La Hi* và trọng-phục các danh-sĩ về thế-

Chính tên ông là FRANÇOIS-MARIE AROUET, tên VOLTAIRE là về sau mới đổi. Ông sinh ở *Paris* ngày 21 tháng 11 năm

kỳ thứ 17 ; lại dạy cho biết những cái hay cái thú trong tiếng Pháp, khéo lợi-dụng để làm thơ làm văn. Sau này ông trở nên một bậc văn-hào quán-thế, thật là phần nhiều sở-dắc tự khi học văn với các thầy « dòng Tên » vậy.

Về sau suốt đời ông bao giờ cũng nhớ đến mấy năm đi học, bao giờ cũng cảm ơn các thầy đã dạy cho được thành-tài như thế. Trong khi theo học ở trường đạo, không những được thầy dạy giỏi, lại được bạn học tốt nữa ; có mấy người con nhà dòng sang, sau này chơi với ông rất thân, và giới-thiệu cho ông đi lại những nơi thưng-lưu xã-hội. Trường *Louis le Grand* bấy giờ là một trường học có tiếng lắm, các nhà giàu-có quyền-qui thường cho con đến học đấy. Bạn học của VOLTAIRE có những người như : FYOT DE LA MARCHE, DE MAISONS, DE CIDEVILLE, D'ARGENTAL, hai anh em D'ARGENSON, RICHELIEU, v.v. Hai anh em D'ARGENSON và RICHELIEU, sau này đã có nhiều phen che-chở giúp đỡ cho ông. Ông không phải là người du-mị kẻ quyền-qui, nhưng có cái tài thiệp để làm cho đẹp lòng người, nên kẻ quyền-qui thường sẵn lòng giúp-giúp cho ông. Tuy-nhiên trước sau vẫn là người biết tự-cao, hiểu độc-lập, xem như những thư-từ ông viết cho các bạn quý-tộc, lời-lẽ chững-chạc, ý-tư cao-kỳ, thì đủ biết cái cách ông giao-thiệp với bọn ấy. không phải chỉ mong mượn quyền-thế của họ mà lợi-dụng cho mình đâu.

Năm 1713, ông tốt-nghiệp ở nhà trường, về nhà với cha mẹ. Ông có người cha đỡ đầu là giáo-sĩ CHATEAUNEUF, tuy là người tu-hành, thực là tay phóng-túng, giáo-sĩ liền dạy cho ông cách giao-thiệp với đời. Kể về đường giao-thiệp thì ông đã bắt đầu từ mấy năm trước rồi, hồi còn đi học, truyện cũng li-kỳ : Bấy giờ là năm 1706

ông mới có 12 tuổi, có người đưa ông đến hội « Sa-lông » của NINON DE LENCLOS, là một bậc nữ-sĩ có tiếng đời ấy, đương khi nhà vua và triều-dinh đều những người sùng-đạo cả, bà công-nhiên giao-du với những bậc sĩ-phu có tư-tướng tự-do, không tin thần-quyền và tôn-giáo ; cái thái-độ tự-do của bà đã khét cả một thời. Bà thấy VOLTAIRE trẻ tuổi mà hoạt-bát lém-lỉnh, bà có bụng yêu lắm, sau để của lại cho hai nghìn quan để mua sách. Giáo-sĩ CHATEAUNEUF vốn là tay sành về nghề giao-thiệp, biết cậu con đỡ đầu là người có tư-cách, ông cố dạy cho thành-tài. VOLTAIRE bấy giờ đương tuổi thanh-niên, có tài-hoa lỗi-lạc, khoa ngô-ngữ sở-trường, nói chuyện có giọng hoạt-kê, khen người chê người bao giờ cũng có ý-vị, có hứng-thú, gia-đĩ lại có tính ham chơi, thích giao-du với kẻ nọ người kia, thật là một người có đủ tư-cách giao-thiệp những nơi hào-hoa lịch-sự đời bấy giờ. Ông đi đến đâu ai cũng có bụng yêu bụng mến, mà tự ông cũng lấy làm vui làm thú. Hồi bấy giờ ở Paris có một cái xóm ăn chơi rất lịch-sự, là xóm *Le Temple*, những văn-nhân thi-sĩ, cùng là qui-tộc công-hầu, có tính chơi-bời phóng-túng, hay đi lại chỗ ấy ; ông được giáo-sĩ giới-thiệu, chẳng bao lâu thành một tay cự-phách trong bọn ấy, Vừa nổi tiếng tài-tình, thơ-văn đứng vào bậc nhất nhì, lại vừa giao-du với những bậc vương-tôn công-tử rất sang-trọng đời bấy giờ. Nhà vua khi ấy đóng đô ở Versailles, cách sinh-hoạt trong cung rất là nghiêm-nhặt ; bọn làng chơi này thấy thế lại càng muốn lập-dị, như muốn phản-đối lại, cho nên khi đàm-thoại, lúc chơi-bời, làm ra thật tự-do phóng-túng.

Cái đời của VOLTAIRE lúc bấy giờ thật là đời một cậu phong-lưu công-tử mà lại có văn-học tài-hoa, kẻ cũng là

sung-sướng thật. Ông cha là bậc trưởng-giả có tính cần-kiệm và cẩn-thủ, thấy cái cách con chơi-bời như thế, chắc cũng lấy làm không bằng lòng, nên cha con có đôi khi xung-đột nhau. Lại khi ấy thường có những cuộc thi thơ thi văn, cuộc nào ông cũng có bài gửi thi cả, hề được giải thì chớ, không được giải thì ông làm thơ làm ca giễu-cợt bọn chấm bài, thành ra cũng xung-đột với lắm kẻ trong làng văn. Ông lại làm thơ công-kịch cả. Nhiếp-chính-vương bấy giờ, nên mấy phen đã phải bị đi biệt-xứ, nhưng mỗi lần cũng không bao lâu và không khổ sở gì. Trừ có mấy việc chắc-trở một chút đó, còn thì cái đời ông lúc bấy giờ thật đã sướng lắm.

Chợt xảy ra một việc làm gián-đoạn cái cuộc đời dẽ-dàng mà vui-thú đó. Khi ấy ở Paris thiên-hạ có truyền đọc một bài thơ nói xấu về đức tiên-quân, là vua LOUIS thứ 14. Có kẻ thù VOLTAIRE đồn chính ông là tác-giả bài ấy. Nhiếp-chính-vương tức giận lắm, ngày 17 tháng 5 năm 1717, hạ lệnh bắt ông bỏ ngục Bastille. Kỳ-thực là oan cho ông, vì không phải ông làm bài thơ ấy, thế mà phải chịu ở ngục một năm trời. Ở đời chuyên-chế cũng có lắm cái khổ thật. Nhưng mà một năm ở tù ấy không phải là vô-ích cho ông; ông nhờ đó cũng được thêm chín-chấn người ra, thêm biết nghĩ và tập cần-khở. Kể ở tù cũng không khổ chi, vẫn có thì giờ làm thơ văn. Trong một năm ấy, ông làm thơ rất nhiều; soạn một bài anh-hùng-ca về vua HENRI thứ 4, đề là *La Ligue* (rồi sau đổi tên là *La Henriade*), sửa lại một bài bi-kịch đề là *Oedipe* trước đã được nhận vào « Đại-Pháp kịch-viện » (*Théâtre Français*), lại soạn một bài thơ hoạt-kê trường-thiên đề là *La Bastille*, tả một cách buồn cười về cái chuyện kỳ-ngộ của ông bỗng dưng bị vạ-vịt phải ở tù. Sau Nhiếp-chính-

vương xét ra ông vô-tội, liền tha cho ra, lại thưởng tiền cho dẽ dền lại; muốn tỏ lòng ân-cần và tạ-hồ như xin lỗi về việc đó, vương bèn mời ông vào ăn tiệc ở trong cung. Ông nhận lời, nhưng đáp lại một cách mát rượi: « Tôi cảm ơn Đức ông đã có bụng yêu cho ăn, nhưng từ giờ xin đừng phiền lòng cho ở nữa. »

Bài kịch *Oedipe* đem ra diễn lần thứ nhất ngày 18 tháng 11 năm 1718, thiên-hạ hoan-ngheh lắm; diễn luôn đến 45 lần mới thôi. Hồi ấy ông đổi tên AROUET làm VOLTAIRE, là có ý đoạn-tuyệt với cái đời phóng-túng từ trước, muốn làm một bậc văn-sĩ xứng-đáng, chứ không phải là một tay làm thơ khôi-hài hay thơ trào-phúng nữa. Từ nay cái chí của ông là cố cho được sánh bằng các hạng văn-hào thi-hào có tiếng đời xưa đời nay. Năm 1720, ông cho diễn một bài bi-kịch đề là *Artémire*; nhưng bài ấy hỏng, ông sửa lại, đổi tên là *Mariamne*, năm 1724 diễn lần nữa thời được. Cùng về hồi bấy giờ, có người sao được bài anh-hùng-ca *La Ligue* của ông, nhưng có thất-thác nhiều, rồi đem ra in vụng. Bài này là một bài ông sở-thích lắm, thường đọc nhiều đoạn ở các hội « salông » cho những bậc danh-giá nghe, có ý dự-bị sẵn đề đến khi xuất-bản được thiên-hạ hoan-ngheh. Nay lần xuất-bản đầu lại bị có người giả-trá như thế, tuy vậy mà cũng ảnh-hưởng lắm. Lời thơ ông khéo mô-phỏng lối cổ-thi Hi-lạp La-mã, như thơ HOMÈRE, thơ VIRGILE, tự-thuật gọn-ghe mà có văn-vẻ, tóm-tắt các đoạn trong lịch-sử nước Pháp như thành từng bức họa lớn, tuy không được đậm-đà nét bút cho lắm, nhưng cũng có cái vẻ trang-nghiêm sáng-sủa; về phần tư-tưởng thời có cái ý-tú rộng-rãi khoan-dung, không ưa những thói ngoan-ngu mê-tin, lắm câu lời-lẽ đích-đáng, nghị-luận phân-minh, nghiêm-nhiên thành lời cách-ngôn



sinh-hoạt thế nào. Sự quan-sát ấy cũng vui, cũng thú, cũng ích-lợi. Nhân có người giới-thiệu cho đi lại với những bậc danh-công đại-thương, như BOLINGBROKE, HERVEY, FALKENER, ông nhớ đó được gần chốn thượng-lưu xã-hội nước Anh, được thỏa chí quan-sát. Ông nghiệm ra dân Anh là một dân trầm-trọng, đứng-dẫn, có can-dảm, có nghị-lực, biết chăm việc công-thương để mở-mang nền-kinh-tế; lại có chí học-hành, biết ham khoa-học triết-học; lại được hưởng tự-do, hết thấy người trong nước ai cũng có quyền tự-do tư-tưởng, không ai ngăn cấm được ai. Sánh lại với cái cảnh-tị-rợ ở kinh-tô Paris nước Pháp thì thấy khác hẳn; kẻ thượng-lưu chỉ tập thói phong-lưu, bàn văn-chương hảo, đi giao-tế hoài, không thiết gì đến những sự-nghiệp to, công-trình lớn; quyền vua thì nhu-nhược, để cho bọn qui-phái lộng-hành, ghét ai liền phát giấy tống-ngục, không còn xét phải trái oan không gì nữa. So-sánh như thế thời ông cảm-phục nước Anh biết đờn; nào; mấy năm ở nước Anh thật có ảnh-hưởng đến tâm-trí ông nhiều lắm. Người ta thường nói rằng thành Luân-đôn đã có công tác-thành ra ông, câu nói ấy kẻ cũng là quá. Khi ông sang Anh, tư-tưởng ông đã thành rồi, nhiều cái ý-kiến đã định hẳn, nhiều cái còn chưa phát-siêu hết, nhưng manh-nha ra đã lâu; khi ấy ông đã không có lòng tin về tôn-giáo rồi, duy vẫn thừa-nhận rằng trong vũ-trụ có một ông chúa-tể gọi là Thượng đế hay là Thiên-chúa; khi ấy đối với các học-thuyết thuộc về siêu-hình, về thuầnlý, ông vẫn đã hoài-nghi, chỉ tin ở sự thực hiên-nhiên mà thôi, và về đường chính-trị vẫn ghét cái chính-thể chuyên-chế, vẫn ham sự tự-do, sự công-lý, muốn cho người ta khoan-dung với nhau và đừng bắt buộc nhau một cách nghiêm-nhặt quá. Ông sang bên Anh thấy người Anh vẫn thường thi hành

những tư-tưởng đó, ông lại càng xác-tín những tư-tưởng đó là hay, lại càng nhận-chân và thâm-phục lắm; nhưng vốn ông đã có những tư-tưởng ấy rồi, chứ không phải sang đến Anh mới có. Song sự kinh-nghiệm như thế cũng là có ích-lợi cho ông lắm. — Vốn ông ham tự-do, thấy dân Anh được hưởng chính-trị tự-do, ông lấy làm phục lắm, thường nói rằng: « Khắp trên địa-cầu duy có nước Anh là đã khéo biết hạn-chế quyền quân-chủ, dần dần gây thành được một lối chính-trị rất khôn-khéo, khiến cho vua có quyền làm việc hay mà không có quyền làm việc dở, các bậc công-hầu qui-phái thì có tước-vị mà không được lộng-quyền hành-hạ kẻ thứ-dân, lại chính kẻ thứ-dân cũng được tham-dự vào quyền chính-trị mà trật-tự vẫn phân-minh, trên dưới không hỗn-độn. » Ông vốn lại ham văn-ngệ, muốn cầu cho nhà thơ-văn, nhà mỹ-thuật được vẻ-vang danh-giá, thấy cái cách nước Anh đãi kẻ tài-hoa thật là hợp với lòng ông sở-nguyện lắm, như văn-sĩ ADDISON được làm đến ngôi tướng-quốc, bác-sĩ NEWTON và cho đến cả danh-kỹ OLDFIELD, khi chết cũng được chôn ở nhà giáo-dưỡng Westminster, cùng với lăng-tâm các vua chúa. Lại cái tinh ông vụ-thực, vốn ưa lối triết-học thực-nghiệm, thực-tiến, thấy các nhà triết-học nước Anh đời bấy giờ như NEWTON, LOCKE, đều khuynh-hướng về đường ấy cả, ông cũng lấy làm thích lắm; ông xét học-thuyết các nhà ấy, thấy những tư-tưởng của mình vẫn phảng-phất xưa nay, đã tổ-chức thành thống-hệ, có chứng-nghiệm ở sự thực, ông bèn gia-công nghiên-cứu: Xét về học-thuyết của NEWTON thì biết rằng phạm chính-lý ở đời ta phải căn-cứ ở khoa-học, phải phát-siêu ra khoa-học mới thật là đích-đáng, và phạm triết-lý phải gốc ở khoa-học mới có thể vững-vàng được; xét học-thuyết của LOCKE thì ông biết

rằng phương pháp của khoa-học có thể đem ra ứng-dụng để nghiên-cứu về người ta được, như vậy là có một cái khoa-học về người ta, khoa-học ấy cũng có phép-tắc đích-xác, có thể làm gốc cho một nền luân-lý phổ-thông cho cả loài người.

Trong khi tư-tưởng triết-lý của ông phát-siển ra rõ-ràng, sắp đặt có thứ-tự như thế, thì tư-tưởng văn-chương của ông, từ trước đến bấy giờ vẫn chỉ khu-khu trong vòng cổ-văn Hi-lạp La-mã và văn-học đời Louis thứ 14 mà thôi, tự đấy cũng khuếch-trương rộng-rãi ra. Ông đọc các thi-nhân nước Anh mới biết ngoài lối thơ cổ-diễn nghiêm-trang của Pháp, còn có một lối thơ nồng-nàn mãnh-liệt hơn. Ông đọc các bài kịch của SHAKESPEARE, lại xem diễn trên sân khấu, tuy lối-lãng có khác hẳn lối kịch Pháp, cũng lạ tai lạ mắt cho ông thật, nhưng mà cách hành-động tự-do, mạnh-bạo, có một cái màu cái sắc riêng, ông cũng phải chịu là hay. Đến như văn-chương của DRYDEN, của ADDISON, thì thể-cách gần với lối văn-chương Pháp, ông lại càng thích lắm. Lại khi ấy mới bắt đầu biết thơ của MILTON, đọc các truyện hoạt-kê của BUTLER và của SWIFT, các thơ triết-lý của POPE. Bấy giờ ông cũng vẫn phục văn-học cổ La Hi và văn-học Pháp về thế-kỷ thứ 17, nhưng không cho lối văn-chương ấy là độc-nhất vô-nhi, ngoài không gì hơn nữa. Ông biết rằng phạm lẽ-lối phép-tắc là thuộc về đối-dịch, chứ không có gì là tuyệt-dịch cả, cho nên ông nói rằng: « Các nước Âu-châu, nếu đừng khinh rẽ lẫn nhau nữa mà biết chú-ý quan-sát đến cả văn-chương lẽ-tục của nhau, không phải xem xét để mà cười người ta dẫu, nhưng xem xét để học-lấy cho mình, thì có lẽ sự quan-ma lẫn nhau đó cũng có thể giúp cho văn-học nước mình được mới-mẻ và được phong-phú thêm ra. »

Nhưng mà VOLTAIRE còn được ơn nhờ nước Anh một việc to hơn nữa, là thoát khỏi cái cách sinh-hoạt phóng-dãng của bọn thượng-lưu nước Pháp đời bấy giờ, và biết nhận-chân cái tư-cách của mình. Ba năm ông phải biệt-xứ đó là cái thời-kỳ học-vấn, suy-nghĩ, trước-thuật rất đặc-lực của ông. Ông sửa lại bài anh-nùng-ca *La Ligue*, đổi tên là *La Henriade*, rồi xuất-bản năm 1728, được thiên-hạ hoan-nghênh lắm. Lại soạn một bài bi-kịch đề là *Brutus*, cũng muốn bắt-chước SHAKESPEARE một đôi chút, đem lối cổ-kịch khi nghiêm-trang quá mà điềm-suyết thêm cho có đặc-sắc hơn. Lại soạn một bộ sách đề là « Truyện vua CHARLES thứ 12 », tức là bộ sử-ký thứ nhất của ông. Tháng 3 năm 1729 ông được phép về nước Pháp, thì bấy giờ danh-tiếng nổi lên lừng-lẫy; đến tài-học nhân-cách thì lại càng rộng-rãi đứng-dẫn lắm; kinh-lịch đã nhiều, quan-sát cũng lắm; vừa về đến Paris, ông liền gia sức hoạt-động về khắp các phương-diện. Năm 1730 đem diễn bài *Brutus*, thiên-hạ đến xem đông lắm. Năm 1731 xuất bản sách « Truyện vua CHARLES thứ 12 ». Sách này là sách sử thứ nhất của ông, lối chép sử không giống bộ « Đời vua Louis thứ 14 » và bộ « Luận về phong tục » ông làm sau này. Tuy-nhiên hồi bấy giờ cũng là một lối văn-chương mới-mẻ, người đương-thời lấy làm lạ rằng sách sử mà lời văn sáng-sủa, nhẹ nhàng, văn-vẻ, sự-tích vẫn là chuyện thực, có chứng-cứ hẳn-hoai, mà cách sắp đặt lại gọn-gàng khéo-léo lắm. VOLTAIRE thường nói rằng: « Tôi vẫn cho chép sử cũng phải có tài như soạn kịch, cũng phải khéo tự sự, khéo thốt vào, cởi ra, như bài kịch vậy. » Sách « Truyện vua CHARLES thứ 12 » thật là một cái mẫu văn-chương tự-sự có vẻ hoạt-động như bài diễn-kịch. Khi sách xuất-bản thì thiên-hạ cũng vì tác-giả mà hoan-nghênh gọi

là mà thôi. Năm 1732, lại soạn một bài bi-kịch mới đề là *Eriphyle*, bài này bị thất-bại. Nhưng cùng năm ấy liền soạn một bài khác đề là *Zaïre*, vừa nghĩ vừa viết chỉ trong 22 ngày xong, ngày 13 tháng 8 đem ra diễn ở nhà Đại-Pháp-kịch-viện, được thiên-hạ cổ-vũ vô-cùng. Buổi diễn đầu người xem vỗ tay không dứt, ai cũng nức-nở khen hay. Thiên-hạ bấy giờ đều công-nhận cho VOLTAIRE là có tài hơn CORNEILLE, mà không kém gì RACINE. Song người đời bấy giờ không biết rằng sự tích trong bài kịch này là mô-phỏng của SHAKESPEARE nước Anh. Chính trong bài tựa của ông cũng không hề nói xuất-xứ ở đâu, cho nên không ai biết. Song điều đó cũng chẳng hề gì. Truyện *Zaïre* vẫn là tự tay VOLTAIRE kết-cấu ra, mà truyện cũng có lý-thú lắm. Ông nói rằng : « Cái nguyên-ý truyện này tôi nghĩ đã lâu, tôi vẫn đã muốn tả phong-tục những nước theo đạo Hồi-hồi, đề đối với những nước theo đạo Cơ-đốc, vừa bày tỏ ra cái sức ái-tình mạnh-bạo là dường nào với cái sức tôn-giáo trang-nghiêm biết bao nhiêu. » — Năm 1733 lại soạn một quyển sách mới, thuộc về một lối khác hẳn các lối trước, vừa bằng vận-văn vừa bằng tản-văn ; sách đề là : « Thăm-mĩ viện » (*Le Temple du Goût*). Sách này là sách tuyên-bố cái chủ-nghĩa văn-chương của ông, mà tuyên-bố một cách khôi-hài ; ông bình-phẩm các văn-hào về thế-kỷ thứ 17 một cách tự-do lắm, đến những bậc ông thường cảm-phục xưa nay, như BOILEAU, RACINE, LA FONTAINE, CORNEILLE, BOSSUET, ông cũng dám chỉ-trích những chỗ khuyết-diểm. Thiên-hạ ó lên kêu ông ngạo-mạn. Nhưng kỳ thực người ta chỉ trách ông là hay châm-chọc các văn-sĩ đương-thời, như FONTENELLE, MARIVAUD, LAMOTTE, JEAN BAPTISTE ROUSSEAU, v. v.. Theo như chính lời ông đã nói, sách « Thăm-mĩ viện » nay tức là « một đống đá để ném chơi cho thiên-hạ tức »

(*amas de pierres de scandales*). Năm 1734 lại soạn một bài cổ-kịch nữa đề là *Adélaïde Duquesclin*, nhưng bị thất-bại; ông liền xoay ra xuất-bản một bộ sách đề là « Thư triết-lý » (*Lettres philosophiques*) hay là « Thư nước Anh » (*Lettres Anglaises*), sách này trước đã in bằng tiếng Anh, sau dịch ra tiếng Pháp, truyền ngấm trong thành Paris được ít lâu, bấy giờ mới đem công-bố ra. Lần này công-nhiên xuất-bản, thiên-hạ nổi lên nao-nao. VOLTAIRE xưa nay chưa từng bao giờ ra mặt phản-đối quân-quyền. Trong các bài kịch, trong bài *Henriade*, trong các bài thơ nhỏ của ông, thỉnh-thoảng cũng có một đôi câu châm-trích, nhưng nói mát-mẻ xa-xôi mà thôi, không có kịch-liệt gì : ai cũng cho là thói nhà văn vẫn như thế, không lấy làm quan-hệ chi. Đến như tập « Thư triết-lý » này thời thật là ra mặt công-kích hẳn-hoi, đương đời quân-quyền thần-quyền còn thịnh mà công-nhiên chỉ-trích nhà vua cùng Giáo-hội : cái tư-tướng cải-cách xã-hội, cái tư-tướng phá-hoại cụ-chế của ông xưa nay vẫn giữ kín, bấy giờ mới phá-lộ cả ra. Trong sách này ông bàn về Giáo-hội cùng các giáo-phái nước Anh (như phái *quakers*, phái *presbytériens*, phái *antitrinitaires*, v. v.), về nghị-viện, về phép chính-trị và phép thu thuế về thương-nghiệp, về phong-tục, về các học-thuyết của BACON, của LOCKE, của NEWTON, của CLARKE, về thi-văn của SHAKESPEARE, của MILTON, của POPE, về các hội học hội văn, nói tóm lại là ông đem cả tôn-giáo, chính-trị, học-thuật, văn-nghe nước Anh mà phô bày ra cho người Pháp, khuyến-khích cho nên bắt chước mà theo. Vả sách không phải chú-ý tả về nước Anh mà thôi, chính là muốn nhân nói nước Anh mà bình-phẩm về chế-độ, phong-tục, tư-tướng nước Pháp, bình-phẩm có ý chua-cay, nhưng bao giờ cũng dịch-dáng lắm. Bao nhiêu những vấn-đề quan-trọng

về chính-trị, tôn-giáo, xã-hội, những vấn-đề xưa nay phạm nười Pháp có lòng trung-thành với nhà vua cùng giáo-hội không hề dám xét đến bao giờ, ông đều đem ra nghị-luận hết, bàn-bạc một cách ôn-hòa và đấng-dẫn; việc gì lưu-tệ nên cải-cách, bàn nên cải-cách thế nào, lại yêu-cầu quyền tự-do tư-tưởng và tán dương cái lòng khoan-dung về tôn-giáo.

Giá ông chỉ lấy giọng trào phúng mà bình-phẩm việc đời như trước, thì có lẽ thiên-hạ cũng dung-thứ cho ông; nay ông lại lấy triết-lý mà nghị-luận một cách đấng-dẫn, thì họ quyết không dung. Bao nhiêu sách « Thử triết-lý » xuất-bản bị tịch thu hết, nhà bán sách bị bắt, và có lệnh tòa-án ngày mồng 10 tháng 6 năm 1734 bắt phải đem sách đốt đi. VOLTAIRE bấy giờ đương ở *Montjeu* ăn cưới công-tước RICHELIEU với công-nương GUISE, có giấy tống-ngục tư cho Giám-đốc *Dijon* để bắt ông. Có người báo tin cho ông biết, ông liền trốn sang Hà-lan. Rồi sau việc người người đi, ông lại trở về Pháp, nhưng không về *Paris*, về ở một nơi biệt-thự ở *Cirey* quận *Lorraine* cùng với CHATELET phu-nhân. Ông ở đấy liền mười năm; nói là ở liền nhưng cái tính ông hoạt-động lắm, cũng là khi đi khi về luôn, hơi có chuyện gì chạy ra *Paris*, hơi có nguy-hiểm lại chạy về ngay. Vì chính-phủ vẫn chú-ý đến ông, và ông cũng biết thế; bấy giờ mà làm bài thơ hơi xúc-phạm, bài văn hơi kịch-liệt một chút, thì chắc là giấy tống giam sẽ đến liền ngay. Nhưng ông có thể nào ngồi yên không làm thơ làm văn được không, và thơ - văn của ông có thể không xúc-phạm được không? Cho nên mỗi khi ra *Paris* là cứ chân le chân vịt, hề hơi thấy động-dụng thì tếch về *Cirey* ngay để cho được « ăn yên ngủ yên », khỏi phải đem ngày lo ngay ngày.

Ông thích ở *Cirey* không phải chỉ là vì *Cirey* ở gần địa-giới, có thể phứt chốc chạy ra ngoại-quốc ngay được, cũng không phải là vì ở đấy thường có hội-hè yến tiệc, lắm cuộc vui chơi; thứ nhất là vì ông thật có cảm-tình với chủ-nhân ở đấy là bà CHATELET. Ông biết bà từ năm 1733. Có người đã tả hình-dung mình - cách bà như sau này: « Người bà cao mà mảnh-khảnh, nước da hồng-hào, nét mặt thon-thon, mũi nhọn; bà cho bà là đẹp lắm, cho nên hết sức tô-diêm đề lộ cái đẹp ấy ra, nào là soạn tóc, nào là đeo ngù, nào là thủy-tinh, nào là ngọc-thạch . . . Trời sinh bà cũng có trí thông-tuệ bà lại thích tỏ ra bà là người học-thức cho nên ưa học triết-lý hơn là học thi-văn; bà tưởng thế mới là tài giỏi, mới là danh-giá hơn chị em. »

Mấy lời bình-phẩm trên đó là của một bà khác nói về bà: đàn bà xét nhau vẫn hay nghiêm-khắc như thế. Chính VOLTAIRE thời chắc là nói giọng khác. Ông khen bà rằng: « Phu-nhân đã từng dịch sách NEWTON và dịch sách VIRGILE, thật là người có tài lỗi-lạc, vậy mà trong khi nói chuyện có cái cách nhũn-nhặn, không ai ngờ là một người khác thường như thế; Phu-nhân không hề nói xấu ai bao giờ, cũng không hề nói dối một câu nào. Thật là một người bạn trung-tin và ân-cần. Nói tóm lại, phu-nhân có thể cho là một bậc trượng-phu trong bọn nữ-lưu, bạn đàn bà tầm-thường không biết được, chỉ biết là một người ăn mặc đẹp, kim-cương nhiều, thế mà thôi. » Theo lời VOLTAIRE thì bà là người hoàn-toàn tuyệt-phẩm. Hai bức tranh thật là khác nhau lắm; ta nay cứ chiết-trung mà đứng vào nước giữa, có lẽ đúng hơn. Ta có thể tưởng-tượng bà là một người thông-tuệ khác thường, cũng có thiệp-

liệp khoa triết-học ít nhiều, nhưng không làm ra mặt nữ-sĩ, vẫn giữ tính-cách đàn bà, ham đọc sách mà cũng hay làm đóm. Bà đối với VOLTAIRE không biết có cảm-tình sâu không, nhưng ông đối với bà thì thực là chí - tình lắm. Hoặc có kẻ chê ông là người hơi có thói khinh-bạc, nhưng ông không phải là không có lòng trung-thành quyến-luyến, không có bụng quảng-đại khoan-dung. Bà CHATELET có ý chuyên-chế ông một chút, chuyên-chế cả cách sinh-hoạt, sự tư-tưởng của ông, vậy mà ông cũng nhân-ahực phục-tôn, là vị cái tình riêng đối với bà.

Vả ông được gặp một người đàn bà ân-cần cần-trọng như bà, kẻ cũng là một sự may cho ông.

Từ khi ông ở Anh về, ông lại dần dần theo cái thói ăn-chơi giao-thiếp như trước. Một người bồn-tính hăm-hở như ông, có nhiều tinh-dục, lại hay hiếu-thắng, không thể ở chỗ cô-độc được. Ông đã tự nói rằng ông là một người ngồi yên ở trong buồng không chịu được, bao giờ cũng phải có cách tiêu-khiển mới được. Cách tiêu-khiển cho ông là ở trong cuộc xã-giao, họp những khách phong-lưu, những người tài-trí mà ngồi đàm-thoại, thảo-luận với nhau bằng những lời văn-hoa, những câu bóng-bẩy, những giọng mát-mẻ, những ý sâu-xa, những khi như thế là ông lấy làm khoái lắm; nhưng ông lại khoái hơn nữa là được công-chúng hoan-ngheh, người ta khen-ngợi. Song cứ cái cách sinh-hoạt phóng-khoảng như thế thì còn lúc nào trầm-tư mặc-tưởng mà nghiên-ngâm những nghĩa-lý sâu-xa, nên có cái nguy-hiểm lại xoay về thói cũ như trước khi sang ở nước Anh, nghĩa là chỉ làm một kẻ thi-nhân ở trong làng chơi, một nhà triết-học ở hội giao-tế mà thôi. — Đã thế, tính lại hay hiếu-chiến, hay công-kích, hay phản-đối người

ta, trong khi thảo-luận không thể cầm lòng nén trí mà không phát ra những lời châm-chọc, giọng chua-cay, như vậy thì chỉ mất thì-giờ cãi nhau vớ với thiên-hạ mà thôi, thật là không xứng-đáng cho một người có tài như ông. Ông đã hăng-hái ra quyết-đấu, thì bất-cứ gặp người thế nào cũng hăm-hở mà giao-chiến, dù kẻ không đáng với mình mặc lòng. Như những cuộc chiến-đấu văn-chương của ông với bọn J.-B. ROUSSEAU, DESFONTAINES, FRÉRON, thì ông vẫn là thắng họ, nhưng mà thắng những bọn đó cũng không danh-giá gì, có phần lại tổn-hại cho danh-giá cũng có. — Bà CHATELET thật đã hết sức ngăn-ngừa cái tính hiếu-chiến của ông đó, thứ nhất là ngăn cho ông khỏi ra đua tranh với những kẻ tầm-thường. Nhưng bà đối với ông còn có một cái công-to-tát hơn nữa, là khuyên-hướng cho ông xoay hẳn về đường triết-học, lại dẫn-du cho ông biết ham về đường cách-trí. Một nhà phê-bình có tiếng là ông Hàn-lâm EMILE FAGUET đã nói một câu rất thú-vị mà cũng đúng lắm, nói rằng: « Bà CHATELET tức là nước Anh thứ nhì cho VOLTAIRE », nghĩa là cũng ảnh - hưởng về đường tư-tưởng của ông chẳng kém gì nước Anh mấy năm trước, mà có lẽ lại có cái sức cầm giữ ông mạnh hơn vậy.

Ông vốn tính hăng-hái, làm việc gì cũng hăm-hở, thấy bà khuyên nghiên-cứu về cách-trí, ông muốn dẹp lòng bà bèn gia - công nghiên - cứu một cách chăm-chỉ lắm. Bà CHATELET thích về vật-lý-học, ông liền nghiên-cứu về vật-lý, nào đọc sách NEWTON, nào bày cuộc thí-nghiệm, tưởng có lẽ sắp phát-minh được sự gì lạ! Ở nhà bà CHATELET thường có những nhà thông-thái các nơi đến chơi luôn, ông hằng ngày tiếp chuyện các bậc ấy. Trước còn là học trò, sau lên mặt ông thầy truyền-bá cách-trí, tự-nhiệm cái chức-trách đem học-thuyết

của NEWTON dạy lại cho người Pháp. Năm 1738, ông soạn hẳn một quyển sách, đề là « Khái-luận về triết-học NEWTON » (*Eléments de la philosophie de Newton*), đề tóm-tắt cái học-thuyết ấy cho người Pháp dễ hiểu, lời-lẽ cũng sáng-sủa dễ nghe lắm. Nhân hội Khoa-học Bác-sĩ bấy giờ có ra một cái đầu bài về « Tính-chất lửa và cách lửa truyền-bá thế nào », VOLTAIRE với bà CHÂTELET cùng thi nhau mỗi người làm một bài để đưa chấm. Khi chấm xong thì người được giải là một nhà chuyên-môn tên là EULER; nhưng hai người cũng được hội-đồng có lời khen.

VOLTAIRE lại nhân ảnh-hưởng của bà CHÂTELET, và cũng theo một cái chủ-nghĩa thực-nghiệm thực-chứng như nghiên-cứu về cách-trí, năm 1734 làm một bộ sách đề là « Luận về siêu-hình-học » (*Traité de Métaphysique*). Nhưng sách này khi làm xong, bà xem lại khuyên không nên xuất-bản, nói rằng sách này mà công-bố ra thì tác-giả đến phải thiêu sống mất. Sau mãi đến khi VOLTAIRE chết rồi, sách ấy mới đem ra in. Song xét ra thì tự khi ở Cirey, bao nhiêu những cái tư-tưởng cốt-yếu của VOLTAIRE về Thiên-chúa, về linh-hồn, về tự-do, về xã-hội, đã có sẵn cả rồi, chứ không phải sau này mới mượn của HELVÉTIUS và của phái triết-học soạn bộ « Bách-khoa tự-diễn » (*Encyclopédie*), như người ta thường tưởng lầm đâu. Trong khi ở Cirey ông cũng nghiên-cứu về lịch-sử nữa. Bà CHÂTELET thì vốn không ưa về sử-học, ông cố giảng-giải cho bà hiểu rằng sử-học cũng có triết-lý chứ không phải không. Ông đã bắt đầu soạn bộ « Thế-kỷ vua LOUIS thứ 14 » tự hồi trước, đến bấy giờ ông mới gia-công biên-tập cho mau xong. Ông lại định soạn một bộ « Tổng-sử » thuật về lịch-sử Âu-hâu tự đời CHARLEMAGNE đến bấy giờ, chủ-ý là bổ thêm và sửa lại bộ « Vạn-quốc-sử » của BOSSUET

đời trước, nên hồi ấy ông cũng chăm sưu-tập tài-liệu và đã bắt đầu viết mấy thiên đầu. Bộ này rồi sau không thành, nhưng tức là khởi-diềm của bộ « Luận về phong-tục » sau này.

Trong khi nghiên-cứu về cách-trí, về triết-học như thế, ông không có quên làm thơ. Bà CHÂTELET thì không ưa thơ, nhưng ông thì một ngày không ngâm-vịnh không chịu được. Cho nên vẫn làm thơ luôn, và trước nhất là soạn cổ-kịch bằng thơ. Ông cho lối kịch cổ-diễn là quá cũ, tự-phụ cải-lương lại, và theo như lời ông nói, muốn đem phong-tục đời nay làm áo mặc cho tinh-tinh thiên-cổ. Lối cổ-kịch chỉ diễn về những tích Hi-lạp La-mã, ông định đổi mới đi mà đặt những chuyện nước Mỹ, chuyện Ả-rập, chuyện Thổ-nhĩ-kỳ, chuyện Ba-tư để thay vào. Thứ nhất là ông muốn cho các bà kịch của ông có ngụ-ý về triết-lý. Ông bắt chước Addison nước Anh, muốn dùng lối diễn-kịch để tuyên-bố những ý-kiến về luân-lý, cho nên các nhân-vật trong bản tuồng của ông thường là tiêu-biểu một cái lý-thuyết hay một sự yêu-cầu gì về xã-hội hoặc về chính-trị: như bài *Alzire* diễn năm 1736, nhờ có mấy đoạn hùng-biện về lòng khoan-dung về tôn-giáo, nên được thiên-hạ hoan-nghênh. Bài *Zulime* diễn năm 1740 thì lại hỏng. Bài *Mahomet* diễn năm 1742, để phản-đối những sự bạo-dộng, sự mê-tín, sự bách-hại về tôn-giáo, cũng có ảnh-hưởng, nhưng bị chính-phủ nghi, phải đình lại. Sau ông khôn-khéo lắm, ông làm cho giục cái lòng hiếu-kỳ của công-chúng, lại cả gan dám đề tặng giáo-hoàng ENOIT thứ 14 (lời tặng ấy giáo-hoàng nhận mà lại gửi lời ban-phúc để cảm ơn ông nữa), ông thất làm đủ cách khiến cho năm 1751 bài kịch ấy lại có thể đem ra diễn được. Ngoài các bài đó, ông lại còn soạn một bài cổ-kịch nữa đề là *Méropé*, bài này có thể cho là một bài kịch có giá-trị nhất của ông,

năm 1748 đem ra diễn, được thiên-hạ cồ-vô lăm, có người thuật lại rằng trong suốt ba hồi người xem cảm-động cho đến nỗi chảy nước mắt khóc. Trong khi diễn, VOLTAIRE ngồi ở một chỗ khuất, công-chúng đòi phải ra để xem mặt; bấy giờ ông phải ra đứng trong « lô » của bà thống-chế VILLARS; công-chúng lại đòi bà thống-chế phải hôn ông để tỏ lòng cảm-phục của khán-giả, bà cũng phải chiều, bấy giờ công-chúng mới thỏa lòng. Bài *Méropé* vốn không phải là một bài kịch thuyết-lý như bài *Mahomet* trước; thế mà ông cũng tìm cách đặt được một đoạn công-kịch về chính-thể quân-chủ thế tộc. Xem đó thì đủ biết ông làm về lối văn-chương nào cũng có ngụ ý triết-lý và pha giọng trào-phúng cả.

Song lối diễn-kịch-thì đâu muốn nghị-luận về triết-lý cũng còn phải giả-thác ra sự-tích mới thành truyện, chứ đến như những lối thơ trường-thiên khác thì thật là tự-do muốn nghị-luận bao nhiêu cũng được. Năm 1736 ông làm một bài trường-thiên đề là « Khách phong-lưu » (*Le Mondain*), năm 1738 lại làm luôn bảy bài nữa đề tổng-danh là « Diễn-thuyết về người đời » (*Discours sur l'homme*), đọc mấy bài đó thì biết rõ-ràng những tư-tưởng về triết-lý của ông hồi bấy giờ. Không nên xét một bài « Khách phong-lưu » mà thôi, vì bài này là lối văn khôi-hài, nói khí quá. Tuy-nhiên cũng không thể bỏ qua đi được, vì bài này có quan-hệ đến lịch-sử của ông, khi xuất-bản đã thành tai-tiếng, khiến cho tác-giả phải trốn sang Hà-lan ít lâu. Bài « Khách phong-lưu » là lời tuyên-bố của một kẻ vui đời, giữ cái lạc-thiên chủ-nghĩa, cho cảnh đời là đáng mến, của đời là đáng yêu, và người ta ở đời phải nên vui-vẻ mà tận-hưởng những cái khoái-lạc của đời. Trong có những câu như sau này: « Tôi ưa những cách phong-lưu dật-lạc, những sự vui-thú mỹ-miền; tôi thích sạch

sẽ diêm-dúa, thích trang-diêm dễ coi. . . Đời nay là cái đời thiết-huyết, thế mà sống cũng khoái thay ! . . . Có kẻ tự-cao tự-đại, muốn đi tìm cho được thiên-đường ở đâu. Thiên-đường là ở dưới trần này; chính tôi ở thiên-đường đây. »

Cái thiên-đường của ông vào khoảng năm 1736, là được giàu-có, độc-lập, được hưởng mọi sự vui thú, mọi cách lịch-sự, được giao-du với những khách sang trọng, đàn bà đẹp, nói tóm lại là được vẻ-vang danh-giá, chùa trọng Vua yêu, (như thái-tử nước Phổ thường khấn-khoản mới ông sang chơi). Như vậy thì ông tự cho mình là sung-sướng cũng không phải là quá. Tuy-nhiên, bài văn ấy chẳng qua là một bài khôi-hài, không đủ tiêu-biểu cho cái triết-học chân-chính của ông. Muốn biết rõ tư-tưởng ông thế nào thì phải đọc mấy bài « Diễn-thuyết về người đời ». Xem mấy bài đó thì biết ông cho sự hạnh-phúc ở đời không phải là toàn ở cách khoái-lạc về nhục thể mà thôi, tức là ở sự biết điều-độ những cái dục-tình ở trong lòng mình, cho được thỏa-mãn khoan-khoái mà không phung-hại đến tâm-tĩnh; trong các cái dục-tình ấy thì có lẽ mạnh nhất là cái lòng yêu mến kẻ đồng-loại, yêu mến người mà muốn cho người cũng được sung-sướng như mình, ấy cái bí-quyết của sự hạnh-phúc chính là ở đó vậy. Cho nên ông lại có câu nói rằng: « Những phép lạ của quỷ-thần cũng hay thật; nhưng mà cứu giúp cho kẻ đồng-loại mình, gặp người bạn phải hoạn-nạn làm cho thoát được khỏi hiểm-nghèo, đối với kẻ cứu-thù biết lượng cái hay cho người ta, tôi tưởng không có phép lạ của quỷ-thần nào bằng... »

Cái luân-lý đó rồi trong các sách của ông sau này mỗi ngày một phát-siễn thêm mãi ra. Xét cho kỹ cũng không phải là thấp-hèn chi, và quyết

không phải là cái luân-lý một kẻ ích-kỷ hay là một kẻ túy-sinh vậy.

Ấy cái sự-nghiệp văn-chương và cái công-phu tư-tướng của ông trong hồi bấy giờ đã thâm-trầm và bao-quát như thế. Thái-tử nước Phổ vẫn cảm-phục ông lắm, viết thư cho ông có câu nói rằng: « Ngài thật là một bậc kỳ-nhân, tôi không thể hiểu được. Tôi ngờ không biết trong thiên-hạ này có một người nào tên là VOLTAIRE không; tôi muốn lập hẳn một cái học-thuyết để chứng rằng không lẽ có được một người như thế. Sức một người quyết không thể nào làm nổi được cái công việc vĩ-đại mà thiên-hạ thường công-nhận là của ông VOLTAIRE. Tôi chắc rằng ở Cirey có cả một hội Bác-sĩ gồm được hết những tay thông-thái trong thiên-hạ: có nhà triết-học dịch sách NEWTON, có bậc thi-nhân làm « ca anh-hùng »; có những hạng tài ngang với CORNEILLE đời nay, với CATULLE, với THUCYDIDE đời xưa. Hội Bác-sĩ đó cùng soạn ra sách-vở thi-văn, rồi đến khi xuất-bản thời đề tên một ông VOLTAIRE, khác nào như cái công chiến-thắng của cả một quân-dội đều qui về một tay ông tướng cầm quân vậy ». — Lời khen ấy tuy giọng không được hoạt-bát, nhưng ý không phải quá-dáng.

Mà có lẽ khen thế cũng chưa đủ kia đây; vì ông VOLTAIRE làm việc có hăng-hái mà ăn chơi cũng chẳng kém gì. Và Cirey không phải là nơi cùng-tịch chi, chính là một chỗ học-hành nhiều mà chơi-bời cũng lắm. Khách đến chơi lúc mới đầu cũng hơi lấy làm kinh-ngạc, sau đều phải cảm-phục cái cách tiêu-khiển ở đây hăng-hái và hoạt-bát biết dường nào. Bà CHATELET vẫn ra diễn-kịch; ông VOLTAIRE lại cũng thích mần tuồng. Bèn đặt hẳn ra một cái sân khấu nhỏ, diễn cả bi-kịch, hí-kịch, nhạc-kịch. Một vị phu-nhân đến

chơi đây đã nói rằng: « Ở đây thật không nghỉ một phút nào. Hôm nay chúng tôi diễn bài « Đứa con phung-phá », với một bài kịch ba hồi nữa phải diễn thử. Hôm qua tập diễn bài *Zaïre* cho đến ba giờ sáng, để ngày mai đem ra diễn cùng với bài *Sérénade*. Nào là phải bện tóc, nào là phải đi giày, nào là phải thử áo, lại còn phải nghe họ hát một bài nhạc-kịch nữa, rõ nhọc quá!... Chiều hôm qua chúng tôi đã tính ra có trong khoảng 24 giờ đồng-hồ mà vừa diễn thử vừa diễn thật cả thấy đến 33 hồi tuồng hát, vừa bi-kịch, vừa nhạc-kịch, vừa hí-kịch. » — Chủ-trương những cuộc diễn-kịch đó chỉ có một tay VOLTAIRE, vừa đốc-suất cho người ta tập diễn, vừa bày cảnh, vừa nhắc vở, lại vừa đóng trò. Vị phu-nhân ấy lại nói rằng: « Ông VOLTAIRE mỗi khi đóng trò không có học thuộc bao giờ, thế mà lên sân khấu đọc không sai một chữ; ai cũng chỉ khen một mình ông. Ông thật là một người kỳ... Không biết cái quái gì hiện-hình ra ông mà ông tài-giỏi lạ thường như thế. » Khi nào các khách đã chán diễn-kịch rồi, thì ông bày ra làm trò qui-thuật, rồi nói khôi hài, ai cũng phải buồn cười đến vỡ bụng. Có khi thì bà CHATELET xin ông đọc cho khách nghe một hồi kịch *Méropé*, một thiên sách « Thế-kỷ vua Louis thứ 14 », hay là một bức thư cho thái-tử FRÉDÉRIC. Ấy ngày nào cũng như thế, vừa làm việc mà vừa chơi-bời, làm với chơi thật là hai cái sở-thích đệ-nhất của ông vậy.

Một cái đời như thế thì tưởng là sung-sướng lắm, không còn thiếu gì nữa. Vậy mà còn thiếu mất một điều, là thiếu cái lòng biết tự-túc. Tính ông vốn hăng-hái quá, không biết thế nào là tự-mãn; nếu sự hạnh-phúc ở đời là ở cái cảnh an-lạc, thì ông thật là một người không biết hưởng hạnh-phúc. Tuy ông nói rằng ông sướng, tuy

trong bụng cũng tưởng rằng sướng thật, nhưng kỳ-thực cái cách chơi-bời làm-lụng ở *Cirey* vẫn là chưa được mãn - nguyện cho ông. Ông làm thơ làm văn thì ông tán-dương sự tiết-độ, chứ kỳ-thực trong lòng vẫn còn ngồn-ngang những nỗi thềm-thường tưởng-nhớ. Trước sau ông vẫn chỉ mộng-tưởng được như thế này mới là thỏa : là ra ở giữa kinh-đô, được vua quan đón rước, được có quyền-hành, có thế-lực, được tự-do muốn nói gì thì nói, lại được cái danh-dự ai làm gì cũng phải hỏi, ấy ông chỉ thèm có thế mà thôi. Cho nên đương khi ở xa kinh-khuyết, ông chỉ chờ đợi cho có cơ-hội tốt để về Kinh mà thôi. Vào khoảng năm 1740 tình-thế xem ra đã khoan-khoan hơn trước. Chính-phủ thấy ông ở *Cirey* đã sáu năm cũng có ý cần-thủ, nên đòi với ông không chú-ý lắm như trước nữa. Và lại chính-phủ chắc cũng nghĩ rằng ông nay đã bớt cái khí háng-hải mấy năm trước, nhưng vẫn là người dõng sọ, mà lại chơi thân với một ông vua ngoại-quốc có ngày cũng quan-hệ đến việc nước Pháp, như vậy thì lợi-dụng ông để giúp việc cho nhà nước còn hơn để ông đứng ngoài phản-đối nhà nước. Thủ-tướng bấy giờ là đại-tư-giáo FLEURY có lẽ đã có sẵn cái tư-tưởng như thế. Còn về phần VOLTAIRE cũng không phải là không dụng-công để mưu-cầu cho được như thế. Tự năm 1736 ông đã được Thái-tử nước Phổ tỏ lòng kính-phục và khẩn-khoản mời sang ở bên Phổ, việc đó chính-phủ Pháp cũng đã biết. Đến năm 1740 Thái-tử được lên làm vua, hiệu là FRÉDÉRIC đệ-nhi, bấy giờ ông lại càng công-bố cho ai cũng biết rằng ông vua Phổ mới là bạn thân của ông. Vì đó Thủ-tướng cũng có lòng kính-nể ông. Tự ông vẫn biết thế, cho nên vua Phổ mời mấy lần ông cũng từ chối, một là không muốn dời bà CHÂTELET, hai là có cái thâm-ý dữ-kỳ đi sang Bá-lâm làm cố-vấn cho vua

nước Phổ, thà rằng về kinh-đô có ngày cũng làm được cố-vấn cho vua nước Pháp biết đâu. Cái dã-tâm của ông đó rồi sau không được thành hẳn. Kể ông cũng đã khôn-khéo lắm, làm giấy xin phép Thủ-tướng cho dời nước Pháp về sang Bá-lâm; Thủ-tướng liền cho phép, lại ủy riêng cho một việc ngoại-giao, tức như dùng làm sứ-thần của chính-phủ phái sang nước Phổ vậy. Nguyên bấy giờ ngôi vua nước Áo sắp khuyết, nhà vua Pháp muốn tiến-cử người họ mình vào đấy, nên cần phải đề-huê với vua nước Phổ cho thành việc vậy. Thủ-tướng phái ông VOLTAIRE đi là muốn đề dò ý vua FRÉDÉRIC đệ-nhi thế nào.

Thế là VOLTAIRE nhất-dán thành một tay ngoại-giao của triều-đình. Khi đi vui-vẻ lắm, chắc trong bụng rằng vua Phổ đã có lòng mến phục như thế, thì mình bảo gì chắc cũng nghe. Đến Bá-lâm được đón rước long-trọng lắm; theo như chính lời ông nói, chỉ những ăn tiệc, xem hát, đi săn, vua Phổ thì cực-kỳ tử-tế, đãi ông như một ông khách sang, một ông thầy học, nhưng rút lại về việc nước thì không hứa cho điều gì cả. VOLTAIRE khi trở về Pháp thì cũng cảm cái cách tiếp-đãi ân-cần như thế, nhưng đến cái việc mà triều-đình đặc-phái cho đi thương-thuyết thì xem chừng ra không thành công chuyện gì đủ thuật lại với triều-đình. Cách đấy mấy tháng sau thì ông vua Phổ kia mà VOLTAIRE vẫn thường tán-dương cho là ông vua rất hiền, ông vua quân-tử, liền bội-ước mà đem quân sang chiếm đất *Silésie*; xem thu-từ của VOLTAIRE hồi bấy giờ cũng thấy có ý kinh-ngạc và hơi thất-vọng. Năm 1742-1743, chính-phủ lại sai ông đi sứ Phổ lần nữa, nhưng về đường chính-trị cũng không có hiệu-quả gì. Năm 1743 thì ông được đi sứ là nhân không được bầu vào hội Hàn-lâm,

chính-phủ muốn biệt-dãi để an-ủi sự thất-bại đó mà thôi ; nhưng về đường-chính-trị thì lần đi sứ đó cũng lại là một sự thất-bại riêng cho ông. Trong khi vua Phổ bày cách đón-liếp ông cho được hết sức khoái-lạc, thì việc nước vẫn bàn định thương-thuyết ở ngoài mà ông không biết. Bấy giờ ông mới hiểu rằng cả vua Phổ, cả triều-dinh Pháp đều đánh lừa ông hết. Ông nói rằng : « Tính tôi thật-thà không biết những cái cách ám-muội của người ta. » Vua FREDÉRIC lại hiềm cho đến nỗi muốn cho ông không ở Pháp được, bèn mật-gửi cho triều-dinh Pháp những giấy-má có thể khiêu cho triều-dinh phải nghi ông.

Như thế thì cái thế-lực ông đối với chính-phủ đã có ý sút kém vậy. May năm 1744 gặp cơ-hội tốt khiến cho có thể dần dần lại khôi-phục lại được. Hầu-tước D'ARGENSON là bạn học cũ của ông bấy giờ được về làm quan thượng-thư ở Bộ. Hầu-tước công-nhiên che-chở cho ông. Đồng-thời ông lại làm quen với một người nữa có thế-lực hơn nhiều là bà POMPADOUR, là một người tinh-nhân của vua LOUIS thứ 15. Vua đối với ông vẫn có ý lãnh-đạm, bấy giờ nhờ có bà ông mới được vua biệt-dãi, cho làm như chức thi-nhân của nhà vua, để làm thơ mà tán-tụng công-nghiệp Hoàng-thượng. Chức ấy ông đương cũng xứng-đáng lắm ; như năm 1744 vua đi trận, bị đau ở thành Metz, năm 1745 đánh được trận Fontenoy, ông đều có làm thơ tán-tụng cả, những lời văn-chương ấy không hay gì nhưng cũng không dở. Cũng năm 1745 ấy, nhân hoàng-thái-tử cưới bà phi, ông có làm một bài kịch múa để mừng, đề là *La Princesse de Navarre*, tay nhạc-công có tiếng đời bấy giờ là RAMEAU đặt thành bản đờn, khi đem ra diễn được thiên-hạ hoan-nghehnh cổ-vô-vô-cùng. Nhân đó tác-giả được chức sử-quan và được ăn lương nhà nước.

Kể một bài vũ-kịch mà được như thế thì cũng là quá, tự ông cũng lấy làm nực cười, có làm bài thơ so-sánh hồi trước với bấy giờ nói rằng : « Những bài kịch tôi soạn rất công-phu như bài « Vua HENRI thứ 4 », bài *Zaïre*, bài *Alzire* thì chẳng hề được hoàng-thượng đoái mắt nhìn đến cho. Danh-giá chẳng thấy đâu mà kẻ thù thì thực lắm. Ngày nay tôi làm bài chèo chợ chơi, thì ơn vũ-lộ tươi xuống đời-dào!»

Năm 1746, nhờ có bà POMPADOUR giúp cho, lại nhờ có bọn giáo-sĩ về dòng *Jésuites* tán-trợ cho, ông mới được bầu vào hội Hàn-lâm. Ngày mồng 9 tháng 5 làm lễ hoan-nghehnh vào hội ; theo thói thường thì ngày ấy ông Hàn-lâm mới phải đọc bài diên-thuyết tán-dương công-đức đại-tư-giáo RICHELIEU là người sáng-lập ra hội Hàn-lâm, như g VOLTAIRE muốn phá cách không theo lệ thường, bèn đọc một bài diên-thuyết về tinh-thần tiếng Pháp, kể còn có giá-trị hơn là những lời tán-tụng thường. Sáu tháng sau ông được vua ban cho chức thân-sĩ hầu cận Hoàng-thượng.

Trong đời ông VOLTAIRE, hồi bấy giờ là hồi đặc-sủng, được sung-sướng hơn cả. Cái chí bình-sinh cũng dần dần được thỏa-mãn cả. Ở triều-dinh được vua quan yêu, trong kinh-dô được thiên-hạ trọng, giao-du toàn với những kẻ sang-trọng, thật là tận-hưởng cái thú phong-lưu ở đời ; thường về ở nhà bà công-tước MAINE ở *Scéaux*, gặp được nhiều những bậc phu-nhân quý-khách, thật là thỏa-thích cái tài giao-thiệp. Khi ở đấy ông mới bắt đầu làm một lối văn-chương mới là lối đoán-thiên-tiêu-thuyết. Mới tập mà đã làm ngay được một chuyện rất hay, đề là *Zadig*, xuất-bản năm 1747, có thể cho là một nền văn-chương kiệt-tác của ông.

Tuy-nhiên, lần này cũng không được lâu bền. Cái chí ông muốn làm một

người châu-tuần ở nơi triều-miếu, nhưng mà không có tư-cách làm cho trọn vẹn được : ông có tinh hay nói lắm, mà thiên-hạ cũng đề tai nghe ông lắm. Ông nói quá, không ngăn được miệng, có khi làm mất lòng cả những kẻ đáng phải kiêng nể. Cũng vì bạo nói cho nên làm cho bà POMPADOUR đến chán, bà dỗi ý liền, không biệt-đãi ông nữa, mà lại có ý ân-cần với một tay văn-sĩ đã có tuổi tên là CRÉBILLON. Người này soạn kịch để tặng bà, bà vui lòng nhận, đốc-suất cho đem diễn, lại cho phép đem in tại nhà của vua, cái danh-dự đó chính VOLTAIRE không từng được bao giờ. Ông lấy làm căm - tức lắm, có ý dỗi, lại về ở Cirey. Bà vẫn cứ điềm-nhiên, không thêm hỏi-han đến và cứ công-nhiên phủ-trị cho CRÉBILLON. Bấy giờ VOLTAIRE vừa ghen vừa tức, định làm lại những bài kịch của người kia. Người kia trước có làm một bài đề là *Sémiramis*, ông cũng vội-vàng soạn một bài về tích đó, đem ra diễn năm 1748. Người kia có bài *Catilina*, ông liền soạn bài *Rome sauvée* để đối lại, người kia có bài *Electre*, ông soạn bài *Oreste*. Mãi sau ông mới hiểu cái cách ganh-ghen nhau như thế là vô-nghĩa-lý và không xứng-dáng nhưng tỉnh-ngộ ra khi muộn quá. Bấy giờ về Paris, trọ ở nhà bà công-tước MAINE ; cũng có ý muốn lân-la để lại đi lại trong cung, nhưng mà không đắc-lực nữa. Bấy giờ ông mới cùng bà CHATELET đi ra Lunéville để thăm vua Ba-lan STANISLAS, khi ấy làm chúa đất Lorraine, và chính là để ra bà hoàng-hậu vợ vua Louis thứ 15 ; cái ý ông đi như thế là để tỏ ra rằng vua này không chuộng thì ta đã có vua khác yêu, không phải là con người tầm-thường mà chịu nhục, nhưng mà cung Lunéville sao cho sánh bằng cung Versailles, và làm người trọng-phu cứ đề bận lòng về những

việc thù-phụng, việc giao-thiệp như thế, chẳng phải là dụng-công lắm dư ?

Trong khi phân-vân về những nỗi ganh-ghen thất-vọng như thế, giữa lúc rầu lòng thất-chí đó, thời xảy ra một cái buồn to : là bà CHATELET mắc bệnh có hai ngày chết ở Lunéville, mắt ông trông thấy. Ông lấy làm buồn-bã quá chừng, thực lòng thương-tiếc bà, suốt đời ông dễ có hồi đó là ông buồn nhất. Xem những thư-từ của ông khi ấy, đều có cái giọng thiết-tha cảm - động. Ông viết cho bạn là D'ARGENTAL : « Tôi mới mất một bậc nữ - hữu chí - thân, một người bạn tri - kỷ hai mươi năm trời, thật không khác nào như mất một nửa người tôi vậy. Cái nhà này là cái nhà tình bè-bạn đã làm nên ấm-cúng, nay đối với tôi thành ra nơi lạnh-lẽo buồn-rầu, không biết tôi có còn ở được lâu nữa không. . . Tôi ở đây thì tôi buồn đến chết mất. Cái cảnh tôi trông thấy ở đây ba tháng nay mà kết-cục đến sự chết, thật nghĩ đến mà đau lòng. Tâm-hồn tôi bây giờ rối như mớ bòng-bong. » — Ông bấy giờ thật đã ngã lòng nản chí quá, chỉ còn có một cách làm việc để cho khuây-khoẻ mà thôi. Nhưng mà còn phải tìm lấy một chỗ nào yên-ôn để mà chuyên-chủ về việc trước-tác. Lang - thang đi nơi nọ đến nơi kia, đâu đâu cũng thấy có kẻ nghi-ngờ ghen-ghét. Ở Versailles cũng vậy, ở Lunéville cũng vậy, không có ai là người đủ sức che-chở cho ông để khỏi những kẻ thù-hằn nó làm hại. Vua FRÉDÉRIC nước Phổ từ trước đến nay vẫn muốn đem ông sang ở với mình, mà bị bà CHATELET ngăn-trở, nên không thể sao giữ ông ở lâu được, nay thừa cơ bà đã chết rồi, vua cố ép ông sang cho được. Bấy giờ lòng ông đương buồn rầu, một là mới mất người bạn thân, hai là đương gặp nỗi trắc-trở, chẳng nghĩ gì đến những chuyện phong-lưu phú-quí cả. Vua hứa

cho ông chức thị-thần và bổng hai vạn quan, kẻ cũng là to thật, nhưng không phải vì tham danh tham lợi mà ông nhận lời. Ông nhận lời là chỉ vì có cái ý muốn rửa hờn đối với triều-dình Pháp mà thôi. Lại cũng có lẽ mong rằng sang ở bên Phổ được vua hậu-dãi như người bạn thân, chắc là được tự-do hơn ở Pháp. Vua viết thư cho ông nói rằng: « Tôi yêu ngài, tôi quý ngài, ngài đã vì tôi mà bỏ quê-hương, bỏ bạn-bè thân-yêu ở bên ấy để sang đây với tôi, thì có khi nào tôi lại để cho ngài đến phải phiền lòng... Tôi kính ngài như một ông thầy văn-học của tôi. Tôi quý ngài như một người bạn đạo-đức của tôi. » Cứ cái tình-cảnh như thế, thì ông không thể không nhận lời vua Phổ được; ông nhận lời vua thật là ông mắc lừa cái bụng tốt của ông, và cũng bị lừa vì cái tình hiếu hu-vinh của ông nữa. Trong sách « Ký-ức-lục » của ông sau này có nói rằng: « Vua là một người văn-võ kiêm-toàn, đánh giặc giỏi, làm thơ hay, âm-nhạc sành mà triết-lý cũng giỏi, lại làm ra mặt yêu-quí tôi, thì lòng nào mà không xiêu cho được! Bấy giờ tôi cũng tưởng rằng tôi có cảm-tình với vua thực. » — Vậy tháng 6 năm 1750, ông vui-vẻ đi Bá-lâm (*Berlin*). Ông phải từng trải một lần này nữa mới thực chán hẳn cái nghề thù-phụng những bọn quyền-quí.

Mấy tháng đầu ở Bá-lâm thì thật là khoái-lạc vô-cùng. Trong các thư của ông viết về cho bạn ở Pháp, tỏ ra vui-vẻ lắm. Như thư ông viết về cho bà DENIS nói rằng, « Nay tôi đã đến ở cung *Postdam*..., thật là nơi miếu đường của một vị anh-quân, nào là quan-quân xan-xát, nào là sĩ-phu rầm-rập, thật là rực-rỡ, thật là vẻ-vang, thật là phong-lưu, thật là thú-vị, v. v. »; lại thư viết cho D'ARGENTAL cũng nói rằng: « Bạn

quí tôi ơi, tôi nay đương ở nơi thiên-đường Bá-lâm, gửi lời về chào các bạn ở nhà...; chỗ tôi ở đây trước là nơi cùng-tịch, bây giờ nhờ có ông anh-quân sửa sang thành chốn phong-lưu rực-rỡ. Võ-công thì mười-lăm vạn tinh-binh mới thắng-trận về, kèn trống rập-rình cả ngày; văn-trị thì nào là diễn-kịch, nào là vịnh thơ, nào là hội-dâm, nào là yến-liệc, vừa vui-vẻ vừa tự-do, vừa có tình-tình vừa có triết-lý..., mà chủ-trương mọi sự đó là một tay Vua lồng-lộng như trời cao. » — Vua có bụng ân-cần với ông, mà ông lại có lòng cảm-phục vua hơn nữa. Ông nói rằng: « Vua chiếm mất cả thi-giờ, chiếm mất cả thần-tri của tôi. » Vua FRÉDÉRIC nước Phổ kẻ cũng là một bậc nhân-vật kỳ-khệt, ông cảm-phục cũng là đáng. Thật là người văn-võ toàn-tài, cầm quân giỏi, trị nước khéo, có sức hoạt-động rất mạnh, có trí thông-hiểu sâu-xa, lại tính cương-nghị, bụng quả-quyết, kể làm ông vua thế đã hoàn-toàn rồi, thế mà lại thêm có tài-hoa, có văn nghệ, bàn triết-lý cũng sành, viết văn-chương cũng giỏi. Lúc mới đầu thì ông VOLTAIRE chỉ biết những cái tốt của vua mà thôi, còn những điều khuyết-diểm khác, những sự thiên-lệch khác làm cho tính-cách vua hãy còn có chỗ người đời chê được, thì ông không hề nhận thấy. Vua FRÉDÉRIC khôn-keo quá, chính ông đã phải thú-thật nói rằng « khéo như một mục bọm già », vua dùng những cách du-mị tuyệt-xảo để huyền-diệu ông, thành ra ông mê đặc. Ông thường viết thư phở với bà con ở nhà: « Nhà tôi ở là nhà của Thống-chế SAXE khi xưa, khi nào tôi ăn ở nhà thì bọn đầu bếp của vua đến làm cơm, khi nào đi chơi thì đã có xe ngựa Hoàng thượng, ấy họ biệt đãi tôi như thế. » Sau này nhớ lại chuyện hồi bấy giờ ông thường nói đùa rằng khi ấy ông ăn ở với vua nước Phổ thân cũng như vợ chồng với nhau và thường chia bàn tay ra nói rằng: « Cái

tay này, ông ấy đã nắm lấy hôn biết bao nhiêu lần.»

Tuy-nhiên, VOLTAIRE có bụng quý vua FRÉDÉRIE không phải là quý bởi cái cách tiếp-dãi ân-cần tử-tế đó mà thôi, chính là quý vua là một người biết ham triết-lý, biết hiểu nghị-luận, biết tuởng-lệ cho người ta được tự-do tư-tưởng tự-do ngôn-luận. Buổi tối vua thường đặt tiệc họp những bậc danh-sĩ các nơi, như MAUPERTUIS, LA METTRIE, ALGAROTTI, D'ARGET, D'ARGENS để nói chuyện, gọi là «tiệc triết-lý» (*soupers philosophiques*); khi ăn tiệc thì nghị-luận về khắp các vấn-đề một cách rất là tự-do phóng-túg. Trong sách « Ký-ức-lục » của VOLTAIRE sau này có nói rằng: « Tôi tưởng trên thế-giới này không có chỗ nào nói chuyện tự-do bằng ở đây. Phàm những sự mê-tin ngu-xuẩn của người đời, đều đem ra giễu-cợt một cách rất khinh-bĩ. Không ai dám báng-bổ đến Thiên-chúa, nhưng mà những kẻ mượn danh Thiên-chúa để đánh lừa người đời, thì chúng tôi không dung.»

Vua đãi ông trọng-hậu như thế, cho ông được tự-do, được khoái-lạc như thế, chỉ cậy ông có một điều, là mỗi ngày hai giờ chữa văn cho vua, với lại mỗi tối thì đem hết tài-trí ra nói chuyện cho vua được vui. Còn cả ngày ông được tự-do, tùy ý đóng cửa ngời trong buồng giấy mà làm thơ làm văn một mình. Về phần ông thì hội-tiệc lắm cũng chán, bấy giờ lại xoay về trước-tác. Nhờ có ông vua sáng-suốt hiểu-học, nên cái không-khí tinh-thần ở chốn vương-cung đó cũng đằm-thắm hơn các nơi khác; ông ở đây như cá gặp nước, được thỏa-thuê vẫy-vùng, lại càng trở tài trở trí thêm ra. Sách-vở thơ-văn của ông bấy giờ có cái ý mãnh-liệt hơn trước, mà cái giọng trào-phúng lại càng kịch-lắm, nói rằng toàn bởi ảnh-hưởng của vua FRÉDÉRIE thì cũng quá, nhưng mà cũng là nhờ ở

Bá-lâm bấy giờ mới tự-do phát-siễn được tài-trí ra như thế. Vẫn biết rằng vốn ông có cái tinh hiểu-chiến, cho nên tư-tưởng của ông là cái tư-tưởng chiến-đấu. Lại cũng biết rằng vốn tinh ông hay ham cho thiên-hạ biết tiếng mình, và bấy giờ cái phong-trào triết-học ở nước Pháp đương thịnh, một bọn triết-học-gia đương biên-tập bộ « Bách-khoa tự-diễn » (*Encyclopédie*, 1751) và ông thấy rằng mình ở xa nước nhà không có dự phần gì vào cái công học-vấn đó, nên cũng muốn tỏ ra rằng mình không phải không có tài triết-học như người ta. Các lẽ đó cũng có, nhưng mà ông là một người mềm-mại uyên-chuyên, dễ cảm-hóa cái ảnh-hưởng ở ngoài, thế mà lại ở gần một người cương-nghị quả-quyết như ông vua Phô, thì có lẽ nào ông lại không chịu ảnh-hưởng của vua được. Ông có tinh lanh-lợi và hiểu-thắng, được gần một người nghị-luận đường-đốt, hay bôn-cợt nhạo-báng, khác nào như lại càng thúc-giục cho ông trở tài thêm ra.

Dù thế nào mặc lòng, có một điều chắc hẳn: là từ khi xuất-bản tập « Thư triết-lý » năm 1734 thì các sách-vở của VOLTAIRE toàn là về văn-chương hay về cách-trí cả; kể từ 1750 trở đi thì càng ngày càng xoay về đường triết-lý. Chỉ h khi ông ở Bá-lâm mới soạn hai bài tiểu-thuyết về triết-lý, đề là *Memnon*, và *Micromégas*, với một bài thơ trường-thiên về «Luật thiên-nhiên» (*Loi naturelle*), bài này mãi đến năm 1756 mới xuất-bản.

Rồi lại soạn nhiều mục cho bộ « Bách-khoa tự-diễn », các mục này rồi sau sửa lại và thêm ra làm thành ra bộ « Tự-diễn triết-học ». Nhưng trong hồi bấy giờ lối văn-chương của ông sở-trường nhất là lối văn công-kích, lấy triết-lý mà bài-bác những tục hủ thời xấu của người đời, thứ

nhất là thói mê-tin về tôn-giáo, lời lẽ rất là chua-cay. Năm 1751 soạn bài « Lời vấn đáp của vua MARC AURÈLE với một thầy dòng tu » (*Dialogue entre Marc-Aurèle et un récollet*) đề phản-đối về đạo, soạn bài « Tư tưởng của La Mothe le Vayer » (*Idées de la Mothe le Vayer*), đề phản-đối các dòng đạo, bài « Lời vấn-đáp của người đi kiện với người thầy kiện » (*Dialogue entre un plaideur et un avocat*), đề phản-đối những thói kiện-tụng cùng những luật-pháp phiền-phức ; bài « Lời vấn-đáp của một nhà triết-học với một ông quan tài-chánh » (*Dialogue entre un philosophe et un contrôleur général des finances*), và tập « Tư tưởng về chính-trị » (*Pensées sur le gouvernement*), xuất-bản năm 1752 thì nghị - luận về chính-trị và kinh-tế một cách rất kịch-liệt. Lại cũng trong khi ở Bà-lâm ông mới làm nốt và xuất-bản sách « Thế-kỷ vua Louis thứ 14 » (1751), cùng soạn nối thêm bộ « Tổng-luận về phong-tục » là bộ sách ông đã bắt đầu từ trước, năm 1750 và 1751 có đem ra xuất-bản ít nhiều phần và năm 1753 thì in một bản toát yếu.

Nay hãy không nói về các sách nhỏ khác, chỉ bàn riêng về hai quyển « Thế-kỷ vua Louis thứ 14 » và « Tổng-luận về phong-tục ». Hai quyển này vừa là hai bộ sách lớn nhất của ông, lại vừa là sách tiêu-biểu được rõ-rệt nhất cái lịch-sử-quan và nhân-sinh - quan của ông về hồi bấy giờ. Sách « Thế-kỷ vua Louis thứ 14 » trước hết là một bộ biên-tập rất phong-phủ về một thời-dại về-vang trong lịch-sử nước Pháp, những việc thuật lại, những truyện chép lại đều là có chứng-cứ rõ-ràng, lại phê-bình đích-đáng. Sách này có thể làm mẫu cho lối văn sử-ký, thuật việc đời trước một cách hoạt-động như bài văn diễn-kịch vậy. Có người cho sách này ông làm rala vì lẽ riêng có ý cảm-

giận chính-phủ đương-thời, hồi đầu không biết hậu-đãi mình được xứng-dáng, nên giả-thiết ra tán - dương đời Louis thứ 14 là đề chỉ-trích đời vua Louis thứ 15. Cái dã-tâm đó chắc không phải là ông không có; lại trong sách ông cũng chắc còn có nhiều cái ngụ-ý khác nữa ; sách từ khi khởi-thảo cho đến khi thành-cáo, từ lúc mới nghĩ ra cho đến lúc soạn xong hẳn, lại chữa đi sửa lại nhiều lần, đã kinh-qua mấy thời - kỳ trong đời ông, chắc không khỏi có phảng - phất cái tâm-lý của ông trong mỗi thời-kỳ đó. Nhưng mà tổng-quát lại sách này cốt nhất là một bộ sách triết-lý về lịch-sử, tuy cái phần triết-lý không lộ ra rõ-ràng bằng trong sách « Luận về phong-tục » sau này, nhưng sách « Thế-kỷ vua Louis thứ 14 » cũng là lấy triết-lý làm khung ~~văn~~ cốt vậy. Cho nên vốn là sách sử-ký, mà thực là sách triết-học.

Triết-học ấy có thể tóm lại bằng hai ba cái lý-tưởng cốt-yếu. Trước nhất là cái lý-tưởng như sau này : Không cứ là phải nhà triết-học, dầu người thường có trí thông-hiểu xét về lịch-sử cũng phải cho cái mục - đích của sử-học không phải là chỉ thuật những chuyện trận-mạc, những chuyện vua chúa tranh-dành nhau, những chuyện cách-mệnh cùng chuyện chính-biến ở nơi triều-đình nơi cung-cấm, hay những việc làm-nhảm như thế mà thôi đâu, nhưng cốt nhất là phải bày tỏ những sự phát-minh có ích, những sự chế-tạo có lợi cho người đời, những sự tấn-tới của các khoa-học, những sự sáng nghĩ về đường nghệ-thuật, văn - văn. Nói tóm lại là sử-học chính là khảo về lịch-sử văn-minh tiến-hóa của loài người. VOLTAIRE nói rằng : « Đánh được trăm trận luôn rút lại cũng không có ích-lợi gì cho loài người. . . Nhưng đào được con sông để nối liền hai bể, vẽ được bức họa đẹp, soạn

được bài kịch hay, phát-minh được một cái chân-lý nào hay chế-tạo được cái đồ dùng nào, những công việc đó còn ích-lợi được cho loài người một trăm một nghìn phần hơn là những việc khởi-cư hành-dộng của các vua chúa hay là những chuyện trần-mạc, nay được trần này mai thua trần khác » Nói riêng về đời Louis thứ 14, có thể cho là một thời-kỳ vẻ-vang trong lịch-sử thế-giới, vì người đời về thời ấy có cái trí khôn-ngoan biết yêu chuộng lẽ phải, và đã bắt đầu biết nếm cái mùi triết-lý thâm-trầm. Những thời-kỳ như thế, trong lịch-sử loài người cũng hiếm có lắm. Người nào cứ lấy bình tình mà quan-sát thì thấy lịch-sử loài người không phải như ông BOSSUET đời trước cho là đã có cái qui-mô định sẵn tự thiên-lý, chính như lời VOLTAIRE nói là « một cái trường cạnh tranh cướp lẫn nhau, mà tổng-chi là ở sự may rủi hết cả. » Không phải là có một ông Thiên-chúa cao xa, toàn-năng toàn-trí, đưa dẫn cho người ta đến nơi mục-dich đâu. Lịch-sử là việc xảy ra hằng ngày, bởi người ta với sự ngẫu-nhiên hiệp lại mà làm thành ra, chứ chẳng có qui-mô phép-tắc gì cả. Vậy muốn hiểu rõ các việc xảy ra, dù những việc rất lớn-lao to-tát cũng vậy, không phải mượn đến thần-quyền can-thiệp vào; nhất-thiết mọi việc xảy ra đều là nguyên-nhân tự cái bụng dục của người ta, tự cái tính thiên-lệch, đồ-dại, điên-cuồng của loài người, mà có khi cũng không cần phải đến thế nữa, chỉ một cái may-may, một cái to-hào, một sự tình-cờ, một chuyện ngẫu-nhiên, cũng đủ gây ra việc lớn mà biến-cải cả cái cục-diện một thời. — Tuy-nhiên người ta có đồ-dại điên-cuồng, mà thời-hồ cũng biết điều khôn lẽ phải; trong những cuộc phá-hoại sát-lục lẫn nhau, thời-hồ cũng có lúc tỉnh-ngộ mà hối lại. Cho nên cũng có thể mong được rằng trong cái cuộc chiến-dấu của

lẽ phải đối với những cái sức u-mê dục-vọng của loài người thì kết-cục rồi lẽ phải cũng có thể thắng được; lẽ phải là cái động-cơ của thiên-nhiên mà thiên-nhiên bao giờ cũng có cái sức ngầm khôi-phục lại được, khiến cho loài người không đến nỗi sa-lạc quá vào nơi cuồng-dại. Cái lẽ phải, cái chính-lý đó, thỉnh-thoảng có một vài người hiền-triết tiêu-biểu được mà đem ra soi-sáng cho loài người, giữa khi những kẻ u-mê dục-sức nhau lại mà làm hại nhân-loại; sự tiến-hóa trong lịch-sử chính là phải hiền-triết thắng được lũ u-mê. Nói riêng về thời-dại vua Louis thứ 14, thì ông vua này cũng có trí khôn-ngoan biết tưởng-lệ cho văn-học khoa-học mĩ-thuật được phát-đạt lên, nhưng vẫn chưa có tư-cách một bậc hiền-quân, vì chưa hiểu lẽ phải triết-lý, cho nên ra tay bách-hại những người theo về tân-giáo, gây ra những cuộc tôn-giáo chiến-tranh thật là làm tai-hại cho loài người, làm nhơ-nhuốc cả cái trí khôn-ngoan của giống người.

Cái triết-học đó ở trong sách « Thế-kỷ vua Louis thứ 14 » còn là khi ẩn khi hiện, phảng-phất xa-xôi một chút, vì rằng sách này tuy vậy vẫn là một bộ sử-ký, cái đặc-sắc là ở cách chép việc cho hay mà thôi; chứ đến sách « Luận về phong-tục » thì mới thật là xuất-hiện ra rõ-ràng, làm cho sách này vốn không phải là không có giá-trị về lịch-sử, mà giá-trị ấy hình như bị ẩn ở trong cái tính-cách triết-lý vậy. Các nhà bình-phẩm sách này, kể thì cho là sách sàm-báng đạo Cơ-đốc như CHATEAUBRIAND, kể thì cho là sách công-kích sai-lầm và kịch-liệt quá, như ông giáo LANSON gần đây. Song xét kỹ ra sách này không phải là sách báng-bổ công-kích. Cái triết-lý ở đây không phải là chủ-ngịch lại với các đạo-giáo, với các học-thuyết khác; tác-giả xem ra cố bình-tình mà quan-sát

như một nhà sử-học, chứ không phải là lấy thiên-ý mà phản-đối như nhà bát-chiến vậy. Thực ra sách «Luận về phong-tục» chính là một bức tranh tả về phong-tục cùng pháp-luật của các dân-tộc, tả bao giờ cũng đúng, cũng có hứng-thú và cũng có đặc-sắc lắm. Sách này tỏ ra VOLTAIRE có học-thức rất rộng, học vừa chắc-chắn, vừa tinh-tế, thời bấy giờ mà biết được rộng như ông cũng là ít có vậy. Thỉnh-thoảng cũng có chỗ sai-lầm, nhưng là những điều tiểu-tiết không quan hệ gì, còn toàn-bức thì có giá-trị lắm. Dầu không khỏi có khuyết-diểm, nhưng kể cũng là một nền trước-tác vĩ-dại về thế-kỷ thứ 18, một bộ sách đáng kỷ-niệm trong lịch-sử tư-tưởng về cận-dại vậy.

Nói tóm lại VOLTAIRE tỏ-chức thành cái triết-học duy-chính-lý, duy nhân-đạo của ông, là chính trong khi ở Bá-lam; chính trong khi ở Bá-lam ông mới bắt đầu công-nhiên phản-đối tôn-giáo và các thuyết cựu-truyền, đem cái tư-tưởng hoài-nghi, cái giọng văn trào-phúng khuynh-đảo cả những cái mà người đời thường kính-trọng, nghị-luận một cách tự-do, không còn kỵ-dạn gì nữa. Vua FRÉDÉRIC vốn là người khinh đời mà ghét đạo; ông cũng là người ghét đạo khinh đời, gặp được vua lại càng như kích-thích thêm lên; cho nên có người đã nói rằng VOLTAIRE đã là VOLTAIRE, mà VOLTAIRE ở Bá-lam với vua Phê lại thành VOLTAIRE hơn lên nữa; tự bấy giờ háng-hăng hái-hái, « vui-vẻ mà ra chiến-đấu với mọi người », theo như chính lời ông nói vậy.

Thực ra thì VOLTAIRE được hoàn-toàn tự-do, cực-lực giải-phóng như thế, không phải là không có tổn hại cho mình. Bạn ông là D'ARGENTAL viết thư cho ông đã bảo thật ông rằng : « Chơi với su-tử, lột da nó sao được. » Lời nói ấy không sai. Con su-tử nước Phê kia, nó vờn ông như vờn hòn ngọc, mà

đến lúc cần thì cần thật đau. Chính VOLTAIRE cũng đã nói rằng : « Người nham-hiêm, đến trong tình bạn-bè mà cũng đem lòng phản-trắc. » Vẫn biết ham triết-lý mà vẫn không thoát khỏi được cái căn-tính một ông vua áp-chế. Về phần VOLTAIRE thì tình cả giận, hay thù, hay kiếm chuyện cãi-cọ, hay bỉ-báng chề-nhạo, cũng không phải là có người có thể cháu-tuần ở nơi triều-miếu được, dầu là chốn triều-đình một ông vua tự-do phóng-nhiệm mặc lòng. Hai người vẫn tự-phụ là thông-hiểu sáng-suốt lắm, thế mà không hiểu rõ tâm-tính nhau, hồi đầu còn ngộ-nhận mãi, sau ở với nhau lâu, háng ngày giao-tiếp nhau, mới lộ cái bản-tính của mỗi người ra. VOLTAIRE ở Bá-lam được ba tháng, nghiệm cái cách ăn ở của vua, đã biết là người không thực bụng, có khi ăn ở hai lòng, ông viết thư cho bà DENIS đã có câu phàn-nàn rằng : « Vợ DARGET mới chết, vua có viết một cái thư chia buồn, lời lẽ rất là thiết-tha cảm-động, tran-chứa một tấm lòng từ-bí bác-ái, không khác gì giọng một người sùng-đạo lắm, thư ấy tôi có được xem; thế mà chính ngày hôm ấy tôi lại được tin rằng Hoàng-thượng ngài làm một bài thơ giễu-cợt người đàn bà mới chết đó. Cái cách cử-chỉ như thế cũng đáng lấy làm lạ. » Cách đấy ít lâu vua nói chuyện VOLTAIRE với LA METTRIE, có nói một câu tàn-nhân như sau này, chính LA METTRIE thuật lại cho VOLTAIRE nghe : « Vua FRÉDÉRIC nói rằng : cứ để mặc tôi, tôi coi VOLTAIRE cũng như quả cam, bao giờ nuốt hết nước rồi thì vứt đi, chứ gì. » VOLTAIRE căm tức lắm, nhiều khi thốt ra những lời chua cay, một hôm trở vào tập văn của vua để trên bàn giấy nói rằng : « Tôi đương giặt áo quần cho hoàng-thượng đây ». Tự đấy hai người thành hiềm nhau, trước còn cố nhịn, sau thành ra tiếng bắc tiếng chi, rồi đến gửi thư trách móc lẫn nhau. VOL-

TAIRE vẫn có tính cần-thận ; bao nhiêu tiền bạc để bên Phò cho chuyển ngầm về Pháp cả, trong « Ký-ức-lục » sau này có câu nói cay rằng : « Hoàng-thượng đã định hút cho hết nước cam, còn chút vỏ cam tôi phải cất kỹ. » Vua biết việc đó lấy làm giận. Lại nhân lúc bấy giờ VOLTAIRE đương kiện một người Do-thải làm nghề lái bạc về việc tiền-bạc gian-lận thế nào, ông sách-nhiều người kia quá-đáng, vua nghe thấy lại càng tức lắm, thậm-chí vua cấm ông không được đến trước mặt vua nữa. Việc kiện ấy rồi sau VOLTAIRE được, vua với ông rồi lại hòa-thuận với nhau. Nhưng sau lại xảy ra một việc nữa tệ hơn, hai bên suýt đến quyết-liệt nhau. Nguyên có hai nhà bác-học tranh-luận nhau về một vấn-đề cách-trị, một người Hòa-lân tên là KÖENIG, một người Đức tên là MAUPERTUIS, làm viện-trưởng viện Khoa-học-bác-sĩ thành Bá-lâm. VOLTAIRE thì là bạn của ông KÖENIG, biết nhau từ hồi ở nhà bà CHÂTELET, bên công-nhiên bên KÖENIG, và làm sách chế-nhạo MAUPERTUIS. Vua FRÉDÉRIC, không muốn để cho mất danh-giá ông viện-trưởng viện Bác-sĩ của vua, bèn truyền cho VOLTAIRE thôi cuộc bút-chiến ấy đi. VOLTAIRE quen thói tự-do không biết chịu mệnh-lệnh của ai bao giờ, liền mặt đem xuất-bản một tập sách công-kích dữ hơn nữa, đề là « Lời thóa-mạ bác-sĩ AKAKIA » (*Diatribes du docteur AKAKIA*). Vua cũng lấy làm chuyện nực cười, nhưng truyền cho thu lấy hết sách ấy rồi đem đốt ở ngay trước cửa nhà VOLTAIRE. VOLTAIRE bấy giờ không còn hồ-nghĩ gì nữa, biết rằng ông vua quân-tử kia, ông vua ham triết-lý kia, chính là một tay quân-chủ quen thói áp-chế, chứ không phải là người khoan-dung đại-độ gì. Bấy giờ ông quyết muốn tuyệt vua. Ông đem cái bội-tình của vua ban cho ông, cái thìa khóa chức thị-thần và cái bằng-cấp ăn lương nhà nước, gói cả lại một gói để trả vua, và đánh theo mấy câu thơ như sau này :

« Hoàng-thượng cho tôi, tôi trân-trọng mà nhận lấy ; nay đem trả lại cũng lấy làm đau lòng, khác nào như người đương cơn ghen giận mà đem cái ảnh của tình-nhân trả lại. »

Ông gửi lại như thế rồi cáo với vua rằng ốm (mà tự ông cũng đau thật), xin nghỉ để đi dưỡng-bệnh ở suối nước nóng tại *Plombières*. Vua sai đem trả cái gói huy-chương và bội-tình, và bảo thư-ký viết giấy trả lời cho ông rằng ở *Glatz*, trong hạt *Moravie* nước Phò, cũng có nước suối tốt, ông ra đấy mà dưỡng bệnh cũng được. Ông cho cái thư trả lời là « đã-man quá, không xứng-đáng một bậc quân-tử ». Bấy giờ ông đau yếu thật, mà trong lòng thì chán - nản buồn-bực ; sau xin được vào yết-kiến vua, rồi hai bên giảng-hòa với nhau. Nhưng cái chí ông lúc ấy chỉ nghĩ làm thế nào để tẩu-thoát được một cách ôn-hòa ôn-thỏa mà thôi. Sau được vua cho phép đi *Plombières*, khi đi ông hứa rồi sẽ trở lại, nhưng trong bụng thì quyết rằng từ đấy đến già không lại trông thấy mặt vua nữa,

Quả-nhiên rồi sau không gặp vua nữa, nhưng mà bấy lâu chơi với sư-tử, cái vuốt nhọn hình như vẫn còn muốn nắm lấy mình, dẫu đã thoát khỏi mà không phải là không tổn-hại ít nhiều. Tự đó thì bao nhiêu cái mộng-tưởng của ông về ông vua quân-tử tiêu-tán đi hết cả. Khi về Pháp, qua quận *Saxe-Gotha*, bà quân-vương ở đấy mời ở lại chơi một tháng, lúc ra đi đến *Francfort* thì công-sứ Phò tên là *Freytag* bắt ông ở lại để tìm cho thấy một tập thơ của hoàng-thượng đã giao cho ông từ trước. Tập thơ ấy ông để lại ở *Leipzig* cùng với các đồ hành-lý khác, vậy phải đợi cho tìm thấy mới được đi. Đợi mất 17 ngày, trả tập thơ đâu đấy rồi, ông tưởng rằng ông được tự-do đi. Không ngờ công-sứ

FREYTAG là một anh hiếu-sự, biết rằng ông bất-bình với vua hãn, bần kiếm chuyện nhiều chơi, cứ giữ ông lại đây và xử nhục với ông. Châu ái là bà DENIS đến đón ông ở đây, hãn giam cả hai cậu cháu vào một cái quán trọ, ngoài cửa cho 12 tên lính canh, trong nhà đặt 4 tên lính ở trong buồng ông, 4 tên lính nữa ở trong gian gác xếp để cho bà DENIS ở, với lại 4 tên ở một gian bên cạnh trống tuênh trống toàng để cho người thư-ký của ông ngủ vào một đồng rơm. Trong tập ký-ức của ông thuật lại chuyện đó, lại nói thêm rằng: « Cháu tôi thì nói cho quá-dáng cũng được một cái giường nhỏ, nhưng 4 tên lính cầm gươm đứng chung quanh, tức là màn che giường và tức là con hầu buồng đó. » Phải giữ như thế trong 12 hôm rồi hãn mới tha cho đi, lúc đi lại còn bắt trả tiền cơm tiền trọ nữa. VOLTAIRE cũng trả hết và kịp đi cho thoát. Đi thẳng một mạch đến Alsace mới dừng lại đây, ngẫm-nghĩ lại cái cách dã-man của họ xử với mình, bấy giờ mới thật là tỉnh-ngộ, biết rằng kẻ quân-chủ dẫu tốt đến đâu cũng không nên làm thân mà đến gần; ở xa thì tưởng là Nghiêu Thuấn cả, đến gần mới biết là Kiệt Trụ hết. Vậy người quân-tử phải nên lánh cho xa những chỗ quyền-quí. Ông nói rằng chơi với bọn đó thiệt mất hai điều: « Thiệt mất tự-do, thiệt mất yên-ôn. » Sự tự-do thì trước sau ông vẫn yêu - mến; đến sự yên-ôn thì nay trở về già mới biết là quý. Trước kia vẫn tìm cái hạnh-phúc ở chốn vua quan, nhưng ở Pháp cũng như ở Đức, không hề gặp được hạnh phúc hoàn-toàn bao giờ; song có kinh-lịch cũng có khôn ra, đến nay mới biết rằng dữ - kỳ đi theo hầu bọn vua chúa, thà rằng làm vua ngay ở nhà mình còn hơn.

Nhưng trước hết phải kiếm chỗ nào ở được. Về ở Paris thì chưa được, vì mới xuất-bản truyện *Pucelle*, thiên-hạ đương dị-nghị lắm. Bấy giờ mới lang-

thang ở quận *Alsace*, đến *Strasbourg*, đến *Colmar*, đến nhà đạo-viện *Senones*, viện - trưởng ở đây là DOM CALMET, người hay chữ và có thư - viện nhiều sách lắm, ông ở ít lâu để tra cứu, làm nốt bộ sách « Luận về phong tục », rồi đi ra dưỡng - bệnh ở suối nước *Plombières*, gần *Lyon*. Đi đến đâu cũng thấy thiên-hạ có ác-cảm với mình, ở tạm một vài ngày thì người ta còn đón tiếp, định ở đâu lâu thì ai cũng lấy làm sợ. Cuối năm 1754, ông sang Thụy-sĩ. Nước Thụy-sĩ là một nước cộng-hòa, ông không phải sợ có vua chúa phiền-nhiều. Ông thuê một cái nhà ở *Monrion*, gần *Lausanne*, để mùa đông ở đây. Năm sau, ông tìm thấy ở cạnh ngay thành *Genève* một nơi biệt-thự, cảnh-trí rất đẹp. Trong sách « Ký-ức-lục » của ông, đã tả cảnh nơi ấy như sau này: « Bên này là hồ *Genève*, bên kia là thành-phố; sông *Rhône* chảy cuồn-cuộn ở ngay bên cạnh vườn; sông *Arve*, phát-nguyên từ đất *Savoie* chảy xuống sông *Rhône*; đằng xa lại còn một con sông nữa chảy lại. Trên bờ hồ bờ sông, biết bao nhiêu là những nhà mát, những vườn hoa; đằng xa thì dãy núi *Alpes* sừng-sực cao, trông qua khe núi còn thấy tit mù đến 20 dặm núi tuyết nữa. » Nơi ấy mà làm cái thư-trai cho một bậc văn-sĩ thì còn gì bằng nữa. Nhưng theo luật nước Thụy-sĩ thì phạm người theo cựu - giáo Cơ-đốc không được phép đến mua nhà mua đất ở thành *Genève*, cùng các tổng Thụy-sĩ theo về Tân-giáo. Lệ cấm đó lại càng làm cho ông ham muốn ở đây lắm. Ông nói rằng: « Suốt thế-giới có nước này là có lệ cấm mình không được mua nhà đây, thế mà tìm cách mua được mới giỏi. » Ông bèn dùng cách làm văn-tự giả tên mới mua được nơi biệt-thự ấy, đặt tên là « Khoái-lạc-viên » (*Délices*) và dọn đến ở đây vui-vẻ lắm. Ông định ở đây cho đến già, nói rằng: « Bao giờ tôi chết thì chôn ở đây ». Ông sửa-sang cần-

thận lằm, xây thêm nhà dề phòng khi đón tiếp các bè bạn, đặt chỗ nuôi gà vịt, trồng các thứ cây quả, các thứ rau ăn, đóng xe cộ để chở người chở đồ, cả ngày đốc-suất những thợ mộc thợ nề, trông nom vườn-tược. Lần này thì ông thật là bắt đầu một cách sinh-hoạt mới. Đã được nếm đủ mùi đời, biết cái thói viêm-lương của đời, hưởng những sự vinh-hoa phù-phiếm. Nay mới thật là được thanh-thời độc-lập, nay có lẽ mới biết cái chân-hạnh-phúc ở đời là thế nào. Khách tài-tình khi xưa chỉ những châu-tuần ở các hội «Sa-lông», các nơi triều-miếu, lấy sự giao thiệp làm cái thú đệ-nhất ở đời; nay xoay về nhà quê làm một ông lão-phố. Nhưng biết tri-túc an-lạc như thế, cũng đã phải qua đến 40 năm thăng-trầm lằm lức, từng trải đủ điều.

Ở Khoái-lạc-viên ông thật là được thung-dung nhân-hạ, tha-hồ mà trước-tác thi-văn, tha-hồ mà nghị-luận triết-lý. Năm 1755 ông đem diễn một bài kịch đề là «Người mồ côi nước Tàu» (*l'Orphelin de la Chine*), năm 1756 sách «Luận về phong-tục» mới thật là thành-cảo, ông đem xuất-bản cả toàn-bộ. Cũng năm ấy lại xuất-bản sách «Thơ về luật thiên-nhiên» (*Poème sur la loi naturelle*) ông đã soạn từ ở Bá-lâm trước, và sách «Thơ về sự thiên-tai thành Lisbonne» (*Poème sur le desastre de Lisbonne*). Sách sau đó là thuật về việc động đất mới xảy ra ở Bồ-đào-nha, chết hại đến bốn vạn người, lời lẽ cảm-dộng, không phải là một bài vận-văn về thời-sự mà thôi, còn có ý-nghĩa sâu-xa hơn nữa. Trong bài này VOLTAIRE vừa công-kích bọn giáo-sĩ cho việc thiên-tai đó là một cách hình-phạt của thiên-chúa; vừa công-kích phái lạc-thiên, cho vạn-sự xảy ra đều là có lẽ hay lẽ phải cả. Ông lại suy-nguyên lên cao hơn nữa mà phản-đối cái thuyết thiên-lý thiên-mệnh. Thiên-mệnh thiên-lý nào mà lại làm ra sự ác bao giờ, lại

khiến cho người ta đau đớn khổ-số chết-chóc đến như thế bao giờ? Lẽ trời như thế là vô-lý, mà mệnh trời như thế thì bậy quá. Ông nói rằng: «Những kẻ kia muốn an-ủi cho sự đau-đớn của người đời, càng an-ủi lằm lại càng thêm đau-đớn nhiều. Tôi lo các thầy là một lũ cay-đắng trong lòng mà vẫn trưng làm ra mặt vui-vẻ.»

Xem như thế thì ra cái lạc-quan-chủ-nghĩa của VOLTAIRE khi làm những bài thơ văn chơi như bài «Khách phong-lưu», nay đã đổi ra cái chủ-nghĩa bi quan rồi. Cái triết-học của ông trong 20 năm đó đã biến đi nhiều. Trước công vui đời bao nhiêu, nay ông chán đời bấy nhiêu. Ông đem con mắt yếm-thế mà xét cuộc đời, thấy đâu đâu cũng chỉ những sự dơ-dại độc-ác, sự đau-khổ không công bằng, ông cũng cố nhân-nhục mà chịu, suy nghĩ cho hiểu, nhưng tâm ông tri ông không thể điem-nhiên mà không tức giận được.

Năm 1759, ông soạn bộ triết-lý tiểu-thuyết đề là *Candide*, từ đầu đến cuối toàn là một giọng chua-cay chán đời cả. Trong truyện có một vai tên là *Pangloss*, là một anh chàng ngu-ngốc, cho mọi sự ở đời là hay là tốt cả, ông giễu-cợt đủ cách, làm thành ra một vai rất buồn cười. Mấy người trong truyện như *Candide*, *Cunegonde*, *Giroflée*, cả *Pangloss* đều là đảo-diên diên-đảo, hết nạn ấy đến nạn khác, như có người bày mưu đánh bầy để bắt cho phải chịu khổ mà chơi. Ông bày đặt ra những chuyện rắc-rối để tỏ ra rằng mọi sự khổ-nạn ở đời là vô-lý cả. Trước còn là giọng bỡn-cợt chơi đùa, lối văn-chương trào-phúng, là cái lối thường của ông xưa nay; nhưng sau thì giọng trào-phúng ấy thành ra giọng rầu-rầu, tác-giả vừa kể chuyện mà vừa như có ý ngậm-ngùi thương-xót cho những kẻ chịu khổ chịu oan đó. VOLTAIRE không có đem cái lòng từ-bi đến tuyệt-dịch mà cho rằng sự khổ-lão ở đời là

cái giá-trị tối-cao của loài người, như các nhà tư-tưởng trong phái tôn-giáo vậy. Tuy-nhiên cái triết-học của ông tuy không siêu-việt bằng, mà cũng có ý-nghĩa sâu-xa và thiết-thực lắm. Ông kết-luận sách *Candide*, chỉ khuyên người đời có một câu: « Chúng ta cứ nên lẳng-lặng mà làm việc », câu ấy không phải là không có ý-vị. Vai triết-học trong truyện là thầy *Martin* khuyên chàng *Candide* rằng: « Chúng ta nên về vườn cũ mà trồng rau, ở đời chỉ có cách đó là hơn. » *Candide* cũng trả lời rằng: « Ở phải đấy, chúng mình đi trồng rau là hơn cả. » Tuy-nhiên *VOLTAIRE* không phải chỉ chủ-trì một cái thuyết an-phận đó mà thôi. Trong cái bi-quan của ông cũng có một cái tư-tưởng về nhân-sinh thâm-thiết hơn nữa. Hồi trở về già, trong sách-vở thơ-văn của ông, thường tán-dương cái lòng khoan-dung, lòng bác-ái. Mấy năm sau cùng lại thường tuyên-truyền vận-động về chủ-nghĩa nhân-đạo, thường gia-công bênh-vực cho những kẻ bị oan khố; có người cho rằng ông làm như thế là chỉ vì hiếu-danh, và vốn tự mình không tin đạo muốn làm thế để giảm giá phái tôn-giáo đi. Cái thái-độ ông lúc về già có lẽ cũng có cái tư-tưởng vị-kỷ như thế thật, nhưng cứ bình-tĩnh mà xét, cái lòng thương nhân-loại của ông cũng là một tấm lòng thành-thực và uyên-nguyên tự cái chủ-nghĩa yếm-thế mà ra vậy.

Hồi bấy giờ trong lòng ông thật có cái tư-tưởng bác-ái, nhưng tình ông vẫn là người nóng-nảy hăng-hái, hay thay đổi bất-nhất, hay châm-chọc người ta. Cách ăn ở của ông cũng có điều khó chịu cho người ngoài; ông ở giữa dân Thụy-sĩ, là một dân miền núi, tính nghiêm-khắc mà hơi dằn dợn, ông chòng-gheo người ta đủ cách. Thường xung-đột với bọn giáo-sĩ đạo mới ở *Lausanne*, lại bày trò dè trêu-gheo bọn dân ở *Genève*. Thành *Genève*

là chốn tổ đạo mới, những kịch-trường ca-quán cấm tiệt. Tình ông thì lại thích soạn kịch diễn kịch, ông bèn dựng hẳn một cái sân khấu ở trong Khoái-lạc-viên để diễn tuồng. Hội-dồng thành-phố bắt ông phải thôi không được diễn nữa. Ông cũng làm ra mặt phục-tòng, nhưng được ít lâu rồi lại diễn hơn trước. Giữa khi ấy ông d'ALEMBERT tự Pháp sang chơi với ông ở lạc-viên. d'ALEMBERT bấy giờ đương chủ-trương biên-tập bộ « Bách-khoa tự-điển », *VOLTAIRE* giúp cho ông soạn bài nói về thành *Genève*, trong bài ấy trách người dân ở đấy là tính-chất hẹp-hòi ngu-độn, và về đường tôn-giáo thì không giữ được chính-truyền đạo mới. Phái Tân-giáo ở *Genève* đọc bài ấy lấy làm tức-giận lắm. *JEAN-JACQUES ROUSSEAU*, vốn là người thành *Genève*, bấy giờ mới can-thiệp vào bênh cho người đồng-thị và phản-đối *VOLTAIRE* cùng phái triết-học chủ-trương bộ « Bách-khoa tự-điển », rồi xuất-bản một bài văn đề là « Thư viết cho ông d'ALEMBERT nói về tuồng hát », để công-kích lời diễn-kịch, bấy giờ là vào năm 1758. Cuộc bút-chiến ấy rồi thành ra quyết-chiến thật. Dân *Genève* nổi công-phẫn lên, chực làm hại *VOLTAIRE*, Ông phải kiếm kế thoát thân. Bèn sang bên địa-hạt Pháp, ở miền *Gex*, ngay giáp-giới với Thụy-sĩ, mua hai sỏ nhà đất ở *Courney* và *Ferney*. Ông nói rằng: « Người quản-tử phải kiếm lấy vài ba chỗ ẩn mình cho kín để lũ chó nó khỏi đuổi theo. » Từ năm 1760 trở đi ông ở *Ferney* luôn, cho đến khi mất, nghĩa là trong 18 năm cả thảy; mấy năm đó là cái đoạn vẻ-vang nhất, sung-sướng nhất trong đời ông, vì hồi ấy thật là được hoàn-loàn tự-do, không phải lụy ai, không ai phiền được, thật xứng đáng cái huy-hiệu của người đời tặng cho ông là « ông *VOLTAIRE* » vậy.

T.-C. biên-dịch.

(Còn nữa)

# CHÍNH - TRỊ PHÁP - VIỆT

Ngày nay bản chính-trị ở nước ta, bất-ngoại vấn-đề Pháp-Việt. Người Pháp định xử-trị với chúng ta thế nào, chúng ta định đối-phó lại làm sao, hễ hai điều đó mà không giải được rõ-ràng, thì nổi chuyện chính-trị là nổi chuyện viên-vòng hão - huyền cả. Về phần người Pháp cũng vậy; về phần người Nam cũng vậy. Về phần người Pháp thì từ xưa đến nay biết bao nhiêu quan Toàn - quyền, bao nhiêu quan Thống-sứ đã từng bao nhiêu phen tuyên-bố chính-kiến bằng những lời diễn-thuyết hùng-hồn; về phần người Nam cũng từng có nhà chí-sĩ, nhà ngôn-luận lắm phen điều-trần về cái lòng nguyện-vọng của quốc-dân. Nhưng mà trừ những lời « đả-bôi » cùng những giọng « phát-phân » không nói làm chi, xét cho kỹ chưa bên nào là khám-phá được đến nơi, toàn là thuyết-lý bơ-vơ cả. Thành - thử chúng ta vẫn chưa biết người Pháp định xử-trị với chúng ta thế nào, mà người Pháp cũng không hiểu chúng ta muốn đối-phó lại ra làm sao. Đã không hiểu nhau thời dễ ngộ-nhận; bởi ngộ-nhận nên sinh ra có điều bất-bình. Cái tình-thế chính-trị ở nước ta gần đây dường như có nổi khó-khăn là phần nhiều bởi lẽ đó.

Mới rồi ông A. R. FONTAINE là một nhà tư-bản lớn có lợi-quyền to ở bên này, hiện làm chủ công-ti Rượu, có đăng trong các báo ở Tây và ở đây một bài bàn về chính-trị Đông-Pháp, bày hẳn ra một cái chương-trình chính-trị mới, giải rõ cái phương-pháp xử-trị với người dân bản-xứ thế nào. Ông là nhà thực-nghiệp, không phải nhà chính-trị. Ông không có trách-nhiệm chính-trị, không cần phải giữ-gìn lời nói. Ông nói

thẳng ngay đến nơi, bày tỏ sự lợi sự hại, sự sai-lầm tự trước, cách nên làm sau này. Có người nói bài này không phải là ý-kiến riêng của ông, chính là ý-kiến chung của cả Hội Công-Thương Đông-Pháp ở Paris, là một hội những nhà tư-bản to, chủ các công-ti lớn ở bên này, rất có thể-lực đối với Chính-phủ Pháp. Như vậy thời bài này lại càng có giá-trị lắm nữa. Thật từ xưa đến nay chưa từng bao giờ người Pháp tuyên-bố cho ta biết một cái chương-trình chính-trị rõ-ràng như lần này. Vẫn biết rằng ông FONTAINE không phải là thay lời chính-phủ Pháp mà nói, nhưng đời nay là đời sức-kinh-tế mạnh hơn sức chính-trị, cứ cái địa-vị, cứ cái thể-lực của ông, thời lời nói của ông cũng là hệ-trọng lắm.

Bởi thế nên lược-thuật ra đây, để giới-thiệu cho quốc-dân biết một phái có thể-lực bên Pháp định xử-trị với chúng ta ra thế nào.

Sau đây là thuật lời ông FONTAINE nói, thuật-giả không lấy ý-kiến riêng mà phẩm-bình gì cả.

Trước hết ông tả cái tình-thế người Pháp và người Nam ở Đông-Pháp hiện nay đối với nhau thế nào. Tình-thế ấy gần đây có thay đổi, là bởi mấy cái duyên-cớ như sau này; một là việc loạn nước Tàu có ảnh-hưởng sang bên này, truyền-bá những cái tư-tưởng tự-do độc-lập; — hai là những lính cùng thợ An-Nam sang tông-chinh và làm việc bên Pháp trong khi chiến-tranh cũng nhiễm được những tư-tưởng mới ấy ở Pháp và đem hạt giống về đây; — ba là các quan cầm quyền chính-phủ ở đây từ trước đến nay đã hứa

cho người An-Nam nhiều điều, mà ngày nay nhân tinh-thế thiên-hạ thay đổi mau quá, cái thời-kỳ thực-hành những lời hứa ấy đã gặp đến nơi; — bốn là bọn thanh-niên An-Nam ngày nay nhờ được giáo-dục ở các trường Tây đã có cái tư-tưởng khai-phóng, tuy số còn ít trí còn non, nhưng chỉ hăm-hở muốn phá-hoại hết cả.

Tinh-thế như thế, tuy chưa có nguy-cấp gì, nhưng cũng là cái tinh-thế xung-đột, chứ không phải là tinh-thế thuận-hòa.

Đối với tinh-thế ấy, nước Pháp dùng chính-sách gì ?

Hồi đầu người Pháp mới sang chiếm-lĩnh đất này, thời dùng cái chính-sách « đồng-hóa », cưỡng bắt người dân phải theo những chế-độ chính-trị đem từ Pháp sang đây. Chính-sách này sau nghiệm ra thi-hành không được, râu ông nọ cắm cằm bà kia, không cái gì là thích-hợp với dân-tinh bản-xứ cả, dần dần phải bỏ. Bấy giờ mới chuyển sang cái chính-sách « hiệp-tác », nghĩa là hiệp-lực với người bản-đân để cai-trị và mở-mang xứ này. Song bấy lâu nay thi-hành cái chính-sách ấy một cách cầu - thả, không có phương-châm, không có định-kiến, nên kết-quả không được y như sở-nguyện.

Nay thời-thế đã gặp như thế, lòng dân cũng đổi đi nhiều, không thể du-di tri-hoãn được nữa. Phải kịp sửa lại cái phương-châm chính-trị thế nào cho thích-hợp với thời-cơ.

Nước Pháp muốn ở bền được bên này, bảo-toàn được cái thế-lực về chính-trị và về kinh-tế ở cõi Á-đông này, thì phải tựa vào người An-Nam, phải được lòng người An-Nam mới được, chứ không trái lòng người An-Nam được. Vẫn biết nước Pháp có võ-

lực, nhưng võ-lực ngày nay không đủ đàn-áp được nhân-tâm. Và võ-lực ấy cũng chưa chắc đã sung-túc gì cho lắm, không thể toàn ý-lại vào đây được. Vậy làm thế nào cũng không thể không đề-huê với người An - Nam được. Người Pháp phải cùng với người An-Nam lập như một cái công-ti lớn, quyền chủ-trương vẫn ở người Pháp, nhưng người An-Nam cũng được đứng vào cái địa-vị cổ-dòng xứng-đáng, việc doanh-nghiệp chung bao giờ cũng được hỏi-han đến và bàn-bạc vào.

Nay trong công-ti Pháp-Việt đó, cái chính-sách hiệp-tác phải thi-hành ra thế nào ?

Người Pháp phải hiệp-tác với những hạng người nào trong xã-hội An-Nam ?

Ngạn-ngữ có câu : « Cái gì có mạnh mới đỡ nổi được. » Người Pháp phải tựa vào người An-Nam mà cai-trị xứ này, thì phải tìm lấy hạng nào là hạng có ý-thức, có thế-lực mà tựa vào. Người Pháp không nên sợ người An-Nam mạnh; chỉ sợ người An-Nam không đủ mạnh cho mình lợi-dụng thôi.

Phàm muốn kiến-tiết, không thể xây lên đồng cát được. Muốn dựng cái công-ti Pháp-Việt cho vững-vàng, không thể ý vào những kẻ phát-phơ lơ-láo, dưới không rễ, trên không chằng được. Phải tựa vào một cái trật-tự đã có sẵn, một cái nền-nếp còn kiên-cố, để căn-cứ ở đấy mà hành-động cho đắc-lực.

Trật-tự ấy, nền-nếp ấy, phải tìm ở đâu ? Có thể tìm ở bọn thanh-niên tân-tiến không? — Như trên đã nói, bọn này số còn ít và trí còn non lắm, không có ảnh-hưởng gì trong dân-gian, không có thế-lực gì trong xã-hội, cũng không có chương-trình, không có ý-

kiến gì cả, không thể tựa vào mà làm gì được. Họ cũng nóng-nảy đấy, cũng hăng-hái đấy, nhưng chưa thành trật-tự, chưa có thể-thống gì. Người Pháp không thể trông cậy gì ở bọn đó được. Vậy phải nương-tựa vào đâu ?

Thế-tất phải nương-tựa vào cái nền-nếp cũ trong xã-hội Việt-Nam. Vẫn biết rằng nền-nếp này đã bại-hoại lắm rồi, mà sở-dĩ bại-hoại cũng là tại người Pháp một phần nhiều, tại cái chính-sách sai-lầm tự khi đặt Bảo-hộ đến giờ. Nhưng bây giờ không có hơn nữa, thì phải cố lợi-dụng lấy vậy.

Cái nền-nếp cũ, cái trật-tự cũ trong xã-hội Việt-Nam là ở đâu ? Là ở giữa thì quan-trưởng, ở dưới thì hương-thôn, ở trên thì quân-chủ. Ba cái cơ-quan đó, tuy đã tồi-bại đi nhiều lắm, nhưng còn có thể lợi-dụng được. Muốn lợi-dụng thì cần phải sửa-sang lại cho mạnh-mẽ và vững-vàng lên.

Nói về quan-trưởng. — Người Pháp hồi đầu vì không hiểu cái chế-độ xã-hội nước Nam, nên gia-công phá-hoại quan-trưởng An-Nam cho không còn chức-vọng quyền-thế gì nữa. Sợ bọn quan-lại mạnh họ phản-đối lại chẳng, nên hết sức làm cho yếu đi, yếu quá cho đến nỗi bây giờ không còn có tư-cách tự-lập được nữa. Quan-lại ngày nay là một bọn thừa-hành mệnh-lệnh của Bảo-hộ mà thôi, quyền-vị không có, trách-nhiệm không có, người hay họ cũng không thiết làm gì nữa, mà người đỡ thời lại thừa-cơ làm vậy. Quan-trưởng là một cái xác không có hồn. Bây giờ muốn lợi-dụng thì phải làm cho cái xác ấy có hồn, khiến cho có sinh-khí, có hoạt-động. Vì chức-vụ của quan-trưởng vẫn còn to lắm ; chức-vụ ấy chia ra ba bậc : một là « cảnh-cáo », nghĩa là bảo cho người Pháp biết việc gì làm sai hay là việc gì không nên làm ; hai là « tán-trợ », nghĩa là giúp

cho người Pháp làm những việc có ích lợi cho dân ; ba là « trách-cứ », nghĩa là có cái trách-nhiệm phải giảng-dụ cho dân hiểu việc ích-lợi và giữ-gìn cho dân phải theo kỷ-luật. Muốn cho quan-trưởng làm được trọn cái chức-vụ đó thời phải tìm cách tăng giá-trị cho quan-trưởng, như phải đặt lại khoa-cử ; phải khôi-phục cái cổ-học của nước Nam (cho họ học chữ nho như xưa cũng không ngại gì) ; phải đặt lại các chức quan cũ và chọn lấy những người có tư-cách bỏ vào các chức ấy, làm thế nào cho bao nhiêu người có tài có học là dùng được việc cả, dầu người có cái tư-tưởng độc-đoán cố-chấp cũng không nên bỏ ra ngoài ; phải đặt lại những cái vinh-hàm quan-hàm cũ, đề-thưởng công-lao và định trật-tự ; trật-tự đã phân-minh rồi, thời bấy giờ chính-phủ Bảo-hộ làm việc gì cũng nên công-nhiên bàn với các quan An-Nam, sẵn lòng mà nghe lời bàn-bạc của người ta ; v. v. .

Nói về hương - thôn. — Hương-thôn là cái cơ - quan chính - trị nhỏ nhất mà hữu-lực nhất trong xã - hội nước Nam. Lại là cái đoàn - thể tự - trị, phạm - vi tuy nhỏ mà thế-lực rất mạnh, đủ chế lại cả quyền-tuyệt-đối của quân-chủ : phép vua thua lệ làng. Hương-thôn thật là một quốc-gia trong quốc - gia vậy. Bọn hào-mục ở chốn hương-thôn là một phái quý-tộc ở trong một cái xã-hội nhỏ, có quyền-lực, có địa-vị. Người Tây hồi đầu cũng không hiểu cái chế-độ của xã-thôn An-Nam, nhưng vì phạm-vi nhỏ hẹp nên chưa hề can-thiệp đến lắm ; bởi thế mà cái chế-độ xã-thôn ấy vẫn còn giữ được y-nguyên ; duy Bảo-hộ không thiết đến, cho nên không có hoạt-động gì, bấy lâu tựa-hồ như mơ ngủ vậy. Nay phải nên đánh thức dậy, cho có sinh-hoạt như xưa, vì xã-thôn là cái cơ-quan chính-trị có mật-

thiết với phần đại-dạ-số trong dân An-Nam. Hương-thôn đã là một cái tiêu-quốc-gia thời phàm các bộ-phận của quốc-gia, hương-thôn cũng phải có đủ cả : tài-chính, địa-chính, học-chính, y-tế, vệ-sinh, cứu-tế, v.v.. Ông Thống-sứ Bắc-kỳ hiện đương thi-hành một cái chính-sách lấy hương - thôn làm cơ-quan, làm bản-vị, thế là đã hiểu tình-thế lắm, nên cứ theo một đường lối như thế là phải.

Nói về quân-chủ. — Trên hương-thôn, trên quan-trưởng, có một cái cơ-quan cao hơn nữa, là ông quân-chủ, ông vua, cũng phải biết lợi-dụng lấy. Bọn tân-tiến gần đây xưng chủ-nghĩa dân-chủ. Nhưng nước Nam chưa có tư-cách làm một nước dân-chủ được. Chẳng biết sau này thế nào, nhưng bây giờ còn có quân-chủ thì hãy cứ lợi-dụng lấy. Vậy phải làm thế nào ? Trước kia Bảo-hộ sợ vua An-Nam phản-đối, nên đối với vua cũng như đối với quan, phá mãi cho yếu sức đi. Làm thế là sai-lầm. Nay phải suy-tôn vua lên, phải coi vua là người giúp việc chính-trị cho Bảo-hộ ở trong nước, người đại-biểu ngoại-giao cho Bảo-hộ đối với ngoài. Như thế thì phải khôi-phục nước « Việt-Nam đế-quốc » cũ, phải hợp-nhất ba xứ Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam - kỳ lại, khiến cho nước Nam thành một nước xưng-đáng, vua An-Nam cũng thành một ông vua xưng-đáng. Bây giờ phải cho nước Nam tự-trị, việc nội-chính thời lo-liệu lấy, việc

ngoại-giao thời hiệp với Đại-Pháp mà đối-phó với liệt-cường trong cõi Đông-Á. Nhờ đó dân Việt-Nam được có « nhân-cách » hoàn-toàn, nước Việt-Nam được có địa-vị tôn-trọng. Nước Pháp cầm quyền Bảo-hộ không phải lấy võ-lực mà cưỡng-bách người An-Nam phải theo, tự-nhiên hai-mươi-lăm triệu dân xứ này sẽ vui-vẻ mà phục-tòng Đại-Pháp, làm vây-cánh cho Đại-Pháp trong cõi Á-Đông này . . .

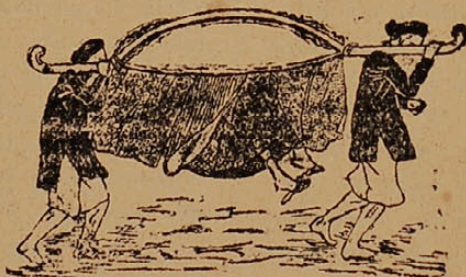
°°

Ấy ý-kiến ông FONTAINE, ý-kiến của một phái thực-nghiệp Pháp có thể-lực ở bên Pháp và bên này, đối với vấn-đề Pháp-Việt như thế. Trở lên là cứ y nguyên-văn mà lược-thuật ra, không có bình-phẩm gì, cốt để giới-thiệu cho quốc-dân được biết.

Từ trước đến nay, người Pháp chưa từng bao giờ tuyên-bố chính-kiến cho chúng ta biết một cách rõ-ràng như thế. Nay có một nhà đại-tư-bản hiểu rằng cái thời-kỳ « úp mớ » đã qua rồi, nên nói thật cho nhau nghe, bèn dùng lời trực-tiếp mà bày tỏ ý-kiến như trên đó.

Vậy nay ta đã biết người Pháp định xử-trị với chúng ta như thế nào rồi, về phần ta phải nên đối-phó lại ra làm sao ? Chương-trình của người ta như thế đấy ; chương-trình của chúng ta phải thế nào ?

P. Q.



## VIỆT-NAM LỊCH-SỬ NGŨ-NGÔN THI

## 越南歷史五言詩

Cờ trông tiếng Nam      Biên cờ văn - Việt

I

## TỰA

Sinh thừa nghìn năm sau,  
Biết việc nghìn năm trước,  
Thì phải trông gương dẫu,  
Trông gương lịch-sử trước.

Ở khoảng trăm đời dưới,  
Biết sự trăm đời trên,  
Thì phải lĩnh-lược dẫu,  
Lĩnh-lược lịch-sử-biên.

Học lịch-sử thế nào,  
Cho biết đến nguyên-dầu,  
Trước học sử tổ-quốc,  
Sau học sử hoán-cầu.

Nhủ khuyên người Quế Tượng,  
Dòng-dôi giống Tiên Long,  
Đã cùng là con cháu,  
Trước xem sử tổ-tông.

## THIÊN THỨ NHẤT

Tổ-quốc thổ-dịa, nhân-  
dân, vị-trí

Châu ta châu Á-Đông,  
Nước ta nước Nam-Việt;  
Lung tựa núi cùng non,  
Mặt trông dương với biển.

Định-phận tự thiên-thư,  
Thuộc về sao Dục Chấn;  
Nổi danh trên địa-cầu,  
Ở khoảng miền Hoa Ấn.

Đất nước chia ba kỳ,  
Hình-thế rõ như vạch;  
Trung-kỳ một đòn ngang,  
Bắc-Nam đôi thúng gánh.  
Đông đến bể Thái-bình,  
Bắc đến nước Trung-hoa;  
Tây giáp Xiêm, Lao, Diển,  
Nam phân bể nước nhà.  
Côn-luân và Tam-đảo,  
Tô-mạch giữa chi trung;  
Tản-viên cùng Yên-tử,  
Tông-phái núi tây đông.  
Hoành-sơn một dải thẳng,  
Địa trấn Nam Bắc thành,  
Hải-vân một dãy đứng,  
Thiên-hiêm chốn Xuân-kinh.  
Lô Đà dòng xanh biếc,  
Nhị Thao nước đỏ hồng;  
Thông mạch xứ Bắc-kỳ,  
Chảy ra ngoài bể Đông.  
Cửu-long nước mông-mênh,  
Tiền Hậu dòng rộng-rãi,  
Thông mạch xứ Nam-kỳ,  
Chảy ra ngoài Nam-hải,  
Thanh-hóa có sông Mã,  
Nghệ-an có sông Lam;  
Quảng-bình có sông Linh,  
Đều rót xuống bể Nam.  
Một trăm hai nước non,  
Một trăm ba cửa bể,  
Trời vẫn chứa tinh-anh,  
Đất từng sinh tú-khi.

Tiếng gọi là Viêm-phương,  
 Thực ở gần nhiệt-dới;  
 Non bắc chạy dài sang,  
 Bề nam quanh bọc lại.  
 Thường có gió đổi thay,  
 Bốn mùa xoay chuyển khác;  
 Xuân hạ luồng đông-nam,  
 Thu đông cơn tây-bắc.  
 Khí-hậu trong ba kỳ,  
 Cũng thường có phân-biệt;  
 Bắc-kỳ khí điều-hòa,  
 Trung thấp Nam-kỳ nhiệt.  
 Thiên-thời tuy riêng khí,  
 Địa-lợi vẫn chung màu;  
 Phông đem mà trừ-tính,  
 Trong ngoài chẳng khác nhau,  
 Đất sản vạn tấm dâu,  
 Ruộng sinh trăm thức thóc;  
 Trên non sản bạc vàng,  
 Dưới biển nhiều châu ngọc.  
 Quặng muối cũng rất nhiều,  
 Mỏ than thực vô khối;  
 Đồng sắt xiết bao nhiều,  
 Gỗ đá kể rất ỏi.  
 Trong khoảng núi tầm-thường,  
 Hươu, nai, cầy, thỏ, cáo;  
 Trên chốn đại sơn-lâm,  
 Kênh, hùm, beo, dím, gấu.  
 Thủy-sản chốn giang-hà,  
 Tôm, cá, giải, ba-ba;  
 Súc-mục nơi bình-nguyên,  
 Ngựa, trâu, chó, lợn, gà,  
 Thụ-dự, bạch-hương-phụ,  
 Kỳ-nam, đại-ngọc-quế,  
 Yến-sao, long-diên-hương,  
 Lừng danh trong nước đế.  
 Xà-cừ và vân-mẫu,  
 Đồi-mồi với châu-châu;  
 Bốn thứ đại thiết-mộc,  
 Nổi tiếng khắp hoàn-cầu.  
 Non xanh cùng nước biển,  
 Tóc tốt với da vàng;  
 So các nước thế-giới,  
 Đứng nước cũng đường-hoàng,

Vạn nước bốn nghìn năm,  
 Số dân hăm-nhăm triệu;  
 Khai-hóa kể đã lâu,  
 Tự-cường không phải yếu.  
 Bắc lân cùng Đại-Hàn,  
 Lăm lúc cùng đột-xung;  
 Nam tiếp với Xiêm-Lạp,  
 Nhiều độ cũng xung-hung.  
 Mâu-bôi các cụ tổ,  
 Khí-lực mọi ông tông;  
 Trái bao phen dâu biển,  
 Vẫn giữ vững non sông.  
 Sự-tích ghi Nam-sử,  
 Muôn thuở để gương trông;  
 Chúng ta là miếu-duệ,  
 Yêu nước chớ quên ông.

### THIÊN THƯ HAI

#### Hồng-bàng-thị & hai-sáng

Ông ta họ Hồng-bàng,  
 Gây trước đức Kinh-dương;  
 Dòng-dõi vua Thần-nông,  
 Tự bèn nước Tàu sang.  
 Trước ấy vua Đế-minh,  
 Tuần-thứ sang Nam hành;  
 Vụ-tiên cùng gặp-gỡ,  
 Thánh-hiền mới đóc-sinh.  
 Mĩ-danh là Lộc-Tục,  
 Hiền-hiệu làm Kinh-dương;  
 Phán vua với Bắc-quốc,  
 Biệt nước về Nam-phương.  
 Kiềm cả quyền quân-trưởng,  
 Từ đây có chủ-trương;  
 Mỏ-mang nơi đất rậm,  
 Phá vỡ chốn trời hoang.  
 Đuổi hùm beo rừng rậm,  
 Vào rừng-rủ suối chăm;  
 Xua tinh-ma quỷ-quái,  
 Tỏi đồi núi sông đầm.  
 Dọn mọi nơi thủy-thảo,  
 Ngổ các lối sơn-khe;  
 Ương lấy nhân Hồng-Lạc,  
 Gieo lấy hạt Trung-huê.

Đông bễ, bắc Động-dinh,  
 Tây Thục, nam Chiêm-thành ;  
 Nước non màu gấm vóc,  
 Cỏ cây vẻ thái-bình  
 Hiệu nước làm Xích-quì,  
 Ngang cùng thừa Hiên-hoàng ;  
 Thục cũng Bắc Bàn-cổ,  
 Chẳng khác Tây Á-dang.  
 Tơ đào sao khéo kết,  
 Sánh-hợp với Thần-long ;  
 Tinh-anh chung đúc lại,  
 Rõng lại nở ra rồng.  
 Lạc-long lên nổi mối,  
 Hợp duyên cùng Âu-ky ;  
 Trăm trai điếm ứng lạ,  
 Cát-mộng rất hùng-bi.  
 Phân-phong cho các con,  
 Gọi là ông Bách-Việt ;  
 Bốn chín con về non,  
 Năm mươi con về biển.  
 Chủ-trương miền Quế-Trượng,  
 Chủng-tộc hiệu tiên-long ;  
 Phú thọ đa nam-tử,  
 Danh cao nhất họ Hồng.  
 Một người con trượng nối,  
 Ấy tức hiệu Hùng-vương ;  
 Kinh-đô đóng Phong-châu,  
 Quốc-hiệu là Văn-lang,  
 Chia nước mười lăm bộ,  
 Tiêu-biểu núi cùng sông ;  
 Truyền vua mười tám đời,  
 Trước sau đều tiếng Hùng.  
 Quan văn là Lạc-tướng,  
 Chức-chưởng việc điều-nguyên ;  
 Quan vũ là Lạc-tướng,  
 Chủ-thủ việc quân-quyền.  
 Hữu-tư là Bồ-chính,  
 Ngay-ngắn sự lỗi lầm ;  
 Thế-truyền là Phụ-đạo,  
 Dẫn bảo nghĩa cao-thâm.  
 Vương-tử là Quan-lang,  
 Vương-nữ là Mị-nương,  
 Trai gái đều phân-biệt,  
 Danh-hiệu cũng tinh-trường.

Dân-sinh nguyên đại-bản,  
 Đầu trọng việc canh-nông ;  
 Nhâu nước triều lên xuống,  
 Khuyên răn việc cấy trồng.

Bờ Hồng dạy cấy dâu,  
 Ruộng Lạc khuyên gieo thóc ;  
 Tấc đất thành tấc vàng,  
 Sinh-dân có hạt ngọc.

Bang-giao là sự trọng,  
 Sinh-vấn lễ-nghi chung ;  
 Trinh-nguyên vừa gặp hội,  
 Nam-bắc mới giao-thông.

Rửa thần hiến Đường-đế,  
 Chả trắng cống Chu-vương ;  
 Bắc-quốc ra ban lịch,  
 Nam-xa chỉ dẫn đường.

Dân-sinh nghề chài lưới,  
 Thủy-tộc cùng giao-công ;  
 Thánh-nhân tương vật-quái,  
 Phép vẽ trấn giao-long.

Nhà nước thuở thanh-bình,  
 Giặc Ân sang giá-họa ;  
 Hồng-vương hiện sức thần,  
 Oai thiêng bay thiết-mã.

Lại còn truyện tích tiên,  
 Chép vào bài bồ-di ;  
 Người ghi thành Trích-quái,  
 Kể biên lại Truyền-kỳ.

Tản-viên và Thủy-tế,  
 Sơn Thủy cạnh-tranh duyên ;  
 Năm năm sinh báo oán,  
 Đời đời thành đánh ghen.

Tiên-dung với Chử-đồng,  
 Nguyệt-lão khéo xe dây ;  
 Lửa hương vừa mới bén,  
 Nhà cửa hóa lên mây,

Kể tin thì thực tin,  
 Bảo nghi thì cũng nghi ;  
 Dấu thiêng còn cả đó,  
 Tùy theo sử bút ghi.

Tiệc thay vua Hùng Toàn,  
 Chẳng cảm việc chính-sự ;  
 Chè rượu mãi mê say,  
 Vũ-bị không tu sửa.

Thục-binh tới đến gần,  
 Vẫn còn đương dinh-đỉnh ;  
 Ngán nỗi bậc thần say,  
 Địch sao được người tỉnh.

Văn-lang đồn từ đấy,  
 Không nổi tiếng hùng-phong ;  
 An-dương khởi tự đấy,  
 Chiếm-thủ cả đề-phong.

Tóm bàn sử Hồng-Bang,  
 Ở trên thì thượng-thế,  
 Hai mươi đời cùng truyền,  
 Hai nghìn năm có lẽ.

Cùng tổ tông phụ tử,  
 Kiềm để bá vương hoàng ;  
 Trước ngang đời Hoàng-đế,  
 Sau tày Châu Noãn-vương.

Màu thái-hòa cảnh-trọng,  
 Việt Hi-hoàng Đường-Ngu ;  
 Về thái-bình chế-độ,  
 Hơn Hạ-hậu Thương Châu.

Vua đã không phiên-nhiều,  
 Quan cũng chẳng trưng-cầu ;  
 Muốn dân đều mừng rỡ,  
 Không phải đời Xuân-thâu.

Nước không dụng can-qua,  
 Dân chẳng lo loạn-lạc ;  
 Trăm họ cùng vui mừng,  
 Không phải đời Chiến-quốc.

Than ôi tốt lắm thay !  
 Than ôi thịnh lắm thay !  
 Muốn thừa mấy đời đó,  
 Nghìn năm một hội này.

So các nước đông tây,  
 Khấp trong đời kim cổ ;  
 Hỏi đâu được thế không,  
 Hay chỉ đây một có.

Ngày nay Bắc Trung Nam,  
 Chân rừng và mặt bể ;  
 Hai năm triệu nhi-tôn,  
 Hương hoa đương đình-lễ.

### THIÊN THỨ BA

#### Thục, Triệu, Hán lai-xâm

Thục Phán từ đâu lại,  
 Kiềm-tính nước Văn-lang ;  
 Nguyên người đất Ba-thục,  
 Ký hiệu vua An-dương.

Dựng nước xưng Âu-lạc,  
 Đắp thành gọi Cồ-loa ;  
 Nhờ phép rùa linh-dị,  
 Trừ được khí yêu-ma.

Dị-nhân Lý Ông-Trọng,  
 Giúp Tàu đánh Hung-nô ;  
 Trường-thành xây vạn dặm,  
 Đồn g-tượng ngắt nghìn thu.

Thần-công là Cao Lỗ,  
 Chế-tạo nỏ Linh-quang ;  
 Trăm phát đều tin cả,  
 Muốn người chẳng dám đương.

Bông gặp lãn xâm bắc,  
 Lại chực lãn sang nam ;  
 Kim-ngọc giòng lòng đục,  
 Trân-kỳ sinh dạ tham.

Đồ, Sử và Nhâm, Triệu,  
 Sai mệnh kẻ đôi lần ;  
 Quế, Tượng vừa kiềm-tính,  
 Nam, Long cũng lãn dần.

Thục-vương cậy nỏ thần,  
 Một tên giết vạn quân ;  
 Nhâm Ngao mắc bệnh tễch,  
 Triệu Đà xin hòa thân.

Bắc Nam đã một nhà,  
 Tần Việt không đôi nước ;  
 Không ngờ cùng dâu-gia,  
 Lại thành ra kẻ cướp.

Nhắc biếng việc vũ-bị,  
 Vụng tính sự mưu-cơ ;  
 Chỉ duy ngày mãi rượu,  
 Lại lãn lúc ham cờ.

Qui-trảo vừa thay máy,  
Nga-mao lại chỉ đường ;  
Văn-tê theo nước chảy,  
Thành Ốc để rêu hoang.

Nhà Thục từ đây xuống,  
Không thấy tổ vãng dương ;  
Họ Triệu từ đây hiện,  
Rõ-ràng bóng nguyệt-quang.

Tóm kể đời nhà Thục,  
Vừa được năm mươi năm ;  
Nghe thần nên hóa hồng,  
Tin con mắc phải lầm.

Trước sau sinh thắng bại,  
Cũng bởi việc hôn-nhân ;  
Nhân-sự nguyên không khéo,  
Thiên-cơ báo cũng gần.

Triệu Vũ đánh An-Dương,  
Nổi tiếng xưng hùng-kiệt ;  
Xưa vốn quan Úy Tần,  
Làm nên quân-chủ Việt.

Đất Bắc ghi thân-tịch,  
Trời Nam mở bản-đồ,  
Uy chế kiêm Mân-Việt.  
Kinh-đô đóng Phiên-ngu,

Qua buổi hươu Tần chạy,  
Gặp kỳ rồng Hán bay ;  
Ấn ngọc phong vua nước,  
Chiếu mây tiếp sứ trời.

Ngoài giữ lễ chư-hầu,  
Trong xưng là hiệu-đế ;  
Trăm hai tuổi mới già,  
Bảy mươi năm ngự-vị.

Văn-vương lên nổi nghiệp,  
Chính-sách thiện giao-lân ;  
Minh-vương theo nổi mối.  
Quyền-chính về phụ-nhân,

Ai-vương là vua trẻ,  
Lã-tướng bậc quan già ;  
Sứ Hán lòng tang-bộc,  
Mụ Cù dạ liễu-hoa.

Vệ-dương vừa tức-vị,  
Quân Hán kéo tràn sang ;  
Ngoài mạc cờ hàng cắm,  
Trong thành lửa sáng choang.

Triệu-gia từ đấy mất,  
Không thấy nổi phong-thanh ;  
Hán-thị sang xâm-chiếm,  
Đất nước lại tung-hoành.

Tóm kể đời nhà Triệu,  
Xem trải mấy xuân-thu ;  
Kể năm ngoài chín chục,  
Tính ngôi truyền năm vua.

Bởi vì gây tranh-cạnh,  
Thôi lại trách chi ai ;  
Ngấn dài là vận nước,  
Thua được bởi cơ trời.

Từ đó cõi Nam-giao,  
Lai thuộc về Tây-Hán ;  
Chức quan phong thú-thần,  
Cõi đất chia chín quận.

Trải qua sang Đông-Hán,  
Có hai quan Thú hiền ;  
Giao-chỉ có Tích Quang,  
Cửu-Nhân có Nhâm Diên.

Thấy dân hay lưới chài,  
Dạy chăm đường cày cấy ;  
Thấy dân không luân-thường,  
Khuyên theo đường lễ-nghĩa.

Sử xanh còn tụng đức,  
Bia miệng vẫn ghi công ;  
Từ đây noi thảo-dã,  
Bát-ngát vẽ hoa phong.

Luân-hồi trăm rười năm,  
Gặp phải Tô Định hung ;  
Hai bà Trưng-nữ ta,  
Tự-lập nổi tiếng hùng.

Kể thuộc Thục Triệu Hán,  
Hai trăm chín sáu năm ;  
Vô-quân lòng nghĩ hổ,  
Vong-quốc dạ càng căm.

## THIÊN THỨ TƯ

## Trung nữ - vương tự-lập

Bà Trưng tên húy Trắc,  
 Quê ở cõi châu Phong ;  
 Con dòng nhà tướng Lạc,  
 Gái giống cửa vua Hồng.

Giận vì Tô Định dữ,  
 Hại chồng ngược quốc-dân ;  
 Tay phất cờ nương-tử,  
 Mặt thay quyền tướng-quân.

Cùng em là bà Nhị.  
 Đồng tâm nổi chí hùng ;  
 Ngàn tây nổi binh-mã,  
 Mặt đông tới thành Rồng.

Quần hồng nhẹ tấm yên,  
 Giặc Tô kinh via bạt ;  
 Một vạn quân sấm vàng,  
 Sáu năm thành gió lướt.

Đô-kỳ đóng Mi-linh,  
 Lĩnh-nam riêng triều-đình ;  
 Ba thu lên tự-chủ,  
 Bốn bề động uy-thanh .

Hán-dinh sai Mã Viện,  
 Da ngựa bọc thây sang ;  
 Anh-hùng tay quắc-thước,  
 Anh-thur dạ tự-cường.

Hồ Bạc đua vùng-vẫy,  
 Khe Vàng tới hiểm-nguy ;  
 Chị em hồi mặt-vận,  
 Tượng đá dải linh-uy .

Phục ba tự đắc-chí,  
 Ghi công dựng cột đồng ;  
 Công riêng ai đó nhỉ ?  
 Lòng oán cửa ta chung.

Tóm kể việc hai bà,  
 Trước sau được ba năm.  
 Đuổi xua quân giặc Bắc,  
 Gây dựng cõi trời Nam.

Tiết nghĩa em theo chị,  
 Trưng trinh vợ vị chồng ;  
 Một cảnh hoa nọ Lạc,  
 Muôn dặm cánh lông Hồng.

Nước ta riêng một có,  
 Hoàn-cầu chắc hẳn không ;  
 Âu Mĩ nô lệ đó,  
 Sau không biết thẹn-thùng,

## THIÊN THỨ NĂM

## Thục Ngụy Ngô tranh chiến

Trung vương khi vắng mặt,  
 Vân nước nghĩ càng lo ;  
 Nước không được bình-dẳng,  
 Dân chẳng được tự-do.

Bao nhiêu quyền-lợi mình,  
 Hết về cả người ta ;  
 Gọi người làm bố mẹ,  
 Đề tiếng nhục ông cha.

Lý Cầm và Lý Tiến,  
 Sang Hán khéo lời kêu ;  
 Rằng sao che chở hẹp,  
 Gió mưa chẳng được đều.

Tám thành thâu quân-vương,  
 Hai gã cùng quan sang ;  
 Từ đây người Hán Việt,  
 Quan-lại mới ngang hàng.

Gặp buổi Thục Ngụy Ngô,  
 Cùng nhau tranh vạc Hán ;  
 Lòng mong buổi thái-bình,  
 Nào ai ra dẹp loạn.

Hay đâu có Sĩ Nhiếp,  
 Phong-thái bậc nho-thần ;  
 Khoi xa nguồn Thù Tứ,  
 Mở rộng đường lễ-văn.

Kẻ hô làm « học-tổ »,  
 Người gọi là « tiên-vương » ;  
 Lỗ Châu dòng Bắc-quốc  
 Khổng Mạnh cõi Nam-phương.

Bốn mươi năm khai-hóa,  
 Ước muôn đời phạm-mô ;  
 Sĩ Huy không khéo nối,  
 Đất nước thuộc về Ngô.

Non nước còn nơi đó,  
 Anh hùng ở chốn nao ;  
 Đề cho người nhi-nữ,  
 Phải nổi tiếng cung - đao .

## THIÊN THỨ SÁU

**Triệu bà-vương xưng hùng**

Nhi-nữ là ai tá ?

Bà Triệu ở Sơn-trung,

Không duyên và không nợ,

Trần-hoàn cũng kiếp chung.

Thấy cướp đến cửa sân,

Có lẽ nào nín im ?

Thấy giặc phá tường lũy,

Có lẽ chấp tay xem ?

Đêm ngày một tắc lòng,

Vắt ngang ba thước vú,

Hăm-hở cười đầu voi,

Đuổi xua quân giặc cỏ.

Đông-Ngô kinh khiếp đảm,

Đều gọi đức Vua-bà ;

Thần-khi khi qui-hóa,

Tinh-ứng báo truyền xa.

Tóm kể việc bà Triệu,

Cũng tay gái lạ thường.

Xua trừ quân Bắc-dịch,

Cứu giúp cõi Nam-phương.

Danh tuy chưa dựng nước,

Thực cũng đã vang trời ;

Sánh vai nhà dôi chị,

Mở mặt nước trăm trai.

Mới biết tinh-anh đức,

Không những bậc đàn ông ;

Đàn bà hay mãnh-miền,

Cũng nổi tiếng anh-hùng.

## THIÊN THỨ BẢY

**Ngô Tấn Tể phân cát**

Bà Triệu đã qui-thần,

Quốc-vận càng gian-truân ;

Ngô Tấn đua tranh-chiến,

Tể Tể lại cát-phân.

Kể từ Ngô trở lại,

Hai trăm mười bốn năm ;

Nước sâu lòng đã khổ,

Lửa nóng ruột càng căm.

Nào ai xông nước lửa,

Cứu vớt lấy sinh-dân ?

Nước non mong thág hạ,

Cây cỏ đợi ngày xuân.

## THIÊN THỨ TÁM

**Tiền-Lý Nam-đế lập-quốc**

Trời sinh hồi đại-loạn,

Tất có phen thái-bình ;

Long-hung nơi tú-khí,

Lý Phần mới nổi danh.

Chung-dĩnh chối nhà Lương,

Làm than thương nước Việt ;

Lòng mong cứu sinh dân,

Chỉ những thề non biển.

Tính Thiệu làm văn-quan,

Triệu Tu làm vũ-tướng ;

Màn rỗng tỉnh miru-mô,

Trướng hồ bàn thao-lược.

Tiêu Tư nghe gió chạy,

Nước non sạch bụi trần.

Cải-nguyên gọi Thiên-đức,

Dựng nước làm Vạn-xuân.

Hiệu làm Tiền Nam-đế,

Đóng đô thành Long-biên ;

Mệnh trời trao lịch-số,

Tính vừa được bảy niên.

Quân Lương đầu kéo đến,

Mấy trận cùng giao-binh ;

Trước thất-cơ Tô-lich,

Sau bại-thế Gia-ninh.

Khi ra hồ Điền-triệt,

Lúc vào động Khuất-liêu

Anh-hùng khí mặt-vận,

Ngậm đắng nuốt cay nhiều.

Giận chửa người Trần Bá,

Mừng thay có Việt-vương ;

Phó-thác việc quân-quốc,

Đề cự với quân Lương.

Cười rỗng lên đế-khuyết,

Bay hạc tới thiên-cung ;

Một đi không trở lại ;

Văng-vẳng tiếng anh-hùng.

Tóm kể vua Tiền-Lý,

Hùng-tài đủ văn vũ ;

Đổi hết tính vi-nô,

Gây ra nền tự-chủ.

Tiên-thanh nơi đế-quốc,  
 Từ đây mới mở-mang ;  
 Căn-bản nền quốc-thống,  
 Từ đây dần vững-vàng.  
 Sự-nghiệp tuy bảy năm,  
 Thanh-danh lưu vạn-cổ ;  
 Dưới có núi sông ghi,  
 Trên có trăng sao tỏ.

THIÊN THỨ CHÍN  
 Triệu Việt -vương xưng  
 vương

Nguyên tướng Tiên Nam-đế,  
 Là vua Triệu Việt-vương ;  
 Xưng binh chằm Dạ-trạch,  
 Hết sức chống quân Lương.  
 Hương nguyên trời chứng minh,  
 Kinh thành tiên phủ-hộ ;  
 Đã được vượt hoàng-long,  
 Lại thêm quân hùng-hồ.  
 Trước đã đá nh Trần Bá,  
 Sau lại đuổi Dương Sàn ;  
 May thay trời giúp thuận,  
 Thu phục được giang-san.  
 Phá tan nơi hồ huyết,  
 Ra đóng đất Long-thành ;  
 Gặp hội mây mù tán,  
 Mừng tuần tiễu-nguyệt minh.  
 Hay dẫu Lý Thiên-Bảo,  
 Đào-lang dựng nước nhà ;  
 Toan thu nền Lý lại,  
 Cảnh dẫu chợt bóng tà.  
 Lại có Lý Phật-tử,  
 Lý xưa cũng một dòng ;  
 Nói ra thống quân-sĩ,  
 Rừng xanh phất cờ hồng.  
 Phật sao chẳng ở lành,  
 Lại gây việc chiến-tranh ;  
 Thái-bình mưu úp Triệu,  
 Rồi lại phải thua binh.  
 Triệu về thành Long-đỗ,  
 Lý tới đất Ô-diên ;  
 Quân-thần ghi hòa-ước,  
 Châu Trần kết nhân-duyên.

Trăng già sao khéo dặt,  
 Đền Hậu-Lý nội-công ;  
 Long-mâu đem vượt đồi,  
 Nha-hải dẫn đường cùng.  
 Lịch-số tinh trước sau,  
 Hai mươi năm ngự-vị ;  
 Triệu Việt đã vẫn thân,  
 Phật-Tử mới đặc-chí.

Tóm bàn vua Triệu Việt,  
 Cũng là bậc vĩ-nhân.  
 Đuổi Lương quân ngược-tặc,  
 Nghĩ Lý bậc thân-huân.

Ngán thay Lý bất-nhân,  
 Bội trái lời hòa-trước ;  
 Trước bày kế dẫu-gia,  
 Sau thành mưu kẻ cướp.  
 Xét ra việc Triệu Việt,  
 Cũng giống sự An-dương ;  
 Long-mâu vượt đã đồi,  
 Qui-nỗ mấy không giương.

Lông ngông theo dường đuổi,  
 Hải nha đến bước cùng.  
 Một mảy nguyên không khác,  
 Hào-li cũng vẫn cùng.

THIÊN THỨ MƯỜI  
 Hậu-Lý Nam-đế hàng Tùy

Phật-Tử được Việt-vương,  
 Hiệu xưng Hậu Nam-đế ;  
 Ở Long giữ hai kinh,  
 Phong-châu mở đường bề.  
 Trương Hống và Trương Hát,  
 Nhờ triều rất là trung ;  
 Chẳng thờ người phản chúa,  
 Không thiết lặc muôn chung.  
 Núi Long ghi bụng nghĩa,  
 Sông Nguyệt tỏ lòng ngay ;  
 Trung-trình nguyên có một,  
 Bá-trọng dễ không hai.  
 Kia người bội bạc kia,  
 Lẽ nào gặp hay được ;  
 Một trận đánh đờ Long,  
 Đã phải sang hàng Bắc.

Trước sau lên trị vì,  
 Tính đợc băm hai năm ;  
 Vì không lòng tử-lễ,  
 Thành ra mắc phải làm.

Tóm kể vua Hậu-Lý,  
 Thực không chính-sự gì,  
 Trước đã đánh lừa Triệu,  
 Sau lại ra hàng Tùy.

Tiếng dẫu hùng ở Nam,  
 Mà sao khiếp về Bắc ;  
 Đẹp thay đã làm vua,  
 Mà nỗ đi hàng giặc.

THIÊN THỨ MƯỜI MỘT

Tùy trường Ngũ-quí giao-  
 tranh

Từ khi vắng Lý Triệu,  
 Lại thuộc về Tùy Đường ;  
 Nước non miền Quế Tương,  
 Vận-hội giống tang-thương.

Dân-khí trong khi ấy,  
 Thuần là tính-chất nô ;  
 Ai giống ruồi thiên-cù,  
 Ai đạo chơi dế-dò.

Duy có Khương Công-Phụ,  
 Nổi tiếng bậc danh-nho ;  
 Hiền Nam sang cõi Bắc,  
 Có tài khá giúp vua.

Vấn hay phú Bạch-vân,  
 Tài danh giá tiến - sĩ ;  
 Vũ bình đợc Chu Tỉ,  
 Thao-lược nghề vũ-bị,  
 Trám-anh bên Bắc-quốc,  
 Quan-miện chốn Nam-Châu ;  
 Ba hồi chuông dấm thối,  
 Nghìn thu vàng nước Tàu.

Đường-nhân sang đô-hộ,  
 Chuyển-thiên kê lăm hội ;  
 Tham-tàn không thiếu kẻ,  
 Tuần-lương đợc mấy người

Duy có ông Cao Biền,  
 Một phát bắn đôi điều ;  
 Bắc nam lưng nổi tiếng,  
 Là quan ngự Lạc-Diêu.

Váng chiếu vua Đường-mệnh  
 Uy-hùng trấn các man ;  
 Xung vương đắp phủ-trị,  
 Tuần-hành khắp giang-san.

Đào thông Thiên-uy-cảng,  
 Đắp rộng Đại-la-thành ;  
 Chín năm tài khệp mở,  
 Muốn thuở vẫn lưng danh.

Qua hết thuở Tùy Đường,  
 Nổi sang đời Ngũ-quí ;  
 Tang-thương kể cũng dài,  
 Hai trăm năm có lẽ.

Khỏ này chắt núi non,  
 Sĩ ấy đầy sông biển ;  
 Anh-hùng nổi tráng-tâm,  
 Giang-san còn sinh-diện.

THIÊN THỨ MƯỜI HAI

Mai, Khúc, Phùng, Dương  
 tự-cường

Trong khoảng Đường sang xâm  
 Dựng đặt phủ đô-hộ ;  
 Giang-sơn nhiều anh-hùng,  
 Quyết ra tay tự - chủ.

Mai Thúc-Loan Hoan-châu,  
 Kéo cờ xung Hắc - đế ;  
 Anh-huống khắp non Mai.  
 Thanh-danh lưng bề Quế.

Phùng Hưng đất Đường-lâm,  
 Phú-hào lòng nghĩa-khái ;  
 Kẻ gọi làm Đô-quân,  
 Ngươi tôn là Bồ-cái.

Hồng-châu có Khúc Hiệu,  
 Tiết - độ kéo cờ tinh ;  
 Mĩ-hiệu Khúc tiên-chủ,  
 Khoan - nhân chúng phục tinh.

Ái-châu Dương Đình-Nghệ,  
 Khởi binh khuê chống nghĩa ;  
 Tiêu hiệu Dương Chính-công,  
 Nổi danh dòng chính-khí.

Tóm kể khi thuộc Đường,  
 Anh-hùng thường quật-khởi ;  
 Kẻ trước vừa ngã xong,  
 Ngươi sau đã đứng dậy.

Đồ biết bao huyết-hãn,  
Nát mấy đoạn tâm-can ;  
Xoay chuyển trong thời-thế,  
Mi-mục chốn giang-san.

Anh-hùng tuy vắng-vẻ,  
Danh tiếng nay vẫn còn ;  
Hương-hoa thường đình-lễ,  
Miếu-tượng vẫn vàng son

THIÊN THỨ MƯỜI BA  
Tiền Ngô-vương tự-chủ

Phùng Khúc nên tài-tuấn,  
Dương-công có rể hiền ;  
Đường-lâm dòng hào-hữu,  
Mĩ-hiệu Ngô-vương Quyên.

Khởi tự miền châu Ái,  
Xương-đề tiếng nghĩa-quân ;  
Phục thù cho quân-phụ,  
Rửa sỉ cho quốc-dân.

Chông sắt cắm Đãng-giang,  
Gươm vàng đuổi Nam-Hán ;  
Ngoài bắt diệt Hoảng Thao,  
Trong trừ được Công Tiên.

Quân thân nghĩa đã ngay,  
Gian-dãng lòng thêm hồ ;  
Đất nước khởi tiếng nô,  
Giang-son mừng có chủ.

Kinh-dô đóng Loa-thành,  
Triều-chế đặt phân-minh ;  
Nổi rõ dòng vương-hiệu,  
Cải-dịnh tiếng quan-danh.

Lộc trời cho hưởng nước,  
Tính vừa được sáu niên ;  
Lầm về khi loạn-mệnh,  
Tạo kẻ cán Long-toàn.

Tam-Kha là ngoại-thích,  
Cành Dương lẩn ngọn Ngô.  
Sáu năm lên tiếm-vị,  
Xương vương giữ quốc-dò.

Con trưởng là Xương-Ngập,  
An náu dải Trà-hương ;  
Con thứ là Xương-Văn,  
Nâng-niu ở dưới giởng.

Xương-Văn có chí lớn,  
Mưu thu-phục cơ-dò ;  
Cũng vì nhờ họ Đỗ,  
Nên dựng lại nhà Ngô.

Khoan-hình tha lỗi cậu,  
Yên nhân đón rước anh ;  
Chi-lan xum họp mặt,  
Đào-ly tự thân tình.

Anh xưng làm Thiên-sách,  
Em hiệu là Tấn-vương ;  
Cùng nhau chung phú-quí,  
Ấp-tồn dáng phong-quang.

Bên tướng khi chềch-lệch,  
Cũng đành lấy làm nguôi ;  
Bốn năm Thiên-sách mất,  
Nam-Tấn mới chuyển ngôi.

Sinh tài hiếu việc binh ;  
Khinh thân đất Thái-bình ;  
Mười lăm năm chưa mấy,  
Mũi tên dễ thiệt mình.

Nhà Ngô từ đây xống,  
Không lừng-lẫy oai-thanh ;  
Mười hai sứ-quân dậy,  
Đất nước thành tung-hoành.

Tóm bàn việc nhà Ngô,  
Trước sau có hai vua ;  
Tiền-vương gây đại-nghiệp,  
Hậu-chủ nổi hồng-dò.

Sau Mai Phùng Khúc Dương,  
Trước Đinh Lê Trần Lý ;  
Gây nên nhất-thống lên,  
Công Ngô thực chẳng bé.

Kể đến sự chinh-tru,  
Thực cũng giống Thương Chu ;  
Kể về việc ấp-tồn,  
Dáng cũng thối Đường Ngu.

Ngân thay có hai điều,  
Thực là nên tiếc họ ;  
Một là phó-thác lắm,  
Hai là nhảm việc vũ.

Thôi cũng bởi vận trời,  
 Nhưng cũng tại mưu người ;  
 Hai đời tuy chưa mấy,  
 Danh tiếng đề muôn đời.

### THIÊN THỨ MƯỜI BỐN

#### Thập-nhi sứ-quân tranh trưởng

Nhà Ngô đã đồ rồi,  
 Quâu-hùng đua nhau dậy ;  
 Giang-son ở nơi nào,  
 Anh-hào giữ chốn ấy.

Ngô Xương-Xí Bình-Kiều,  
 Nguyễn Siêu Tây-phù-liệt ;  
 Đỗ-giang Đỗ Cảnh-công,  
 Đẳng-châu Phạm Phòng-yết.

Đường-lâm Ngô Nhật-Khánh,  
 Kiều Tam-chế Phong châu ;  
 Tiên-du Nguyễn Thủ-Tiếp,  
 Kiều Công-Thuận Hồi-hồ.

Lã Đường giữ Tế-giang,  
 Lý Khuê giữ Siêu-loại ;  
 Nguyễn Khoan giữ Vĩnh-tường,  
 Trần Lãm giữ Bồ-hải.

Tóm kê trong khi ấy,  
 Cộng mười hai Sứ-quân ;  
 Chia vạch bờ quân-quốc,  
 Đắp vòng cõi tử-dân.

Chai cò cùng giữ nhau,  
 Lợi về ông đánh cá ;  
 Vua Tiên-hoàng họ Đinh,  
 Mớ ra nhất-thống cả.

### THIÊN THỨ MƯỜI LĂM

#### Đinh Tiên-hoàng nhất-thống

Thiên-tám đà chán loạn,  
 Thế-cuộc chuyển sang bình ;  
 Hoa-lư sinh hùng-chúa,  
 Hiền-hiện gọi vua Đinh.

Con nhà quan thứ-sử,  
 Khác thường thua con thơ ;  
 Trẻ trâu đều kính phục,  
 Bông lau nổi hiệu cờ.

Lớn lên theo Trần Lãm,  
 Đánh giặc khắp bốn phương ;  
 Bình được thập-nhi-sứ,  
 Hiệu làm Vạn-thắng-vương.

Đại-cô đặt tên nước,  
 Trường-an đóng đô-thành ;  
 Kiến-hiệu làm Đinh-đế,  
 Kỷ-nguyên gọi Thái-bình.

Bày đặt hàng bách-quan,  
 Phân-biệt có giai-ban ;  
 Trên thêm hoa cồn-miền,  
 Dưới bệ vẻ y-quan.

Chiếu mây ơn tống-lặng,  
 Rực-rỡ tỏ màu son ;  
 Phong vương quận Giao-chí,  
 Ôn nhuần cả bố con.

Tiệc không công học-vấn,  
 Ít biết truyện sâu xa ;  
 Quyền-cơ giao vũ-sĩ,  
 Chính-sự phó tăng-già.

Năm vị nữ trưởng-quân,  
 Hai ngôi hoàng thái-tử,  
 Kiềm-ái nặng ân-tình,  
 Địch thứ hỗn trật-tự.

Kể về sự hình-phép,  
 Cũng rất lạ xưa nay ;  
 Trong cũi nuôi hùm dữ,  
 Ngoài sân nấu vạc sôi.

Rượu hoa đem giọng dấm,  
 Đèn nguyệt dễ lòng say ;  
 Trùng-môn thừa hỏ quá,  
 Đỗ Thích dám dang tay.

Thiếu-đế lòng thơ trẻ,  
 Thăng-minh bụng bọm già ;  
 Đã nhắm thay xã-tắc,  
 Lại mưu đổi sơn-hà.

Bặc Điền phường võ-tướng,  
 Lê Hoàn chức phó-vương ;  
 Kể liêu thân việc nước,  
 Người tiếp chính dọc ngang.

Bông đầu binh Tống đến,  
 Cự Lạng tán mừa gian ;  
 Biên-dinh hô vạn-tuế,  
 Cùng nhau lập Lê Hoàn.

Vận Đinh gặp buổi suy,  
 Dương-hậu sinh man-trá ;  
 Trong cung đưa áo vàng,  
 Chuyên cửa về Lê cả.

Nhà Đinh tự thừa ấ,  
 Vãng-vãng tiếng uy-thanh ;  
 Họ Lê từ thừa ấ,  
 Vang lừng tiếng thánh-minh.

Tóm kể việc nhà Đinh,  
 Là buổi đầu bình-trị ;  
 Trước sau công hai đời,  
 Mười ba năm có lẽ.

Thi thư nguyên chẳng học,  
 Tử sắc lại say mê ;  
 Dầu có cơ bình-trị,  
 Nhưng ít đạo tu-tề.

Xét lại thuở phân-tranh,  
 Thu về cơ nhất-thống,  
 Trước Lê Lý Trần Lê,  
 Công Đinh cũng lồng-lộng,

### THIÊN THỨ MƯỜI SÁU

#### Lê Đại-hành đại-hưng

Trường-an non nước cũ,  
 Hình như mấy cuộc cờ ;  
 Đinh-gia bày buổi sáng,  
 Lê-triều được buổi trưa.

Hỏi ai tài trí-lược,  
 Tức vua Lê Đại-Hành ;  
 Liên-hoa xưa ứng mộng ;  
 Hoàng-long trước phủ mình.

Từng thờ Đinh Tiên-hoàng,  
 Được phong thập-đạo tướng ;  
 Vua Đinh khi châu trời,  
 Ra tay quyền việc nước,

Ả Dương trao áo vàng,  
 Chàng Phạm đưa đai ngọc ;  
 Mặt nam bình giặc Xiêm,  
 Phía bắc cự quân Tống.

Kể về đường vũ-công,  
 Xem ra cũng hách-dịch ;  
 Nói đến lễ luân-lý,  
 Nhiều điều đáng chê trách.

Đã hiệp kể con coi,  
 Lại gian người vợ góa ;  
 Chẳng sớm dựng trù-quân,  
 Đàn con lục-mục quá.

Trung-tôn vừa tức-vị,  
 Mắc giây chốn cấm-dinh ;  
 Ngoại-triều tàn ngược quá,  
 Tử-sắc với hình-danh.

Đao-sơn cùng kiếm-thụ,  
 Bào-lạc với thủy-lao ;  
 Ngục hình ghê-gớm quá,  
 Nhân-dân ta-oán nhiều.

Hay dẫu lời sấm-ngũ,  
 Truyền văn kể đã rinh ;  
 Vừa qua tuần Lê rưng,  
 Gợi đến ngày Lý sinh.

Tóm kể Lê sau trước,  
 Làm vua được ba đời ;  
 Bàn về phần lịch-số,  
 Được hăm chín năm trời.

Luân-thường ngang trái trước,  
 Cương-kỷ rồi bồi sau ;  
 Vũ-công so triều Lý,  
 Kể cũng giỏi đường bao.

(Còn nữa)

NGUYỄN THẾ-XƯƠNG

# BỐN TAY HÙNG-BIÊN VỀ ĐỜI CHIẾN-QUỐC

Việc đời không phải bằng lời nói mà lời nói thực có cái công-dụng vận-dộng được việc đời, xem từ xưa đến nay, khắp trong thế-giới, từ việc nhỏ chi việc lớn, cái sức tiến-hành, cái hiệu-quả thành-tựu, việc gì cũng có một phần phải nhờ ở lời nói. Thế thì lời nói có quan-hệ là dường nào, người biết nói đáng cho đời trông cậy là dường nào.

Nhất là về những đời mà liệt-quốc tranh-hành nhau đã chán-chường, vũ-lực không đủ cậy, tin-ngĩa không đủ duy-trì, thời-cực rồi bời, lòng người ngó-ngác, thì bấy giờ những lời nói của kẻ thuyết-sĩ rất có thể-lực.

Phương Á-Đông nước Trung-quốc, về đời Chiến-quốc, trước tây-lịch ước ba bốn thế-kỷ, trong khoảng hai trăm năm, cái thói thuyết-sĩ rất thịnh-hành.

Đời Chiến-quốc bấy giờ, cái chế-độ phong-kiến phá-hoại hầu hết, vua Thiên-tử nhà Châu tuy còn, không ai hỏi đến làm gì, các nước Chu-hầu nhỏ bị các nước lớn phá-diệt đi mà lập thành bảy nước cường-thịnh là Tề, Yên, Ngụy, Hàn, Triệu, Sở và Tần, đời gọi là thất hùng, thế là đời cái chế-độ chu-hầu ra làm cái hình-thể liệt-quốc từ đó. Trong bảy nước ấy nước nào mạnh thì được, yếu thì thua, khôn thì sống, dại thì chết, không còn nước nào vượt được cái danh-ngĩa gì mà bênh-vực nhau như ở đời Xuân-thu nữa. Nước nào cũng chỉ sợ người ta đến đánh mà nước nào cũng chỉ chực đi đánh người ta, chiến-trận như cơm bữa, thua được như trò trẻ con, núi xương sông máu, lương-xương khí-giới như củi vào lò, quốc-gia ở đâu cũng nguy-ngập, dân-

trình chỗ nào cũng cơ-cực làm - than, vua dân dẫu đầy cũng lo nghĩ đêm ngày, cầu sao cho được cái phương-lược gì hay đề mà chống giữ cho nước nhà được sinh-tồn qua khỏi cái thời buổi cạnh-tranh khốc-liệt ấy, thực là khó lắm.

Bởi vậy mà nước nào cũng mở rộng nhà khách-xá để đón rước các bậc hiền-sĩ trong nước ngoài nước đến mà hỏi-han ý-kiến, một lời nói của kẻ sĩ bấy giờ tưởng không gì quý bằng, kẻ nào muốn ra giúp đời hay tiến-thân lên không đi nói không được, nên chỉ kẻ năng-ngôn lúc bấy giờ chỉ có hai bàn tay trắng, đang là một kẻ thất-phu, là một người du-khách, một lời ý-hợp tâm-đầu, bỗng nhẩy ngay lên ngôi khanh-tướng, tôn làm bậc sư-tân, sai-khiến được cả các vương-hầu, khuất-phục được cả mấy vạn binh hùng tướng mạnh. Sách Mạnh-tử có nói rằng: « Bốn Trương Nghi, Công-tôn Diễn hề giận thì các nước Chu-hầu lo, ngồi yên thì thiên-hạ được nghỉ-ngơi. » Thật có như thế. Cho mới biết là bởi thời-thế, khiến nên tập-thượng vậy.

Tuy-nhiên, những người thuyết-sĩ thời bấy giờ, lập-chí có cao hạ khác nhau, giữ cái chủ-ngĩa có lớn nhỏ không giống nhau mà lời nói với sự-nghiệp để lại cũng hơn kém nhau nhiều. Có người nói để cứu một đời, có người nói để cứu một nước, có người nói để hiền-đạt cho một thân mình, kẻ ra thì nhiều không thể nói xiết được, nay chỉ cử có bốn người nói có quan hệ cho nhân-tâm, thời-cực lúc ấy, chia làm hai phái mà giải-luận ra sau này.

1° *Phái lập-thuyết.* — Phái này là những nhà hiền-triết, bởi nghiên-cứu ra hay phát-minh ra một cái lý-thuyết

mới đề giáo-hóa cho người mà cuu-vót cho đời, dù ai nghe hay không mặc lòng, không vì lợi-dạt mà thay-đổi cái chủ-nghĩa của mình; có hai nhà là ông Mạnh-tử với ông Mặc tử.

### Mạnh-tử

Ông Mạnh-tử tên là Kha, người nước Châu là một nước nhỏ bên nước Lỗ, sinh sau Khổng-phu-tử hơn một trăm năm, thụ-nghiệp học-trò ông Tử-Tư là cháu Khổng-phu-tử. Ông là một nhà đại-chính-trị, ông thấy đời Chiến-quốc các nước tàn-sát lẫn nhau, coi dân hư-rom-rác, ông bèn lấy cái chức-trách giúp đời dạy dân làm cái gánh của mình, về chính-trị thì ông lấy « nhân nghĩa » làm tinh-thần, nhân là yêu người, nghĩa là làm việc phải, và cái chế-độ phong-kiến, không có thể văn-hồi được nữa, nên ông không xướng cái nghĩa tôn-vương như Khổng-phu-tử mà xướng ngay lên cái thuyết « dân qui » — cũng như cái thuyết dân-quyền của Âu-châu ngày nay, — nước nào mà biết lấy dân làm trọng, được lòng người thì hưng-vương cũng được. Ông nói rằng: « Dân là quý, rồi đến xã-tắc, vua là khinh ». Phàm ông luận về chính-trị không lúc nào mà quên dân, như nói: « Dân trông vào là trời trông vào, dân nghe cho là trời nghe cho. — Sai ra coi việc, được việc mà dân yêu là thuận-nhận cho đó — Trong bếp có thịt béo, trong lâu có ngựa béo, mà dân nhìn đói mặt xanh ra, ngoài đồng có xác đũa chết đói, thế là đem những con thú vật cho nó ăn thịt người đó. — Nước Tề muốn lấy nước Yên hỏi ông, ông nói: « Lấy mà dân Yên bằng lòng thì lấy, lấy mà dân Yên không bằng lòng thì đừng lấy ».

Ông lấy dám thất-hùng có nước Tề với nước Ngụy vừa ở trung-nguyên, vừa có cái thế cứu-dân đề nên nghiệp vương được, nên bắt đầu sang chơi nước Ngụy, bảo cho vua Huệ-vương

nước Ngụy thi nhân-chính cho dân đủ làm nên vương-nghiệp. Cái nhân-chính của ông là gồm có những chủ-nghĩa giáo-dục, xã-hội, luân-lý, kinh-tế, như những việc nhà Trường nhà Tự (trường học), nông, tang, súc-mục, làm-sản, tri-sản, cứu-bần, nuôi người sống, chôn người chết, thì ông thường nhắc đến luôn. Vua Huệ-vương không dùng được, ông sang nước Tề, cũng bảo vua Tuyên-vương nước Tề thi nhân-chính cho dân. Tề tâu lên ngôi khách-khanh, rồi cũng không tin-dụng, ông bỏ Tề mà đi qua các nước nhỏ là Tống, Lỗ, Tiết, Đằng, bảo cho vua các nước nhỏ biết tự-lân mà tự-lập.

Ông rất ghét bọn ngược-chính, ông cho vua Kiệt vua Trụ là độc-phu, ông bảo vua Tề Tuyên-vương rằng: « Có người quan Tề gửi vợ con cho người bạn để đi sang Sở chơi, lúc về thì vợ con đói rét chết cả rồi, thì sao? — Vua nói: Tuyệt người bạn ấy đi. — Quan Sĩ-sư (quan trưởng tòa-án) không coi quản được các quan sĩ (thuộc-quan), thì sao? — Bã quan Sĩ-sư ấy đi. — Bồn cối trong nước không đâu trị-an, thì sao? — Vua ngoảnh sang bên tả bên hữu mà nói đi chuyện khác. »

Quan-lại tham-ô thì ông cho là ô-lại, là khát-ai. Ông bảo quan Đại-phu đất Bình-lục rằng: « Tên lính vác giáo của ông, một ngày mà ba bận nó lỗi hàng ngũ, có nên bỏ nó đi không? Đại-phu nói: — Phải đợi gì đến ba bận. — Thế thì ông lỗi hàng ngũ đã nhiều bận rồi, bị năm mất mùa, dân hạt ông, kẻ già thì chết dấp xuống ngồi rãnh, kẻ mạnh thì tán ra bốn phương đến mấy nghìn người. — Cái đó có phải tại Cự-tâm tôi làm ra thế đâu. — Nay có người nhận chần trâu dê cho người ta, thì phải tìm lấy chỗ đất chần dất và cỏ, tìm đất chần dất và cỏ không được, thì trả lại trâu dê cho người ta, hay là cứ đứng mà

nhìn trâu dê nó chết? — Thế thì là tội tại Cự-tâm tôi đó.»

Ông cũng không dong những nhà lấy vũ-lực đi xâm-lược, ông nói: «Người nào khoe tài lập trận, tôi tài đánh trận là đại-tội — Người nhân thì thiên-hạ vô-dịch» Lại nói: «Vua Lương Huệ-vương bất-nhân quá, người nhân thì người ta đưa sự yêu tới sự không yêu, người bất-nhân thì đưa sự không yêu tới sự yêu», nghĩa là vua Huệ-vương tham thổ-dịa của người ta, bắt dân và con em đi đánh để chết-chóc đi, thế là đưa sự yêu tới sự không yêu đó.

Tuy vậy, thời ấy vua các nước còn đang sinh việc chiến-tranh, lấy phú-cường công-lợi làm trọng mà không thiết gì đến dân, nên nghe lời ông thì cho là vu-khoát, ông phải trở về cùng học trò làm ra sách *Mạnh-tử*.

#### *Mặc-tử*

Ông *Mặc-tử* tên là *Địch*, người nước Tống, đồng-thời với ông *Mạnh-tử*, là một nhà tân-triết-học, tân-đạo-đức ở đời *Chiến-quốc*, mà cũng lại là một kẻ *dại-dịch* của nhà nho.

Nhà-nho vốn làm đại-biêu cho cái tư-tưởng của xã hội Trung-hoa truyền-diễn từ cổ-lai, quá thiên về chủ-nghĩa gia-tộc, chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa dân-tộc một cách hẹp-hòi, quốc-quân chỉ biết có nước mình, sĩ-dân chỉ biết có nhà mình, cái giới-hạn người Trung-hoa với người di-dịch phân-biệt rất nghiêm, dưỡng-thành cái tinh tự tư tự-lợi và tự tôn tự-đại mà họa-loạn sinh ra ngổn-ngang cũng vì thế, ông bèn xướng lên cái thuyết «*kiêm-ái*», nghĩa là loài người nên yêu-thương lẫn nhau mà nói bớt cái giới-hạn gia-tộc, quốc-gia và chủng-loại đi, cho được cùng hưởng lấy hạnh-phúc hòa-bình với nhau.

Ông lập-luận có nhiều nghĩa mới-

mẻ mà quan-trọng nhất có hai mục là «*phi-công*» và «*phi-nho*».

*Phi-công* thì công-kích sự xâm-lấn của các nước mạnh. *Phi-nho* thì công-kích những chỗ đoán-xử của nhà nho như những sự hậu-táng, lễ-văn phiến-toái và cái nghĩa vô-thần.

Ông không có vợ con, đi chu-du khắp các nước, gặp vua quan sĩ dân ở đâu cũng giảng nói, ông lại muốn thực-hành cái lời nói của mình, nghe có người mới chế ra cái ván-thê để dâng-thành, sợ cái khí-giờ giết người ấy sẽ thịnh-hành ra làm hại cho nhân-loại, ông phải tìm đến bảo đề phá đi. Cái thuyết của ông vừa truyền-bá ra thì bị nhà nho phản-đối lại rất dữ, ông *Mạnh-tử* nói: «Lời nói của họ *Dương* họ *Mặc* đầy cả ở thiên-hạ — Họ *Mặc* *kiêm-ái* là vô-phụ, làm chim đấm lòng người ta.»

Xem hai ông *Mạnh-tử* và *Mặc-tử* thật là hai nhà đại-cải-cách về tư-tưởng ở Á-Đông đã từ hơn hai nghìn năm trước mà đến nay nhờ có cái học Âu-Tây phản-chiếu mới rạng tỏ lại thì thực là lỗi tự kẻ học-giả Á-Đông trong hơn hai nghìn năm vậy.

20 — *Phái du-thuyết*. — Phái này không có chủ-nghĩa gì đích-dáng, tùy người tùy nơi, liệu đầu cơ mà nói, hoặc dọa, hoặc kích, hoặc dỗ, hoặc nịnh, hoặc khẩy, nói sao cho người ta nghe mình, tin mình hay dùng mình, nghe mình mà có lợi có hại, hay mắc lừa mình cũng nói, có hai nhà có tiếng là *Tô-Tần* với *Trương-Nghi*.

#### *Tô Tần*

*Tô Tần* người ở đất *Lạc-dương* nhà *Châu*, học trò ông *Quý-cốc* là bạn ông *Mặc-tử*, *Tô* thấy bầy nước bầy giờ có *Tần* là phú-cường hơn cả, vẫn khuy-du sáu nước, nên bắt đầu sang *Tần* báo vua *Huệ-văn-vương* diệt nhà *Châu*

đi mà thống-nhất thiên-hạ, vua Tần không nghe, bèn làm một quyển sách lớn hơn mười vạn câu nói về cách công-phạt của các vua đời trước lấy được thiên-hạ. Vua Tần cũng không dùng, lại trở về nhà nghiên-riết lại mới hiểu được cái diệu-xử của chước « hợp-tung », là cái chước sáu nước hợp nhau chống nước Tần, bấy giờ mới lại sang nói với vua Văn-công nước Yên rằng : « Đại-vương đứng trong hàng các nước chiến-tranh này, dất chừng hai nghìn dặm, binh và mười vạn, xe sáu nghìn cỗ, kỵ-binh sáu nghìn đôi, tuy vậy, so với các nước trung-nguyên chưa được nửa phần, mà được ngồi yên vô-sự, tại không nghe tiếng ngựa sắt giáo vàng sừng-soảng, mắt không trông thấy sự xe đồ máu chảy góm-ghe, đại-vương cho là tại có gì ? - Văn-công nói : Quả-nhân không biết, — Nước Yên sở-dĩ không bị việc binh-nhung là nhờ có nước Triệu che đi cho. Đại-vương không biết kết-hiệu với nước Triệu ở gần mà lại đi cắt đất để ninh nước Tần ở xa thì có đại không ! — Thế thì làm thế nào ? — Cứ như ý thần thì bất-nhược kết-thân với Triệu trước rồi giao-hiệu với các nước kia làm một, hiệp-lực nhau chống với Tần là cái kế bình-an lâu dài. » Văn-công xin vâng, lại sang Triệu nói với Túc-hầu, sang Hàn nói với Uyên-huệ-công, sang Ngụy nói với Huệ-vương, sang Tề nói với Tuyên-vương, sang Sở nói với Uy-vương, đến nước nào cũng nói Tần tham-bạo, nếu không hợp sức các nước mà chống thì nhục và nguy. Vua sáu nước đều vâng lời, hẹn nhau hội ở bến Cẩng-thủy, ăn thề ký-ước sáu nước hợp nhau làm một, Tần đánh nước nào thì năm nước cùng cứu, nước nào bội-minh thì năm nước cùng đánh. Sáu vua bầu Tô Tần làm Tung-ước-trưởng, đeo ấn Trưởng-quốc của sáu nước để tiện vãng-lai, hội xong

sao ra một bản Tung-ước ném vào cửa ải Tần, vua Tần sợ hãi lắm.

Tô Tần dâng chước « để Tần », Tần không dụng mới quay ra chước « hợp-tung » để lập công với các nước, kẻ cũng là may cho các nước mà Tô Tần không phải là không có công, vì các nước thực hiểu cái lợi của Tung-ước, đem chân-tâm nghị-lực cố-kết với nhau thì cái thế bình-quân của Thất-hùng còn giữ được lâu dài mãi như các nước ở Âu-châu, mà Tần không thống-nhất cả trung-nguyên, áp-chế đến cực-doan, phá-diệt hết các mối ganh đua của dân-tộc Trung-hoa và Á-Đông, di-hại đến cận-thời được.

Âu-châu từ khi đế-quốc Lã-mã đồ, liệt-quốc đều giúp nhau mà giữ được cái chủ-nghĩa quân-thế để đối-lập với nhau, như lúc Pháp định để toàn Âu thì Nga với Anh đứng hô-hào các nước nện Pháp đi, sau Nga định để Âu-châu thì Anh với Pháp đứng đầu ra chèn Nga đi, Nga bất-dắc-dĩ quay sang mặt Viễn-đông đến Lữ-thuận mưu để Á-châu thì Anh giúp cho Nhật phá vỡ đi, mới dây Đức chực để hoàn-cầu, thì Pháp, Anh, Ý, Mi, và Nhật đồng-minh và đập đổ, quyết không để có một nước nào cầm chủ-quyền cho hết thấy nhân-loại trong gầm trời, ấy Âu-châu với Á-Đông sở-dĩ mạnh yếu khác nhau, cái nguyên-nhân lớn là từ đó.

Hay đầu vua sáu nước đều nhút-nhát thô-thiển, tham cái lợi nhỏ mà quên cái mưu xa, chưa được một năm Tần dùng kế xin cắt đất cho Ngụy, gả con gái cho Thái-tử Yên, để cho các nước hợp-tung nghi lẫn nhau, quả-nhiên Tề đánh Yên lấy mười thành, rồi các nước giở nhau lượng-tung. Tô Tần bôn-tẩu điều-dinh mãi không xong, bị thích-khách đâm chết ở Tề mà Tung-ước tan, tiếc thay !

### Trương Nghi

Trương Nghi người nước Ngụy, bạn đồng-học với Tô Tần, Trương chủ-

trương cái chước « liên-hành » là sáu nước cùng thờ nước Tần. Trương nhà nghèo lắm ra làm quan ở nước nhà không được, bèn đem vợ sang Sở làm môn-hạ-khách cho Trương-quốc Sở là Chiêu-dương, bị đồ oan ăn cắp ngọc phải đòn đau suýt chết, vợ khóc mà rằng : « Anh nhục thế là bởi anh học nghề du-thuyết, giá anh cứ ở nhà làm ruộng mà ăn thì bao giờ khổ ». Trương há mồm ra hỏi vợ rằng : « Lưỡi tôi còn không ? » Vợ cười mà nói : « Còn ». Trương nói : « Lưỡi còu thì của còn sợ gì khổ mãi », Lại đưa nhau về Ngụy, rồi sang Tần, dùng cách dút-lót vào yết-kiến vua Tần là Huệ-văn-vương được làm khách-khanh, cái mưu ly-gián Tung-ước là Trương bày ra đó. Trương thấy các nước Tung-ước đã sơ nhau, bảo vua Tần không cắt đất cho Ngụy nữa. Ngụy giận đến đòi đất, Trương làm Phó-tướng đi đánh Ngụy lấy được đất Bồ-dương. Trương lại xin với Tần trả lại cho Ngụy và gửi thêm « con tin » nữa để Ngụy phải cảm ơn Tần. Trương bảo Ngụy rằng : « Lấy được thành lại trả và nộp thêm « con tin », Tần đãi Ngụy hậu như thế đấy, Ngụy không nên vô-lễ với Tần mà phải liệu kiếm cái gì tạ lại. » Vua Ngụy hỏi tạ gì được ? Trương nói : « Tần chỉ thích có thổ-địa mà thôi, Ngài cắt một ít đất để tạ Tần, Tần càng yêu Ngụy lắm. Tần Ngụy hợp binh với nhau mưu các nước khác thì Ngài sở-đắc lại thập-bội cái đất hiến cho Tần bây giờ », Vua Ngụy nghe lời, cắt đất Thiếu-lương hiến Tần mà không dám nhận con tin, vua Tần thích lắm cho Trương làm Tướng-quốc. Bấy giờ Sở thấy Tần dùng Trương lấy làm lo, bèn cùng các nước kết lại Tung-ước, Trương xin với vua Tần cho về Ngụy vận-dụng vào chính-quyền mà bắt Ngụy thờ Tần cho các nước theo, ấy Trương đối với Ngụy là chốn tôn-bang còn thế nữa là nước khác.

Trương về được làm Tướng-quốc Ngụy, còn đang khuyên vua Ngụy thờ

Tần thì Sở Hoài-vương lên làm Tung-ước trương đem quân năm nước đi đánh Tần, song trong bọn đồng minh, quân Tề thì không thật bụng, quân các nước thì cứ đùn nhau không ai chịu ra mặt trận trước, nên chưa đánh đã thua. Tô Tần bị chết ở Tề. Trương nghe tin mừng lắm, nói rằng : « Từ giờ mình mới rộng miệng cả tiếng được. » Bèn bảo vua Ngụy rằng : « Sức Tần chống với năm nước còn thừa đi như thế thì chắc không thể cự lại với Tần được. Tô Tần là người xướng lên cái nghị hợp-tung mà thân còn không giữ được nữa giữ được cho nước người ta ru? Vả gì thân bằng anh em ruột mà còn tranh tiền tranh của với nhau, phương-chi là nước khác. Ngài cứ giữ cái nghị của Tô Tần, không chịu thờ Tần, ví dăm liệt-quốc có nước nào thờ Tần trước, Tần triệu binh nước ấy đánh Ngụy thì Ngụy có nguy không ? » Vua Ngụy xin theo. Trương sang Tần tạ tội cho Ngụy rồi ở lại làm Tướng-quốc Tần. Lại sang Sở nói dối trả lại xâm-địa, lừa vua Sở phải thờ Tần. Tần cảm công phong ấp cho, hiệu là Vũ-tin-quân, lại sắm xe ngựa vàng ngọc cho Trương đem chước « liên-hành » đi du-thuyết các nước Yên, Tề, Hàn, Triệu, lần lượt nói cho các nước ly nhau và lấy cái uy-thế của Tần nạt cho các nước sợ, vua các nước đều theo, thế là chước « liên-hành » thành-công. Trương trở lại Tần, vua Mân-vương nước Tề nghĩ ra biết Trương gian-trá lừa mình bèn đưa thư các nước chửi-dồn Tung-ước lại, Mân-vương làm Tung-ước-trưởng, rao ai bắt được Trương-Nghi thưởng mười thành-ấp. Trương phải về Ngụy rồi bị bệnh chết.

Chước liên-hành tuy mới thành thì tan mà Trương thực đã lóa-chiết cái nhuệ-khí của sáu nước đi và tăng thêm cái dã-tâm lên cho Tần, cái kết-cục thôn-tính sáu nước, thống-nhất bờ

cõi của Tần tuy còn chậm lại ít lâu mà cái nguyên-nhân thời Trương đã gieo ra từ đấy.

Chúng ta sinh ở ngày nay, đời Chiến-quốc trước đã xa, đời Chiến-quốc ngày nay đang kịch, xét việc trước mà chứng việc sau, hoàn-cảnh tuy thay đổi nhiều, tình-ực thực có tương-tự, cạnh-tranh góm-ghiếc, sinh-tồn cheo-leo, bỏ cung tên dùng súng đạn rồi đến tàu bay tàu ngầm, cũng không đủ cho nước cường, đổi cách sinh-nhai tiêu-kỷ ra cuộc kinh-tế đoàn-thê tiến nghề làm bằng chân tay lên nghề làm

bằng máy-móc, mở cuộc tiêu-khanh ra hội bốn bề thông-đồng cũng không đủ cho dân giàu. Chấn binh-chiến, công-chiến, nông-chiến, hương-chiến lại quay về bút-chiến thiệt-chiến, lý-thuyết càng nhiều, phán đoán càng khó, thể nào là lập-thuyết, thể nào là du-thuyết, thuyết nào có lợi cho đời, thuyết nào có hại cho chúng, có nước có nhà, có tai có lũ, không thể không nói, không thể không nghe nói mà cũng không thể không biết nói, không thể không biết nghe nói.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

## DỊCH THƠ ĐỜI LÝ VÀ TRẦN

李陳詩選譯義

### TỰA

Dịch sách khó, mà dịch thơ lại khó hơn, dịch thơ thất-ngôn khó, mà dịch thơ ngũ-ngôn càng khó hơn. Sao vậy? Câu sách ít chữ nhiều nghĩa, có thể lấy nhiều tiếng mà dịch ra cho tỏ nghĩa được, đến như thơ thời bao nhiêu chữ phải bấy nhiêu tiếng; muốn cho tỏ nghĩa thì lời khó nghe, muốn cho được lời thì nghĩa không tỏ. Lại như bảy chữ, có thể bớt một đôi chữ lấy từ lấy ý cũng được, còn như thơ năm chữ thì quyền của kẻ dịch giới-hạn lại càng hẹp lắm. Và lại, thơ phải ép vần, có nhiều bài làm được ba vần, còn một không có thể theo ba vần kia được, thì cũng phải đổi ba vần khác để theo một vần. Vậy thì dịch thơ là một vật tiêu-khai cho nhà làm văn, mà cũng là một vị cay-dắng cho nhà làm văn. Tập thơ này nhiều bài không có thể dịch hay được mà cũng gắng sức dịch, là chủ-ý để chép lại câu văn của Tô-quốc kéo lâu ngày thất-thác đi chăng, kẻ xem văn nên lượng cho, có câu nào nghĩa sai, chữ nào chưa luyện, xin nhuận-chính cho, tưởng cũng là một thú chơi thanh-nhã, mà cũng giúp một phần nhỏ cho văn cũ nước nhà, chang những là kẻ dịch thơ lấy làm cảm-tạ mà thôi.

Dịch-giả

I

### THƠ ĐỜI LÝ.

Khen sư-Tì-ni-da-lưu-chi. (Thái-Tôn)

Qua Nam từ thửa trước,  
Ngươi đã liếng say thiền;  
Phép Phật mười phương đủ,  
Lòng xa một mối truyền;  
Lãng-giả trong vẻ nguyệt,  
Bát-nhã nước mùi sen;

相何芬皎遠應聞創  
與時芬皎合開君自  
話臨般楞一諸久來  
幽面若伽心佛習南  
玄。見。蓮。月。源。信。禪。風。

支贊◎  
禪毗李  
師尼多詩  
。尼多流  
。太宗

Bao giờ hay gặp mặt,  
Cùng giải lẽ u-huyền.

II

挂鄉真萬  
錫關第融  
鎮名古識  
王古識際  
幾法詩際

李 黎 言 學 超  
和 大 語 出 異  
拜 行 多 家 該  
或 竹 為 事 賞  
師 嘗 識 祖 賞

僧萬行  
姓阮古  
法入幼

Sư Vạn-Hạnh (Nhân-Tôn)  
Vạn-Hạnh thông ba học,  
Rành rành có sách thi;  
Quê nhà tên Cồ-pháp,  
Gây phật đất vương-kỳ.

III

院道墓肅忽幾拂林  
前侶塔堂聞願袖辭  
山不何幽遺淨高山白  
水須人鳥履巾山首通  
是傷為空掩超丈更京  
真永作啼禪杖馨城  
形別銘月局席馨城

挽廣智禪師  
段文欽

Viếng sư Quảng-Trí  
(Đoàn Văn-Khâm)

Đầu bạc non xanh lánh bụi hồng,  
Tầng mây rủ áo gió thơm lồng ;  
Kắp đem khăn tịn theo nhà tiều,  
Bông thấy giấy rơi dọng cửa không ;  
Chim hóng trắng chùa thua giọng hót,  
Ai dề bia mộ kèn ngòi lồng ;  
Tặng-đồ xin chớ buồn ly-biệt,  
Kìa ánh truyền-thần có núi sông.

IV

盛任萬身  
衰連木如  
如運盛榮  
露盛衰春  
草衰無秋  
頭無畏又  
舖怖枯無

示弟子

Bảo đệ-tử.

Có không tựa chóp chiếc thân này,  
Muôn vật tư mua khéo đổi thay ;  
Khi-vận thịnh suy nào chút sợ,  
Xem đường giọt móc đổ trên cây.

V

長有野  
叫時情  
一往直終  
聲上日  
寒孤樂  
太峯無  
虛覆除  
居

友清僧  
棲人空  
荷與路  
荷與姓  
澤覺楊  
寺海揚  
為海

言懷

Cảm-hoài (Sư Không-lộ)

Long xà đất ở chon lâu nay,  
Mượn thú quẻ vui mới trót ngày ;  
Có lúc đưa chân lên đỉnh núi,  
Kêu dài một tiếng lạnh cùng mây !

VI

夜盡莫老專春  
一落謂從逐到  
枝庭春頭眼  
梅前殘上  
昨花來  
落

春去百  
花  
落  
僧滿覺

告疾示衆

Cáo tật bảo chúng  
(Sư Mãn-giác)

Thời-liết qua rồi lại,  
Hẹn-hò xuân với hoa ;  
Trước mắt thôi đưa việc,  
Trên đầu tóc giục già.

Chớ nói xuân tàn hoa cũng vậy,  
Sân mai một đóa mới hôm qua.

VII

蓮玉虛妙  
發焚無理  
爐山上心虛  
中上色悟無  
濕色常得何  
未常何難  
乾潤難攀

示寂

Bảo sự chết

Thần lễ hư-vô dã dĩ hầu,  
Lòng mà nhận được khó chi đâu ;  
Ngọc thiếu trên núi thường tươi sắc,  
Sen nở trong lò chứa lạt màu.

VIII

付箇心 與中 山僧 樂到 明。  
與中 山僧 樂到 明。  
箇心 期風 景共 凄清。  
打松 關月 照庭。

◎ 陳詩  
寄清風庵僧  
德山 太尊

THƠ ĐỜI TRẦN

Vua Thái-tôn gửi-cho sư  
Đức-sơn am Thanh-phong.

Gió lay trước cửa nguyệt ngang màn,  
Cảnh ấy lòng đây một vẻ thanh ;  
Biết được thú này e ít kẻ,  
Nhà tăng riêng ngắm cảnh thâu canh.

IX

萬忽暮 象然宿 生得明 毫佳月 端趣灣 嬌。

幸安邦府

Chơi phủ An-bang

Buổi sớm non mây dạo,  
Ban hôm bên nguyệt qua ;  
Thú hay hồ-hãng gặp,  
Ngòi thỏ cảnh bao-la.

X

三園荷 兩林花 蟬雨吹 聲過起 鬧緣北 夕成臆 陽。 暝。涼。

夏景

Cảnh mùa hè

Bóng ác ngày dài dài gác hoa,  
Nhị sen đưa mắt trước song qua ;  
Sau mưa cây cỏ buống màn biếc,  
Và tiếng ve kêu rộn bóng tà.

XI

流回一萬不無東痛  
水天堆疊管端風哭  
灘力量黃白人天上搵江  
頭量壤雲間上淚南  
共隨覆遮有編爲老  
不流芳故死年傷鉅  
平水名宅生月情卿

携太師陳仲徵

Viếng quan Thái-sư Trần Trọng-Trung

Trông nẻo Giang-nam chệnh nhớ người,  
Giọt tình theo ngọn gió đông rơi ;  
Tháng năm bóng đã trời ghi sớ,  
Sống thác nào hay kiếp ở đời ;  
Cách mấy tầng mây nhà cũ khuất,  
Sáu ba thước đất tiếng thơm vùi ;  
Tiếc tày hoàn-cán theo dòng nước,  
Nước cũng chia buồn lượng chảy xuôi.

XII

往白衣杖  
往頭冠街  
說軍七千  
元士品門  
豐在通齋

春日謁昭陵  
仁宗

Ngày xuân yết Chiêu-lăng (Nhân-tôn)

Nghìn tòa bày giáo mác,  
Bảy phẩm rủ xiêm đai ;  
Quán-sĩ dầu pha tuyết,  
Nguyên-phong chuyện một hai.

XIII

怕一不睡  
怕雙不知起  
趣白春昏  
花蝴蝶已歸  
飛蝶歸屏

春晚

Cuối xuân

Thức dậy cuốn song ngay,  
Xuân về khách chẳng hay;  
Một đôi chim bướm trắng,  
Liềng-liệng trước hoa bay.

XIV

木 睡 露 半  
榭 起 滴 窗  
花 砧 秋 燈  
上 聲 庭 影  
月 無 夜 滿  
來 覓 氣 床  
初 處 虛 書。

月

Trăng

Đèn song chéch bóng sách kê đầu,  
Đêm vắng sân rơi giọt móc thâu;  
Thức dậy tiêng châm đầu đến tá?  
Trên cảnh bông quế bóng trăng nhỏ.

XV

白 牧 半 村  
鷺 童 無 後  
雙 笛 半 村  
雙 裡 有 前  
飛 歸 夕 淡  
下 牛 陽 似  
田 盡 邊 烟。

天長晚望

Cảnh chiều phủ Thiên-trường

Nhật như màu khói trước sau nhà,  
Có có không không dưới bóng tà;  
Trâu đã về đàn rần tiếng địch,  
Trăng phau dưới ruộng cánh cò sa.

XVI

明 倚 百 萬 花 雲 時 地  
月 闌 年 事 逕 山 來 僻  
滿 橫 心 水 半 相 春 臺  
胸 玉 語 流 晴 遠 末 遙  
襟 笛 心 水 陰 近 深 古。

登寶臺山

Lên núi Bảo-dài

Cảnh vắng nhà rêu phủ,  
Cảnh xuân nhị tuyết phong;  
Chung trời mây dải núi,  
Chia bóng ngõ chen bông;  
Muôn việc theo dòng nước,  
Trăm năm ngõ tấm lòng,  
Nương cầu giọng tiếng địch,  
Đạ khách tấm trăng trong.

XVII

彷彿 普 八 三 江 齋 義 綠  
羹 明 千 十 館 堂 雲 暗  
牆 風 香 倫 更 講 吞 紅  
入 景 利 宮 初 後 雨 稀  
夢 如 動 橫 月 僧 吐 倍  
饒 昨 潮 楊 橋 院 銷 寥。

天長府

Phủ Thiên-trường

Hồng lục phai màu cảnh quanh-hiếu,  
Hoa vì mây móc dáng buồn thiu.  
Sư về trong viện cầu kinh vắng,  
Lầu ở trên sông bóng nguyệt treo;  
Ba chục cung tiên cây tháp đặt,  
Tám nghìn cõi phật tiếng triều reo;  
Phở-minh cảnh phật còn như cũ,  
Trong giấc mơ-màng Thuận thấy Nghiêu.

XVIII

葡 明 眼 馬 生 春 瀾  
萄 月 底 頭 無 視 入 飄  
嫩 灑 江 補 同 梅 行  
綠 江 山 世 仁 花 李  
洗 煙 少 重 丈 天 只 嶺  
心 水 駐 回 夫 子 兩 雲  
慙 濶 驂 首 慚 德 三 南。

答北使喬元朗

Đáp sứ Tàu Kiều Nguyên-Lãng

Vô-vô miền nam gánh nhẹ vai,  
Màu xuân mới nhiệm ít bông mai;  
Bầu trời đã rộng nhờ ơn thánh,  
Nợ nước chưa đền hồ phận trai;

*Nhảy ngựa ngại-ngần sông gió khách,  
 Đứng xe ngắm-nghia nước non người.  
 Đông Lô mịt khói ngày mai đã,  
 Mượn rửa lòng phiền chén một hai.*

XIX

今四海遊勝昔年遊  
 水有秋含天有秋  
 月無事照人無事  
 千行奴僕僮千頭  
 百部笙歌禽百舌  
 十二仙洲此一洲  
 景清幽物亦清幽

幸天長行宮

*Ngự chơi hành-cung Thiên trường  
 Thanh-u cảnh-vật sánh màu tươi,  
 Tiên-cảnh mười hai chiếm một nơi;  
 Chim học sáo đàn chông-chập tiếng,  
 Quýt sai tôi tớ đủ đông người;  
 Bóng thơ-thửng dải trắng theo khách,  
 Thu láng-lai in nước rợn trời;  
 Bề lặng bụi trong xem thấy đã,  
 Năm nay hơn trước cuộc vui chơi.*

XX

合此明月清風此當空皎冰人  
 明風匝地無歇  
 清風明月相為鄰  
 絕峯更月有仙者  
 金仙宮闕無凡塵  
 亭亭寶蓋高攀雲  
 英宗

雲霄庵

Am Vân-tiêu

(Anh-tôn)

*Cây phan phát-phơ đầu dờ mây,  
 Cửa tiên chẳng chút bụi trần bay;  
 Đỉnh non có kẻ học tu-luyện,  
 Gió mát trăng trong một xóm này.  
 Thổi dờn mặt đất mát-mẻ gió,  
 Băng tuyết ghen thua bóng trăng tỏ,  
 Này trắng này gió lại này người,  
 Ba cửa lạ này đời ít có!*

XXI

琢相曉夜碧青覺睡  
 就投迷掩樹山王手  
 哀針丈講深蔓金塵  
 章芥室堂霜草縷衰  
 淚嗟有今殼棺得人  
 泫非無古蛻蟬履傳  
 然昔烟月蟬履傳緣

挽法螺尊者  
題青梅寺

Viếng sư Pháp-Loa

(đề ở chùa Thanh-mai)

*Trắng tay chẳng chút nợ trần mang,  
 Đã có người truyền phép Giác-vương;  
 Giày xếp trong quan nghìn núi cỏ,  
 Ve ra ngoài xác một cây sương;  
 Trăng đêm vương-náu trong lăng-viện,  
 Mù sớm ngăn che trước pháp-đường;  
 Kim cò cùng nhau nay vắng kẻ,  
 Văn ai một khúc lệ đôi hàng.*

XXII

不復船五萬漁山曉錦  
 復笛更隊國家霜纜  
 軸一蕭旌潮雨花歸來  
 幢枕鼓旗頭脚重繫老  
 入江落光紅青濕繫老  
 夢湖天海蓼松雲老  
 中穩宮藏風月蓬榕康

征占城還舟泊  
福城港  
今古安安  
康寧

Đánh Chiêm-thành về đò thuyền  
cửa Phúc-thành

*Thuyền ngự khi về cột góc thông,  
 Ban mai sương ướt nặng mũi bông;  
 Tùng che trại núi vắng trăng dải,  
 Rằm rạt làng chài ngọn gió rung;  
 Đông đội quạt cò rằm mặt bể,  
 Thâu đêm kèn trống rộn trên không,  
 Giang-hồ quanh gối con thuyền nhẹ,  
 Dù tia nào hay động giấc hồng.*

XXIII

肯自碧秋  
把知蕉氣  
閒三窻和  
愁十年外燈  
對年前殘失  
雨前殘曙  
聲。錯。更。明。

夜雨

明宗

Mưa đêm (Minh tôn)

Đèn thu sáng rực bóng đường mờ,  
Canh điếm ngoài sông lá mướt đưa;  
Ba chục tuổi đầu làm mới tỉnh,  
Phá tan sầu-trận giữa đêm mưa.

XXIV

一隔溪簪  
徑林西翠  
古啼日攢  
松烏影蒼  
疎尤轉八  
墜岑簷望  
花寂斜多。

甘露寺

Chùa Cam-lộ

Một màu xanh biếc thấy xa xa,  
Thiền cách khe tây bóng úc tà;  
Kung quanh tiếng chim rầu-rĩ hót,  
Tây tùng rơi đất một vài hoa.

XXV

坐不成往陽曙岩月  
對言人畢復分花落  
一恍三須水山冷小  
爐如十與生失不窗  
前。醒。年。際。烟。影。眠。船。

十一月過泊

詠山曉住

Tháng mười một qua Bạc-vịnh sơn

Thuyền hồ bóng trăng thâu,  
Hoa đêm lạnh ngậm sâu;  
Bóng cao núi nhạt vẻ,  
Khí ẩm nước che mù;

Một phút giây ngày trước,  
Người ba chục tuổi đầu,  
Âm-thầm mê tựa tỉnh,  
Lò đốt khách nằm lâu'.

XXVI

今明周越一四海駟  
日朝家國視方邊騎  
休相雨山同專光照行  
辭隔露河仁對照使瘴  
酒雲播供天男兒星霧  
滿南綸傑子兒星霧  
樹。北。音。句。心。志。臨。深。

送北使撒只瓦

趙子期

Tiền Sứ Tầu Tản-Chỉ-Ngõa  
Triệu Tử-Kỳ

Vạch đám mây mù ruổi vô căn,  
Tuyết vời cờ tuyết nước in mầu;  
Làm trai giao-thiếp phương trời quạnh,  
Rắp kẻ bao-dung lượng bề sâu;  
Thơ thánh sẵn đề non nước Việt,  
Ơn vua đem tưới móc mưa Châu;  
Vàng mây nam bắc ngày mai đã,  
Chén rượu từ chỉ lúc họp nhau.

XXVII

錯江胡山撼綴海挽  
疑水越河天地蜃雲  
戰滄羸今松花吞劍  
血涵輸古巖鈿潮戟  
未殘一雙晚春捲碧  
曾日倚開風雨雪噴  
乾。影。闌。眼。寒。霽。瀾。旣。

白藤江

Sông Bạch-dăng

Giáo grom chơm-chớm đám mây phỏ,  
Làn sóng về dòng sắc khéo tó;  
Gấm dệt sau mưa màu cỏ ói,  
Đàn trời trước gió liêng thông vo;  
Xưa nay một bức đồ sơn thủy,  
Thua đợc nghìn năm dấu Việt Hồ;  
Nước nhiễm bóng tà sông đỏ rức,  
Máu người chinh-chiến ngờ chưa khô.

XXVIII

不復梨花入夢頻。  
 此翁鍊得心如鐵。  
 莫言天下欠閒人。  
 只恐世間無勝景。  
 一枕泉聲秋八分。  
 滿山花色春三月。  
 戲穿百衲半僧身。  
 宿得非心未出塵。

月盍山寒堂

Nhà ăn

Vấn biết duyên trời chữa gỡ xong,  
 Dỗ tăng đồ tục mảnh nầu sồng;  
 Đầu non vuôn lộn màu hoa thắm,  
 Quanh gối thu già tiếng suối trong;  
 Cảnh đẹp chỉ e trong cõi ít,  
 Người nhàn chớ nói giữa đời không;  
 Tấm lòng ông luyện bền như sắt,  
 Nào thấy hoa lê tới giấc nồng.

XXIX

乘風直入五雲飛。  
 圓傘青山瀟水碧。  
 空把茶甌送客歸。  
 安南老宰不能詩。

送北使牛諒

藝宗

Tiến sứ Tàu Nguru-Lượng (Nghệ-tôn)

Lão-tê nghề thơ vẫn chẳng hay,  
 Ghè nam tiến khách tỏ tình đây;  
 Dòng Lô non Tân xanh như biếc,  
 Cười gió bay vào giữa đám mây.

XXX

恢復神州日近。  
 明宗事業君須記。  
 安劉復觀漢衣冠。  
 去武闖存唐社稷。  
 萬里捫蘿兩鬢斑。  
 七陵回首千山巒。  
 側身度嶺入山蠻。  
 位極譏深便去官。

避居嘉興鎮寄弟恭宣王瞰

Lánh ra ở trấn Gia-hưng, gửi cho em là Cung-tuyên-vương Kính

Quyền cả ngờ nhiều gửi sứ hưu,  
 Sơn-man thử hỏi lối vào đầu;  
 Bảy lǎng ngắm nghĩa châu rơi lệ,  
 Muôn dặm xông-pha tuyết nhiễm đầu;  
 Giúp nước non Đường trừ giặc Vǎ,  
 Ngóng xiêm áo Hán thỏa dân Lưu;  
 Minh-tôn truyện cũ nên ghi dạ,  
 Rồi việc cần-vương chớ ở lâu.

XXXI

惟存行迹起餘悽。  
 寂寞洞天起餘悽。  
 星斗壇荒碑羽化。  
 風搖事去碑羽化。  
 雨過竹影拂猶迷。  
 纔到祠聲穿石西。  
 山僮扶堂輦曉日正衝泥。

題司徒陳元旦祠堂

Đề nhà thờ quan Tư-đồ Trần Nguyên-Đán

Xe mai đầu quản lối bùn lầy,  
 Bóng xế rồi nhà mới tới đây;  
 Tiếng suối sau mưa ghènh đá chuyển,  
 Bóng tre đầu gió bức rèm lay;  
 Diêm-mai việc trước bia còn chữ,  
 Tinh dầu đàn xưa nẻo khuất mây;  
 Vǎng-vǎng dòng tiên người cũng vǎng,  
 Mắt nhìn đầu cũ dạ buồn thay!

XXXII

萬古此江山。  
 太平須致力。  
 擒胡賊子關。  
 奪梁章子陽渡。

從駕還京師

陳光啓

Theo vua về Kinh-sư (Trần Quang-Khải)

Chuong-dương tranh giáo giặc,  
 Hàm-tử giệp Hồ-nhung;  
 Buổi thịnh nên đưa sức,  
 Nghìn xưa vẫn núi sông.

XXXIII

類南雨暑竹梅中福  
 然望過來亭塢有興  
 一狼呼邀雲雪平一  
 榻烟童客捲消園曲  
 夢無理澆碧珠數水  
 偏復藥茶琅蓓畝回  
 安。起。欄。碗。玕。蓄。寬。環。

福興園

Vườn Phúc-hưng

Phúc-hưng một khúc nước quanh vòng,  
 Và mẫu vườn bằng nổi ở trong;  
 Tuyết lần thôn mai châu lạc-đạc,  
 Mây che đình trúc biếc mệnh-mông;  
 Chén chè khi nắng cay người nhấp,  
 Cây thuốc sau mưa gọi trẻ trồng;  
 Một góc trời nam không khói lửa,  
 Thành-thời trên gối giấc tiên nồng.

XXXIV

梅詩李太荒舊厓劉  
 花客氏平祠塔從家  
 如重山圖古江東渡  
 雪來河誌塚亭行口  
 照頭二幾石秋昔樹  
 晴髮酉千麟水泊參  
 川。白。年。里。前。上。船。天。

劉家渡

Bến Lưu-gia

Bến Lưu cô-thụ bóng che trời,  
 Thuyền ngư ngày xưa đã tới nơi;  
 Đình tháp trên sông nền vẫn cũ,  
 Mả đền trước đá dấu chưa rời;  
 Đất vuông nghìn dặm đồ nguyên bức,  
 Năm chẵn hai trăm Lý một đời;  
 Gặp gỡ khách thơ đầu trắng xóa,  
 Đây sông tựa tuyết bóng mai rơi.

XXXV

羞男三橫  
 聽兒軍稍  
 人未貌江  
 間了虎山  
 說功氣恰  
 武名吞幾  
 候。價。牛。秋。

范五老

唐擁人豪扶

Thuật hoài (Phạm Ngũ-Lão)

Mây độ non sông giáo một cây,  
 Ba quân gươm thét khóm sao lay;  
 Công danh trai chữa đèn xong nợ,  
 Truyen Vũ hầu nghe những mặt dày.

XXXVI

綠日竹溪客旅秋拂  
 雲暮外頭帆雁色衣  
 暗詎人佛點行誰獨  
 野知家寺點行將自  
 看凝隔依落過到立  
 豐埭淡紅晴別眼江  
 年。處。烟。葉。天。浦。邊。阡。

江村秋望 裴宗瓘

Ở bên sông trông cảnh thu

(Bài Tôn-Quán)

Chiếc áo bên ghènh lúc đứng chơi,  
 Nét thu ai khéo vẽ da trời;  
 Đôi hàng chim nhận qua đầu bến,  
 Một cánh buồm tiên chạy giữa vờ;  
 Chùa khuất lá khe hồng rục-rục,  
 Nhà che mù trúc trắng hơi-hơi;  
 Chiều trông mừng thấy mùa màng được  
 Mây phủ đầy đồng biếc láng-lai.

XXXVII

借旅樵漁野牆春空  
 酒顏歌火雁烏藍翠  
 作悲隔前送啼潑浮  
 微冷岸灣歸落水烟  
 曠。落。聞。見。雲。照。紋。色。

晚景 莫挺之

Cảnh chiều (Mac Đình-Chi)

Trên không lồng sắc khói,  
 Làn nước vẽ màu xuân;  
 Bóng ngả ô cong lười,  
 Mây về nhận tiền chân;  
 Bể kia đèn cá dãi,  
 Bờ nọ giọng tiêu gần;  
 Mặt khách sao buồn bã,  
 Hơi say đỏ đỏ dần.

XXXVIII

我 濂 山 水 擺 張 滄 蝴  
 欲 溪 歸 入 棹 帆 浪 蝶  
 訪 何 三 九 破 開 聞 醒  
 烟 處 楚 江 晴 宿 棹 殘  
 羅。是。多。濶。波。霧。歌。夢。

早 行

Đi buổi sớm

Giấc tàn hồn điệp tỉnh,  
 Chài hát bên 1 hương ồn ;  
 Buồm thẳng tan mù nhạt,  
 Chèo đưa vượt sóng cồn ;  
 Cửu-giang lai-láng nước,  
 Tam-sở chấp-chùng non ;  
 Ai biết Liêm-khé đó ?  
 Nương cây khách hỏi rồn.

XXXIX

江 客 孤 兩 一 數 微 曉  
 水 中 山 岸 葉 杯 吟 日  
 自 無 草 烟 杜 彭 擁 開  
 東 限 木 雲 陵 澤 黑 新  
 流。思。秋。暮。舟。酒。裘。霽。

過

裴 慕 彭 澤  
 嘗 宗 教 青 澤  
 使 賜 教 人 威 興  
 元 榜 人 英 興  
 眼 。

Qua huyện Bành-trạch bên Tàu

(Bùi Mỗ)

Bóng mai trắm về mới,  
 Thơ túi chiếc cừ đen ;  
 Say tỉnh Đào chuông rượu,  
 Đong đưa Đổ lá thuyền ;  
 Bờ liền mây khói vãn,  
 Núi trội cỏ cây chen ;  
 Đắt khách đòi con nhỏ,  
 Triều đông nước đã quen.

XL

松 客 池 兩 林 春 步 心  
 花 去 淨 收 幽 晚 履 灰  
 滿 僧 月 天 蟬 花 到 蝸  
 地 無 分 一 韻 容 禪 角  
 香。語。涼。碧。長。薄。堂。夢。

嘉 林 寺

陳 光 朝 國 峻 孫 封  
 招 卜 居 瓊 林 文 惠 王 洞 窟  
 文 士 吟 詠 。

Chùa Gia-lâm

(Trần Quang-Triệu)

Oa giốc hòn mai tỉnh,  
 Nhà thiền đạo bước qua ;  
 Xuân chày màu nhị nhạt,  
 Rừng lối liếng ve xa ;  
 Trời tinh in da biếc,  
 Ao trong lạnh bóng nga ;  
 Khách về sư biếng tiên,  
 Tùng nhật sức mùi hoa.

XLI

且 幾 琴 松 世 人 家 秋  
 向 多 書 菊 態 情 書 滿  
 樽 俛 歲 故 高 疎 不 山  
 前 偏 晚 交 低 密 到 城  
 試 胸 喜 嗟 拍 敲 海 倍  
 一 中 同 異 岸 逢 天 寂  
 澗。舉。調。路。潮。雨。遙。寥。

舟 中 獨 酌

Uống rượu một mình khi trong thuyền

Màn thu hiu-hắt về bên thành,  
 Trời bể tin nhà đợi vắng tanh ;  
 Nết ở nhất thừa mưa trước mái,  
 Mùi đời cao thấp sóng đầu gành ;  
 Bạn xưa từng cúc đường nam bắc,  
 Năm cuối đàn thơ giọng tỉnh tỉnh ;  
 Trong dạ biết bao điều tức tởi,  
 Tầy-phiên thử mượn chén - lưng bình.

XLII

春 晚 溪 岸  
 雨 霰 灑 轉  
 片 孤 花 樹  
 帆 鳥 倒 斜  
 來。沒。開。出。  
 光 洞 寮 阮  
 朝 庵 嘗 昶  
 吟 與 於 號  
 詠 陳 碧 適

江 行

Đi nơi sông

(Nguyễn Xương)

Bò khuất cây ra ngược,  
 Khe sáu nhị nở quăn ;  
 Chim đơn nương dáng vãn,  
 Buồm chiếc trời mưa xuân.

XLIII

思別詩官前雅同論  
君後好清程韻道交  
一無月霜莫難復如  
悵知歸歷問諸同素  
然已船屋天俗年舊

**過至靈**  
**送杜隱棊子**

Tiền Đổ-ần cơ-tử qua Chi-linh

Trò chuyện như người cũ,  
Niên đồng đạo cũng đồng ;  
Chỉ ghen người sượng họa,  
Lọ hỏi mệnh cùng thông ;  
Mùi hoạn sương đầu óc,  
Câu thơ nguyệt trước bông ;  
Biết nhau nào mấy kẻ,  
Lúc biệt ấy khôn cùng.

XLIV

石爛聽汲塔雲松佛  
上柯鐘澗倚藏風土  
苔問眼歸層古吹莊  
衣著客僧霄寺起嚴  
積仙倚行世山海修  
漸棋花木古南潮萬  
深事陰杪今北音金

**仙遊山萬福寺**

Chùa Vạn-phúc núi Tiên-du

Cõi phát nguy nga tồn biết bao,  
Tùng lay chuyện gió bẻ reo trào ;  
Quanh non nam bắc mây chùa khuất,  
Trải cuộc xưa nay đá tháp cao ;  
Gàu nước sư về miền cổ-giản,  
Tiếng chuông người trót giắc thanh-lao ;  
Xem cờ hỏi truyền tiều-phu trước,  
Dấu đã che rêu những thớ nào.

XLV

一扁功湖書斷叩江  
味舟名海鷓虹舫國  
萼臘二十沿掛乘潮  
籬欲字年流漢輿平  
柰尋賺知水天答日  
爾張人已寂收漁又  
何翰多少波雨歌斜

**舟中卽事**

Đi thuyền

Mặt nước bằng ngang bóng đé tà,  
Gõ thuyền vui họa khúc ngư-ca ;  
Cầu vồng bắc bằng cơn mưa tạnh ;  
Thuyền về chèo lặn tiếng sóng xa ;  
Lò-hải mười năm nào bạn cũ,  
Công-danh hai chữ đối người ta ;  
Giương buồm cũng rắp theo Trương Hãn,  
Một vị thuần lưu nghĩ lại mà...!

XLVI

鞭洞漁手墨云手畫人  
起前梭中戲是題人  
屏猶暫造三重一車  
翳帶托化味華幅白  
驅濕陶妙辰聖模  
霹雲家無從聖糊  
靨歸壁迹容人  
塵歸壁迹容人  
只至一平吟熱印  
合尊片生聲壇分  
形若禪攀聲展三  
求待心龍彷彿拜  
築爲隨佛生謝道  
岩霖流則公天硃  
土時水已堂賜香光

**代人謝賜御書黑龍**  
**阮億**  
官翰林

Thầy người tạ vua ban cho tranh rồng đen

(Nguyễn Úc)

Tự cung Sùng-thiên khách tới đây,  
Một bức long-họa cầm trong tay ;  
Khách rằng chín lần thiên-tử muốn việc  
rảnh.  
Thau mực rừng bút thanh-thả thay.  
Tay tạo huyền-diệu ai biết dựng,  
Mượn thời họ Đâu lúc thừa-hưng ;  
Đưa đám mây cao trên núi về,  
Mù khói quét trong sấm chớp lạng.  
Năm chữ màu xuân hằng nước khe,  
Ba đạo hương nếp nét châu đề ;  
Cúi tạ thánh-ân thiết đàn lay,  
Tiếng ngấm sang-sảng công-đường nghe.  
Phan long việc cũ đà vắng-vẻ,  
Một tâm lòng thiên theo nước bề ;

Thành-quân muốn triệu kẻ làm mưa,  
Tượng truyền gửi xin đòi thợ vẽ.

XLVII

網	同	孤	一	<b>題顧步鶴圖</b>
羅	首	鶴	堆	
只	不	便	老	
是	須	翻	石	
眼	防	未	竹	
前	在	肯	參	
機	後	飛	差	

Đề tranh bạc vừa đi vừa gánh lại  
Một tòa đá cổ trúc thưa dày,  
Chiếc bóng dùng dằng hạc biếng bay;  
Những việc lo sau là việc trê,  
Chỉ e trước mắt lưới giàng ngay.

XLVIII

有	說	世	貧	春	夜	惟	窮	<b>客舍和友人韻</b>
如	到	事	交	風	日	恨	居	
江	此	搏	食	幾	屢	梅	隨	
水	情	沙	攬	度	驚	花	分	
暮	猶	只	方	燕	鳥	不	寄	
滔	未	漫	知	辭	遶	入	衡	
滔	信	勞	味	巢	樹	騷	茅	

Họa nguyền vận

Phân hèn nường nán chiếc lều tranh,  
Nhật cóp bông mai giận Khuất-bình;  
Đêm lập-lòa trắng ó ngại bóng,  
Xuân thay-đổi gió yển lia cành;  
Biết lòng trong lúc cùng cay đắng,  
Lo việc trên đời luống quần quanh;  
Nói đến tình này còn bỡ-ngỡ,  
Chứng - minh đã có nước đầu gành.

XLIX

醫	憑	跡	越	<b>過越井岡 杜子微</b>
我	誰	留	井	
乾	覓	事	淒	
坤	得	去	涼	
一	三	使	草	
餐	年	人	木	
疣	艾	愁	秋	

中書令 號存齋官

Qua Việt-tĩnh

(Đỗ Tử-Vi)

Việt-tĩnh buồn thu cỏ một vùng,  
Dầu còn việc vắng khách đau lòng  
Ba năm cây ngải ai tìm được,  
Thử chữa người thừa của hóa-công.

L

此	欲	青	紅	<b>閑居題水壘 范宗邁</b>
生	喚	山	樹	
未	扁	千	一	
卜	舟	里	溪	
行	歸	斜	流	
藏	去	陽	水	
				初 山 元 明 尊
				使 人 溪 夾 鏡

Đề chương vẽ thủy-mặc

(Phạm Tôn-Mai)

Cây cỏ một khe nước chảy,  
Non xanh nghìn dặm bóng chênh;  
Muốn gọi chiếc thuyền về thử,  
Thân này xuất xứ chưa đành.

LI

日	多	少	陶	數	一	扶	到	<b>題隱者所居 和韻</b>
暮	情	陵	令	畝	襟	藜	處	
悠	最	吟	歸	田	人	敲	知	
悠	愛	興	心	園	物	破	台	
倦	堂	動	帶	足	渾	碧	臭	
鳥	前	江	杞	自	無	苔	味	
還	景	山	菊	寬	分	斑	蘭	

Họa bài đề nhà người ăn-sĩ

Đầu dầu nô-nức tiếng thơm đồn,  
Gậy vạch râu xanh khách bước rồn;  
Lòng dầu gương người trong lẻo-lẻo,  
Thú vui mẫu ruộng nhỏ con-con;  
Vườn Đào thăm-viếng cây tùng cúc,  
Thơ Đỗ vui-vầy cảnh nước non;  
Phong-cảnh trước sân thêm mển dạ,  
Đoàn chim về tổ lúc hoàng-hôn.

LII

一 隔 日 人 山 春 旋 坡  
 篙 屋 逗 從 運 點 酌 頭  
 燈 暫 疎 勝 野 點 清 駐  
 火 同 雲 景 樹 粧 泉 馬  
 話 僧 缺 吟 綠 花 洗 夕  
 平 舍 處 邊 縱 紅 破 陽  
 生 宿 明 興 橫 乙 舫 亭  
 軒

春郊晚行  
 阮子成 號松軒

Chiều xuân vân cảnh

Bên đình dừng ngựa lúc hoàng-hôn,  
 Rửa chén bên dòng nước suối tuôn ;  
 Hoa sánh màu hồng xuân bữa trại,  
 Tây lồng sắc biếc nội liền non ;  
 Thơ ngoài cảnh đẹp nhiều câu thú,  
 Ấc giữa mây thưa một bóng tròn ;  
 Tam ngụ nhà tăng dầy với đó,  
 Cùng nhau đèn lửa tỏ lòng son.

LIII

白 何 石 鉄 人 詩 年 四  
 首 當 盤 硯 涉 經 來 海  
 真 破 歲 工 多 百 尚 賓  
 人 得 月 夫 虞 鍊 有 朋  
 倩 天 子 吾 卽 無 月 總  
 壓 荒 嶂 頓 老 陳 孤 弟  
 驚 了 嶼 挫 成 腐 明 兄

簡范鏡溪

Lưu-giản cho Phạm Kinh-khê

Bộn bề anh em một mối tình,  
 Tưởng soi chung một bóng trăng thanh ;  
 Dùi mài thơ mắt cầu trần-hủ,  
 Lo lắng người nền bậc lão-thành ;  
 Ta hồ ưởng công nghiên bút cũ,  
 Người riêng vui thú nước non xinh ;  
 Sao cho phá cuộc thiên-hoang đó,  
 Bạch-thủ chân-nhân dễ phải kinh.

LIV

瀘 別 駐 叨  
 江 酒 馬 持  
 東 一 孤 使  
 畔 杯 亭 節  
 卽 分 日 出  
 天 客 未 京  
 涯 興 斜 華

北使初渡瀘江

阮忠彥

字邦直  
 號介軒

天施土黃  
 人嘗使元

Sang sứ Tàu mới qua Lu-giang

(Nguyễn Trung-Ngạn)

Vàng cầm sứ-liết già kinh-thành,  
 Dừng ngựa bên đình bóng chữa chành ;  
 Một chén biệt-ly khuấy-khỏa dạ,  
 Ngoài dòng Lư-thủy góc trời xanh.

LV

二 枕 歸 落 秋 晚 他 草  
 十 邊 舟 雁 水 山 鄉 木  
 四 重 背 衝 道 吟 尚 已  
 灘 掩 月 烟 心 骨 客 凋  
 聲 耳 撐 下 清 瘦 程 零  
 懷

湘江秋懷

Sông Tương cảm hoài

Cây thu khiếp lạnh-lùng,  
 Đát khách những xa trông ;  
 Non vãn và câu thú,  
 Dòng thu một dạ trong ;  
 Xông mù chim nhận vượt,  
 Trái nguyệt cánh bướm giông ;  
 Bên gối tai dờng diếc,  
 Xôn-xao nước chảy vòng.

(Còn nữa)

Tiến-sĩ ĐINH VĂN-CHẤP dịch



# KHẢO VỀ PHONG-TỤC NƯỚC TÀU (1)

## IV

### THIÊN THỨ III

#### Phù-mĩ thời-đại

(tức là đời loạn - trọc)

CHƯƠNG THỨ I. — XÉT TỪ ĐỜI NGUY,  
TẤN, NAM-BẮC TRIỀU ĐẾN ĐỜI TÙNG.

10 *Thanh-nghị*. — Cuối đời Hán những người danh-sĩ thường phẫn-đề lẫn nhau, đã tập thành phong-khí. Bởi vậy triều-đình dùng người cũng thường theo lời thanh-nghị, có thể chữa được cái thói cứ hay di-duyên thế-lợi để câu-cạnh. Cho nên Hà-Quy, Đổ-Thứ ở nước Ngụy đều chú-trọng xét về những lời bình-phẩm trong làng. Trần-Quần mới lập ra cái phép cửu-phẩm trung-chính. Đến đời Tấn nhân theo, các nơi làng xóm đều có thanh-nghị, không cứ gì người có tước-vị, hễ mà lời khen-chê đã động đến thì cũng đủ làm khuyển-răn, cho nên có kẻ bị lời thanh-nghị mà phải phế, như là Trần-Thọ, Diêm-Nghĩa, Biện-Túy. Có kẻ bị thanh-nghị phải truất như Hàn-Dự, Lý-Hàm, Vương-Thức, Ôn-Kiệu, Nhâm-Nhuong, Châu-Tai, Trần-Huyền. Trong sách sử Nam-triều có nói về đời Tống Võ-đế, Tề Cao-đế khi mới lên ngôi có hạ tờ chiếu đại-xá bảo rằng: Hễ người nào mắc phải thanh-nghị mà trước đã bị chua vào sổ thì đều cho xóa đi cả. Nghĩa là khi trước người nào mắc thanh-nghị thì đều bị quan Trung-chính chua vào sổ. Ấy thanh-nghị nghiêm như thế, mà lại giữ được trung-chính dùng để phân-biệt lưu-phẩm các hạng người, cũng là một cái phép đặc-sắc về đời Lục-triều. Tuy rằng phép lập ra lâu rồi cũng sinh tệ, tiếng gọi là trung-chính mà không giữ được công-bình, song những lời thanh-nghị ở chốn hương-thôn vẫn nghiêm-khắc vậy.

20 *Lưu-phẩm*. — Tào-Thào từ khi giữ được Ký-châu, chuộng dùng những người thác-thỉ, cho rằng có nết hư cũng không hại gì đến tài, thường hạ lệnh xuống cầu những người có tiếng tham-ô nết xấu mà có tài giỏi dụng-binh trị nước cũng dùng. Nhưng cái thói thận-trọng phân-biệt các lưu-phẩm vẫn không tồn-hại chút nào. Từ đời Tấn Tống trở về sau, đã thành ra một cái quan-niệm phổ-thông phân-biệt các hạng người, như con Vương-Đạo đời Tống không cho Sái Hưng-Tôn cùng ngôi; Vương-Câu không cho Vương-Hoảng đến ngôi gần; Dương-Khẩn đời Lương cự kè hoạn-quan Trương Mỗ bảo rằng: Cái sập của ta không phải những chú quan-thị được ngồi! Cổ Đình-Lâm rằng: « Từ cuối năm Vạn-lịch, những kẻ tấn - thân không biết lấy lễ sửa mình, mà giao-du với cả kẻ tiều-hân, thơ-từ với cả kẻ lính hầu, đến như khi quan công-khanh thượng-thọ mà các quan đều xưng con để chúc thọ, nên đến nỗi trong nước làm-than, thần-châu chim dấm cũng là vì cơ ấy ». Than ôi! Xem như lời họ Cổ nói, thì biết phân-biệt các hạng lưu-phẩm cũng quan-hệ về đường liêm-xỉ lắm.

30 *Môn-đệ*. — Cái chế-độ giai-cấp của nước Tàu, từ đời cuối nhà Châu đã bị những kẻ du-thuyết họ phá đổ, đến đời Lục-triều lại phân ra môn-đệ rất nghiêm, lúc ấy lại lấy những hà vọng-tộc làm hạng sĩ 士, những kẻ bình-dân làm hạng thứ 庶, cái thói phân-biệt ra sĩ với thứ đã in sâu vào lòng người không thể làm cho hỗn-tạp được. Hạng sĩ với hạng thứ không được thông-hôn với nhau, nếu lỡ ra mà thông-hôn với

(1) Lược dịch theo sách «*Trung-quốc phong-lục sử*» của Trương Lượng-Thái. Xem N.P. từ số 111.

hạng thứ-dân, thì lấy làm điểm-nhục cho bọn sĩ-tộc lắm. Vậy nên những họ thứ-dân khi ấy chỉ mong được cùng đua đàn ghé gắm với bọn sĩ-tộc là lấy làm vinh-hạnh, nhưng vẫn không thể được. Thậm-chí có kẻ nộp của cầu làm môn-sinh nhà sĩ-tộc để mong có ngày tiến thân. Đời Lục-triều gọi là môn-sinh chẳng qua cũng như kẻ môn-hạ theo hầu, chứ không phải là học trò thụ-nghiệp. Thế mà những kẻ con em nhà giàu lại muốn cầu làm môn-sinh là vì cái tệ phép Trung-chính dung người đời bấy giờ những kẻ hà-môn không mấy khi được lên thượng-phẩm, kẻ thế-tộc không mấy khi phải ở hạ-phẩm. Kẻ hàn-môn đã không được tiến-thân, thì chỉ có một cách là tính niên-hạn được lâu thì là thăng quan, vậy nên có nhiều người không tiếc gì mình sung làm chức hèn-hạ, có khi đem của để đút-lót cầu-cạnh làm một chức lâu năm là thăng lên dần. Mà tự-trung bọn sĩ-tộc cũng không có tài giỏi gì hơn ai, chẳng qua chỉ ứng-dụng nhờ về bọn đầy tớ giỏi, là-luật tự-đắc, trong tâm chỉ biết lấy hai chữ *môn-dê* tự-cao không coi ai ra gì, mà đến khi lâm-sự lại phải ý-trọng đến những kẻ hàn-môn, vậy nên đời Nam-triều dung người thường phải cho kẻ hàn-môn coi giữ cả việc cơ-yếu.

40 *Thị-tộc và danh-tự.*—Từ đời Ngũ-hồ vào quấy rối Trung-quốc, thì chúng-tộc không thể nào mà phân-biệt được nữa, bởi vậy những họ quý-tộc phải làm tiêu-biểu cho khác ra, mới mượn cái phép Trung-chính chỉ kẻ bọn sĩ-tộc là thượng-lưu, để cho trọng cái môn-phiệt của mình, các quan hữu-ti có tuyền-cử thì tất phải xem xét tộc-phổ để phân-biệt chân-ngụy. Nhưng lúc bấy giờ cái thói đồng-tính thông-phổ lại càng thậm tệ, như là Thạch-Lặc vợ dấn cả Thạch-Phác làm họ tôn-thất, Tôn-Cân lại dấn cả Tôn-Tú làm cùng họ; Hậu-Cảnh lại dấn cả Hậu-Châu

làm họ đồng-tông; Thôi-Hiệu lại kể là cùng họ với Thôi-Khoan, Đỗ-Thuyền cũng viện là cùng họ với Đỗ-Siêu; Vi-Đĩnh làm gia-phổ họ Vi cũng kể cùng họ với Vi Thế-Khang, ấy cũng là cái dịp hay để cho các họ thứ-dân y-phụ và liên-lạc với sĩ-tộc. Nhưng tự-trung cũng có họ đồng-tộc mà phẩm-vọng bất-đồng, ấy cũng là người Bắc mới nhiệm cái thói người Nam vẫn phân-biệt ra từng họ. Song kỳ thực thị-tộc vẫn không khỏi hỗn hào. Lại có cái thói mạo-nhận họ là trước nhất từ Lã-Bình, Quán-Mạnh, Đường-ấp, Cam-phủ đời Hán, mà đời Tấn đời Ngụy lại càng thịnh, thậm-chí có kẻ khác họ mà cũng nhận ăn thừa-tự người, như là Trần-Kiều vốn là con nhà họ Lưu mà nhận thừa-tự cậu là họ Ngô, Chu Nhiên vốn là dòng họ Thi 施 lại lấy con nhà chị làm hậu họ Chu 朱. Xem như Tống Hứa-Vinh có dâng sớ nói rằng hiện nay những kẻ lai-hầu chốn dài-phủ, các quan võ-hầu chốn trực-vệ, và những kẻ đầy-tớ tì-nhi, thường lấy theo họ nhà mẹ, chớ nó vốn là đứa đầy tớ hầu-hạ, không có phẩm-vọng gì trong hương-ấp cả. Xem đó thì biết bấy giờ mạo-tính nhiều lắm. Các họ thứ-dân đã vì giới-hạn nghiêm quá, mà phải thông gia-phổ mạo-tính-thị để cầu kiêu-hãnh ra làm quan; mà những nhà sĩ-tộc cũng vì nhiều kẻ mạo-tính thông-phổ, nên cũng không giữ được hoàn-toàn là sĩ-tộc. Đến đời Tùy bãi bỏ cái phép Trung-chính (cứ lấy họ nhà dòng ra bỏ quan) đi, thì mới không phân-biệt gì thị-tộc nữa.

*Danh với tự giống nhau là khởi-thủy từ khoảng đời Tấn Tống, cứ như Sứ chép vua An-đế đời Tấn tên húy là Đức-Tôn mà tên tự cũng là Đức-tôn, vua Cung-đế tên húy là Đức-Văn mà tên tự cũng là Đức-văn, vua Cối-Kê tên là Đạo-Tử mà tên tự cũng là Đạo-tử, Âu Trọng-*

Văn tên tự cũng là Trọng-Văn; ở về đời Tống, Sài Hưng-Tôn tên tự cũng là Hưng-Tôn, Nhan Kiến-Viễn tên tự cũng là Kiến-Viễn; ở về đời Lương, Vương Tăng-Nhụ tên tự cũng là Tăng-Nhụ, Lưu Hiếu-Sức tên tự cũng là Hiếu-Sức, Sưu Trọng-Dung tên tự cũng là Trọng-Dung, Giang Đức-Tảo tên tự cũng là Đức-Tảo; ở về đời Bắc-Tề, Mộ-Dung Thiệu-Tôn tên tự cũng là Thiệu-Tôn; ở về đời Hậu-châu, Vương Tư-Chính tên tự cũng là Tư-Chính, Tân Khánh-Chi tên tự cũng là Khánh-Chi, Thôi Ngạn-Mục tên tự cũng là Ngạn-Mục.

Người đời Lục-triều rất là cẩn-trọng kiêng tên húy cha mẹ, như Tạ Siêu-Tôn Vương-Lượng nghe nói đến tên húy là phải đi chân không để chịu lỗi, Tiêu-Thâm thì nghe nói đến tên húy mà biến cả nét mặt; lại có người nghe nói đến tên húy mà phát khóc, có người kiêng cả những chữ đồng-âm với tên húy, viết thư cho người cũng không nói đến, có kẻ thấy người viết thư cho mình mà lầm phạm đến tên húy cha mình thì rỏ nước mắt ra quên mất cả việc công; có người cha tên Văn thì đọc chữ *phân-vân* chạnh ra *phân-nhân*, có người cha húy là *Đồng* thì gọi *ngô-dồng* là cây *bạch-thiết*, có người cha húy là *Chiêu* 昭 thì suốt đời không viết đến chữ *Chiêu*, chỉ viết là bên tả theo chữ *nhật* 日 bên hữu theo chữ *triệu* 召. Những việc trên này đều chép ở trong sách *Nhan-thị gia-huấn* thiên *Phong-tháo*.

Những tên gọi khi nhỏ thường khi lớn lên là đổi tên khác, mà kiêng cái tên gọi khi nhỏ, cũng có người lớn lên vẫn dùng cái tên khi nhỏ, như là khi nhỏ Lã-hậu tên là Nga-Hú, Trần-hậu vợ vua Vũ đế tên là Á-kiền, Quách-hậu vợ vua Quang-Vũ tên là Thánh-Thống, cháu Trịnh Khang-Thành tên là Tiêu-Đồng, Quang-Vũ tên Tú, con Dương-Hùng tên là Đồng-Ô, tên những người ấy lớn lên đều không đổi cả.

Lại như khi nhỏ Tư-Mã Trường-Khanh tên là Khuyển-tử, Khuông Trĩ-Khue tên là Đĩnh, Lưu-Thiên tên là Át-Đầu, Tào-Thảo tên là Tào-Man, Tang-Bá tên là Khấu-Nô, Ban-Huê-Cơ tên là Chiêu, tên những người ấy lớn lên đều ần đi cả. Đời Tấn Tống về sau lại càng thịnh-hành dùng cái tên thua nhỏ, xem như sách chép những *tiêu-danh* của Lục Qui-Mông thì biết.

50 *Xét về đường hoạn-sĩ*. — Đời ấy theo phép Trung-chính mà dùng người, thì chỉ có những họ *sĩ-tộc* có quyền. Duy đời Lương có đặt ra chức *châu-trọng quân-sùng*, kẻ *huong-hào* được có quyền *hồ-thụ*, thì không có *phân-biệt* kẻ *quí* người *hèn* nữa. Sau đến đời Tấn lại có Vương-Nhung giữ việc *tuyên-cử* chỉ *chuộng* thói *phù-hoa* làm *bại-hoại* mất cả *phong-tục*, tuy *Phó-Hàm* hặc tâu, nhưng *Nhung* vì *thông-gia* với *Giả-Quách*, nên không mắc tội. Đến đời Tề thì có phép *huong-cử* *ý-tuyên* để *kén* lấy người, nhưng không xét gì đến *tài-dức*, chỉ *tiến* lấy những người *thông-gia* với *quan* hoặc *dòng-dõi* nhà *quan*, nên những họ *quí-tộc* cỡ người *hai mươi* tuổi đã ra làm *quan*, mà nhà *môn-hộ* kém thường đến *ba mươi* tuổi mới ra thì làm *thơ-lại*. Cho nên thành ra cái *tệ* có nhiều kẻ *giả-mạo* nét mặt và nói *dối* thêm tuổi lên để *hi-dò* *tiến-thân*. Khi ấy những kẻ *học trò* thì chỉ *hậu* kết *thông-gia* để *cầu* *viện-trợ*, *chạy-chọt* đi *thỉnh-thác* mọi nơi đã *dần* thành thói *quen* rồi. Đời Lương, khi ông *Từ-Miền* giữ việc *tuyên-cử*, tâu *chia* *cử-phẩm* ra *mười tám* *ban*, từ *đấy* kẻ *tham-mạo* chỉ *lấy* *của-cải* *đút* *lót* mà *tiến* lên, kẻ *đạo-dức* thì *phải* *chịu* *bần-hàn* mà *mai-một* đi. Đời *Tùy* *tuyên-cử* nhiều kẻ *quá* *lạm*, nhưng không *hại* gì *lớn* thì *cứ* *để* *chờ* *tại-chức* *đến* *chết* *chờ* không *truất* *bỏ*, vậy nên *tục-ngữ* đã có *câu*: *Làm* *quan* *như* *dừa* *chết*, *sao*

chẳng bước mà về ! Vả lại khi ấy chuyên chuộng văn-chương từ - phú, học trò quen thói phù-bạc, không biết lấy sự bôn-cạnh làm xấu hổ. Sách *Gia-huân* của Nhan Chi-Thôi có nói rằng: Thường thấy nhiều kẻ sĩ-phụ lấy sự nông-tang công-nghệ làm xấu hổ mà không thèm làm, nhưng tập bản thì không từng đọc bia, cầm bút thì chỉ biết ký được mấy chữ tên, thế mà ăn uống rượu chè say-sua suốt ngày. Lại đương khi Lương-triều loạn - thịnh, những kẻ con em nhà quan sang, phần nhiều không có học-thức gì cả, thế mà mặc áo là bông, mặt cạo nhẵn cắc, đánh phấn bôi son, ngồi xe mái dài, đi guốc chân cao, ngồi đệm vuông bàn cờ, đeo túi gấm bằng tơ, trong nhà bày đồ cờ đồ chơi rục-rỡ, thung-dung như thần-tiên, đến khi thất-thế cách quan về, thì chỉ là kẻ nô-tài hèn-hạ. Xem câu nói ấy thì đủ biết cái tài nghệ kẻ làm quan lúc bấy giờ. Sách *Tân-thư* có chép truyện Phan Nhạc rằng: Nhạc cùng với Thạch-Sùng thường siểm-nịnh phục-sự Giả-Bật, chực khi nào Bật đi xe ra thì trông theo bụi mà lạ. Nam-sử có chép rằng: Khi ấy có người đất Quảng-lãng là Cao Sảng, học rộng tài giỏi. Bấy giờ quan huyện Tân-lãng là Lưu-Thiến, Sảng nhân qua đường vào chơi, quan huyện không thèm tiếp. Được ít lâu Sảng lại thay Thiến làm tri-huyện Thiến đón ruốc tặng đáp rất hậu. Xem đó thì biết cái thói đời viên-lương lúc bấy giờ.

60 *Danh-tiết.* — Cái thói quen của những kẻ nhân-thần đời Nam-Bắc-triều lúc bấy giờ thường lấy đồ bảo-vật của một nhà này lại đem hiến cho nhà khác, như là khi Triệu-vương Luân cướp ngôi, Nhạc-Quảng vẫn tự hiệu là Nguyên-hư, mà thân đem dâng ấn ngọc Tỉ đề khuyên Luân lên tiếm ngôi. Họ Vương họ Tạ là thế-thần đời nhà Tấn, thế mà cháu Vương Đạo là Bật đem dâng ti-

thủ cho người Hoàn-Nguyên. Tăng-tôn Vương Đạo là Hoảng lại ra làm bày tội tá-mệnh cho đời nhà Tống; cháu Tạ-An là Đạm lại đem dâng tờ sách-thư cho Lưu-Dụ lên làm vua. Tạ Truyết trái làm quan ba triều; hết Tống sang Tề lại đến Lương, như là người đàn bà trái ba đời chồng, mà thế-tục cũng không cho làm quái lạ, danh-tiết như thế thực là quét đất hết sạch; nhưng đời Lục-triều tuy là phù-bạc, mà những người liết-tháo cũng không phải là không có, như là Viên-Sán đời Tống, Vi-Sán đời Lương, hãy còn lưu-phương thiên-cổ. Ông Đào Uyên-minh bỏ quan về ẩn, cũng là một người sử-sĩ có tiếng ở đời Tấn. Đất Hà-nam nước Tấn có Tân-Cung-Tĩnh nói rằng: « Thà làm ma tổ-quốc, chớ không thèm làm tôi quân giặc muông ! » Đất Tân-dã nước Tề có Lưu Tư Kỵ nói rằng: « Thà làm ma xứ Nam, chớ không thèm làm tôi người Bắc » Đời Tống Thẩm Du-Chi nói rằng: « Thà chết theo Vương Lăng, chớ không thèm sống với Giả-Sung ! » Lời phong-dao ở Thạch-dầu-thành rằng: « Thà chết theo Viên-Sán, chớ không thèm sống với Chử-Uyên ! » Những người trên ấy thực là anh-phong kinh-tiết, can-dảm hơn người. Xét đến đời Ngụy thì đời Ngụy-Văn cũng còn có Vương-Lãng, Văn - Khâm, Vô-Khâu-Kiệm, Gia-cát - Đản cũng là những người có khí-tiết ở đời ấy, tuy rằng là số ít, nhưng cũng không phải là toàn-vô-nhân.

70 *Thanh-dàm.* — Cái thói thanh-dàm khởi-thủy tự đời Ngụy, trong năm Chính-thủy thì có Hà-Yển, Vương-Bật bắt chước thói Lão Trang, về sau đến Nguyên-Tịch thì phóng-túng không giữ gì lễ phép cả. Vương-Điển, Nhạc-Quảng lấy làm hâm-mộ mà bắt chước, đều phóng-hoài không nghĩ gì đến việc đời cả, đều có trọng-danh ở thời ấy, nên thiên-hạ khen cách phong-kru đều khen

nhất là họ Vương họ Nhạc. Kể hậu-tiến vì thế đều đua theo thành ra hoang-dãn phù-phiếm, phong-tục càng ngày càng tệ, kẻ học-giả thì tôn Lão-Trang mà truất bỏ Lục-kinh, kẻ luận-giả thì chuộng phong-dãng mà chê hạnh-kiêm, cách ăn ở thì ai cũng lấy phóng-phiếm ô-chọc làm thông mà chê kẻ tín-nghĩa làm hẹp; lối làm quan thì ai cũng lấy tạm-bợ may được làm quí mà bỉ người chính-đáng làm khinh, đương chức quan thì lấy cái danh-vọng suông làm cao mà cười những người siêng-năng cần-thận. Nếu có người nào bác-sích những thói ấy là không phải, thì đời lại cho là kẻ tục-lại. Vậy nên Bùi-Quĩ có làm bài luận *Sùng-hữu* 崇有, Giang-Đôn có làm bài luận *Thông-đạo sùng-kiêm* 通道崇儉 đề cứu-chính lại. Biện-Khôn thì bài-bác Vương-Trùng, Tạ-Côn, bảo là bai-lễ thương-giáo, trung-triều mà đến nổi nghiêng-đổ là bởi tại thế. Phạm-Ninh thì bảo cái tội Vương-Bật, Hà-Yến thậm tệ hơn Kiệt Trụ. Hùng-Viễn, Trần-Đồi đều có số bài-bác cái thói phóng-túng, đều muốn đại-thanh tât-hồ để cứu-chính đời-tục. Nhưng tập-nhiệm đã sâu mỗi ngày lại càng suy kém mãi. Bởi vì phong-khí nó truyền lại là bởi tự đời Đông-Hàn chuộng khổ-tiết quá, rồi đến đời Ngụy-Vãn lại mộ những thói khoáng-đạt, sau trải qua loạn-lạc mãi, đất trung-nguyên lâm than khổ sở, nên người ta mới sinh ra cái chủ-nghĩa yếm-thế, say sưa về tử sắc, chìm đắm về cuộc cờ, đều là giúp cho cuộc thanh-dâm cả. Thời ấy chỉ có Đào-Khản thì không chịu đầu-nhau mà ngày ngày khuôn gạch, Ôn-Kiện thì không chịu ở nhà mà rút áo ra đi, Tồ-Địch thì qua sông gỗ bánh lái mà thề quét thanh nghịch-lặc, và Nhan Chi-Thôi, Vương-Thông là người học-vấn thâm-thúy, những người ấy đều là vượt hơn lưu-tục. Còn như cách uống rượu của Đào Uyên-Minh, thú gảy đàn của Kê-

Khang, hứng chơi hát của Tạ-An, thú chơi núi của Tạ Linh-Vận, những người ấy đều là có ký-thác mà chơi. Chứ còn thì toàn những người trong bụng không có định-kiến gì cả, chỉ đua chuộng phong-lưu, pháp-phối buổi đời loạn, cũng như là những kẻ sĩ-phu bây giờ say đắm ở trong những cuộc bài-bạc, chơi bời ở trong những đám nha-phiến rượu chè, toàn là những cách chơi vong-quốc cả. Song đại-thế nó đã xu về một đường, chúng-nhân đương lấy thế làm sung-sướng vẻ-vang, nếu không đua theo thì miệng người chê bĩ là ngu-dại. Vậy tuy có người hữu-chí không chơi bởi gì mà lắm lúc cũng không tự chủ-tri được, thực đáng thương thay! Kể sĩ bấy giờ chỉ học theo thói Lão-Trang, còn kinh Phật thì chỉ để làm cái câu chuyện thanh-dâm, lại hay mua lấy cái tiếng văn-chương danh-sĩ để làm của báu cho những kẻ thanh-dâm, mà văn-chương thì toàn là giọng phù-hoa khinh-bạc, phong-tục càng ngày càng tệ, có kẻ vị-tự-đắc thơ hay ganh nhau với vua Tùy Dường-đế mà bị hại. Xem như vua mà còn ganh nhau câu văn thơ với kẻ bày tôi, thì biết cái hiếu-thượng lúc bấy giờ vậy. Sách *Nam-sử* có chép chuyện những kẻ ân-hạnh bảo rằng: Cái tệ về thói thanh-dâm làm cho kẻ sĩ-phu không còn thiết gì coi đến chính-sự, để cho kẻ tiểu-nhân được hãnh tiến mà cầm quyền-chính. Câu nói ấy thực là đích-đáng.

80 *Phật Lão*. — Cái tư-liệu giúp cho thói thanh-dâm, thì Phật-học, Lão-học rất là có giá-trị. Phật-học lúc bấy giờ có phần che lấp mất cả Lão-học đi, nhưng có mấy người biết rõ cái công-dụng của Phật-học, chỉ bảo rằng thờ Phật thì có thể cầu được phúc, đến nỗi lấy cả tên chùa đặt làm tên hiệu, dùng cả Phật-ngữ làm lời chiếu-thư, có người lại đặt tên theo nhà sư gọi là Tăng Mỗ, hình như không một việc gì là lia bỏ Phật,

không phải là làm tướng Phật là thần đầu, chính là làm tướng Phật-học có cái chủ-nghĩa yếm-thế vậy.

9<sup>o</sup> *Tiếng nói Tiên-ti.* — Khi bấy giờ người rợ Tiên-ti thì chuộng việc chiến-tranh, mà người Hán thì chuộng việc canh-nông, người Hán vẫn phục-sự người rợ Tiên-ti, nên thường học theo tiếng nói người rợ Tiên-ti để cầu duanịnh, xét trong sách *Tùy-thư kinh-tịch* chỉ có rất nhiều sách chép về lối học tiếng nói Tiên-ti, cũng như người bây giờ đi học tiếng Tây-phương vậy.

10<sup>o</sup> *Mĩ-thuật.* — Kể sĩ đời Tấn Ngụy thì phóng-khí cả lễ-pháp không còn giữ-giữ lễ-nghĩa nữa, nhưg về đường nghệ-thuật thì cũng đề tâm tùy ý mà học làm, để làm cái đồ di-tinh dưỡng-tính. Và lại kể sĩ khi ấy chuộng sự phóng-khoảng thông-dạt, mà khinh-bĩ việc khó nhọc, nhưng tính vẫn thích ưa đồ ngoạn-khảo chớ không chê. Gia-dĩ các nhà cao-mô, quý-tộc hay ưa thanh-nhã, hay khoe-khoang nhiều nghề, ngoài sự kiến-vấn ra cũng thường có hứng-thú về các nghệ-thuật, lời văn-thơ thì lấy thần-kỳ làm tôn, cách đồ-họa thì lấy truyền-thần làm đẹp; lối chữ của hai họ Vương thì đậm-đà tươi-tốt khai trước ra lối chữ Nam-phái. Còn như nghề đàn tranh, thâm-âm chế-khúc cũng rất thần-tinh. Đến nghề đánh cờ thì cũng là nhã-thú mà nhiều người ưa cờ. Khi bấy giờ các nghề mỹ-thuật rất là hưng-thịnh. Từ đời Tấn trở xuống, kể sĩ-phu đều lấy nghề chữ, nghề họa, nghề cờ ganh-đua nhau. Nói về nghề chữ thì người Nam sở-trưởng về nghề chữ viết thiếp, người Bắc sở-trưởng về nghề chữ viết bia. Nói về văn-từ thì người Nam có giọng thanh-tân tuấn-dạt, người Bắc có ý hùng-hồn cứng-cáp, mỹ-thuật mà phân ra Nam-phái Bắc-phái là từ đời Đông-Tấn. Qua đời Tấn đến đời Tùy thì vẫn phân-biệt như

thế. Kể sĩ ở Nam-triều thì lại hay thích thưởng-giám, họa-phẩm thì khen nhất Tạ Hách, thư-pháp thì khen nhất Dữu Kiên-Ngô, phả-n-bình hơn kém cũng mỗi người một ý. Còn như Lương Nguyên làm sách xét về các bi-văn, Ngụy Lệ xét về các bài đỉnh-minh, Đào Ấu-Cư xét về lối chữ đao-kiếm, thời đều là nhân thưởng-giám mà lại có ý khảo-cổ, nhưng những lối chữ ấy đều là của người phương Nam. Từ đời Tây-Ngụy diệt nhà Lương, những lối chữ của hai họ Vương ở trong bí-các, mới truyền sang Bắc-triều; Vương Bao tự nước Lương đến nước Châu, người Bắc mới tập theo lối chữ của ông ấy; Dữu-Tín, Giang-Tổng lại đem những lối chữ khinh-thanh truyền đến phương bắc, đến đầu đời Đường thì mỹ-thuật mới không phân ra nam-bắc nữa. Lại xét các lối họa mà được truyền về sau là trước tự đời Nam-triều, vì đã chuyên chuộng một nghề họa, mà tinh khéo cũng đủ truyền vậy. Còn như nghề chữ ai mà viết tốt thì triều-dinh cũng thường nhắc lên làm quan. Như Chi-Thôi bảo rằng: « Những kẻ ti-tiện thường vì chữ tốt mà đắc-dụng »

11<sup>o</sup> *Việc hôn-thú.* — Đời ấy việc hôn-thú không có kể gì hàng thứ cả, như Sái Hưng-Tôn đời Tống đem con gái mình gả cho cháu nhà chị. Lại lấy con gái đàn bà làm việc buôn bán, cho nên chỉ chú-trọng về tiền của, đời Tề, đời Ngụy lại càng tệ, lúc mới các con nhà họ quý-tộc lại cùng thông-hôn với con nhà hèn là vì ham của cải, lúc hồi môn đưa của về nhiều, về sau mới thành thói quen, việc cưới xin chỉ tranh hơn tranh kém về tiền của. Còn như việc lấy hầu lấy kế thì mỗi nơi một khác. Nhưng các quan đời Bắc Tề thì phần nhiều không lấy thiếp hầu, vì là khi ấy cha mẹ thường dạy con gái lấy thói ghen, khi về nhà chồng vẫn giữ thói

ghen, chị em đũa nhau, về nhà chồng cũng phải kiêng kỵ; lấy sự hiệp-chế được chồng làm nết tốt của đàn bà, lấy sự hay ghen tuông làm tài giỏi của con gái, vậy các quan không ai dám lấy hầu thiếp cả. Vả lại các quan tướng văn tướng võ thường lấy các công-chúa, các đấng vương-hầu thường lấy họ bà hậu-phi, vì hay ghen quá cho nên không dám lấy nhiều vợ, cái thói nhất-phụ nhất-phụ đời bấy giờ thực là thành ra tự-nhiên vậy. Còn như vua Phế-đế nhà Tống vì bà chị là Sơn-âm công-chúa đặt ra những kẻ lá-hữu hầu hạ đến ba mươi người, thời lại nghiêm-nghiêm như là cái thói một người đàn bà mà lấy nhiều chồng. Lúc bấy giờ họ sĩ-tộc không có thông-hôn với họ nhà thú-dân, lúc mới thông-hôn, thường thường so xét các đời ông cha, cho nên họ thú-dân mà được thông-hôn với nhà quý-tộc thì lấy làm vẻ-vang lắm, giá mà lấy được con gái nhà quan đã bị cách thì nhà họ thú-dân cũng lấy làm vẻ-vang vô-chùng. Đương lúc tang mà cưới xin là trước tự đời Xuân-thu, xem như công-tử loại Luộc Lô đương lúc tang cũng đi làm lễ nạp-tê. Bài chiếu của vua Văn-đế nhà Hán cho dân được đoán-tang cũng bảo rằng: « Không cấm gì việc lấy vợ gả chồng và lúc cúng tế cũng cho uống rượu ăn thịt. » Từ bấy giờ trong lúc tang-chế cũng cưới xin rất nhiều, mà đời Lục-triều lại càng thậm-tệ. Còn như những việc Thạch-Iặc cấm người nước đương lúc tang không được cưới vợ gả chồng Trương-Phụ biếm chức người Hàn-Dự, Lưu-Ngôi hặc tâu Vương Tịch-Chi Nhan-Hàm về việc đương lúc tang cưới vợ, những việc ấy lúc bấy giờ cũng ít có.

120 *Việc tang-táng.* — Đời Tấn vẫn còn lấy lễ tang cơ-niên làm trọng, nếu ai nặc trở ông bà hoặc chú bác, hoặc tang anh em chị em vợ con thì lúc

mới mặc tang phải cáo quan về, đến lúc hết trở rồi mới lại được tựu-chức, vì không thế thì bị phải hặc tâu, hoặc phạm đến vật-nghị. Từ người Tạ-An có tang cơ-niên mà vẫn không triệt bỏ âm-nhạc, Vương Thản-Chi đã đưa thư báo mà không nghe, nên các nhà quan cũng bắt buộc làm theo mà thành tục. Tuy có Nguyễn-Tịch đã bị biếm về tội đương cư-tang mà uống rượu ăn thịt, nhưng cái phong-thói ấy vẫn không chừa. Thậm-chi đương lúc quốc-tang mà cũng họp nhau yến-âm không lấy gì làm lạ, đều là cái thói khinh bỏ cả lễ-phép đó. Những việc đình tang lại không chôn vội thì xưa nay không có bao giờ, từ đời Kiến-an, đời Vĩnh-gia vì loạn-lạc, bất-đắc-dĩ mà phải đình-tang, sau mới lấy thế làm thường, như Hạ-Tuần đời Tấn là n quan huyện ở Võ-khang phải nghiêm-cấm những thói hậu-táng và thói kiêng-kỵ ngày giờ để lỗi-thói mãi bằng năm hàng tháng mới chôn. Khi ấy lại có cái tục cất mả, như là thổ-tục ở Hành-duong nhà nào có người ốm thì bảo là tiên-nhân làm tai vạ, đều cất mả đem rửa xương đi bảo là trừ ma. Cái tục hậu-táng lúc bấy giờ lại càng tệ lắm, như Đổ-Dự, Từ-Miêu, Thạch Bào, Vương-Huy, Hác-Chiều thường phải di-mệnh cho con cháu phải bạc-táng thì thực là ít có vậy.

Phần mộ thì thường phải chọn nơi đất tốt, cái phép xem đất ấy là khởi-thủy tự Quách-Phác đời nhà Tấn. Quách-Phác có một quyển sách *Táng-kinh*, trong sách có chép rằng khi Phác chôn mồ mẹ ở gần nước độ trăm bước, có người bảo sao lại để gần nước, Phác bảo rằng: Ở đây rồi cũng nổi lên đất cạn. Về sau quả-nhiên cát bồi lên và mười dặm. Lại khi Phác đi xem đất chôn mộ cho người, vua Minh-đế nhà Tấn có vi-phục lên đến xem, hỏi người chủ-nhân rằng sao lại táng ở long giốc. Chủ-nhân bảo rằng: Quách-Phác bảo

đây là táng ở long-hĩ thì có Thiên-tử đến. Vua bảo đất này sinh ra Thiên-tử chẳng? Chủ-nhân rằng: Không phải sinh ra thiên-tử, là tự-nhiên có thiên-tử đến xem mà thôi. Ấy những điều sách-chứng cho Quách Phác nổi tiếng xem đất là từ đó, mà cái nghề địa-lý cũng thịnh ra từ lúc ấy. Sách *Tấn-thư* có chép chuyện Đào Khản nghe lời ông già mà táng cha ở chỗ đất trâu nằm, sau phát đến tam-công, còn các chuyện Lưu-hậu, Tuấn Bá-Ngọc, Lương Đổ-Ngực đều nói về việc được đất, và chuyện Khổng Cung, Cao Linh-Văn cũng đều nói về việc phát-tích ngôi tổ-mộ, xem thế thì biết đời Lục-triều nghề xem đất đã thịnh-hành. Lại như chuyện Chiêu-minh thái-tử đời Lương có nói rằng: «Ngôi đất này không lợi về con trưởng», chuyện Ngô Minh-Triệt đời Lương cũng nói rằng: «Ngôi đất này phát về con út đại-quí», đều là những thuyết trưởng-phòng, tiều-phòng của nhà địa-lý cả. Vua Phế-đế nhà Tống vì cha là Võ-đế không yêu, đến sau muốn phá lảng đi, nhưng vì Thái-sử nói rằng: «Nếu phá lảng ấy thì không lợi cho vua mới thôi», Ấy đều là cái thuyết cấm-ky của nhà địa lý cả.

Các nhà địa-lý về sau này thường bịa đặt ra cái lời âm-dương sinh khắc đề hoặc đời sau, bảo rằng cùng, thông, thọ, yêu đều nhờ về đất cả. Vì thế nhiều kẻ xu cát tị hung, thường đề táng cha mẹ mãi không chôn, có khi chôn rồi không được lợi lại cất lên, đào bới luôn mãi, thực là một lệ-tục. Than ôi! người sống mà cứ chắc nhờ về năm xương nát để cần cho nhà được phát-đạt, thì thực là bất-trí bất-nhào, phương-chỉ lại mê-tin phong thủy phải giữ long-mạch, những nơi sông núi thường lưu làm cấm-dịa đến và muiơi dậm, dẫu có khoáng-sản mà không biết khai, làm như thế thì không khỏi mắc tiếng

cười với người nước văn-minh, mà cũng là một cái trở-lực cho chính-sách phú-cường vậy. Và lại sách *Táng-kinh* của Quách Phác về sau lại có những họ Dương, Tăng, Liêu, Lại bịa đặt thêm ra, thực là chi-li quĩ-dị không đủ bằng-cứ. Đến đời Tống thì cái thuyết phong-thủy lại càng thịnh. Từ đời Tống trở về sau này cũng nhiều người bác cái thuyết ấy là càn, như Tư-Mã Quang, Phạm Văn Chính khi làm gián-quan đã tâu xin cấm sách *Táng-thư*, Trương Vô-Cấu đã khép tội cho những kẻ thầy cúng, thầy địa là mượn quĩ-thần ngày giờ bói toán để làm hoặc đời, đều khép vào luật tả-đạo hoặc-chúng cả. Các bậc danh thần đời nhà Thanh như Trương Thanh-Khắc, Chu Văn-Đoan, Sài Văn-Cần, Từ Kiện-Am, và các nhà nho như Trương Tác-Nhuộc, Trương Khảo-Phu Lưu Tử-Cung đều bài-bác nghề phong-thủy là không phải, lời nói rất là khích-thiết để mong tỉnh-ngộ những kẻ lưu-tục; lại như Ông Phổ-Ân cũng nói việc cất mộ là hại, đều là những người hữu-tâm về thế-đạo cả. Thành Tử-Cao cũng di-chức về sau chôn vào chỗ đất bỏ không, nghĩ rằng người đã chết rồi không nên để hại cho người sống. Sách *Bác vật chí* cũng chép chuyện con ông Đàm-dải Tử-Vũ khi chết đuối, ông liền chôn ngay xuống nước. Thiên *Tiết-táng* trong sách *Mặc-lử* cũng nói vua Nghiêu chết chôn ở chân núi Chập-son, vua Thuấn chết chôn ở chợ Nam-dĩ, vua Vũ chết chôn ở núi Cối-kê. Nghĩa là người nào chết ở gò thì chôn ở gò, chết ở chằm thì chôn ở chằm, chứ không có chọn gì đất tốt xấu cả. Lã Tài đời Đường cũng bảo rằng ở đời xưa chết đều chôn ở phía bắc quốc-đô, có đề riêng ra một khu táng-địa, để chứng rõ rằng đời xưa không có chọn đất. Ấy những cái thói mê-tin phong-thủy xưa nay các người thức-giả đều đã nói khám-phá rõ-ràng. Còn như Tào-

Tháo làm ra hơn 70 cái nghi chũng để cho người ta không biết chỗ nào mà khai-quật, mà nước Ngụy truyền ngôi cũng không được bao lâu; Ngự Triều-Ân đào trộm mả thân-phụ của nhà ông Quách Phần-Dương, mà nhà ông Quách Phần-Dương vẫn phủ-qui thọ-khảo không tổn-hại chút nào; thử hỏi các nhà tin phong-thủy dám chắc vào đâu mà tin là tất-nhiên thế? Thì buổi nay đương lúc dân cùng tài tận, mà không phá bỏ những điều mê tín ấy đi, đem đốt cả những sách địa-lý đi, cấm những thầy địa-lý đi, thì bao giờ cho mở-mang được dân-tri.

130 Ngón-ngữ. — Đời Nam-Bắc triều thường gọi vua là *quan* 官, kẻ sĩ-phu gọi nhau cũng thường xưng *công* 公, em đối với anh cũng thường xưng *nhĩ* 兒, bà hậu-phi cũng thường xưng là *nuong* 娘. Con nhà cậu thì gọi là *nội huynh-đệ* 內兄弟, con nhà cô thì gọi là *ngoại huynh-đệ* 外兄弟. Thường cũng có khi gọi con nhà cậu là *ngoại huynh-đệ*. Trong sách *Mhan-thị gia-huấn* chép rằng: « Con cháu Hầu Bá gọi ông tổ là *gia-công* 家公. Trần Tư Vương gọi cha là *gia-phụ* 家父, gọi mẹ là *gia-mẫu* 家母. » Chị em gái khi đã gả chồng rồi thì gọi theo họ nhà chồng. ở nhà thì cứ gọi theo thứ-đệ. Ông bà khi xưng-hô thì thêm một chữ *tôn* 尊 gọi là *tôn-tử phụ-mẫu*, thúc-phụ thì thêm một chữ *hiền* 賢 gọi là *hiền thúc-phụ*. Ông bà ngoại thì người Hà-bắc thường gọi là *gia-công* 家公, *gia-mẫu* 家母, nhưng không phải thế, thêm chữ *ngoại* 外 nữa mới phải. Ấy là kẻ đại-khái những thói danh-xưng về thời ấy.

*Ngạn-ngữ*. — Thời bấy giờ có những câu ngạn rằng: « Chứa của thiên-vạn, không bằng nghề mọt. Dầu có thần-dược, không bằng thiếu-niên, dầu có châu-ngọc, không bằng kim-tiền. Núi sồng mà biết nói, thầy địa phải chết đói. Phôi gan mà biết nói, thầy thuốc mất tề-tái. Dạy con từ thừa còn thơ, dạy vợ từ thừa bỏ vợ mới về. Làm quan không có tay trong, chẳng bằng về canh nông... »

*Phương-ngôn*. — Trong sách *Nhi-nhã* thường dân những tiếng phương-ngôn lúc bấy giờ, nhưng cũng có tiếng phổ-thông như con cô con cậu, anh em vợ, người chồng của chị em đều gọi là *sanh* 甥. Em gái của người chồng gọi là *nữ muội* 女妹. Vợ anh em gọi nhau là *du-lai* 妯娌. Kế đi do thám gọi là *tê-tác* 細作. Không cangì nói là *vô-dang* 無恙. Lời yêu-ngôn gọi là *ngoa-vật* 訛物. Cũng có tiếng phương ngôn khác hẳn, như người Hà-bắc nói ăn là *sôi* 餐, đợi là *hễ* 俟. Người Nam-dương nói mưa tạnh là *tê* 霽. Người Kinh-châu nói hình núi hẹp dài là *loan* 巒. Người Trường-sa gọi cái lọ nhỏ là *bình* 瓶. Người phương Nam gọi cái kéo là *tê-đao* 劑刀. Lại như tiếng Giang-dông thường nói ảm là *ức* 燠, tiếng gọi là *hổ* 諱. mẹ là *thi* 悽, anh là *côn* 昆, chuyển vận là *thiên-lữ* 遷徙, người đồng-môn là *liêu-tế* 僚塔. Ấy phương-ngôn có tiếng phổ-thông cũng có tiếng đặc-biệt khác hẳn.

(Còn nữa)

ĐỒNG CHÂU DỊCH



Các danh-họa của Âu-Tây



Thi-nhân đương ngồi nghĩ thơ  
Bức họa của người Pháp MEISSONIER



Mĩ-nhân hiệu *La Joconde*  
Bức danh-họa của người Ý LÉONARD DE VINCI  
(1452-1519)

## TÂY - THI ĐIỂM SỬ

## 西施艷史

(Lịch-sử tiểu-thuyết)

## CHƯƠNG THỨ NHẤT

## Tổng-luận

Tình cờ trong xóm Trữ-la,  
 Đầu bù áo vải chẳng là Tây-Thi.  
 Tây-Thi nhan-sắc tuyệt-kỳ,  
 Nhược-gia khe nọ đi về cán-sa.  
 Thân con bên nước bên nhà,  
 Nghe tin thiên-chiếu châu sa mấy dòng.  
 Giấu mình sang chốn Ngô-cung,  
 Phục-thù một tiết luận-công muôn đời.

Tây-Thi tuy là một kẻ đàn-bà, nhưng trời sinh ra có vẻ thiên-nhiên quốc-sắc, dung-mạo tuyệt-trần, từ xưa đến nay, người đàn-bà đẹp, kẻ là có một, chứ không có hai. Cái dung-mạo của Tây-Thi tươi tốt như hoa, nhuần trắng tựa ngọc, một cười nghiêng thành, hai cười nghiêng nước, cái đó đã đành. Nhưng quý nhất là một điều xá-thân để báo-cừu, vị-quốc mà tuyết-sĩ, một tấm can-tràng sắt đá ấy, không những trong bọn má hồng, chữa có người kịp, mà từ xưa đến nay, những hạng người gọi là kỳ-nam-tử, gọi là vĩ-trượng-phu, thật cũng ít người mô-phỏng được hình-dạng ấy. Tây-Thi vì hai chữ quốc-sĩ, nhân-nhục ngậm đờ, cố toan báo-phục. Khiến cho cái nước phá-hoại ngặt-ngoải kia là nước Việt, ông vua nô-lệ nhục-nhẫn kia là Việt-vương, lại được có phen mới-mẻ rõ-ràng, gương mây mở mặt. Mà khiến cho cái nước Đông-Ngô kia là một nước xưng bá xưng vương, bấy lâu cường-thịnh, như lửa như trời, phút chốc băng tan ngói vỡ, biến ra thành vũng thành hồ. Lạ cho giống chí-khí ấy, giống tác-vi ấy, giống khổ-tâm ấy, tôi chỉ sợ rằng đem trong lịch-sử mà toán-lai,

chữa có người nào được như Tây-Thi vậy.

Đời sau những kẻ khinh-bạc văn-nhân, lại chỉ khe-khắt hẹp hòi, bóí lòng tìm vết. Bảo rằng Tây-Thi chịu cái ơn nặng của Ngô-vương, không nên dân-dụ Ngô-vương vào cõi hoang-dâm vô-độ, lẫn-lóc mêt-mê, để cho quân Việt thừa-hấn mà vào ; đem thành vàng ao lửa của nước Ngô, với Ngô-vương Phù-sai là một đấng oanh-oanh liệt-liệt, khéo thay bị Tây-Thi một tay tống ném đi hết sạch-sanh-sanh. Vả lại sau khi nước Ngô đã mất rồi, ở kia nếu đoái lại tình-nghĩa ít nhiều, là người con gái chút có lương-tâm, cũng nên nghĩ đến tình-nghĩa ái-ân của Ngô-vương lúc sinh-tiền thì mới phải. Hấn lại xong-xong nổi gót theo ngay Phạm Lãi, chiếc thuyền nhẹ-nhẹ, dùng-dĩnh Ngũ-hồ, đi hưởng-thụ lấy cái hanh-phúc thanh-nhàn. Hạng con gái ấy chỉ là cái sóng khuynh-thành, làm cho đồ quán siêu-dinh, chứ toàn-vô tâm-can, tuyệt-vô chí-khí gì cả. Tuy sinh ra được có vẻ hoa-dung nguyệt-mạo, đẹp tựa ả Hằng, xinh tựa thần Lạc, có đủ khen gì đấy a !

Lời nghị-luận của các vị văn-nhân ấy, tuy rằng cứ lẽ công-chính mà nói, nghe ra cũng hơi cảm-dộng lòng người đấy thật. Song các vị lại chẳng chịu đem cái bản-ý của Tây-Thi khi đến nước Ngô, là bản-ý thế nào, mà nghĩ-ngợi lấy một chút. Ở Tây-Thi ấy, vốn là con gái nước Việt, chịu lời hệ-trọng ký-thác của Phạm Lãi, và mệnh-lệnh của Việt-vương, đi sang nước Ngô thực-hành cái kế sách khôn-khéo

nội-giám, để tiện cho việc báo-cửu tuyết-sĩ, làm tiết-diệt nước Ngô. Nếu không dẫn-dụ Ngô-vương vào cõi hoang-dâm vô-độ, lẩn-lóc mệ-mê, thì báo thể nào được cửu, tuyết thể nào được sĩ, làm tiết-diệt thể nào được nước Ngô. Còn như khi nước Ngô mất về sau, Tây-Thi đã sớm gieo mình xuống giữa dòng tràng-giang, tìm lấy một sự chết để báo lại cái cao-tinh hậu-nghĩa của Ngô-vương. Các bạn văn-phân khinh-bạc kia, chỉ nhất-vị nói ả kia theo Phạm Lãi mà đi. Khiến cho một vị cân-quắc anh-hùng, có chí-khí, có tinh - nghĩa, xả-thân báo-cửu, quỳn-sinh tuấn-chúa hấn hoi, mà chịu cái oan bất-bạch với thiên-cổ. Vậy xét ra thực là một sự khả-hận khả-hận. Sở dĩ ở sau này cốt đem Tây-Thi đích-lich-sử mà phô-diễn ra, khiến cho xã - hội ai nấy đều biết Tây-Thi là một vị kỳ-nữ-tử, vị quốc tuyết sĩ báo cửu, không phải là gái lẳng-lơ theo thói tục thường vong-ân phụ-nghĩa. Vả cũng có thể đề-khởi được cái lòng ái-quốc của người đời, không đến nỗi sống làm quốc-dân một nước, mà không biết quốc-sĩ là cái gì. Đó là chính-ý kẻ soạn ra bộ sách này như sau.

## CHƯƠNG THỨ HAI

### Quân Ngô thất-bại ở Huê-Iý

Chương trên đã đem cái chính - ý biên-lập kể ra rõ-ràng, chương này sẽ chuyên vào chính truyện Tây-Thi. Quan-giả muốn xem lịch-sử Tây - Thi, trước hết phải hiểu rõ cái quốc-tinh của Ngô Việt hai nước và những sự thâm-cửu tức-hận của hai nước, mới biết được tâm-tích Tây-Thi. Cái quốc - tinh của Ngô Việt hai nước thế nào? Những sự thâm-cửu tức-hận của hai nước ấy những gì? Nay theo trong lịch-sử hai nước mà suy-cứu kể ra.

Ngô Việt hai nước đều ở về lưu - vực sông Tràng-giang, Ngô kiến-đô ở Cô-tô, Việt lập-quốc ở Cối-kê, hai nước với nhau vốn là đất tiếp - nhượng, là nước

láng giềng. Ngô là dòng dõi ông Thái-Bá nhà Chu, Việt là dòng-dõi ông Thiệu-Khang nhà Hạ. Hai nước xưa kia đã chịu phong-hiệu, vạch bờ chia cõi, nước nào trị lấy đất nước ấy, nguyên không thù oán gì nhau. Kịp đến thời - đại Xuân-thu, nước Ngô dần-dà cường-thịnh. Lại có một kẻ vong-thần nước Sở là Ngũ Tử - Tư chạy trốn sang Ngô. Ngô-vương là Hạp-Lư vì Ngũ Tử - Tư đem quân đánh Sở, để báo cho cái thù sát-huynh sát-phụ của Ngũ Tử-Tư. Khi ấy nước Ngô cậy là nước lớn, bắt nước Việt phải đem quân dự cuộc đi đánh Sở. Việt-vương là Doãn-Thường không những chẳng chịu bang-trợ nước Ngô, vả lại thừa-cơ lúc Hạp-Lư đi đánh Sở, kéo quân sang xâm-phạm nước Ngô, nhân đó hai nước mới thành hiềm-khích. Sau Việt-vương là Doãn-Thường chết, con là Câu-Tiền nối ngôi. Khi ấy Ngô - vương Hạp-Lư vẫn còn nhớ cái hận Việt-binh xâm-phạm ngày trước, liền toan thừa - cơ khi nước Việt có tang, dẫn quân đánh Việt. Quan tướng-quốc là Ngũ Tử-Tư can ngăn rằng nước Việt tuy có tội xâm-phạm nước Ngô, nhưng người ta đương có đại-tang, sự hiếu là sự hiếu chung, đi đánh người ta là bất-tường, nên thông-thả đợi xem cơ-hội về sau. Hạp-Lư căm tức nước Việt đã lâu, không nghe lời Ngũ Tử-Tư can-ngăn, tức-khắc để thái-tử là Phù-Sai với Ngũ Tử-Tư ở nhà giữ nước; thân-hành dẫn bọn Bá-Bĩ, Vương Tôn-Lạc, Chuyên Nghị, văn võ chư tướng tuyền tinh-binh ba vạn, kéo ra cửa Nam-môn, thẳng nẻo Việt-quốc tiến-phát. Việt-vương Câu-Tiền khi ấy sớm được tin báo, đã biết được mọi đường lợi hại của trận-thế Ngô-binh, liền tuyền phát các đạo quân tinh-tráng, sai Chư Kê-Sinh làm đại-tướng, Linh Cô-Phù làm tiên-phong, Trù Vô-Dur và Tư-Hấn làm tả-hữu-dực, Câu Tiền thân hành đốc sư, đi lên kháng-ngũ. Vừa đến Huê-lý địa-

phương, liền gặp quân Ngô, quân hai bên cách nhau mười dặm, bỏ đồn lập trại, sai tướng ra khiêu-chiến, bắt phân thắng phụ. Hạp-Lư phen ấy xuất binh, vẫn tưởng thừa-cơ nước Việt đương có đại-tai g, xuất-kỳ-bất-ý, có thể đánh một trận là xong. Không ngờ Câu-Tiên binh thì tinh, tướng thì dũng, mà kháng-ngữ lại đặc-pháp, liên-chiến mấy trận, khó phần thắng được. Trong tâm bất-giác dưng-dưng nổi giận, mới đem toàn-số quân-dội liệt tậu ở Ngũ-dải-sơn, truyền lệnh rằng trong quân không được vọng-dộng, đợi khi Việt-binh trễ nải, rồi sẽ đột-ngột kéo ra công-kích. Câu-Tiên trông thấy quân Ngô qua-giáp thì xâm-nghiêm, đội mũ thì tề-chỉnh, đoái bảo chư-tướng rằng: «Giặc ấy là cường-dịch, ta không nên khinh-tiến, tất phải dùng kế sách để nhiễu-loạn quân giặc mới được». Kíp sai Trù Vô-Dur và Tư-Hãn đốc-suất đội quân cảm-tử, bên tả sắp đặt năm trăm người, người nào người nấy đều cầm cái giáo dài, bên hữu sắp đặt năm trăm người, người nào người nấy đều cầm cái búa lớn, đồng-thanh âm âm reo lên một tiếng, tả-sung hữu-dột chạy sang quân Ngô, không ngờ trong trận Ngô-binh, toàn-nhiên bất-dộng, không ra tiếp-chiến, chỉ đem cung dài nổ cứng bắn theo sau trận mà thôi. Ngô-binh kiên-thủ, khác nào như vách sắt tường đồng. Quân Việt xung-dột mấy thứ, không thể nhiễu-loạn được quân Ngô chút nào. Câu-Tiên vô-kế khả-thi chỉ thu quân về đồn, cùng với Chư Kê-Sinh bí-mật thương-nghị cái kế-sách phá-dịch mà thôi. Chư Kê-Sinh cúi đầu nghĩ ngợi nửa ngày, rồi mới ghé tai Câu-Tiên mà nói rằng: «Kẻ tội-tù có thể dùng được». Câu-Tiên nghe nói, trong tâm hiểu rõ ngay. Đến ngày mai mật-truyền quân-lệnh, đem những người có tội đã luận về tội chết ở trong quân ra, tất cả được ba trăm người, chia làm ba hàng, người nào

người ấy nhất-tề cởi áo trần mình cầm gươm, nhẹ bước đi thông-thả, đi thẳng đến trận-tiền quân Ngô. Kê đi đầu hàng lên tiếng nói to rằng: «Việt-vương tôi không biết tự lượng sức mình, đắc-tội với thượng-quốc phiền đến thượng-quốc phải đi chinh-thảo, lũ chúng tôi chẳng dám tiếc cái chết, xin đem cái chết để thay vào tội Việt-vương. Nói xong, người trong ba hàng, đều y thứ-dệ cầm gươm tự-vẫn. Quân Ngô trông thấy cử-dộng như vậy, không biết là ý làm sao. Quân Ngô người nào người ấy nhất-tề giương mắt trông sang, người nọ truyền-ngữ với người kia, như-nhắc xôn-xao, bàn kỳ nói quái. Trong quân Việt hốt-nhiên âm âm nổi trống, tiếng reo dậy đất. Trù Vô-Dur và Tư-Hãn đều đốc-thúc quân đội cảm-tử, cung nổ dao kiếm cùng giương, hò reo sung-dột. Quân Ngô xuất-kỳ-bất-ý, không ngăn cản nổi, đội-ngũ đại-loạn. Câu-Tiên thấy quân tiền-trận được thắng-lợi, mới phát cờ nổi trống di-dộng đại-quân, áp thẳng đến nơi. Bên hữu có Chư Kê-Sinh, bên tả có Linh Cô-Phù, xông vào trận quân Ngô. Tướng Ngô là Vương Tôn-Lạc liền chết đứng lại đánh nhau với Chư Kê-Sinh. Tướng Việt là Linh Cô-Phù tay múa thanh gươm dài, tả-xung hữu-dột, tìm vào chỗ quân Ngô, ra sức đánh giết, chính gặp ngay Ngô-vương Hạp-Lư, Linh Cô-Phù hét lên một tiếng giơ gươm chém liền. Chưa biết tinh-mệnh Hạp-Lư thế nào, sẽ xem chương dưới phân-giải.

### CHƯƠNG THỨ BA

Việt-vương khôn-thủ ở Cối-kê.

Ngô-vương Hạp-Lư thấy Linh Cô-Phù giơ gươm chọc chém, vội-vàng lùi tránh về đằng sau, lưỡi gươm đã trúng vào chân bên hữu, ngón chân cái thuy-thương, ngã xuống ở trên xe, chiếc giày rơi xuống dưới xe. Linh Cô-Phù đương định bắt sống Ngô-vương.

may có quân Chuyên Nghị đến, cố sức xông lên, cứu được Ngô-vương, thì Chuyên Nghị đã thân bị trọng-thương, không thể phấn-dũng được nữa. Trống Ngô là Vương Tôn-Lạc biết Ngô-vương bị nguy không dám luyện-chiến, kíp kíp thu binh. Khi ấy Việt-binh đã đầy đồng chập núi vây bọc lại. Ngô-binh vội-vàng trốn chạy, bị Việt-binh đuổi theo đánh giết, chết mất quá nửa. Ngô-vương Hạp-Lư thân bị trọng-thương, thu quân về nước, chỉ nhân tuổi già tinh nóng, không thể nhẫn-nại được sự thống-khổ, đi đến ngang đường, liền kêu to một tiếng, chết ở trong quân. Bá Bĩ hộ-tạng đi trước, Vương Tôn-Lạc dẫn binh đoàn-hậu, từ từ lui về. Thái-tử là Phù-Sai đã sớm được nghe biết có hung-tín, mới cùng với tướng-quốc là Ngũ Tử-Tư đón tang vào thành, làm lễ thành-phục, rồi làm lễ tỵ-vị, đem táng Hạp-Lư ở núi Hải-dũng mé ngoài Phá-sở, môn-phát thợ mấy nghìn người, xuyên núi làm huyết, lấy thanh gươm Ngự-tràng của Chuyên Chư sử-dụng khi xưa đem tuấn-táng. Lại có áo thiết-giáp sáu nghìn đôi, và đồ kim ngọc ngoạn vật, chứa đầy ở trong huyết. Táng xong, lại đem bao nhiêu người thợ làm huyết ấy giết sạch cả đi để tuấn-táng. Về sau có người trông thấy chỗ táng Hạp-Lư, thường có con bạch-hổ ngồi ở trên ấy, nhân gọi tên núi ấy là núi Hồ-khâu, kẻ thức-giả cho là cái khí ngũ kim mai-tàng sở-hiện. Lại về sau vua Thủy-hoàng nhà Tần sai người đào mỏ Hạp-Lư, tạc núi cầu thanh bảo-kiếm, nhưng cầu không được, chỗ đào ấy thành ra cái ao sâu, tức là cái kiếm-tri ở núi Hồ-khâu vậy. Phù-Sai táng xong Hạp-Lư, mới lập con trưởng là Hữu làm thái-tử, nhân nhớ đến cái thù Việt-vương giết cha, sai mười người thị-vệ, thay đổi nhau từng phiên, hàng ngày ra đứng ở giữa sân, hề gặp mình đi lại ra vào, thì tất lên tiếng gọi to lên rằng: « Phù-Sai ơi! mày quên cái thù Việt-

vương giết bố mày ư? » Phù-Sai nghe tiếng gọi ấy, thì gạt nước mắt mà thưa rằng: « Xin thề tất báo-cừu, không dám quên đâu. » Lại sai Ngũ Tử-Tư với Bá-Bĩ luyện thủy-quân ở Thái-hồ, và lập trường bắn ở núi Linh-nham, huấn-luyện quân xạ-kích, đợi ba năm tang đoạn, rồi đại-cử báo-thù. Đến khi ba năm hết tang, thủy-quân đã luyện thành, quân đội xạ-kích cũng đã huấn-luyện thành-thục. Phù-Sai mới chọn ngày làm lễ tế thái-miếu, sai Ngũ Tử-Tư làm đại-trưởng, Bá-Bĩ làm phó-trưởng, dấy quân toàn-quốc, do Thái-hồ lấy đường thủy-dạo tiến sang đánh Việt, để báo cái thù giết bố ngày xưa. Việt-vương Câu-Tiền biết rằng Phù-Sai đại-cử binh sang đánh, vội-vàng tụ-tập bách-quan, thương-nghị cái kế sách cự-dịch. Đại-phu là Phạm Lãi đứng lên tâu rằng: « Nước Ngô sử-nhục về sự mất vua, quyết chí báo thù đã ba năm nay, nay dấy quân toàn-quốc lại đây, khí họ hăng, sức họ mạnh, vả dạn họ đồng-tâm, không thể đương được, nên thu-liễm các đạo quân làm kế sách kiên-thủ. » Đại-phu là Văn-Chung cũng tâu rằng: « Cứ ngu-kiến tôi, không gì bằng nhún lời tạ tội, xin hòa với Ngô, đợi quân Ngô thoái sẽ từ-đồ sau. » Câu-Tiền nói rằng: « Hai nhà người nghị thủ và nghị hòa, đều không phải là chí-kế cả, nước Ngô với ta đời đời làm kẻ cừu-thù, họ sang lấn mà ta không đánh, thì họ cho ta là hèn. » Rồi không nghe lời nói hai người, khởi phát toàn-số dinh-tràng trong nước, tất cả được ba vạn người, ra cự-dịch ở dưới núi Tiêu-son. Bắt đầu giao-chiến, Ngô-binh hơi lùi, sát thương được hơn trăm người. Câu-Tiền thừa-thắng tiến thẳng lên, đi ước độ vài dặm, chính gặp ngay Phù-Sai đại-quân, đôi bên dàn trận đại-chiến. Phù-Sai đứng ở đầu thuyền thân-hành cầm dùi trống đánh trống. Trống-sĩ nước Ngô cũng-khi bách-bội, tranh-nhau lên trước xông vào trận giặc. Hốt-

nhiên có một trận bắc-phong đại-khởi, sóng gió ầm-ầm. Ngũ Tử-Tur với Bá-Bĩ đều đốc-suất các đội thuyền lớn, thuận gió giương buồm kéo xuống, đều dùng cung dài nỏ cứng, tên phóng như trấu-trấu bay ra, bắn sang quân Việt. Việt-binh đón ngay đầu gió cản lại, không tiến cự được, đại-bại kéo chạy. Ngô-binh chia ba ngả đuổi đánh. Việt-tướng là Linh Cô-Phù đắm thuyền chết đuối, Tư-Hãn cũng bị trúng tên chết. Ngô-binh thừa thế đánh giết. Việt-binh tử-thương không biết số nào mà kể. Câu-Tiền chạy đến Cổ-thành, nhờ cái thành để thủ-thân. Ngô-binh vây bọc mấy tầng tuyết lối nước ăn, Phù-Sai cả mừng, nói rằng không đầy mười ngày, Việt-binh đều chết khát cả. Hay đâu trên đỉnh núi lại có suối ngọt, trong suối lại cá ngon. Câu-Tiền sai bắt vài trăm con cá, đem tặng Ngô-vương, Phù-Sai đại kinh, bày kế làm khốn quân Việt-binh lại càng cấp lắm. Câu-Tiền thấy Ngô-binh không chịu lui bỏ, mới sai Phạm-Lãi cầm quân kiên-thủ lấy Cổ-thành, tự mình thì thống-lĩnh những số tàn-bại nhân-mã, thừa cơ lên ra chạy đến núi Cối-kê, điểm-duyet những số quân-giáp thuần, chỉ còn được có hơn năm nghìn người. Câu-Tiền thở dài than rằng tự đời tiên-quân đến đời cô, ba mươi năm nay, chưa có phen nào đại-bại như phen này, hối-hận không nghe lời Phạm-Lãi Văn-Chủng, cho đến nỗi thế. Ngô-binh đánh phá Cổ-thành, lại càng khẩn-cấp. Ngũ Tử-Tur đóng đồn ở bên hữu, Bá-Bĩ đóng đồn ở bên tả. Phạm-Lãi hết sức thủ-ngữ, không thể sao chi-trì nổi, tờ thư cáo-cấp, một ngày đến ba lần. Câu-Tiền cấp bách bội phần, thậm chí chân tay ngồi đứng không yên, ý toan tự vẫn, dễ chết theo tôn miếu xã-tắc. Chưa biết Câu-Tiền tự vẫn hay không, sẽ xem chương dưới phân-giải.

### CHƯƠNG THỨ TƯ

Nước Việt dâng của dứt xin hòa  
 Việt-vương Câu-Tiền nhân Ngô-binh

vây bọc làm khốn-quần khốn-cấp bội-phần, ý toan tự-vẫn, dễ khỏi cái nhục bị người cầm bắt. Khi ấy có đại-phu Văn-Chủng đi lên can-ngăn rằng đại-vương thiết-dùng tự-đoản cái chí-khí, xem thời-thế ngày nay, tuy rằng khẩn-cấp, nhưng mà di-thỉnh-hòa cho mau, còn có thể kịp. Câu-Tiền nói rằng : « Nếu ta thỉnh-hòa mà nước Ngô không cho, há chẳng phải là chỉ tự-thủ lấy cái nhục đó dư. » Văn-Chủng đáp rằng : « Thái-tê Bá-Bĩ nước Ngô là người tham-tài hiếu-sắc, dố kị kẻ tài-năng, cùng với Ngũ Tử-Tur đồng triều mà chi-thủ bất-hợp, Ngô-vương sợ hãi Tử-Tur, thân yêu Bá-Bĩ, nay nếu đến riêng chỗ trong doanh Bá-Bĩ, kết lấy cái hoan-tâm, đình-định hòa-uớc, được Bá-Bĩ nói một lời, Ngô-vương tất nhiên tin theo, Tử-Tur tuy muốn can gián ngăn trở, cũng không kịp được. Câu-Tiền hỏi rằng : « Nhà người vào yết Bá-Bĩ, lấy gì làm của nói lót ? » Văn-Chủng nói rằng : « Trong quân Ngô khao-khát, chỉ con gái đẹp là đệ-nhất, nếu được con gái đẹp đem hiến Bá-Bĩ thì sự tất thành ». Câu-Tiền liền ngay đêm ấy sai sứ đến chỗ đô thành, truyền mệnh cho phu-nhân tuyển lấy con gái đẹp ở trong cung tám người, trang-sức cho đẹp, ngoài lại thêm bạch bích hai mươi đôi, hoàng kim một nghìn nén. Sai Văn-Chủng nửa đêm đi đến doanh Bá-Bĩ, xin vào yết-kiến quan thái-tê. Bá-Bĩ lúc mới cũng toan cự tuyệt, sai người đi thám cái ý Việt-sứ lại đó thế nào, biết rằng có đồ hiến- nạp, mới triệu Văn-Chủng vào yết-kiến, tự mình ngồi giữa trong trướng, để đợi Việt-sứ đến, Văn-Chủng tiến trướng-tiền đến quì xuống mà thưa rằng : « Quả-quân tôi Câu-Tiền ít tuổi đại-dột, không biết khéo thờ nước lớn, đến nỗi phải mang tội lỗi, nay quả-quân tôi hối-hận cũng không kịp, xin đem toàn-quốc làm thần-thiếp nước Ngô, sợ Ngô-vương bắt tội không cho, biết rằng quan

thái-tê công cao đức lớn, ngoài làm cau thành cho nước Ngô, trong làm tâm-phúc cho vua Ngô, quả-nhân tôi sai kẻ hạ thần là Chung này, trước đến khấu-đầu ở quân-môn, trân-trọng nhờ thái-tê một lời nói, đem quả-nhân tôi về ở dưới bóng cò, có chút lễ-vật nhỏ-mọn dâng lên, tự giờ về sau xin đem lễ-vật nối dõi dâng lại, không dám tiếc gì». Nói xong, đem đơn kê-trình lễ-vật dâng lên. Bá-Bĩ bắt đầu tác-sắc mà nói rằng : « Nước Việt sớm chiều tất bị quân Ngô ta phá tan, phàm nước Việt có những vật gì, về cả trong tay nước Ngô, nay mày toan đem cái vật nhỏ-mọn để giữ ta, ta há mắc lừa mày, mày mau chóng đi ngay, chớ được nói nhiều ». Văn-Chung đáp rằng : « Nước Việt tuy bại, nhưng bảo-thủ chỗ Cối-kê còn có tinh-binh năm nghìn, còn có thể đánh nhau được một trận nữa, bất-hạnh mà thua, thì đem bao nhiêu kho tàng tích-tu đốt sạch cả đi, lánh mình trốn sang nước khác, để mưu đường khôi-phục, đất nước Việt sao có thể về tay nước Ngô cả được, ví dù nước Ngô chiếm được hết thổ-địa nước Việt chẳng nữa, thì kho-tàng tài-sản quá nửa về chỗ vương-cung, thái-tê với chư-tướng chẳng qua chia xẻ được một hai phần, sao bằng cho nước Việt hòa, quả-quân tôi cảm cái ơn thái-tê, tuy đem thân sang Ngô-vương, mà vẫn dề tâm vào thái-tê. xuân-thu cống-hiến, chửa đem vào vương-cung, đã đem vào qui-phủ trước; như thế thì thái-tê được-chuyên cái lợi toàn-quốc nước Việt, chư-tướng không kẻ nào được dự vào, hưởng-chỉ giống thú khi khốn-quần còn biết đánh lại, nữa là Việt-binh tuy bại, chửa lẽ chịu chết ngay mà chẳng liệu sức giữ thành đánh lấy một trận, khi ấy cái số thắng-phụ cũng còn khó dự-quyết, chửa tất nước Ngô quyết-định là thắng, nước Việt quyết-định là bại, xin thái-tê nghĩ kỹ xem». Một đoạn ngôn-ngữ ấy, nói trúng vào giữa tâm Bá-Bĩ, Bá-Bĩ bất-giác gật

đầu cười nhạt. Văn-Chung thấy Bá-Bĩ ý đã hân-động, lại trở về chỗ khai trình con gái đẹp trong lễ đơn mà nói rằng : « Tám người con gái này đều tự trong Việt-cung tuyển ra, nếu ở dân-gian thì lại còn con gái đẹp hơn nữa, quả-quân tôi vì được sống mà về nước Việt, nên hết sức đi sưu-câu, để sung vào hàng quét dọn hầu hạ trong nhà thái-tê. » Bá-Bĩ nghe đến lời ấy, bất-giác đứng lên mà nói rằng : « Đại-phu bỏ bên hữu-doanh Ngũ Tử-Tur, mà đến bên tả-doanh với Bĩ này thế là biết Bĩ không có cái tâm vui sướng người có tai-nạn, thừa người lúc có nguy-hiểm mà làm hại người, Bĩ này nên hết sức tán-trợ thành-toàn cho việc đại-phu, sáng mai trước hăng dẫn đại-phu vào triều-kiến quả-quân để quyết-nghị, thu-nhận tất cả mọi đồ hiến-nạp, lưu Văn-Chung ở trong doanh, đãi-đọa về lễ khách-chủ. Ngày hôm sau Bá-Bĩ với Văn-Chung cùng đi đến chỗ trung-quân, vào yết-kiến Phù-Sai. Bá-Bĩ vào trước, làm lễ khấu-đầu yết-kiến xong, rồi trần-thuyết về việc Việt-vương Câu-Tiền sai Văn-Chung sang thỉnh-hòa mà kể qua ý-kiến. Phù-Sai đứng-dùng tác-sắc nói rằng : « Nước Việt cùng với quả-nhân này, có cái thù bất-cộng đái-thiên, sao có thể cho nước Việt hòa được » Bá-Bĩ thưa rằng : « Đại-vương chẳng nhớ lời tiên-thần là Tôn-Vũ đấy ư, Tôn-Vũ thường nói rằng : « Binh là hung-khi, nên dùng tạm, không nên dùng lâu. » Nước Việt tuy đắc-tội với nước Ngô, nay vua họ đã xin làm Ngô-thần, vợ họ đã xin làm Ngô-thiếp, những đồ trân-trọng qui-báu nước Việt, tân-số nộp về Ngô-cung; nước Việt sở-cầu với đại-vương đó, chẳng qua xin tồn lấy một chút tông-giống tế-tự mà thôi; nước Ngô ta phạt tội nước Việt, cũng đã đến nơi rồi, hà tất lại muốn chu-diệt cả nòi giống họ, hủy-hoại cả xã tắc họ mới sướng lòng hay sao? » Phù-Sai nghe lời, nín lặng ngẫm

nghe không nói gì. Chửu biết Phù-Sai ưng cho nước Việt hòa hay không sẽ xem chương dưới phân-giải.

### CHƯƠNG THỨ NĂM

#### Ngô-vương cự-gián thụ-hàng

Phù-Sai nghe lời Bá-Bĩ nói, trầm ngâm ít lâu, chính toan cự-tuyệt sự nước Việt xin hòa. Bá-Bĩ liền nói tiếp lên rằng: Cho nước Việt hàng, có thể hậu được tha lợi, tội nước Việt, có thể hiền được danh, danh với lợi lưỡng-dắc, nước Ngô có thể thành được nghiệp bá. Nếu tất muốn đánh đuổi cho đến kỳ-cùng, sợ rằng Câu-Tiền tất là đốt tôn-miếu, giết vợ con, ném đồ kim-ngọc xuống sông, đốc-suất năm nghìn tử-sĩ, liền chết đánh lại nước Ngô. Khi ấy họ là cái quân cùng-khẩu, kiên cái lòng quyết-tử, nước Việt thua, đánh là bản-phận, Ngô-binh nếu có sơ-sai tồn-thất, không những công trước mất không, vả lại bị các nước chu-hầu họ chế cười. Nếu để cho quân giặc có cái lòng liều chết, sao bằng cho nước Việt hòa là lợi hơn, xin đại-vương nghĩ kỹ. » Phù-Sai hỏi rằng: « Nay Việt-sứ ở đâu ? » Bá-Bĩ trả rằng: « Hiện ở trường-ngoại đợi chỉ đại-vương tuyên-phán. Phù-Sai truyền lệnh cho Việt-sứ vào yết-kiến. » Văn-Chủng vào, đi qui mà tiến lên, lại bày tỏ như lời nói với Bá-Bĩ trước, duy lời lẽ có khiêm-tốn hơn. Phù-Sai nói rằng: « Vua mày xin làm thần-thiếp, có thể theo quả-nhân vào nước Ngô không ? » Văn-Chủng khầu-dầu tâu rằng: « Đã làm thần-thiếp nhà vua, thì sống chết ở trong tay vua, dám đâu không đến phục-dịch ở bên tả hữu. » Bá-Bĩ đứng bên cạnh nói tiếp lên rằng: « Vợ-chồng Câu-Tiền tình-nguyên xin về nước Ngô, nước Ngô kỳ-danh tuy rằng tha nước Việt, kỳ-thực đã lấy được nước Việt rồi, đại-vương lại cầu gì nữa. » Phù-Sai nghe nói, liền cho Việt hòa. Khi ấy sớm đã có người đến hữu-doanh báo cho tướng-quốc Ngũ Tử-Tư biết. Tử-Tư

nghe báo giết mình, kíp kíp đảo bước đi đến trung-quân, trông thấy Bá-Bĩ cùng với Văn-Chủng đứng ở bên cạnh Ngô-vương, bất-giác đổ mặt tía tai hỏi Ngô-vương rằng: « Đại-vương đã cho nước Việt hòa rồi đấy a ? » Phù-Sai đáp rằng: « Đã trót cho rồi. » Tử-Tư liền-thanh nói lên rằng: « Bất-khả! bất-khả! » Khi ấy thét được Văn-Chủng xuyt ngã dưng ra, lùi xuống mấy bước, kinh-hoàng thất-sắc, đứng nép một bên, lắng-lặng nghe lời Ngũ Tử-Tư can-ngăn Ngô-vương rằng: « Nước Việt với nước Ngô, liếp cõi láng giềng có cái thể bất-lưỡng-lập; nếu nước Ngô chẳng diệt nước Việt, thì nước Việt tất diệt nước Ngô. Kia nước Tần nước Tấn xa-xôi kia, ta đánh được họ, được đất họ không thể ở được, được xe họ không thể dùng được. Như nay đánh được nước Việt, đất nước Việt ta ở được, thuyền nước Việt ta dùng được, đó là cái lợi của xã-tắc, thiết không nên bỏ. Huống-chỉ lại có cái đại-cừu của đấng tiên-vương, chẳng diệt nước Việt, thì lấy gì tạ lại cái lời thề của đại-vương khi đứng ở sân. » Phù-Sai nghe Tử-Tư nói, không biết đáp lại thế nào, chỉ đưa mắt trông về Bá-Bĩ. Bá-Bĩ đảo lên trước mặt tâu rằng: « Lời quan tướng-quốc nói là lắm! Đấng tiên-vương, khi xưa kiến-quốc, phần thủy phần lục, nước nào cũng phong cho; nước Ngô nước Việt sở-nghi về phần thủy nước Tần nước Tấn sở-nghi về phần lục. Nếu cho rằng đất họ ở được, thuyền họ dùng được, mà bảo rằng nước Ngô với nước Việt không thể cộng-tồn. Thế thì nước Tần nước Tấn nước Tề nước Lô kia, họ ở về phần lục cả đó, đất họ họ đều ở được, xe họ họ đều dùng được, có thể bảo rằng nước Tần nước Tấn nước Tề nước Lô cũng đều gồm gộp cả lại làm một nước hay sao. Còn như nói rằng đại-cừu đấng tiên-vương, tất không nên tha tội cho nước Việt, thì tướng-quốc đối với nước Sở ngày trước, cái

thù lại nặng hơn, sao không diệt nước Sở mà lại cho nước Sở hòa. Tướng-quốc chỉ tự mình làm sự trung hậu, mà muốn cho đại-vương mang cái tiếng khắc-bạc, kẻ trung-thần không nên như thế.» Phù-Sai cả mừng nói lời quan thái-tể nói là có lẽ, quan tướng-quốc hăng lui ra, đợi khi nước Việt đem đồ cống-hiến, quả-nhân sẽ phần tặng cho tướng-quốc. Khi ấy Ngũ Tử-Tư sắc mắt trắng bột ra như sắc đất, thở dài một tiếng, lui ra trước-ngoại, đối với đại-phu Vương Tôn-Hùng nói rằng : « Nước Việt mười năm sinh-tụ, mười năm giáo - huấn, bất-ngoại hai mươi năm, nước Ngô tất biến rathành ao.» Nói xong, ngậm-ngùi mà về hữu-doanh. Phù-Sai liền truyền mệnh cho Văn-Chủng về báo cho Câu-Tiền, rồi lại sang quân Ngô tỏ ý cảm tạ. Phù Sai hỏi rằng : « Vợ chồng Việt-vương ngày nào vào nước Ngô ? » Văn-Chủng đáp rằng : « Quả-nhân tôi đợi ơn đại-vương tha tội cho mà chẳng giết, sắp sửa tam đi về nước, thu nhặt tất cả kim-ngọc mĩ-nữ đem sang cống-hiến nước Ngô, xin đại-vương rộng cho kỳ hạn một chút ; nếu hoặc phụ-tâm thất-tín, tất không thể trốn được sự tru-phạt của đại-vương.» Phù-Sai mới nghe lời thỉnh, ước định trung-tuần tháng năm, vợ chồng Câu-Tiền vào làm thân-bộc nước Ngô, và sai Vương Tôn-Hùng đi kèm Văn-Chủng, cùng đến nước Việt, thúc-giục khởi-trình. Thái-tể Bá-Bĩ thì lĩnh binh một vạn đóng đồn ở Ngô-sơn, để đợi vợ chồng Câu-Tiền, nếu quá kỳ không lại, thì tức hành tảo-diệt nước Việt. Phù-Sai truyền mệnh xong, tự mình thống-lĩnh đại-quân kéo về Nước Ngô trước. Văn-Chủng đã được Ngô-vương cho hòa, về báo cho Việt-vương Câu-Tiền biết «rằng Ngô-vương đã đem quân về nước, sai đại-phu Vương Tôn-Hùng cùng đi lại đó, thúc-giục đại-vương khởi-trình ; thái-tể thì đóng quân ở trên bờ sông, chuyên đợi đại-vương sang

sông.» Câu-Tiền nghe nói, bất-giác đôi hàng nước mắt chảy ra ròng-ròng. Văn-Chủng nói rằng : « Trung-tuần tháng năm, kỳ-hạn đã ngặt lắm rồi, đại-vương nên mau mau đi về nước, liệu-lý việc nước, bất-tất làm những sự bi-thương vô-ích » Câu-Tiền gạt nước mắt đi về, về đến Việt-đô thấy thành-quách nhà cửa chợ chiền y-nhiên như cũ, duy những con trai đình-tràng thì lặng lẽ tiêu-diêu, Việt - vương rất có nét mặt hồ-thẹn. Mới lưu Vương Tôn-Hùng ở trong nhà sứ-quán, rồi thu-thập mọi đồ bảo-vật trong kho tàng xếp đặt lên các xe ; lại tuyển con gái trong nước ba trăm ba mươi người, lấy ba trăm người tống sang cho Ngô-vương, ba-mười người tống sang cho thái-tể Bá-Bĩ. Ngô-sứ là Vương Tôn - Hùng đã thúc-giục đôi ba thứ. Câu-Tiền bất-dắc dĩ mới chuẩn-định hành-kỳ, đối với bách-quan gạt nước mắt mà nói rằng : « Quả-nhân này thừa tiên-nhân dư nghiệp, cần-cù lo lắng, không dám dãi-hoang ; ngày nay bại một trận ở Phù-tiên, nước mất nhà tan, thân làm kẻ nô-lệ phù-lù, chuyển này đi, có ngày đi mà không có ngày về ». Bách-quan nghe nói, người nào người nấy đều khóc-lóc thảm-thiết bi-thương. Văn-Chủng khảng-khại tiến lên mà nói rằng : « Ngày xưa vua Thang bị tù ở nhà Hạ-dài, vua Văn-vương bị giam ở ngục Dữu-lý, nhất-cử mà thành vương-nghịệp ; ông Tề Hoàn chạy ra nước Địch, nhất cử mà lập bá-dò, cái cảnh - ngộ thối-khở gian-nan, chính là thiên-tâm muốn thành-tựu cái căn-cớ cho vương bá sự nghiệp, đại-vương cứ khéo tuân ý trời, tất có ngày lại dấy lên được, hà-tất quá nỗi bi-thương, mà tự-doản mất chí-khi ». Chử biết Câu-Tiền nghe lời Văn-Chủng, có thể bớt được bi-thương hay không, sẽ xem chương dưới phân-giải.

## VĂN - UYÊN

## DỊCH VĂN TÀU

## Luận về cách khéo làm quan (1)

Xá-nhân thấy trong hàng huyện không có người khéo làm quan, lấy làm ân-hận, bảo bá-tử rằng : « Lũ các ông hơn mười người mà ra giao-thiệp với đời, chỉ giữ cái thói dúi đục què mùa, thì sao cho hợp với đời được, bởi tại thói quen thế chẳng, sao mà nhiều người không hợp với đời thế ? » Bá-tử nói rằng : « Phải, nhiều thật. Nhưng chẳng hay tại sao mà ra làm quan không hợp với đời ? » Xá-nhân liền kể ra rằng : « Lũ các ông trái với đời có năm điều : Đời này cái đường giao-du phải rộng mới được, mà ông không hay chơi để kết-giao với mọi người, ấy là một điều. Đời này người ta có mồm-mép khéo-léo, cốt làm cho trúng với cái lòng vui thích của các quan trên, thế mà ông mồm-mép vụng-về, ấy là hai điều. Họ không cứ gì lúc mặc áo cừu áo kếp, mà họ cũng cứ rút-rè khúm-núm như là không vác nổi áo, mà ông thì cứng quèo như que củi, ấy là ba điều. Họ không chịu xướng làm việc gì, họ chỉ là họa theo mà thôi, hóng theo người để kết lấy lòng người ta, hễ động ghét ai thì dẫu vua Nghiêu cũng chế được, ưa ai thì dẫu thẳng Trích cũng khen được, ông thì tính hay xét-nét mà nghị-luận lại trái mọi người, ấy là bốn điều. Đời bây giờ họ xạ lợi như bắn chim trĩ, cấp tên mà nhắm, xét máy mà bắn không sai phát nào ; mà ông thì cứ bỏ tròng dây không giương ra lúc nào, đến lúc giương lên thì đã bắn hụt mất chim rồi, ấy là năm điều. Nếu có một điều như thế thì là cái bước ở trong

trường si-hoạn, hướng chi lại mắc cả năm điều. » Bá-tử rằng : « Vẫn đành thế rồi, để thường phải cải cái bước ấy đi mà sửa lại cái người ta chẳng ? Cứ để cái bước thì sống, cải đi thì chết, làm cái bước chả hơn là người chết đi ư ? Ôi ! Cái đẹp là vốn tính của trời cho, chị gái nhà quê mà muốn bắt chước cái đẹp của nàng Tây-Thị, lại thành ra xấu mà làm hại cả người ta. Ta không may mà là cái bước lại xấu hơn chị gái nhà quê, thôi ta đành khép vạt áo coi việc cơm nước, cho khỏi đắc-tội với ông chồng nhà quê, chứ không dám ra đứng cửa chợ để phô cái xấu ra nữa. » Xá-nhân cười mà rằng : « Ôi ! chỉ vì thế, nên mới nhiều người xấu, mà hiếm có người quốc sắc vậy. »

Lời bàn của Lâm Tây-Trọng. — Cái thói khéo làm quan, xưa nay còn nhiều khéo khôn khéo, không những như những thói đã kể ở trên, song cũng tùy tính người không thể gượng mà bắt-chước được. Ta khi còn đi học, tưởng rằng ra làm quan để hành-đạo. Đến khi nhậm-chức tư-lý Tần-an, thì mọi việc đều không quen cả, bị phải quan trên ghét như hằn-thù, môi-nghiệt không thiếu điều gì cả. Xuýt chết hai ba lần, mà cái bản-tính của mình cũng không thể đổi đi được. Nhân mới tự-biêu mình là si-nhân 癡人, để tỏ ra cái ý mình không khéo làm quan. Năm kỷ-tị có mượn người đắp một cái tượng, nhân làm bài văn đề ngụ-ý rằng : « Người châu Hàng là Tôn Siêu-Luân ta nghề đắp tượng người cực giống, đã nổi tiếng ở Kim-lăng ; nhân xin đắp cái tượng

(1) Dịch bài « Thiện-sĩ luận », nguyên Hán-văn của Uông Đạo Côn 汪道昆.

ta mà lại không giống, người ta đều chê nghề đắp tượng anh ấy không giỏi. Nhưng không biết dấu nghề giỏi đến đâu cũng không thể tả được hình ta cho giống liệt được. Ta hành-canh 38 tuổi, từng trải đi làm quan bảy năm, chỉ vì không khéo phùng-nghehnh mà bị tội. Ta thường sai làm một cái ấn khắc mấy chữ để tự-trào rằng : « *Thiên-hạ đệ-nhất si-nhân* 天下第一癡人 ». Thế thì cái hình ta đều là si-cốt si-thái nó hợp-thành lại, ta không tự truyền-thần lấy thì không bay tả hết được, tìm dấu cho được người thợ si như ta, đề mà đắp đất truyền-thần ta được. Ôi ! Tôn Siêu-Luân đắp tượng người mà hết giống, là vì khéo xét cái bộ cúi ngửa của người mà nhập được thần, tài lựa cái vẻ xấu tốt của người mà in được tích, chỉ cốt dụng-tâm đề cầu cho hợp với đời. Ta thấy ở đời cũng nhiều người chỉ xét xem cái cách cúi ngửa của người, tùy lựa cái vẻ tốt xấu của người, cũng là cùng một khí-loại, hợp như nhau cả, nên anh thợ mới hay đắp tượng giống như in được là phải. Còn như ta vốn có bệnh si, không biết sự đời có lúc thông-tắc, thời-thế có lúc biến-thông đến nỗi phải bị họa-hại luôn hằng năm mãi không thôi. Đến nay vẫn còn chấp-nệ cái lý thị-phi khúc-trục chắt đầy ở trong bụng, thực là cái bệnh si nó làm hại, đã in sâu vào cao-hoang mà không thể chữa được nữa. Thế thì chỉ duy có si mới biết được si, duy có si mới truyền được si, mà chỉ duy có si mới tả giống được si, ta phải tìm một người thợ nào nó đắp tượng mọi người khác mà không giống, hoặc-giã nó đắp tượng ta có giống chẳng, nhưng cũng chưa chắc đã tìm được. Ôi, chạm khắc ra mọi hình mà tuyệt-xảo, thì không ai bằng ông Tào-hóa được, thế mà ông Tào sinh ra người đều phó cho lấy cái bộ mị-cốt, vẻ xảo-thái đề đua-nịnh cho hợp với đời, mà ta thì lì ra một bộ si-cốt khác người, ông Tào đã không sinh một người nào nữa giống ta, tất là không sinh một

năm đất si nào nữa đề riêng đắp tượng ta. Không những ông Tào không chịu sinh ra một năm si-thở, chính ngay như thỏ-chất cũng không muốn khác với những loài đất mà biệt-thành là si. Ôi ! hòn đất vốn tùy người nặn đắp, cái cách ngửa cúi xấu tốt thế nào, có thể lựa theo từng người mà giống được, thế là hòn đất vẫn có sẵn cái mị-cốt xảo-thái vốn không giống với ta, thế mà nay ta lại muốn cho hòn đất nó giống ta, cũng như là hòn đất nó muốn ta giống như hòn đất, hai hàng không thể nào bắt ép cho giống nhau được, chứ có trách chi người thợ đắp tượng. Phỏng-thử có người thợ tả được cái si-cốt si-thái của ta mà đắp được tượng ta cho giống, thế thì cái tượng đất ấy lại xẻ mất một phần si của ta, thành ra trong trời đất có hai người si, mà cái bộ si không đúc riêng cho một mình ta ; ta lại đi lấy đất khắp trong gầm trời mà đắp ra tượng ta, có đến trăm nghìn vạn ức tượng người si lưu ở thế-gian, tất là đời họ ghét mà muốn cam-lâm với ta, tha-hồ họ mô họ xẻ, họ nhỏ vào mặt, họ vật cả râu, họ làm cho đến khổ mới thôi, ta đâu may nhờ về si mà tránh khỏi, há chẳng phải là sở-nguyện lắm ru. Tuy rằng thế, đời người ta ngụ - bình ở trong vũ-trụ này được là bao lâu, muôn loài sinh ra ở đất, rồi lại về cái đất, ta đâu có cái thân bách-niên, cũng chẳng qua và mười năm sau là không còn có hình-ảnh gì nữa, là tan ra đất hết cả, lúc ấy thì lấy đại-khối làm khuôn, tạo-hóa làm thợ, muốn biến-hóa cái hình-tượng ta ra làm tay con ve gan con chuột thế nào mặc lòng, còn biết gì nữa. Nếu ta cứ chấp-nệ cái hình ta ngay nay mà cau-có bảo làm cho giống, thì cũng lại là si mất. Nay hãy cứ lấy cái tượng kia không giống ta, mà cũng cứ gọi là ta, thì cũng được chớ sao, còn như cái nghề anh thợ đắp tượng kia khéo hay không khéo, có cần gì đâu ! »

## THƠ NGŨ-NGÔN MỚI

## I. — Giá áo trước cửa hàng

Một hôm hai cậu học-sinh,  
Rủ nhau đi dạo chơi quanh Kiếm-hồ.  
Trông lên thấy một hiệu to,  
Đường-đường có một trưng-phu đứng  
ngoài.

Cậu nọ rằng: — Uầy kia ai!  
Bánh thay đang diện ở ngoài cửa hiên.  
Trần dầu cũng xoắn râu lên,  
Cũng đeo «cà-vat» áo «len» khoác ngoài.

Xem chàng chẳng kém chi ai,  
Mà sao cái mặt cứ ngay cán tàn?  
Như người chẳng có ruột gan,  
Họm đời chỉ cốt khoe-khoang bộ mỗi!  
Cậu kia rằng: — Thực như lời,  
Giá treo áo dấy anh ơi lạ gì!

Cậu nọ rằng: — Thật thế thì,  
Nếu mà «dái áo» (1) nhiều khi bị lừa.

## II. — Vẹt nhà với vẹt rừng

Vẹt nhà một buổi xô lồng,  
Nhớ quê bay thẳng vào trong rừng già.  
Vẹt rừng trông thấy chạy ra,  
Chào mừng anh bạn đi xa mới về.

Vẹt nhà thấy bạn chân quê,  
Xôn-xao những giọng ngô-nghe vô-tình.  
Rằng: — Nay đang buổi văn-minh,  
Mà anh em chẳng học-hành theo ai.

Dã-man quen thói giống-dài,  
Liệu ra ăn nói với đời được sao?  
Vẹt rừng rằng: — Học thế nào?  
Xin anh trở nẻo đồng-bào cảm ơn.

Rằng: — Học tiếng nói rất cần,  
Hiểu tiếng người mới theo chân kịp  
người.

Thấy mình thông được vài lời,  
Chủ-nhân ai chẳng tranh nuôi-nấng  
Cách ăn cách ở văn-minh, [minh.  
Phong-lu hơn chốn rừng xanh tanhiều.

Chủ còn nhiều sự tin yêu,  
Tự-do ăn nói trèo leo trước nhà.  
Vẹt rừng rằng: — Thực vinh-hoa,  
Minh vinh-hoa thế còn bà-con sao?

Vi học thêm được cho cao,  
Dem về khai-hóa đồng-bào mới ngoan.  
Chớ như bập-bẹ khoe-khoang,  
Vội-vàng quên tổ quên đàn sao nên.  
Khuyên anh lập chí cho bền,  
Con đường theo học liệu nên đường  
Vẹt nhà nghe nói thẹn sao, [nào?  
Giương hai cánh thẳng bay cao lánh  
đường.

## III—Mèo cái già đeo chuỗi chàng hạt

Chuột con đứng thập-thò cửa tổ,  
Gọi mẹ ra xem mụ vãi mèo.

Vừa mừng vừa gọi vừa reo:

«Mẹ ơi! Bà cụ Mãn đeo chuỗi chàng.  
Miệng làm-bầm cụ đang niệm Phật,  
Bước khoan-thai rõ thật hiền-lành.

Từ rầy cụ đã tu-hành,

Từ-bi cụ chẳng sát-sinh nữa rồi.

Gớm chuỗi hạt quý ời là quý!

Bằng minh-châu hay mã-ngọc gì?

Con ra «bạch cụ» ngoài kia,

Con xem chuỗi hạt rồi đi kiếm mồi».

Chuột mẹ vội rằng: «Thôi, con chớ!

Chớ vội tin mà lỡ dấy con.»

Chuột con tính trẻ bôn-chồn,

Không nghe lời mẹ chạy bon khắp nhà.

Mèo háp-tấp chồm ra vồ hụt,

Phúc bầy đòi chú chuột tí-hon.

Nguyên vì mèo nọ chui luồn,

Chui phải chuỗi hạt quàng luôn vào đầu.

Chớ mèo có tu đầu cháng tá,

Mà chuột con vội đã tin ngay.

Các em nhớ lấy lời này:

«Tin đạo-đức già có ngày khốn thân»

## IV. — Hươu với lợn

Hươu nhân hổ đuôi chạy quàng,  
Chạy vào trong trại tìm đường ăn thân,

Tới nơi chuồng lợn dừng chân,

Trong chuồng thấy lợn vừa nằm vừa

Ni-non rên-rĩ đòi phen, [rên.

Hươu thương lợn hỏi bệnh-nguyên thế

Lợn rằng: «Anh ở đâu vào? [nào?

Nào ai đau ốm anh sao nói liều.

(1) Dái: kính, nề. Tục-ngữ có câu: quen dái da lạ dái áo.

Chúng tao vô-sự năm khoèo,  
Ngâm thơ ngâm thiếc để tiêu-khiên  
xăng».

Hươu rằng : « Muông dữ hung-hăng,  
Chỉ đem sức mạnh mà ăn hiếp trần !  
Tôi vừa bị tướng hồ-lang,  
Đuổi tôi chạy tạt trên ngàn tới đây.  
Vi hấn lại tới đây ngay,  
Tiên-sinh tặng hấn thơ hay mấy vần ? »  
Nói rồi hươu vội dời chân,  
Khỏi làng nghe « oét oét » rầm-rĩ kêu.  
Thì ra hồ đến vồ heo,  
Hươu mừng thoát khỏi hiểm-ngoài hai  
Mới hay thời buổi đua chen, [phen.  
Lanh-trai thì được ươn hèn thì thua.

#### V. — Đèn ló với đèn cây

Đèn ló đứng với đèn cây,  
Hai anh ganh tị ai hay ai hèn.  
Đèn ló nói : « Nay đèn cây hời,  
Mày chẳng soi được tới nơi xa.  
Loanh-quanh trong chỗ xó nhà,  
Biết gì những sự gian-tà đầu đầu.  
Ta chiếu khắp vườn sau ngõ trước,  
Bắt những quân trộm cướp chẳng sai.»  
Đèn cây rằng : « Vẫn chịu ngài,  
Ngài sáng bằng ngọn đèn trời của dân.  
Song ngài thử xét thân ngài tí,  
Từ trên đầu cho chí sau lưng.  
Vi dù ô-uế thành tăng.  
Đễ thường ngài cũng chữa từng xét  
Tôi tự biết lập-lòe phận nhỏ. [qua.  
Nên phải soi sáng tỏ lấy mình.»  
Hai đèn ai ám ai minh,  
Mấy lời cãi-cọ rành rành khác nhau.

« Cầm đuốc » chớ như câu ngan-ngũ :  
Chân không soi chỉ cứ soi người.

#### VI. — Ngựa nhà với ngựa rừng

Ngựa nhà một buổi xông tâu,  
Đi chơi đến chốn non sâu gặp đàn.  
Ngựa rừng mừng vội-vàng đón rước,  
Chạy nhung-nhăng chẳng nước-nôi  
Ngựa tớ nhà rằng : « Đi thi, [gi.  
Một mình giật giải mấy kỳ khôi-nguyên.  
Các thành-thị huyền-truyền đồn đại,  
« Nước phi » tài « nước đại » cũng tài.  
Danh-giá gấp mấy mươi mươi,  
Nên tài « kỳ kỳ » trên đời sừng sao !  
Ra vào chỗ nhà cao cửa cấm,  
Ăn bồi đưa, đi tắm bồi kỳ.  
Các anh cũng tập mà thi,  
Bắt-kham cần đá hay gì thói nhặng ».  
Ngựa rừng hỏi : « Tài-năng anh thế,  
Bằng có đâu anh kê cho hay ? »  
Ngựa nhà vội đáp rằng : « Nay :  
Yên da đóng đã « thái-lài » cả lưng.  
Đuôi xén cộc, bốn chân bịt sắt,  
Lông gọt đi bõm cắt chụi đi.  
Chẳng còn vương-vũ tí gì,  
Tha-hồ mình chạy mình phi gọn-gàng.»  
Ngựa rừng nói : « Giải-giang chi hời,  
Anh đi cho người cười anh rồi.  
Ích gì cho giống ngựa tôi,  
Thế còn những chỗ lột roi đầu nào ? »  
Ngựa nhà chẳng nói sao sốt nữa,  
Quay đầu ra chạy phứa về nhà.  
Nhân-tài cũng có đôi ba,  
Dùng cho mình với người ta dùng mình.

Đ. - N.

### THI - CA MỚI

1. — Đi thăm đồng ngẫu-hứng  
Đàn cò phất-phời bên đồng,  
Chẳng thương đồng trắng nước trong  
với nào.

Ngồn-ngang nọ ruộng kia ao,  
Mấy phen lụt-lội khô-khao còn gì.

2. — Mẹ con người lưu-lạc  
Mẹ con từ bước lạc loài,  
Bến vui chợ rộng nhiều nơi hữu-tình.  
Thờ-ơ mình vẫn ra mình,

Con ơi tẻ lắm cái đình đám ai !  
Trời hôm vừa xế non đôi,  
Bóng dương mẹ ngỡ cái bóng tre mai  
đầu làng.

#### 3. — Thấy cô gánh nặng đi đường

Cô kia một gánh đôi vai,  
Giang-sơn há nặng vì ai ru mà !  
Vì chàng thiếp phải xông pha,  
Hồ sinh phận gái Con nhà Việt-Nam.

Một mình kiu-kít dậm trường,  
 Nắng mưa dầu-dãi má hường càng tươi.  
 Thuyền-quyên cũng giống ở đời,  
 Lầm-than kia với thanh-thời là gì ?  
 Miễn cho nên việc gia tề,  
 Vai mang dầu đội nặng-nề quản bao.  
 Non sông ai đắp ai đào,  
 Cuộc đời ăn chọi làm sao cạy chàng.

#### 4 — Các cô đồng lụt lên rừng

Trời làm nước lụt chan hòa,  
 Chị em giã cửa giã nhà ra đi.  
 Rừng xanh núi đỏ quản gì,  
 Tay liềm tay hái quen nghề nhà nông.  
 Cối bờ đầu cũng của chung,  
 Vun thu góp sức má hồng cho ngoan.

#### 5 — Nhàn-hứng

Tiền khách ra rồi cảnh vắng tanh,  
 Đầy vườn hỏa đỏ lá xanh xanh ;  
 Hiền-hào cười nói vài con sách,  
 Hoàn-hải đi về một bức tranh ;  
 Thấp-thoảng tàu bay qua đám tuyết,  
 Long-tong trống hát rộn bên thành ;  
 Một mình một cảnh càng vô-vấn,  
 Cầm cảnh đòi phen lại ngán mình.

D. - Đ.

#### Thích làm thơ

Gớm mình học thiền lại tài sơ,  
 Léo chốn đàn văn nghĩ cũng dơ ;  
 Câu được câu chẳng gò đủ vận,  
 Chữ « tai » chữ « ngã » có ra thơ (1).  
 Phàm-bình phó mặc lời công-luận,  
 Phủ chính mong nhờ bậc túc-nho ;  
 Có dở mới hay hay bởi dở,  
 Xin đừng cười chế bảo « chuỗi thò ».

#### Học chữ nho

Xếp nghiên gác bút ngoại mười thu,

Kinh sử năm xưa lại giở trò ;  
 U á ngày ra vai cậu giáo,  
 Chi hồ đêm nổi hiện đồ nho ;  
 Cỗ kim so sánh gương Âu Á.  
 Nghĩa lý sâu xa nước Tứ Thù ;  
 Đạo thánh ví chẳng không đạo rộng,  
 Nghìn năm dầu mãi đến bây giờ !

#### Lữ-xá nhàn-ngâm

Nước nước non non bạn với mình,  
 Bảy lâu lưu-luyến mãi thành Ninh ;  
 Bốn năm Gián-khẩu sông dài nghĩa,  
 Mười tháng Yên-mô núi nặng tình ;  
 Đường thế có đi rồi có trái,  
 Nghiệp nho càng gắng lại càng tinh ;  
 Thú quê thuần-hức mùi đương bển,  
 Thủ vãng qua xem chốn thị-thành.

#### Hội đèn vua Đinh

(Trương-yên, Ninh-binh)

Non sông Cờ-Việt mấy tang-thương !  
 Dấu cũ còn in đất đế-vương.  
 Sừng-sừng « Cấm Gươm » man-mác cổ,  
 Treo-leo « Yên Ngựa » mịt-mờ sương ;  
 Tấm bia Vạn-thắng rêu phong nét,  
 Tòa miếu Tiên-hoàng khói ngát hương ;  
 Kỷ-niệm cờ đào bay phấp-phới,  
 Non sông Cờ-Việt mấy tang-thương !

#### Núi Thúy-sơn

I

Nước non trải mấy bề dầu rồi,  
 Non vẫn trơ lơ nước chẳng voi ;  
 Mát rọi sườn non, non rợp bóng,  
 Xanh trong đáy nước, nước in trời ;  
 Non kè nước đứng non thêm đẹp,  
 Nước vỗ non reo, nước tựa sôi ;  
 Non nước như tô tranh thủy-mạc,  
 Thiên-nhiên nét bút đượm màu tươi.

(1) Uc úc hồ văn tai » đánh ra « đô đô bình trường ngã » là ý uối dốt.

## II

Dưới nước trên non cảnh hữu-tình,  
 Thợ trời khen cũng khéo công-trình ;  
 Cây chen cỏ mọc hoa vàng thắm,  
 Núi chồm mây cao đá trắng xanh ;  
 Cửa động ló-xô làn sóng bạc,  
 Bên am vắng-vắng tiếng chuông kinh ;  
 Non sông trải mấy phen dâu bể,  
 Cảnh-sắc coi còn lắm vẻ xinh.

## Núi Cảnh điều

## I

Đất bằng bồng nổi ngọn non cao,  
 Có phải đây chẳng núi Cảnh điều ?  
 Cô-miêu rằm tòa hương bát-ngát,  
 Tiều-phu mấy chú tiếng xôn-xao ;  
 Hoa trăm thức nở màu đua thắm,  
 Suối một làn trong nước chẳng bao ;  
 Phong-cảnh nghìn xưa phong-cảnh cũ,  
 Thợ trời tô-diêm mãi thêm vào.

## II

Chiều trời êm-ái gió hiu-hiu,  
 Mát-mẻ đâu hơn núi Cảnh điều ;  
 Chim ẩn chòm cây chim riu-rit,  
 Nước tuôn suối đá nước leo-reo ;  
 Loanh-quanh mặt đất rằm tòa miếu,  
 Lơ-lửng sườn non mấy chú tiều ;  
 Vạch cỏ vin cành lên chót-vót,  
 Càng cao càng mát lại càng leo.

## Trần Hưng-đạo

Đôi đường vì nước lại vì nhà,  
 Ba thước gương thần tốt nấp ra ;  
 Giặc Thát hai phen nghiêng xã - tắc,  
 Sông Đàng một trận vững sơn-hà ;  
 Trăng thu vắng-vặc gương trung-liệt,  
 Đất Kiếp mơ-màng tiếng khái-ca ;  
 Non nước hội này chẳng thấu nhẽ ?  
 Linh thiêng phủ-hộ quốc-dân ta.

## Trưng-vương

Nữ-nhi chi khác bậc anh-hùng,  
 Thù nước thù nhà quyết trả xong ;

Giọt lệ mài nên thanh kiếm sắc,  
 Lòng son dải với ngọn cờ hồng ;  
 Đuổi xa bờ cõi quân tàn-bạo,  
 Kéo lại non sông giống Lạc Hồng ;  
 Trong vát hồ Tây gương tiết-liệt,  
 Xưa sao nay vậy thử soi chung.

## Lê Thái-tổ

Nước phá dân tàn nghĩ thiết-tha,  
 Dựng cờ chính-khi giữa Thanh-hoa ;  
 Mười năm khôi-phục non sông cũ,  
 Một mối y-nguyên đất nước nhà ;  
 Hồ Kiếm dấu ghi cơ tạo-hóa,  
 Núi Lam mây phủ vết can-qua ;  
 Anh-hùng muôn thừa bia còn tạc,  
 Trái mấy tang-thương nét chữa nhòa.

## Nàng Mị-Ê

Kẻ khuất người còn giọt lệ rơi,  
 Thôi thi cũng một thác chồ rồi ;  
 Tắm thân thanh-bạch dòng sông cuốn,  
 Tắc dạ trung-trình bóng nguyệt soi ;  
 Phật-thệ gió cồn mây ẩm-đạm,  
 Châu-giang sóng vỗ nước chồi-voi ;  
 Nghìn năm sử sách lưu-truyền mãi,  
 Đề khách quần-thoa thử ngắm coi.

## Gửi cho bạn

Mười mấy năm nay chức giáo-su,  
 Hỏi thăm ra bác vẫn chưa từ ;  
 Một mình ba lớp coi sao xuê,  
 Mỗi tháng mười đồng phổng có dư ?  
 Đi sớm về hôm sương nắng gió,  
 Nhàm tai mỗi miệng ấ, a, ư ;  
 Văn-minh hủ-lậu ai ai mặc,  
 Thanh-đạm nhà nho giữ lối xưa.

## Viếng má bạn

Vừa mới nghe tin bệnh bác thư,  
 Mà nay bác vĩnh-quyết rồi ư ?  
 Chân đường danh-lợi vì sao vậy,  
 Vui cảnh Bồng-lai vội thế dư !  
 Tiều-tượng mần coi nguyên vẫn dậm,  
 Thỏ-khâu cỏ mọc đã đầy ư !  
 Suối vàng rày hắt thanh-thời nhĩ,  
 Một giấc nôi kê chín chữa như.

**Nhớ bạn**

Đương vui xum-hạp bỗng chia phôi,  
 Nhớ bạn tri-âm gửi mấy lời ;  
 Nhớ lúc thuyền lan chèo đũng-dĩnh,  
 Nhớ khi rượu cúc chén đầy vui ;  
 Nhớ trong viện sách đèn chung một,  
 Nhớ dưới trăng thu bóng sánh đôi ;  
 Non nước còn dài còn hội-ngộ,  
 Báu sầu ta hãy tạm mua vui.

**Cảnh nhà nho**

Nhà rách rấm gian một bác nho,  
 Đứng lên ngồi xuống lại nằm co ;  
 Muối dưa chay dạ ngày hai bữa,  
 Bè bạn quen hơi sách mấy pho ;  
 Gót nhẹ giang-hồ vùng đất cũ,  
 Túi đầy trăng gió cửa trời cho ;  
 Đại khôn trời kệ người khôn đại,  
 Chẳng sợ không cầu cũng chẳng lo.

**Tặng bạn làm đờn-diễn**

Vui thú diên-viên buổi A-Âu,  
 Nước non Phú-lộ có xa dâu ;  
 Tang ma Phạm Lãi bao nhiêu khoảnh,  
 Trăng gió Nghiêm Quang biết mấy bầu ;  
 Nam bắc nức danh khoa-giáp cũ,  
 Trại trang theo dấu cúc-tùng sau ;  
 Ai ơi chớ ngại hung-hoang nữa,  
 Giáp-ti sang năm tới hội đầu.

**Chơi chùa Hương-tích**

Trèo non vượt suối mới qua đây,  
 Đệ-nhất Nam-thiên phải chốn này ?  
 Xào-xạc tiếng chim sen tiếng mõ,  
 Lờ-mờ màu đá lẫn màu mây ;  
 Chợ trời ngào-ngạt hoa hàng dẫy,  
 Cửa Phật đề-đa thóc đóng cây ;  
 Nước Nhược non Bồng nhường phảng-  
 phất,  
 Làng chơi ai đó nhắn cho hay.

**Trận nắng tây**

Nóng gớm ghê thay trận nắng tây,  
 Như thiêu như đốt mấy ngày rày ;

Nắng khô cạn rặt đồng màu lúa,  
 Nắng úa vàng hoe đám cỏ cây ;  
 Nắng tưới mồ-hồi càng nhớ nước,  
 Nắng không cơn rợp những mong mây ;  
 Nắng lâu cũng có khi mưa móc,  
 Mát mặt nhân-gian bỏ bấy chầy.

**Gửi cho bạn**

Ngóng trông tin nhận ruột khô khan,  
 Ôn bạn tri-âm đoái hỏi han ;  
 Nền-nếp nhà ta ta cứ giữ,  
 Văn-chương lối cũ cũ chưa tàn ;  
 Nghĩa-nhân há phải không diên lợi,  
 Lão-mạo rồi ra đến tuổi nhân ;  
 Vẫn biết khuất thân là nghĩa cả,  
 Trọng-phu tùy cảnh-ngộ mà an.

**Cái đèn**

Nào phải khoe cùng ả Tố-nga (1),  
 Thương đời đen tối nhẽ không ra ;  
 Năm canh tâm-sự sôi vì nước,  
 Bốn phía hào-quang sáng rực nhà ;  
 Đứng giữa trần-ai chân vững trụ,  
 Trái bao sương-tuyết vẻ thêm hoa ;  
 Bao giờ thiên-hạ văn-minh cả,  
 Bỏ lúc canh khuya lúc tiếng gà.

**Cái đại**

Đã chót xa chân đứng cõi trần,  
 Nắng mưa dầu dải quản chi thân ;  
 Vì nhà vì nước đôi đường vẹn,  
 Miệng thể dong-dừa bảo đại dân.

**Tĩnh giấc đêm khuya**

Đêm khuya thức giấc ghé song dòm,  
 Bốn phía xa trông tối tối ngòm ;  
 Sương châu cảnh cây rơi lác-đắc,  
 Trống vang diêm gác đánh lom-tom ;  
 Êm dềm làng xóm say chưa tỉnh,  
 Xao xác canh gà gáy đã om ;  
 Tựa án chong đèn ngồi đợi sáng,  
 Đồng hồ thỉnh-thoảng giờ ra nom,

(1) Phong-dao Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng.

## Tự-thuật

Tuổi đã ba mươi chẵn tuổi rồi,  
 Người vui phong cảnh lại càng vui ;  
 Xuân huyên hai khóm xanh môn môn,  
 Hồ quế mười cành nở tốt tươi ;  
 Một cửa vườn xuân tô đủ vẻ,  
 Nghìn năm cõi phúc nầy thêm chồi ;  
 Bốn đời xum họp nhà đông-đức,  
 Là bố, là con, cháu cũng tôi.

## Tiễn bạn

Thúy-sơn Vị-thủy rẽ đôi đường,  
 Kẻ ở người đi lưỡng ngồn ngang ;  
 Nặng nghĩa kim-lan lòng những vướng,  
 Chút tình luyến-ái dạ còn mang ;  
 Đã đem thân-thể thề non nước,  
 Quyết với giang-sơn dải đóm trường  
 Gặp tiết dương-xuân xuân mọi vẻ,  
 Tắc thành hi-chức chữ khang-cường,

BÙI HỮU YÊN

## Viếng bạn

Vội vã làm chi, bác cử Xương !  
 Đề tôi lưỡng những ngậm ngùi thương ;  
 Hay đã chán nản nơi triều thế,  
 Mà muốn an-nhàn chốn thương-phương !  
 Hình-ảnh đã cam đôi ngã cách,  
 Thơ-văn còn để mối sầu vương ;  
 Thiêng chẳng xin thấu lời tôi khóc,  
 Khóc bác tôi ngậm một luật Đường.

## Dạy học

Nào có hay gì dạy trẻ con,  
 U ơ vì chút tuổi còn non ;  
 Lê-văn rất cổ la rồi mắng,  
 Học-tập gào hơi thúc lại dồn ;  
 Khép nép khéo rầy đôi mắt lớn,  
 Nghênh-ngang thêm thẹn chiếc lòng son ;  
 Đã mong từ chức còn e nổi,  
 Giấu nước anh-tài lắm kẻ khôn.

## Tự-thuật

Ngày nào còn nhớ bé con con,  
 Thăm-thoắt xuân nay lễ nguyệt tròn ;  
 Đầu chạm ngang trời nào có nhỏ,  
 Chí to tây biển vẫn chưa khôn ;  
 Tang bằng một gánh âu vay trả,  
 Quán-phụ hai vai khó cúi lườn ;  
 Huân-nghiệp có gì nơi « giáo-mác, »  
 Nghĩ mình không hổ với giang-sơn ?

NGUYỄN XUÂN-HOÈ

## Đi chơi thuyền.

Liên châu từ tuyết

Gió Á mưa Âu cái cuộc đời,  
 Cuộc đời xem trải vầy vùng chơi ;  
 Chơi vùng trời đất chơi cho thỏa,  
 Cho thỏa con Hồng cháu Lạc ai.

Cho thỏa con Hồng cháu Lạc ai,  
 Khuyên ta ta chớ ngủ canh dài ;  
 Muốn chơi xin tỉnh nghe chuông gọi,  
 Chuông gọi gần xa khắp mọi nơi

Chuông gọi gần xa khắp mọi nơi,  
 Làng chơi ta phải sắp hành ngơi ;  
 Đều huề lưng túi trắng cùng gió,  
 Gió mát trăng thanh phải chọn thời.

Gió mát trăng thanh phải chọn thời,  
 Chọn thời rất khó hỏi ai ơi !  
 Làng chơi mấy mặt mà hay chọn,  
 Chọn được thì ta mới gọi tài,

Chọn được thì ta mới gọi tài,  
 Râu máng mới rõ đứng làm trai ;  
 Đào Công chẳng ngại năm hồ cạn,  
 Sóng gió mành chi bốn bề khơi.

Sóng gió mành chi bốn bề khơi,  
 Thuyền ta mát mái vững chèo bơi ;  
 Chèo bơi mặt nước bèo nhòng lối,  
 Bèo giạt đôi bên, mây ngược trời.

Bèo giạt đôi bên, mây ngược trời,  
 San hồ mặc sức tốt cùng tươi ;  
 Công ta vun bón san hồ mọc,  
 Ất có ngày hoa nở nụ cười.

Ắt có ngày hoa nở nụ cười,  
Gió trăng vui cảnh, cảnh vui người ;  
Chơi vùng vẫy trải xem đời cuộc,  
Gió Á mưa Âu cái cuộc đời.

### Nợ công-danh

Công-danh mấy chữ nợ đời đây,  
Ai cũng vay mà tớ cũng vay ;  
Ai dấy càng cao càng nặng nợ,  
Tớ dấy chẳng ít, chẳng hơn ai ;  
Ai đà trả mãi cũng không sạch,  
Tớ cố gỡ hoài cũng chẳng với ;  
Đền sách mười năm là vốn nợ,  
Công danh đòi chữ lãi muôn đời.

### Đêm ba mươi tết ở Phong-sa-ly.

Đào cũ đương cười ngọn gió đông,  
Thoắt nghe tiếng pháo nổ đi-đùng ;  
Ba mươi tết chính là nay nhỉ !  
Mồng một xuân thì phải sáng không ?  
Tiệc rượu giao-thừa phê chữ tit,  
Câu thơ lữ-thứ lựa vần thông ;  
Còn non còn nước còn trăng gió,  
Ta hãy còn nhiều cuộc tết-tung.

### Mùa thu mẹ ru con

Mùa thu gió mát mẹ ru con,  
Bóng nguyệt in hoa mấy cụm tròn ;  
Nguyệt rỡ hoa cười vàng trắng lẫn,  
Mẹ ru con ngủ ái ân đồn ;  
Nở tàn tròn khuyết duyên hoa nguyệt,  
Mang để nuôi vùn nghĩa núi non ;  
Trắng bạc cúc vàng muôn thửa đó,  
Làm con phải biết đạo thần-hôn.

### Mùa đông

Ái khéo đưa ta tới chôn này,  
Mười trăng chờ đợi mới là đây ;  
Đầu non tung bá reo còi gió,  
Đáy suối sương mù tiếp ngọn mây ;  
Nhạn mển trời Nam đoàn lũ tới,  
Hào mê gió bắc nụ hoa cười ;

Chớ khinh ta bị ra đời muộn,  
Điên-đảo lên thì chẳng kém ai.

NGUYỄN XUÂN - NÔNG

### Thuật - hoài

(Giảng-hồ thuật-ngôn)

Từ ngày cất gánh bồng-tang,  
Xa nhà, xa cửa, xa làng tới nay.  
Hôm mai lần lữa tháng ngày,  
Ác tà thổ lặn xương mai gầy mòn.  
Đem thân liễu với nước non,  
Cái mình ve kiến thôi còn tiếc chi !  
Bao nhiêu gian-hiềm sợ gì,  
Quan-san sương tuyết nam-nhi nhuộm

màu.

Làm than bao quản dãi đầu,  
Cánh bèo trôi giạt biết sau thế nào !  
Tình riêng lộp lộp sóng dào,  
Nỗi riêng riêng biết làm sao bây giờ ?  
Bên trời góc bể bơ-ơ,  
Càng ngao-ngán nỗi càng ngơ-ngẩn sầu.  
Trời Nam mờ-mil một màu,  
Nước mây man-mác, ngàn dâu rì-rỉ.  
Đã hay nghĩa-vụ tu-mi,  
Bốn phương hồ-thỉ ngại gì công-lao.  
Chỉ e chín chữ cao sâu,  
Một ngày một ngả bóng dâu tà-tà.  
Nghĩa dầy ơn nặng bao la,  
Ba xuân tấc cỏ mới là đạo con.  
Bằng nay cách-trở nước non,  
Nào ai thay đỡ thân-hôn việc mình.  
Chữ trung chữ hiếu chữ tình,  
Quân-thần chất nặng bên mình ngổn-

ngang.

Ái làm đôi ngả sấm thương,  
Phu-thê nghĩa trọng tao-khang bề-bề.  
Bằng nay muốn dậm sơn-khe,  
Thương ai vô-vô phòng khuê một mình.  
Nào lời hải-thệ sơn-minh,  
Xa-xôi ai có thấu tình chẳng ai ?  
Lòng son thồn-thực bồi-hồi,  
Tha-hương cố-quốc ngậm-ngùi thương

thân.

Kời đây hạc nội mây ngàn,  
 Năm châu bốn bề giang-san vẫy-vùng.  
 Đông, tây, nam, bắc mịt mùng,  
 Giang-hồ ngang dọc thỏa lòng trượng-  
 phu.  
 Nước non ngày tháng chu-du,  
 Lam-quan tuyết rủ, mây mù Tần-phong.  
 Bao giờ bề lặng sông trong,  
 Thanh-bình gặp hội, anh-hùng nức danh.

Ơn vua lộc nước hiền-vinh,  
 Bỏ khi ngọn sóng lênh-đênh cánh bèo  
 Ngàn thu gương sáng còn treo,  
 Để người đồng-loại noi theo kéo lằm.  
 Thời thời đẹp nỗi thương-tâm,  
 Còn non, còn nước còn mầm Lạc Long!  
 Trời nào phụ kẻ có công!

LÊ MINH-HỒNG

## THỜI-ĐÀM

### Việc thế - giới

**Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới.**— Kỳ trước đã xét các việc lớn trong thế-giới đến cuối tháng 11 năm 1926. Nay xét đến việc tháng 12. Trước khi xét riêng về các mục, có thể tổng-quát cả việc trong năm 1926 mà nói tóm lại một câu rằng: Năm 1926 cái tình-hình chung trong thế-giới xem ra có ý nhẹ-nhàng sáng-sủa hơn trước, và tuy ở một vài nơi cũng có xảy ra một vài việc chặc-trò, nhưng đại khái thì cả thế-giới hình như ham muốn sự hòa-bình và dấu dẫu cũng thấy gia-công gìn-giữ cho khỏi sinh ra sự gi-xung-đột phương-hại đến cuộc hòa-bình. Chỉ trừ có việc nội-lạc nước Tàu, còn khắp thế-giới trong năm 1926, không dấu xảy ra việc can-qua, đại - đề được thái-bình vô-sự cả. Việc thiên-hạ ngày nay phiền-phức quá, qua được một năm trót-lọt, cũng là đáng mừng vậy.

**Việc Hội Vạn-quốc.**— Đầu tháng 12 năm 1926, hội-đồng quản-trị Hội-Vạn-quốc có họp ở Genève. Kỳ hội-đồng này là để định xem hội-ủy-viên đặt ra từ năm 1919 để kiểm-sát binh-bị nước Đức, đã có thể bãi được chưa để giao quyền kiểm-sát ấy cho Hội

Vạn-quốc, và nếu giao cho Hội Vạn-quốc thì sự kiểm-sát sau này phải thi-hành ra cách thế nào. Cứ lý thì ai cũng đồng ý rằng Hội Ủy-viên nên bãi đi, và quyền kiểm-sát nên giao lại cho Hội Vạn-quốc. Nhưng mà cứ thực thì nên bãi ngay lập-tức, hay nên lưu lại ít lâu nữa để điều-đình xong mọi việc đã rồi mới bàn giao lại cho Hội Vạn-quốc. Điều đó để cho hội-ngh các đại-sứ điều-tra rồi tự quyết-nghị lấy. Hội-nghị các đại-sứ liền họp hội-dồng, và chính-phủ Đức phái một người đại-biểu là tướng PAWELS để trình-bày về việc tài-giảm binh-bị của nước Đức và thú nhất là về các pháo-dài của Đức dựng ra ở mấy thành *Koenigsberg, Glogau* và *Kustrin*. Hội-nghị đại-sứ thì cho là mấy sở pháo-dài đó có nguy-hiểm cho cuộc hòa-bình ở cõi Đông-Âu, và Đức mấy năm nay tu-bổ cho kiên-cố thêm lên tức là làm trái lời-uớc *Versailles*; tướng PAWELS thì cãi lại rằng nước Đức đã có quyền giữ mấy sở pháo-dài đó, tức là có quyền được sửa-sang cho hợp với tân-thức. Hội-nghị đại-sứ bàn xét rồi quyết-nghị rằng việc tài-giảm binh-bị nước Đức chưa thi-hành được đúng như điều-uớc. Hội-đồng quản-trị Hội-Vạn-quốc nhận lời quyết-nghị đó định

hãng hoãn lại ít lâu việc bãi hội Ủy-viên Đồng-minh kiểm-sát binh-bị nước Đức. Còn việc thảo-luận về pháo-dài nước Đức ở mấy nơi kể trên kia thì đại-biêu nước Pháp, nước Anh, nước Ý, nước Ti và nước Nhật, hiệp-ý nhau định cứ giao cho hội-ngị đại-sứ; lại định rằng hội Ủy-viên Đồng-minh kiểm-sát binh-bị nước Đức đến ngày 31 tháng giêng năm 1927 thì sẽ giải-tán, và việc kiểm-sát giao lại cho Hội Vạn-quốc theo như điều 213 hòa-ước Versailles; kể từ ngày 31 tháng giêng trở đi thì có việc tranh-tụng gì về khoản binh-bị đó sẽ thuộc quyền Hội Vạn-quốc xử-đoán hết; lại định rằng các chính-phủ có đại-biêu ở hội-ngị đại-sứ thì có quyền đặt một chức « giám-định chuyên-gia » để giúp việc đại-sứ mình ở kinh-đó Đức Berlin. Lại định một điều quan-trọng như sau này, là thuộc về việc binh-bị nước Đức, chỉ hễ khi có một chính-phủ nào tố-cáo với hội-dồng vạn-quốc thì hội-dồng mới can-thiệp xét đến, và khi đem ra xét sẽ cho hai bên đối-nại (hai bên đây là chính-phủ đứng tố-cáo với chính-phủ bị-cáo, tức là nước Đức). Như vậy thì nước Đức yêu-cầu bãi hội ủy-viên kiểm-sát binh-bị, kể cũng là tiềm-tiêm được như ý vậy. Cái chí của Đức lại còn muốn được hơn nữa, là cố yêu-cầu cho rút hết quân Đồng-minh ở hạt sông Rhin đi. Nhưng việc này còn chưa được, vẫn để sông Rhin Hội Vạn-quốc vẫn chưa dả-động đến. Không biết sau này có đề-khởi tới không và sẽ giải-quyết ra thế nào.

**Việc nước Đức.**—Ngay sau khi hội-dồng quản-trị Hội Vạn-quốc họp ở Genève, thì ở Đức xảy ra việc Nội-các khủng-hoảng, việc này kể ngấm-ngấm đã lâu, đến trung-luân tháng 12 mới phát-hiện ra, là nhân đảng xã-hội ở Nghị-viện bỏ vé không tin đảng chính-phủ, khiến cho Nội-các MARX phải đổ. Nguyên-nhân

việc khủng-hoảng này chính là ở cuộc thảo-luận về qua-đội Reichswehr ở Đức, có người cáo giác là quân này có mật-thông với chính-phủ Sô-viết nước Nga, nhân đó lãnh-tự đảng xã-hội ở Nghị-viện là SCHEIDEMANN đọc một bài diễn-thuyết kịch-liệt nói tương-tất việc đó và công-kích chính-phủ Đức đã dung-túng như thế. Báo các nước, nhất là ở Anh nghị-luận về việc này cũng đều đồng-thanh cho cái thái-độ của quân-đội Đức là có điều ám-mùội. Sự cáo-giác cái thái-độ đó cho công-chúng biết kể thì cũng không phải là một sự mới lạ chi; xưa nay thiên-hạ cũng vẫn đã thường ngờ quân-đội Đức là có cái dã-tâm muốn đồ sự báo-thù. Tuy-nhiên, nay các nơi đều cáo giác ra như thế, thì mới rõ rằng quân Reichswehr ngoài mặt là ở dưới quyền chính-phủ Đức, mà kỳ-thực là một đoàn-thể độc-lập, có chế-độ, có tài-chinh, có chính-sách riêng, đối với trong nước, đối với ngoại-quốc có quyền tự-do hành-động; lại về đường võ-bị thì có ngấm-kết-liên với các sở công-nghệ Nga. Quân-đội trong nước mà tổ-chức theo một cách đặc-biệt như thế thì giá ở nước nào cũng phải cho là một sự trái-ngược, duy ở nước Đức cái quân-quốc-tinh-thần trong dân-gian vẫn thịnh lắm, cho nên cho quân-đội là đứng vào địa-vị tuyệt-đích, tựa-hồ như đồng-thể với vận-mệnh quốc-gia, có thể vượt ra ngoài phạm-vi pháp-luật được. Cái tập-tục, cái căn-tính của dân Đức như thế, các nước Đồng-minh là địch-quốc của Đức cũ thấy thế cũng lấy làm bất-mãn và tự-lo cho mình, nên có ý muốn ngăn-ngừa, nhưng không thể sao được. Nay việc xuất-hiện ra tổ-tướng, đủ chứng-rằng cái cách hành-động của phái quân-phiệt chỉ mưu-tính sự phục-thù với cái chính-sách ngoại-giao của Chính-phủ Đức tỏ ra ham muốn sự hòa-bình, hai đảng thật là phải-trái nhau quá, Liệt-

cường cũng muốn đem sự phản-trái ấy mà nêu lên cho thiên-hạ biết, song cứ công-nhiên thì cách hành-dộng của phái quân-phiệt với Chính-phủ Đức là phản-trái nhau thật, nhưng cứ thực-tế hai đảng có quan-hệ gì với nhau không? Nói cho đáng thì về mặt Tây, nghĩa là mặt giáp-giới với Pháp, nước Đức có ý muốn cầu hòa thật, và Chính-phủ Đức thường tuyên-bố cái chí-nguyện hòa-bình là thành-thực, chứ không phải có ý huyễn-diệu gì ai; song về mặt Đông, nghĩa là mặt giáp-giới với Ba-lan, thì xem ra vẫn chưa cam-tâm, chưa bằng lòng thuận-nhận cái tình-trạng như bây giờ, còn có cái chí ngầm muốn khôi-phục lại bờ-cõi cũ. Vấn-dề Ba-lan, người Đức vẫn cho là chưa giải-quyết xong, và Đức ngày nay tuy không ra gì chủ nghĩa cộng-sản mà lại có ý muốn thân-thiện với Nga là cũng chỉ vì việc Ba-lan đó mà thôi. Hiện nay chưa biết đã có đề-huê với Nga chưa, nhưng đó cũng là việc chẳng sớm thì trầy mà thôi. Vả lại cứ xét lịch-sử và địa-lý miền đó thì biết hòa-trớc *Versailles* thay đổi bờ cõi các nước ở đấy thực là gây ra một cái tình-trạng phiền-phức rất khó giải sau này. Song việc đã dĩ-nhiên, không thể không thừa-nhận được. Nước Pháp hiện đã ký-ước đồng-minh với Ba-lan, cho nên phạm việc quan-hệ đến Ba-lan, Pháp không thể khiết-nhiên không đề-ý đến. Bởi lẽ đó nên việc cách-mệnh xảy ra ở *Lithuanie*, người Pháp cũng hơi lấy làm quan-tâm. Nguyên Chính-phủ [đấy là thuộc về đảng Cộng-sản, có Chính-phủ Nga phụ-trợ, mới đây bị đảng bảo-thủ đánh đổ, đó tức là một sự thất-bại cho Sô-viét nước Nga. Nhưng Chính-phủ bảo-thủ mới này đối với Ba-lan lại có ý ác-cảm, muốn đòi lại thành *Vilna*, đó cũng là một cái cơ xung-đột cho hai nước sau này. Vả ngay về mặt Tây cũng không phải là đã được êm hết cả, cho nên những việc như việc quân *Reichwehr*

và việc pháo-dài ở giáp-giới Ba-lan, toàn là những việc khiến cho Pháp và Ba-lan phải quan-tâm chú-ý lắm. Cái trách-nhiệm của các bộ ngoại-giao những lúc này là phải làm cho yên dân-tâm đề khỏi sinh ra sự gì xung-đột, kẻ cũng là khó-khăn lắm. Như mới rồi tòa án-bình Pháp thuộc về quân-đội sông *Rhin* có xử việc mấy người Đức xâm-phạm vào một viên quan hai Pháp tức các báo gọi là việc *Germersheim*. Tòa xử mấy người Đức phải tội, mà viên quan hai Pháp thì được trắng án. Xem các báo Đức bình-phẩm về việc ấy đều phản-đối hết cả, cho là trái với cái «tinh-thần *Locarno*», gây lên một cái phong-trào dư-luận cũng hơi kịch-liệt, việc tầm-thường như thế mà làm thành chuyện to như vậy, thì đủ biết sự giao-thiệp hai nước cũng chưa lấy gì là ôn-hòa bình-tĩnh. Tòa án kết-án rồi, quan Thống-tướng quân-đội sông *Rhin* phải tự xia với quan Giám-quốc cho ân-xá, việc mới người dân đi. Nói tóm lại nước Đức ngày nay cũng đã hiểu rằng cần phải có hòa-bình mới khôi-phục kinh-tế được, cho nên cũng hết sức duy-trì lấy sự hòa-bình trong việc giao-tế với các nước, nhưng mà trong dân-gian vẫn có cái tích hiếu-chiến, vẫn có cái chí phục thù, thời-hở xuất-lộ ra, không thể ngăn lại được. Đó cũng là một cái tình-thế khó xử vừa cho chính-phủ Đức vừa cho chính-phủ Pháp, hai bên phải cho khôn-khéo, phải cho uyển-chuyển, phải cho nhần-nại lắm mới được, — Còn một việc như sau này nữa cũng nên thuật qua, vì tỏ ra cái phong chính-trị ở Đức và ở Pháp khác nhau hẳn. Ở Pháp phạm Nội-các hễ đã từ-chức rồi mà chưa lập thành Nội-các mới, thì Nội-các cũ chỉ tạm chủ-trương công việc thường mà thôi, đến việc quan-hệ như ký-ước với ngoại-quốc, thì phải để cho Nội-các chính-thức có trách-nhiệm với Nghị-viện đương lấy. Nay ở Đức

Nội-các MARX xin từ-chức vào trung-tuần tháng mười-hai, Nghị-viện để cho quan Giám-quốc tự-do kén chọn Nội-các mới bèn định không hợp cho đến hạ-tuần tháng giêng. Giữa trong khi Nội-các chính- thức chưa thành và Nghị viện tạm nghỉ đó thời ông ngoại-tướng STRESEMANN lại ký điều-ước với chính-phủ Ý-đại-lợi ở Rome. Ở Pháp thời cách làm như thế là trái với hiến-pháp, ở Đức thời cho là một việc tự nhiên vậy.

**Việc Ý-đại-lợi.** — Cái ước của Ý vừa ký với Đức đó là một điều-ước hòa-giải và trọng-tài (*traité d'arbitrage et de conciliation*), sửa-soạn đã lâu, tháng chín trước ngoại-tướng Đức STRESEMANN với đại-biểu Ý GRANDI đã cùng nhau thương-thuyết ở Genève không xong, sau lại giao cho đại-biểu hai nước là DR GAUS và SCIALOJA tục-thương mãi đến bảy giờ mới thành, Việc này không rõ khỏi-xương tự nước nào, cứ đả-luận trong hai nước thì Đức không nhận là chủ-trương tự Đức mà Ý cũng không nhận là chủ-trương tự Ý. Dù thế nào mặc lòng, cái dã-tâm của nước Ý hồi đầu muốn ký ước với Đức là chỉ để phản-đối Pháp, nhưng mà nghe đâu Đức không thuận như thế, sau mới định hăng đặt một hội-đồng trọng-tài để hòa-giải những việc tranh-tụng về pháp-luật, và cắt nghĩa các điều-ước của hai nước với nhau. Hội-đồng ấy có năm trọng-tài-viên (*arbitres*), trong số đó thời hai người là do mỗi chính-phủ chọn riêng một người, còn ba người thì hai nước cùng chọn chung. Có việc tranh-tụng gì trong hai nước với nhau thời hội-đồng phải xét-xử, điều gì trong vạn-quốc-công-pháp đã có rồi cứ lấy đấy làm bằng-cớ, điều gì vạn-quốc-công-pháp còn khuyết thì xử theo lẽ công bằng thế nào cho sau này có thể cũng sáp-nhập vào vạn-quốc-công-pháp được. Ngoài

hội-đồng ấy lại đặt một hội-đồng hòa-giải nữa, cũng có năm người chọn theo như cách trên, để xử những việc thuộc về chính-trị, thứ nhất là những việc xảy ra khi có chiến tranh. Điều ước ấy kể cũng là quan-trọng lắm, nhưng không có chủ-trương gì về việc thổ-địa, cũng không có kết-liên gì về đường chính-trị, thời cũng là thuộc trong phạm vi các điều-ước hòa-giải cùng trọng-tài khác của các nước Âu-Tây ký với nhau từ sau khi chiến-tranh đến giờ. Tuy-nhiên điều-ước này cũng là tiêu-biểu một cái chính-sách dề-huê thân-thiện của hai nước Ý và Đức với nhau. Vẫn biết rằng hiện nay ước ấy không có ý gì phản-đối nước Pháp. Song người Pháp vẫn có ý ngờ cái mưu sâu của Ý, là thấy Ý sẵn-sóc muốn tìm lấy vây-cánh để hình như phòng việc tương-lai vậy. Lại về đường kinh-tế có muốn tán-trợ cho Đức, để lấy lòng với ý Đức. Cho nên chính-phủ và các báo Pháp vẫn thường-thường chú-ý về việc nước Ý lắm,

Này điều-ước Đức Ý tuy cũng chưa có quan-hệ gì đến thời-cục cho lắm, nhưng điều-ước của chính-phủ Ý mới ký với xứ *Albanie* thì thật là quan-hệ lắm. Ý ký-ước này tức là đặt quyền bảo-hộ ở *Albanie*, vừa về chính-trị, vừa về quân-bị, vừa về kinh-tế. Ước này trái hẳn với ước nước Ý đã ký với nước *Yougoslavie* từ trước, định xứ *Albanie* là thuộc quyền giám-đốc cả hai nước. Bởi thế nên ước *Yougoslavie* cho cách xử-trí của nước Ý về *Albanie* là một sự cử-động bất-thân-thiện, và tỏ ý không bằng lòng. Ngoại-tướng NINTCHITCH là người xưa nay vẫn chủ-trương dề-huê với Ý, cùng cả nội-các ONZOUNOVITCH đều phải từ-chức. Sau vua lại gọi ông tổng-lý Nội-các giao cho tổ-chức Nội-các mới. Nước Ý cũng phân-giải các lẽ, nói rằng không có ý gì phản-đối

nước *Yougoslavie* cả, nhưng vẫn không xóa được cái ác-cảm từ đầu. Trong bán-đảo *Balkans* ngày nay cái tình-thế phân-tranh đương bối-rối lắm, nào là *Bulgarie* đối với *Roumanie*, nào là nước *Hongrie* về đường kinh-tế cần phải có một nơi hải-cảng ra bề *Adriatique*, lại thêm Sô-viết nước Nga vận-dộng cách mệnh cũng dữ lắm, như thế mà Ý can-thiệp đến việc *Albanie* đề mưu cái đục-vọng bành-trướng ra mặt Đông, thật là lại thêm một mối phân-tranh khó xử nữa. Cho nên những nước có thế-lực như nước Pháp vẫn gia sức giữ cho các nước *Balkans* không đến nỗi xang-dột nhau mà gây ra việc chiến-tranh. Nước Pháp vẫn muốn giữ cái địa-vị điều-hòa, nhưng nay Ý lại can-thiệp vào, mà cái thái-độ của Ý đối với Pháp không lấy gì là thân-thiện cho lắm, người Pháp e rằng không đủ sức mà điều-hòa cho đắc-lực, ngăn-ngừa cho cái ngòi chiến-tranh khởi lại nhóm lên được. Nói tóm lại thì Pháp ở đâu cũng gặp Ý, tuy không phải công-nhiên phản-đối gì nhau, nhưng cũng cứ hơi ngăn-trở nhau một đôi chút.

**Việc nước Tàu.** — Việc Âu-châu như vừa thuật trên đó là thuộc việc ngoại-giao cả, tuy cũng có điều quan-hệ, nhưng không phải là việc cần-cấp chi; chứ ở Á-Đông thì việc nước Tàu mới là cần-cấp lắm. Kỳ trước đã nói qua về cái tâm-lý việc Tàu thế nào. Nước Tàu vẫn chia ra hai đảng Nam Bắc, đảng Nam tuy có thể bành-trướng hơn, nhưng đảng Bắc chưa phải đã kiệt-quệ hẳn. Gần đây có tin Nam-quân đã tiến lên Thượng-hải; nhưng về mặt trong thì đại-khải hai quân Nam Bắc vẫn đối nhau ở hai bờ sông Dương-tử, chính-phủ nam-phương thì vừa lấy tỉnh-thành Quảng-đông vừa lấy Hán-khâu làm hai nơi trung-tâm-điểm; giao-thiệp với ngoài là ENGÈNE TCHEN (Trần Hữu - Nhân), ủy-viên coi việc

ngoại-vụ, còn làm cố-vấn cho chính-phủ, không ra mặt mà vẫn chủ-trương mọi việc thì nghe đâu là công-sứ Nga BORODINE. Chính-phủ Bắc-phương thì WELINGTON KOO (Cố Duy-Quân) vẫn giữ chức tổng-lý Nội-các, tự xưng là chủ-trương và thay mặt cho chính-phủ Dân-quốc Tàu, nhưng kỳ-thực không có quyền-thế gì cả, chính người chủ-động là Trương Tác - Lâm. Song ở Nam-phương cũng vậy, ở Bắc-phương cũng vậy, dù có người ngoại-quốc ám-trợ thế nào mặc lòng, cái tôn-chỉ của hai bên cũng là tôn-chỉ hợp nhất và tôn-chỉ bài-ngoại cả, duy phương-pháp thi-hành hoãn-cấp có khác nhau mà thôi. Cái chí-nguyện của hai bên chỉ là muốn bài-trừ người ngoại-quốc đi, không cho can-thiệp đến chủ-quyền nước Tàu, muốn giải-thoát ra ngoài vòng khuôn thế-lực của các nước Âu-Tây, khiến cho đối với Liệt-cường được hoàn-toàn bình-đẳng, và thứ nhất là về vấn-dề quan-thuế được hoàn-toàn tự-chủ. Ấy cái mệnh-lệnh chung của cả các phái bên Tàu ngày nay, dù là thuộc về Nam-phương hay thuộc về Bắc-phương, cũng rút lại có thể mà thôi. Tuy nhiên Nam-phương có cái chương-trình phân-minh hơn, và hiện nay đương có quyền ăn nói đồng-dạt hơn. — Đối với việc Tàu, có nước Anh là bị hại hơn cả. Người Tàu dễ-chế hàng-hóa công-nghệ Anh, các nhà công-thương nước Anh bị thiệt-hại nhiều lắm. Chính-phủ Anh thấy cái tình-thế như thế bèn gửi thư thuyết-minh cho Liệt-cường để bàn về việc Tàu. Thư trước còn giữ kín, sau mới công-bố ra. Nước Anh bàn với Liệt-cường nên công-nhận cả các chính-phủ có thực-quyền ở nước Tàu, bất phân là Nam-phương hay Bắc-phương, và trong quân-hạt của Chính-phủ nào thì thuế thương-chính sẽ thu cho chính-phủ ấy. Nước Anh bàn như thế, là có ý tỏ ra không thiên-vị bên nào, chuẩn-nhận hết cả

những lời yêu-cầu của người Tàu, không giúp riêng cho một phe một đảng nào, mà đối với ai cũng là giữ một cái thái-độ khoan-dung cả. Anh tính rằng Liệt-cường thế nào cũng theo lời bàn của mình. Không ngờ lại tính sai. Đối với người Tàu thì phái Bắc-phương cũng như phái Nam-phương đều không bằng lòng lời bàn của Anh, cho là chỉ muốn lợi-dụng cách đó để giữ mãi lấy cái quyền giám-đốc về quan-thuế của Tàu, và công-nhận cho các chính-phủ địa-phương tức là ngăn-trở sự hợp-nhất nước Tàu. Thành ra nước Anh muốn tỏ cách rộng-rãi, mà người Tàu lại cho là bầy còn hẹp-hòi lắm.

Còn như Liệt-cường thì nước Tỉ và nước Ý tuy có tỏ ý tán-trợ cho Anh, nhưng nước Pháp và nước Nhật lại muốn cố giữ trung-lập, quyết không can-thiệp gì vào việc nội-chính nước Tàu, để cho người Tàu được tự-do mưu việc hợp-nhất trong nước. Về phần nước Mỹ thì mãi đến cuối tháng 12 chưa thấy tỏ ý thế nào. Như vậy thì cái vấn-đề trọng-yếu cho nước Tàu ngày nay, là phải làm thế nào gây cho thành một cai chính-phủ trung-ương cho xứng-đáng. Việc đó là việc riêng của người Tàu, Liệt-cường không nên can-thiệp vào. Nước Anh thấy thiệt-hại đến lợi-quyền nhiều quá, vội-vàng muốn bàn cách xử-trí việc Tàu cho mau xong, thù-bất-trí chỉ đủ giục thêm cái lòng ác-cảm của người Tàu mà thôi. Vả lại Liệt-cường cũng không nên quên rằng phái Nam-phương tuy ngoài mặt dường như tựa vào đảng Cộng-sản Nga mà hành-động, nhưng kỳ-thực Nam-phương cũng như Bắc-phương chỉ mưu có một việc hợp-nhất và độc-lập cho nước Tàu, việc đó mà làm được thành công là mãn-nguyện chứ không có cái chí đem cả nước Tàu theo về chủ-nghĩa cộng sản đâu. Còn đối với ngoại-quốc thì người Tàu

quyết không chịu để cho nước ngoài can-thiệp đến việc nội-chính của mình. Như vậy thì cái chính-sách khôn-khéo của Liệt-cường là phải bỏ cái lối can-thiệp cũ, và tỏ lòng thân-thiện, sẵn lòng biểu đồng-tình với người Tàu; điều đó các nước xem ra cũng đã hiểu cả, nước Anh có lẽ cũng tỉnh-ngộ rồi. Liệt-cường đã không can-thiệp nữa thì người Tàu phải xử-trí lấy việc nước thế nào cho hơn bốn trăm triệu dân thoát khỏi cái cảnh nội-loạn khốn-đốn.

Hiện nay thì tình-thế hãy còn bối-rối lắm. Đại-khải có thể tóm-tắt lại như sau này.

Về quân-sự thì quân Bắc-phương gọi là An-quốc-quân. Trương Tác-Lâm cầm quyền thống-lĩnh mà đại-bản-doanh thì đặt ở Bắc-kinh; mặt trận chạy dài từ đông đến tây, theo con đường như sau này: Thượng-hải, Nam-kinh, Dĩnh-châu-phủ, Thương-châu, ở phía nam sông Hoàng-hà có mấy đường hỏa-xa lớn cũng thuộc quyền Trương Tác-Lâm giám-đốc cả. Quân Nam-phương là Quốc-dân-quân thì đóng theo một đường như sau này: phía bắc Hàng-châu, Tô-châu, Vu-hồ rồi theo cùng một đường đối-diện với quân Bắc cho mãi đến Ý-xương ở trên sông Dương-tử. Hai mặt đánh nhau đương dữ lắm. Nam-quân cố đánh lấy Nam-kinh, để tiết đường thông với Thượng-hải. Bắc-quân thì định lấy Hán-khẩu. Lại còn có một quân thứ ba nữa là quân của Phùng Ngọc-Tường đương tổ-chức lại ở phía tây tỉnh Thiểm-tây, Trận Nam-kinh thì xem chừng quân Nam được thắng, nhưng mà Bắc-quân tiến xuống Hán-khẩu cũng mạnh lắm, trong quân lại đủ cả các khí-giới mới như xe « tăng », tàu bay, đạn-dược nhiều lắm. Về đường chính-trị thì Bắc-phương là gồm ba tỉnh Mãn-châu với tỉnh Trực-lệ, Sơn-dông, Giang-tô, An-huy, Sơn-tây, mấy tỉnh ấy hiệp-quân-đội lại ở dưới quyền Trương Tác-

Lâm đề danh chính-phủ Nam-phương. Trương Tác-Lâm thì vẫn giữ nội-các WELLINGTON KOO (Cổ Duy-Quân) ở Bắc-kinh, vì chính-phủ Bắc-kinh là chính-phủ Liệt-cường đã công-nhận ; nhưng cái ý của Trương là hễ việc chiến-tranh đặc-lợi thì sẽ sửa lại nội-các, chọn những người có tư-cách để thương-thuuyết với hữu-dực đảng cách-mệnh Nam-phương. Chính-phủ Nam-phương thì tổ-chức theo lối Nga nghĩa là do Quốc-dân-đảng cử một hội đại-biểu, hội đại-biểu lại cử một hội ủy-viên giữ quyền hành-chính. Nhân-vật trọng-yếu trong chính-phủ Nam-phương là Trần Hữu-Nhân coi việc ngoại-giao và Trương Giới-Thạch thống-lĩnh quân-vụ. Trừ có tỉnh Vân-nam độc-lập, tỉnh Tứ-xuyên hãy còn do-dự, còn các tỉnh khác đều theo về chính-phủ Nam-phương cả. Hiện nay trong Quốc-dân-đảng có hai phái phản-đối nhau, hữu-dực là phái Trương Giới-Thạch đương muốn trừ tả-dực là phái quá-khích ăn lương của nước Nga. Chương-trình của Nam-phương là muốn dùng hết cách, dù cách bạo-động máu-lòng, để bãi bỏ hết các điều-ước bất-bình-dẳng kỳ với ngoại-quốc, khiến cho nước Tàu thoát được hẳn cái quyền can-thiệp của ngoại-quốc. Kê cái chương-trình của Bắc-phương như trên kia đã nói thì không khác gì Nam-phương ; duy Bắc-phương không muốn dùng cách bạo-động, mà muốn dùng cách ngoại-giao thương-thuyết. Xem ra hữu-dực Quốc-dân-đảng cũng muốn ôn-hòa như thế. Như vậy thì nếu hữu-dực chiếm được đại-da-số trong đảng, bấy giờ Nam-Bắc có thể liên-hiệp với nhau trong sự yêu-cầu và đối-phó với ngoại-quốc. Xét ra thì trừ bọn học-sinh và bọn thuyền-thợ ở các nơi tỉnh-thành, còn trong dân-gian đến chín phần mười không thiết gì đến việc chính-trị cùng việc nội-chiến cả, đủ chứng rằng ngoài các đảng vận-động, người

Tàu chưa có dư-luận gì về việc nước cả. Hiện nay thì Nam-phương cũng như Bắc-phương đương thiếu tiền cả ; quan-lại không có tiền trả lương, các việc doanh-nghiệp đình đốn cả, tiền thâu-nhập mỗi ngày một sút đi, công-khố cạn-hấu cả, có lẽ nhờ đó mà việc nội-chiến êm dần được chăng.

**Việc nước Mĩ.** — Ở Mĩ trong tháng 12 không có việc gì lạ đáng chép. Duy có một bọa trí-thức họp nhau lại làm giấy yêu-cầu với chính-phủ nên giải-quyết vấn-đề nợ cho ôn-thỏa, nên rộng lòng châm-chước với nước Pháp, đừng sách-nhiều quá. Tờ tuyên-bố ấy tỏ ý thân-thiện với nước Pháp, nhưng xem chừng cũng không ảnh-hưởng gì mấy. Cái thái-độ của chính-phủ Mĩ đối với Pháp cũng không thay-đổi, chính Giám-quốc Mĩ COOLIDGE cũng đã từng nói rõ như thế. Còn một việc nữa nên nói qua, là việc nước Mĩ can-thiệp vào nước Nicaragua giúp cho thống-lĩnh DIAZ để chống lại với đảng tự-do là đảng có nước Mặc-tây-kha (*Mexique* tán-trợ. Mĩ nói rằng can-thiệp là để bảo-hộ cho sinh mệnh tài-sản của người dân Mĩ ở Nicaragua, nhưng kỳ-thực là để phản-đối lại với Mặc-tây-kha, vì như kỳ trước đã nói hai nước bất-bình nhau đã lâu. Việc can-thiệp này ở Nam-Mĩ lấy làm nghị-luận lắm, cho là nước Hoa-kỳ lạm-dụng quyền mạnh để áp-chế các nước nhỏ.

**Việc nước Anh.** — Nước Anh bây giờ mới qua khỏi cái nạn bãi-công như người bị-thương còn đương bình-phục. Việc khôi-phục kinh-tế trong nước kê cũng khó-khẫu và lâu-dài lắm. Nhưng người Anh có tính kiên-nhẫn, sớm trưa rồi cũng thành-công. Ở Hội Vạn-quốc thì ngoại-tướng Anh CHAMBERLAIN nhờ cái thế-lực riêng và nhờ cái địa-vị của Anh trong thế-giới, kỳ hội nghị vừa rồi cũ g có công điều-hòa được nhiều việc. Ông CHAMBERLAIN cũng

vì cái công đó mà cùng với ngoại-tướng Pháp BRIAND, ngoại-tướng Đức STRESEMANN đã được phần-thưởng Nobel năm 1925-1926, gọi là phần-thưởng những người có công cho cuộc hòa-bình trong thiên-hạ. Trên kia đã nói cách ngoại-giao của nước Anh đối với việc Tàu không được khéo lắm. Nhưng mà cứ xét lịch-sử nước Anh thì biết người Anh vẫn có cái chính-sạch khôn-gnan lắm, dẫu có sai-lầm một lúc, thất-bại nhất-thời, nhưng rồi sau cũng sửa lại được ngay, không bao giờ để đến thiệt-hại.

**Việc nước Pháp.** — Trong tháng 12 Nghị-viện Pháp đã tỏ ra biết hiểu cái tình-thế trong nước, bỏ cả những sự tranh-danh và cãi-cọ vô-ích, một lòng giúp đỡ Nội-các POINCARÉ làm được nên việc. Các báo tây đã lấy làm lạ không mấy khi Nghị-viện có cái thái-độ ôn-hòa như thế. Xét sổ dự-toán có trong mười ngày thì xong, và bỏ về quyết-nghị được trước cuối năm, khiến cho sang năm 1927 có thể sẵn-sàng thi-hành ngay được, không phải chờ-đợi như các năm trước. Sổ dự-toán quyết nghị được đúng kỳ như thế, chính là một điều cốt-yếu trong việc chính-đốn tài-chính trong nước. Đồng phát-lãng cũng mỗi ngày một phục-giá lại, trước kia mỗi một *livre* đáng giá 240 quan, bây giờ đã xuống đến 120 quan. Song sự phục-giá cho đồng phát-lãng này có ảnh-hưởng không tốt đến việc công-thương trong nước Ở một vài nơi công-xưởng đã thấy công việc đình-đốn thợ không có việc làm. Nếu trong các công-nghê mà đều thiếu việc cho thợ làm thì cũng là một cái hiểm-trọng đáng lo cho nước Pháp. — Trong tháng 12 đương lục-tục sửa-soạn việc bầu-cử thượng-nghị-viên về kỳ tháng giêng năm 1927 này, có người sợ rằng kỳ bầu cử này không biết có được êm-thấm hay không, và đảng liên-hiệp đề giúp

cho Nội-các POINCARÉ có giữ được hoàn-toàn không. Nhưng xem ra các đảng cạnh-tranh nhau cũng không kịch-liệt gì, việc bầu cử Thượng-nghị-viên này sẽ không thay-đổi gì đến cái tình-thế chính-trị ở nước Pháp.

**Lược-khảo về nước Đức.** — Sau cuộc chiến-tranh năm 1914-1918, địa-lý chính-trị Âu-châu thay-đổi đi nhiều lắm. Có nước thì rộng ra, có nước thì hẹp đi, lại nhiều nước mới thành-lập, khiến cho ngày nay đem một cái địa đồ Âu-châu về trước năm 1914 mà so-sánh thì thấy khác hẳn. Lại chính-thể các nước cũng thay-đổi đi nhiều, nhiều nước quâu-chủ đổi ra dân-chủ, tình-hình khác xưa nhiều lắm. Trong mục Thời-dàm này thường thuật về thời-sự các nước Âu-châu, nhưng không thể mỗi nước giải rõ về cách chính-trị đã thay-đổi như thế nào, độc-giả không thuộc địa-lý chính-trị Âu-châu ngày nay, có nhiều chỗ có lẽ không được hiểu rõ lắm. Vậy từ nay định mỗi kỳ Thời-dàm đặt thêm mấy trang lược-khảo về mỗi nước Âu-châu một, xét về cách chính-trị duyên-cách thế nào, về hiện-tình mỗi nước thế nào, để giúp cho các nhà đọc-báo dễ hiểu những việc thuật trong mục Thời-dàm.

Kỳ này bắt đầu nói về nước Đức.

**Nói về chính-thể.** — Theo hiến-pháp ngày 11 tháng 8 năm 1919, thì nước Đức (*Deutsches Reich*) ngày nay là một nước Dân-chủ. Quyền chúa-tể trong nước là vốn ở dân, có đặt ra các cơ-quan như sau này để thi-hành quyền ấy: Tổng-thống để đại-biêu cho nước, Quốc-hội và Nội-các. Nước Đức vốn là một nước Liên-bang, mỗi bang trong nước có cơ-quan hành-chính riêng, bang nào theo hiến-pháp của bang ấy. Tổng-thống là do cả dân bầu trong kỳ hạn bảy năm. Phạm người Đức đúng 35 tuổi, có quyền được ra ứng-cử cả.

Tổng-thống thay mặt nước Đức trong mọi việc giao-thiệp với ngoại-quốc. Có quyền bổ-dụng và cách chức quan thủ-tướng, các quan quốc-vụ tổng-trưởng, các văn-võ bách-quan. Có quyền thống-lĩnh cả các hải-lục quân-dội trong nước. Nhưng khi khai-chiến hay khi giảng hòa phải có luật của quốc-hội quyết-nghị mới được.

Các sắc-lệnh của quan giám-quốc phải có thủ-tướng phụ-ký, hay là việc thuộc về bộ nào thì tổng-trưởng bộ ấy phụ-ký để giữ trách-nhiệm.

Bổng Tổng-thống mỗi năm là một triệu hai-mươi vạn mã-khắc, lại phụ-cấp mỗi năm cũng một triệu hai-mươi vạn mã-khắc nữa.

Cầm quyền chính-phủ thì đứng đầu là thủ-tướng, rồi đến các quốc-vụ tổng-trưởng.

Lại có một hội-nghị đế-quốc (*Reichsrat*), họp những quan nội-các của các « bang » (*Länder*) để tham-dự việc lập-pháp và việc hành-chính cả toàn-quốc. Các bang cử đại-biểu vào hội-nghị ấy cứ theo số bảy-mươi vạn người là một người, tính ra thì được như sau này: *Prusse* được 26 người đại-biểu; *Bavière* 10 người; *Saxe* 7 người; *Wurtemberg* 4 người; *Badé* 3 người; *Hesse* 2 người; *Thuringe* 2 người; *Hambourg* 2 người; các bang khác được 1 người.

Hội-nghị đế-quốc quyền-hạn cũng hẹp. Cốt là để bênh-vực lợi-quyền cho các bang, cho nên phải nghiên-cứu các luật-án sắp đem ra trình với nghị-viện, luật nào nghị-viện đã quyết-nghị rồi, phải chuẩn cho thi-hành trong các bang, nhưng dầu không bằng lòng nhận cũng không có quyền ngăn-trở cho tuyên-bố ra được.

Nghị-viện tức là hội lập-pháp (tiếng Đức là *Reichstag*), hiện có 493 nghị-viên, bầu bằng cách phổ-thông-đầu-

phiếu, kỳ hạn bốn năm; cách bầu là trực-tiếp, nghĩa là hết-thảy đàn ông đàn bà trong nước cứ đúng 20 tuổi thì được quyền bỏ vé, mà phải bỏ vé kín, theo lối gọi là « chiếu-số bầu-cử » (*représentation proportionnelle*), nghĩa là cứ theo số vé của các đảng mà chia số ghế ở Nghị-viện. Mỗi đảng hễ cứ được sáu vạn vé ở các hạt thì được một ghế nghị-viên, còn thừa bao nhiêu thì cộng lại để cho khu-hạt trước đã, rồi nếu còn thừa nữa thì cho vào số chung của toàn-quốc. Phạm người dân Đức đàn ông đàn bà cứ đúng 25 tuổi thì được quyền ra ứng-cử.

Các chính-đảng ở nước Đức như sau này: Đảng xã-hội dân-chủ (*Sociaux démocrates*), có 131 người đại-biểu ở Nghị-viện; đảng quốc-gia Đức (*nationaux allemands*), 103 người; đảng trung-ương (*Centre*), 69 người; đảng bình-dân (*Populistes*), 51 người; đảng cộng-sản (*Communistes*), 45 người; đảng dân-chủ (*Démocrates*), 32 người; đảng bình-dân xứ *Bavière* (*Populaires Bavaoises*), 14 người; đảng nông-dân xứ *Bavière* (*Ligue des Paysans Bavaoises*), 17 người; đảng quốc-gia xã-hội (*Nationaux-Socialistes*), 14 người; đảng nông-nghiệp (*Ligue agraire*), 8 người; đảng bảo-thủ xứ *Hanovre* (*Hanoviens* hay là *Guelfes*), 4 người.

Trong nghị-viện ngày nay thì đảng quốc-gia Đức, đảng bình-dân, đảng trung-ương, đảng bình-dân xứ *Bavière* và đảng bảo-thủ xứ *Hanovre* họp nhau lại thành một liên-đảng tư-bản (*Bloc bourgeois*), chiếm đa-số ở Nghị-viện, chừng được 260 ghế cả thảy. Nội-các là tựa vào liên-đảng ấy mà cầm quyền chính-phủ.

Nội-các chia ra các bộ như sau này, mỗi bộ có một quan quốc-vụ tổng-trưởng đứng đầu, và chủ-trương cả Nội-các là quan Thủ-tướng: Bộ Nội-vụ, bộ Ngoại-vụ bộ Tài-chính, bộ Tư-pháp

kiêm coi các miền bị chiếm - cứ, bộ Quân-vụ, coi về quân *Reichswehr* bộ Kinh-tế, bộ Lao-dộng, bộ Bru - chính, bộ Thực-phẩm, bộ Văn-tải.

*Diện-tích và dân-số.*—Theo số điều-tra thống-kế ngày 8 tháng 10 năm 1919, thì diện-tích nước Đức là 47 vạn 2 nghìn 34 cây-lô-mét vuông, và dân-số là 59 triệu 85 vạn 2.682 người.

Hòa-ước *Versailles* làm cho Đức phải thiệt mất 7 vạn 500 cây-lô - mét vuông và 6 triệu 47 vạn 6 nghìn người.

*Tôn-giáo.* — Theo hiến-pháp, phàm dân Đức được quyền hoàn-toàn tự-do tín-giáo. Sự quan-hệ giáo-hội với nhà nước thì tùy mỗi xứ có luật-lệ riêng. Nay thống-kế số người theo các đạo như sau này : Theo Cơ-đốc tân-giáo (*Protestants*) chừng 40 triệu người ; theo Cơ-đốc cựu-giáo (*Catholiques*) chừng 24 triệu người ; theo các phái Cơ-đốc khác, chừng 28 vạn người ; theo đạo Do-thái (*Jui/s*) chừng 61 vạn người ; còn các tạp-giáo ngoài khác cả thảy chừng 21 vạn rưỡi.

Số người theo về cựu-giáo mà phục-tòng quyền giáo-hoàng ở La-mã, thì nhiều nhất là ở bang *Baviere* (70 phần trăm) và ở quận *Bade* (59 phần trăm).

*Nói về việc học.* — Việc học thì phổ-thông khắp trong nước và có đặt lệ cưỡng-bách giáo-dục ; hạn tuổi trẻ con phải đi học là tự lên sáu đến mười bốn. Ở *Prusse* có luật đặt trường sơ-học yếu-lược (*Volkschulen*) ở khắp các làng, bắt cha mẹ phải cho con đi học, luật này thi-hành nghiêm lắm. Lại có nơi đặt luật bắt người lớn đã đi làm ăn rồi cũng phải học thêm, luật này đã thi-hành trong 15 bang.

Theo số điều-tra năm 1922 thì ở Đức ngày nay có : 59.182 trường tiểu-học công, 196.170 nam-nữ-giáo - viên, và 8.898.320 học-trò, trong số đó thì có

4.467.513 con trai và 4.430.807 con gái. Ngoại - giả lại còn 675 trường tư có 35.584 học-trò. Ngang với bậc cao-đẳng-tiểu-học ở nước Pháp thì có những trường gọi là *Bürgerschulen*, *Höhere Bürgerschulen*, các trường học thêm buổi tối và ban ngày thì gọi là *Fortbildungsschulen*.

Bậc trung thì chia ra các hạng trường như sau này : *Gymnasien*, đối với các trường *lycées*, là những trường trung-học kiêm bị ; hạn học chín năm, *Pro-gymnasien*, là trường trung-học. Yêu-lược cũng dạy như các trường trên, nhưng mà không có mấy lớp cao ; *Realgymnasien* là trường trung học dạy các khoa tân-học mà có kiên cả cổ-văn Latinh ; *Realschulen* và *Oberrealschulen* là trường trung-học dạy các khoa tân-học kiêm các tiếng ngoại-quốc. Theo số điều-tra năm 1922 thì các trường trung-học cho con trai ở Đức hiện có : 515 trường *Gymnasien*, có 10.051 thầy giáo và 152.567 học trò ; 332 trường *Realgymnasien* có 6.680 thầy giáo và 115.615 học trò ; 505 trường *Oberrealschulen* có 9.397 thầy giáo và 184.007 học trò.

Học chuyên-môn và học công nghệ thì về nông-nghiệp có 45 trường thực-hành gọi là trường trại (*Fermes-écoles*), 195 lớp dạy học về mùa đông, 1.320 trường tiểu-học có dạy khoa nông-phổ, 22 trường trung-học, 8 viện chuyên-môn nông-học thuộc về các trường Đại-học lớn, và 3 trường cao-đẳng công-học ở *Berlin*, *Hohenheim*, và *Bonn-Poppelsdorf*, lại thêm 5 trường cao-đẳng thú-y nữa ; về thương-nghiệp và công-nghệ thì có 429 trường thương - mại, 100 trường về các nghề dệt, 12 trường về nghề luyện-kim, 12 trường về nghề gỗ, 15 trường về nghề mỏ, 15 trường về nghề kiến-trúc và tạo-tác, 4 trường về lâm-sản, 27 trường về mỹ-thuật và kỹ-nghệ, 19 trường về nghề hàng-hải, 8 trường về nghề chế-tạo các tàu bè,

v. v. Ngoại-giả lại còn vô-số những trường tư dậy về thương-nghiệp công-nghệ, và một trường thuộc-địa ở *Hambourg*.

Trường Đại-học thì có 23 nơi, không kể các trường *Lyceums* ở *Braunsberg*, *Bamberg*, *Dillingen*, *Eichstütt*, *Frei-*

*sing*, *Passau* và *Regensburg*, cũng là những trường đại-học, nhưng chỉ có các ban thần-học và triết-học mà thôi. 23 trường đại-học chính-thức, mỗi trường sáng-lập từ năm nào và số học-sinh bao nhiêu, kê ra như sau này, theo số điều-tra năm 1922-1923 :

Trường Đại-học	Berlin, sáng-lập	năm	1807,	số học-sinh :	12.522 người
»	<i>Bonn</i>	»	1777,	»	2.971 »
»	<i>Breslau</i>	»	1505,	»	4.179 »
»	<i>Cologne</i>	»	1488,	»	5.270 »
»	<i>Erlangen</i>	»	1699,	»	1.829 »
»	<i>Francfort</i>	»	1914,	»	5.032 »
»	<i>Friboürg</i>	»	1414,	«	3.080 »
»	<i>Giessen</i>	»	1607,	»	1.831 »
»	<i>Göttingen</i>	»	1732,	»	3.053 »
»	<i>Greißwald</i>	»	1456,	»	1.29 <sup>a</sup> »
»	<i>Halle</i>	»	1680,	»	3.027 »
»	<i>Hambourg</i>	»	1919,	»	4.571 »
»	<i>Heidelberg</i>	»	1586,	»	2.673 »
»	<i>Iena</i>	»	1548,	»	2.861 »
»	<i>Kiel</i>	»	1665,	»	2.082 »
»	<i>Königsberg</i>	»	1544,	»	2.077 »
»	<i>Leipzig</i>	»	1409,	»	5.650 »
»	<i>Marburg</i>	»	1527,	»	2.355 »
»	<i>Münich</i>	»	1459,	»	8.600 »
»	<i>Münster</i>	»	1629,	»	2.894 »
»	<i>Rostock</i>	»	1419,	»	1.183 »
»	<i>Tübingen</i>	»	1677,	»	2.925 »
»	<i>Würzbourg</i>	»	1402,	»	3.425 »

Tổng-cộng là 85.369 học-sinh trường Đại-học, trong số đó thì 8.761 nữ-học-sinh.

Nói về quân-bị. — Điều 160 trong hòa-ước *Versailles* định rằng số quân-đội của nước Đức từ giờ trở đi không được quá 10 vạn người, kể cả quân-quan và lính trừ-bị và chỉ được dùng để giữ trật-tự ở trong nước và cảnh-sát ở nơi địa-giới mà thôi. Điều-ước định phải bắt đầu thi-hành tự ngày 31 tháng 3 năm 1920; sau hoãn lại đến ngày mồng 1 tháng 1 năm 1921.

Cũng trong một điều ấy lại định rằng tổng-số các quân-quan, kể cả quan-viên ở các bộ tham-mưu, không

được quá 4 nghìn người, và phạm tập-hợp binh-lực, đặt người cai-quản, bắt-cư theo hình-thức thế nào, cũng là cấm-tiết cả; Đại-Tham-mưu - bộ của Đức cùng các cơ-quan khác giống như thế phải bãi đi hết cả và không được tìm cách gì để khôi-phục lại.

Lại theo điều 173, thời phạm lệ binh-dịch phổ-thông và cưỡng-bách phải bỏ hết và quân-đội chỉ được mộ những lính tình-nguyện đăng mà thôi, và hạn đăng là mười hai năm.

Quân-đội nước Đức ngày nay thì có quân *Reichswehr*, quân *Schutzpolizei* hay là *Schupo*, luật ngày 17

tháng 7 năm 1922 cũng cho đặt thể-chế giống như quân-đội chính-thức, quân *Technische Nothilfe* là quân chuyên-môn, và quân « Hắc-sắc *Reichswehr* » là gồm các hội võ kê có hàng nghìn.

Quân *Reichswehr* hay là *Reichsheer* là quân quốc-binh chính-thức đặt theo như điều thứ 160 trong hòa-ước, thời có chừng 10 vạn người mà số hạ-sĩ (cai, đội) nhiều lắm; quân này toàn là những sĩ-tốt luyện đã giỏi để dùng làm khung-cốt (*cadres*) cho quân-đội được cả.

Cách tổ-chức chính-thức thời chia Đế-quốc ra làm bảy quân-khu (*Wehrkreise*), là: *Königsberg, Stettin, Berlin, Dresde, Stuttgart, Münster, München*, họp lại làm hai bản-bộ thống-lĩnh đóng ở *Berlin* và *Cassel*. Mỗi một quân-khu chia ra làm ba xứ thời có một sư-đoàn, tức là đối với hai-mươi-mốt xứ theo chế quân-đoàn cũ.

Mỗi một sư-đoàn bộ-binh thời có một bộ tham-mưu sư-đoàn, một bộ tham-mưu bộ-binh sư-đoàn, ba đại-đội bộ-binh, một trung-đội kỵ-binh sư-đoàn, một bộ tham-mưu pháo-binh sư-đoàn, một đại-đội pháo-binh, một trung-đội công-binh, một phân-đội coi việc giao-tiếp và các tạp-dịch khác. Quân-số các ngạch đó trong hòa-ước đã có định rõ, những nước Đức không theo đúng.

Mỗi một đại-đội bộ-binh thời có một bộ tham-mưu đại-đội, ba trung-đội lính cựu-binh, một trung-đội lính tập-binh, một tiểu-đội lính ném tạc-đạn (*minenwerfer*). Mỗi trung-đội lính cựu-binh có bốn tiểu-đội, trong số đó thời một tiểu-đội lính bắn súng cối-xay. Tiểu-đội thường thời theo lệ chỉ được có ba quân-quan, 25 hạ-sĩ, 136 người lính. Nhưng kỹ-thực nhiều hơn, vì thường có lính nọoai-tình-nguyên vào tập trong kỳ-hạn ngắn-ngắn. Bộ-binh dùng thứ súng 7 li 9 hò, thường có mặt kính để nhắm. Tiểu-đội thường thời có 6 chiếc

súng cối-xay nhẹ 76 li và súng đại-bác nhẹ 77 li. Tiểu-đội súng cối-xay có 4 quân-quan, 23 hạ-sĩ, 102 người lính; khí-giới thời có 12 bộ súng cối-xay nặng, 124 chiếc súng trường và 93 chiếc súng đoản. Tiểu-đội tạc-đạn thời có 6 quân-quan, và đủ sĩ-tốt để phục-dịch 3 cái máy ném tạc-đạn kiểu nhỏ 170 li và sáu cái kiển nhẹ 76 li.

Bộ tham-mưu của pháo-binh sư-đoàn thời có chừng 8 hay 10 quân-quan.

Đại-đội pháo-binh chia ra ba tốp, lại thêm một bộ pháo-binh để tập dạy. Mỗi tốp có ba bộ. Bộ thứ nhất thời dùng súng 77 li, bộ thứ nhì dùng súng 105 li, bộ thứ ba là bộ chuyên-môn. Đồ dụng-cụ về pháo-binh ngày nay đại-khải cũng còn giống như kiểu dùng năm 1918; súng đạn lưu nhẹ 105 li, bắn xa được chừng 10 cây-lô-mét, súng đại-bác bộ-binh kiểu F. K. 96/16 (nghĩa là kiểu *Feldkanone* chế năm 1896, sửa lại năm 1916), sức bắn cỡ-diêm là 8 cây-lô-mét rưỡi. Súng đại-bác 77 li hiệu F. K. 16 (kiểu *Feldkanone* năm 1916), hồi cuối chiến-tranh bắn xa được 10 cây-lô-mét rưỡi, nghe đầu có sửa lại, tăng thêm được sức xa ra 2 cây-lô-mét nữa. Lại nghe đầu người Đức có thí-nghiệm hai kiểu đại-bác mới nữa (77 li và 80 li) bắn xa được tới 13 cây.

Ba sư-đoàn kỵ-binh thời mỗi sư-đoàn có một bộ tham-mưu, sáu đại-đội mỗi đại-đội là bốn trung-đội, và một tốp ba pháo-bộ 77 li để ngựa.

Bộ Đại-Tham-mưu cũ nay đã sửa lại mà vẫn dùng các quan-viên cũ, đổi tên là « Quản-lý quân - đội sự - vụ - cục » (*Heeresleitung*). Các tở-tào cũ không đặt hiệu là S 1, S 2, S 3 nữa, mà đổi là T 1, T 2, T 3. Trường Cao-đẳng Võ-bị (*Kriegsakademie*) bây giờ không có nữa, những mỗi bộ tham-mưu sư-đoàn lại đặt một trường võ-bị riêng.

Quân *Reichswehr* có 10 vạn người, phần nhiều là quân-quan và quân-sĩ cả, chính là một ngạch tinh-luyện để làm khung-cốt cho quân-đội. Quân *Schupo*, là quân cảnh-sát có 15 vạn người cũng luyện-tập giỏi lắm, lại có đủ súng cối-xay, súng tạc-đạn, súng đại-bác, tàu bay, chính là một quân-đội thứ nhì để phụ vào quân-đội trên. Quân *Technische Nothilfe* là quân chuyên-môn cũng có thể cung-cấp được 30 vạn người về các ngạch chuyên-môn. Lại còn quân trừ-bị cũ nữa, lúc nào triệu-tập cũng dễ.

Thuộc về quân tàu-bay thời theo điều 198 Hòa-ước, hải-quân lục-quân Đức không được phép dùng tàu bay về việc quân. Nước Đức bị hạn-chế như thế, song cũng tìm cách tổ-chức thế nào cho có một đội tàu bay lâm-thời dùng về việc quân được.

Ở bộ vận-tải có một ban riêng chuyên về tàu bay; ngoại-giả Chính-phủ lại để cho tư-nhân thay vì nhà nước mà đặt ra nhiều các chuyên-cục-chủ về việc tàu bay.

Xưa Đức có một trung-ương tổng-cục chuyên-dụ-bị về việc chiến-tranh, nay bỏ đi mà đặt ra một chuyên-cục của tư-nhân đặt tên là *Wissenschaftliche Gesellschaft für Luftfahrt*, mục - đích cũng là chuyên về việc đó,

— Trở lên là nói về lục-quân Nay nói đến hải-quân.

Hải-quân cũng như lục-quân là thuộc về Bộ quân-vụ, ở bộ có đặt một ban riêng coi về việc hải-quân.

Theo điều 181 Hòa-ước *Versailles*, số chiến-hạm trong hải-quân Đức không được quá các số đã định như sau này: đại-thiết-hạm, kiểu chiếc *Deutschland* hay chiếc *Lothringen*, 6 chiếc; khinh-tiện tuần-dương-hạm, 6 chiếc; khu-

trục-hạm, 12 chiếc; ngư-lôi-hạm, 12 chiếc, hay là 12 chiếc khác để dự-khuyết cho các hạng trên; còn tàu ngầm thì không được có một chiếc nào.

Theo điều 190, thời Đức không được phép chế hay mua một chiếc chiến-hạm nào ngoài số đã định đó, trừ để thay vào những chiếc nào bỏ đi thì không kể. Trọng-lượng các chiến-hạm ấy thời đại-thiết-hạm không được quá một vạn tấn, khinh-tuần-dương không được quá 6 nghìn tấn, khu-trục-hạm không được quá 8 trăm tấn và ngư-lôi-hạm không được quá 2 trăm tấn.

Sáu chiếc thiết-hạm phát-hành trong khoảng năm 1902-1906 thời trọng-lượng ước chừng 1 vạn 3 nghìn tấn; tốc-độ 19 hải-li; thiết-giáp dày 225 li; khí-giới có 4 chiếc đại-bác 28 phân.

Sáu chiếc tuần-dương phát-hành trong khoảng năm 1900-1906 thời trọng-lượng ước từ 2 nghìn 5 trăm tấn đến 3 nghìn 250 tấn; tốc-độ 20, 21 hải-li; khí-giới 10 chiếc đại-bác 10 phân.

Sáu chiếc thiết-hạm và sáu chiếc tuần-dương như sau này:

Thiết-hạm: *Schlesien*, *Schleswig-Holstein*, *Hanover*, *Hessen*, *Elsass*, *Braunschweig*.

Tuần-dương: *Medusa*, *Thétis*, *Amazon*, *Hamburg*, *Berlin*, *Arcona*.

Đầu năm 1925 có phát-hành một chiếc khinh-tuần-dương mới, hiệu *Emden*, nặng 6 nghìn tấn, chạy 29 hải-li và đặt 8 chiếc đại-bác 15 phân.

Mười hai chiếc khu-trục nặng từ 560 đến 630 tấn, chạy 32 hải-li; mười hai chiếc ngư-lôi nặng 395 tấn và chạy 26 hải-li.

Đức còn được phép giữ mấy chiếc chiến-hạm cũ để dự-khuyết, nhưng

phải giải võ-trang, là những chiếc này: 2 chiếc thiết-hạm *Preusse* và *Lothringen*; hai chiếc tuần-dương *Nymphe* và *Niobé*; 4 chiếc khu-trục và 4 chiếc ngư-lôi.

Theo điều 183 hòa-ước thời quan-viên trong hải-quân không được quá số 15.000 người, trong số đó thời được 1.500 quân-quan và quân-sĩ. Quân-quan, quân-sĩ và lính-thủy phải là người tình-nguyện theo nghề hải-quân, quan thì phải dăng 25 năm, sĩ-tốt 12 năm.

Bộ Tham-mưu hải-quân có một đại-

tướng, đứng đầu ban hải-quân ở Bộ quân-vụ, 2 trung-tướng, 6 thiếu-tướng, 30 đại-tá, 18 trung-tá, 78 thiếu-tá, 147 đại-úy, 275 thiếu-úy, đề cai-quản 48 chiếc tàu.

Nơi trung-tâm-diểm của hải-quân trước ở Bắc-hải nay dịch ra bề *Balti-que*, quân-cảng chính trước ở *Kiel*, nay dời ra *Swinemünde*; cửa *Kiel* ngày nay chỉ làm một nơi căn-cứ do một đại-tá coi. Các hải-quân-khu là: *Kiel*, *Syll*, *Swinemünde* và *Pillau*. — Ở *Neumünster*, *Bülk*, *Swinemünde* và *Pillau* có đặt sở võ-tuyển-diện thông các tàu chiến.

## Việc trong nước

**Tình-hình chính-trị.** — Từ xưa đến nay thật không có quan Toàn-quyền nào lắm kẻ thù bằng ông *VARENNE*. Ông sang đây có một năm mà bọn thực-dân ở đây, đảng-thực-dân bên Pháp nhao - nhao nổi lên phản-đối. Chỉ vì ông muốn thi-hành một cái chính-sách khoan-dung hơn đối với người bản-xứ, họ sợ thiệt-hại đến quyền-lợi của họ, nên họ cố vận-động hết sức cho không thể ở được. Từ khi ông về Tây đến giờ ông đối-phó cũng đã khéo, được lòng tin của Bộ Thuộc-địa và chính-phủ Pháp, khiến cho đảng phản-đối ông một độ đã thấy nhạt. Nhưng kẻ thù nhiều quá, chỉ chực kiếm chuyện để lại nổi lên công-kích. Nghị-viên Nam-kỳ *OUTREY* là một tay thâm-thù của ông, độ trước bị thất-bại ở Hội-đồng Thuộc-địa, lấy làm căm lắm, ngày 18 tháng 3 xin chất - vấn Chính-phủ về việc Đông Pháp. Chất vấn việc gì? Chất-vấn về việc viên quan cai-trị hưu-trí *SABATIER*, nguyên làm công-sứ ở xứ mọi Trung-kỳ, mới được Bắc-đầu bội-tình! Việc không quan-hệ gì, nhưng là một cái cơ để công-kích ông *VARENNE*.

Thành ra việc chưởng-ly *COLONNA* chưa xong, đã kể đến việc Công-sứ *SABATIER*. Nguyên viên công-sứ này cai-trị xứ mọi Ban-mê-thuót đã lâu năm, đối với dân Mọi có thể-lực lắm, thiên-hạ thường gọi là « ông vua mọi ». *SABATIER* cai-trị người Mọi theo cách mọi, đối với luật - pháp văn-minh thời cũng có lẽ tàn-nhân thật. Nhưng xưa nay ai thiết gì đến dân mọi, chẳng phải thiên-hạ thương người Mọi, muốn bênh-vực cho người Mọi mà nổi lên phản-đối đâu. Chỉ vì xứ mọi có nhiều đất đỏ, giồng cà-phê, giồng cao-xu tốt lắm, mấy bọn tư-bản chủ-ý muốn chiếm lấy làm đồn-diền đã lâu, nhưng *SABATIER* nhất-thiết ngăn-trở, theo cái chính-sách « đóng cửa xứ mọi », không cho người ngoài vào, người Tây cũng vậy, người An-Nam cũng vậy, lấy cơ rằng sợ người Mọi còn thật-thà mộc-mạc, nếu để cho ở lẫn với bọn con buôn da trắng da vàng thời một là bị bắt nạt, hai là nhiễm lây những thói tai-quái khó trị. Chính-sách ấy chắc là chính-phủ bản xứ đã ưng thuận, nên mới để cho ở lâu như thế. Nhưng bọn tư-bản không xin được đồn-diền

lấy làm tức, tìm cách làm hại SABATIER. Bây giờ mới xui người Mọi làm đơn kiện là cai-trị tàn-nhân. Việc này tòa án cũng không xét đến, nhưng vì có mấy tờ báo ở Nam-kỳ làm thành một chuyện tai-tiếng, chính-phủ phải cho SABATIER về Pháp, rồi cho về hưu-trí. Tưởng việc thế là xong, nhưng mà không. Kỳ thưởng Sắc-dầu bội-tinh mới rồi, SABATIER được thưởng ngũ-dãng bội-tinh. Đãng phản-đối ông VARENNE nắm ngay lấy việc đó để mà công- kích ông. Không phải bọn này ghét chi SABATIER đâu : một viên cai-trị về hưu thì ai còn thiết đến nữa ! Kỳ-thực dân Mọi họ cũng chẳng thiết mà « vua mọi » họ cũng chẳng cần ; họ chỉ cần ông VARENNE mà thôi. Sau khi SABATIER đi, quan Toàn-quyền có cho một người Tây tên là MAILLOT mấy nghìn mẫu đất ở xứ mọi ; bọn xin đồn-điền trước không được, lại càng tức lắm. Ấy việc chất-vấn của nghị-viên OUTREY về bội-tinh SABATIER là duyên-do như thế. Cứ theo điện-tin gần đây, thì hôm chất-vấn ở Nghị-viện, OUTREY bị thất-bại ; quan Thượng-thư Thuộc-địa hết sức bênh SABATIER và bênh ông VARENNE. Nhân nói đến việc cho đất ở xứ mọi, OUTREY thì tố-cáo rằng việc này là trái lẽ, ông VARENNE thì quyết rằng làm phải phép. Thủ-tướng POINCARÉ phải hứa với Nghị-viện sẽ phái một bộ thanh-tra sang bên này để xét về việc ấy. Sau kỳ thảo-luận ở Nghị-viện đó thì được tin rằng ông VARENNE đến ngày mồng 8 tháng 4 sẽ xuống tàu sang Đông-Pháp. Tưởng thế là việc êm cả rồi. Mới đây lại có tin rằng ông hoãn không sang vội, để cho bộ thanh-tra xét việc xong đã. Lại có tờ báo Tây nói rằng ông phó Toàn-quyền MONGUILLOT nay mai sẽ xuống tàu sang đây quyền chức Toàn-quyền.

Không biết ở bên Pháp xảy ra chuyện gì mà thay đổi như thế. Chắc lại là một cách vận-dộng của đảng phản-đối ông VARENNE cố hết sức làm ngăn-trở cho ông không đi được. (1)

Ở đây thì ông quyền Toàn-quyền PASQUIER đã về Hà-nội, họp hội-đồng chính-phủ kỳ bất-thường vào cuối tháng ba. Kỳ này là cốt để xét mấy thứ thuế thương-chính mới để thay thuế nhập-cảng đã biên vào sổ dự-toán năm nay mà bên Bộ không duyệt.

Bộ có phái sang đây một quan Thống-đốc Thuộc-địa, ông BONAMY, để điều tra về việc Tàu.

Ở Nam-kỳ, Trung-kỳ, Bắc-kỳ, gần đây không có sự gì lạ. Ở Nam-kỳ thì mấy nhà chính-trị bây giờ xoay ra doanh-nghiệp : ông Bùi Quang-Chiêu quản-lý một trường tu-thục đặt tên là « An-Nam học-đường » ; ông Nguyễn Phan-Long nghe đâu muốn mở một công-ti bảo-hiểm ô-tô. Việc lập nhà ngân-hàng cũng vẫn đương chờ-động. Ở Trung-kỳ thì cái báo của ông nghị-trưởng Hoàng Thúc-Kháng vận-dộng mở bấy lâu nay, nay đã được phép. Báo đặt tên là « Tiếng Dân », hiện chưa xuất-bản. — Ngày giỗ đầu ông Phan Chu-Trình (theo âm-lịch là vào ngày 13 tháng 3 tây, theo dương-lịch là vào ngày 24 tháng 3) các nơi có làm lễ kỷ-niệm, đều được êm-thấm cả, không xảy ra việc gì. — Ở Bắc-kỳ thì gần đây ông Thống-sứ ROBIN chăm về việc đê lắm, mới rồi có kỳ nghị-định giao riêng cho một ông giám-đốc Tây cùng với Hội-đồng Cổ-vấn mùa nước lên phải chuyên-trách trông nom và đốc-suất về việc đê. Ông lại sửa-đổi sắp-đặt được nhiều điều quan-hệ về chế-độ hương-thôn, chủ-ý là muốn lấy hương-thôn làm cái cơ-sở, cái bản

(1) Mới đây lại nghe có tin cuối tháng tư tây thì ông VARENNE xuống tàu.

vị cho mọi việc hành-chính ở xứ này: như việc học, việc y-lễ, đều để cho hương-thôn được tham-dự. Tháng mới rồi, ông có kỳ nghị-định đặt cách dạy bà đỡ cho các làng, việc này có ích cho sự vệ-sinh ở các nơi nhà-quê nhiều lắm.

### Giới-thiệu sách mới

1 — *Kim-Vân-Kiêu*. le célèbre poème annamite de NGUYỄN DU, traduit en vers français par RENÉ CRAYSSAC. — Lê Văn-Tân, imprimeur-éditeur ; Hanoi. pp. I-LXXXIV + 366. Prix : 2 \$ 00. — Kỳ trước đã giới-thiệu qua về bản dịch truyện *Kiêu* này. Dịch-giả là ông RENÉ CRAYSSAC, các bạn đọc báo chắc đã biết tiếng cả. Bài đồng-luận về truyện *Kiêu* của ông đặt trên đầu bản dịch này, mấy kỳ trước bản-chí đã dịch ra quốc-văn và đăng trong hai kỳ, các bạn đọc báo xem đó thì biết ông CRAYSSAC đã hiểu tình-tình phong-tục nước Nam ta lắm. Ai đã đọc bài đại-luận của ông, cũng phải nên đọc bản dịch *Kiêu* này. Ông dịch bằng thơ Tây, thật đã dụng-công lắm, các báo Tây đều có lời khen cả. Vậy bản-chí vui lòng giới-thiệu một lần nữa cho các bạn đọc báo, và nhân thế có lời mừng và cảm ơn ông CRAYSSAC đã chịu khó đem một nền văn kiệt-tác của nước Nam dịch ra cho người Pháp được hiểu. — Sách bán ở hiệu Lê Văn-Tân (hiệu Mạc Đình-Tư cũ) phố hàng Bông số 136, Hà-nội, giá mỗi quyển 2 đồng.

2 — *Anthologie franco-indochinoise*. Morceaux choisis des écrivains français. I. Pierre Loti, Henri Mouhot, Francis Garnier, Louis de Carné, Jules Boissière. (Par Nguyễn Văn-Tổ, Ngô Vi-Liêu, Phạm Văn-Phán) — 50 pages, Lê Văn-Tân, imprimeur, Prix 0 \$ 20.

3 — *Pháp-luật Tu-tri*. Soạn-giả : Lê Đình-Kể. Dùng lối vấn-đáp mà biên-tập những điều luật thông-thường cho mọi người đều biết. Mới xuất-bản quyển thứ I. — In ở Nghiêm-Hàm ấn-quán, Hà-nội, sách dày 222 trang, giá 0 \$ 50.

4. — *Sách dạy cầm máy ô-tô*. Soạn giả : C. MOURET, quan coi về việc kiểm-sát xe ô-tô ở Bắc-kỳ. — Sách in ở Đông-kinh ấn-quán, dày 50 trang.

5. — *Chấn-hung Phật giáo*. Tiên-lữ đồng-tự sưu-tập và xuất-bản. — In ở Long-quang ấn-quán dày 86 trang. Giá 3 hào.

7. — *Kịch-trường tạp-chí*. (Revue des spectacles). Mỗi tuần-lễ ra một kỳ. Chủ-nhiệm; Nguyễn Đức-Riệu. Tòa-soạn ở Sài-gòn, số 52 đường Sabourain. Giá mỗi số 2 hào, giá đồng-niên bảy đồng.

Sắp xuất bản

## NAM - PHONG TÙNG-THƯ

### 南風叢書

Chữ quốc-ngữ ngày nay đã phổ-thông khắp trong nước, có thể dùng làm cái lợi-khi để truyền-bá sự học trong dân-gian.

Kể sách quốc-ngữ gần đây xuất-bản cũng đã nhiều, nhưng ngoài những sách giáo-khoa để dùng trong các trường sơ-học, phần nhiều là những sách thơ-văn, tiểu-thuyết ; tuy cũng có quyển có giá-trị, bổ-ích cho quốc-văn, song vẫn là sách « văn-chương chơi », không giúp gì cho việc truyền-bá sự học. Mà việc này chính là việc cần-cấp ngày nay.

Nho-học mỗi ngày một tàn, tây-học dẫu có lấn-lội mà ngôn-ngữ bất-đồng, văn-tự sai-biệt, cũng khó lòng phổ-cập trong dân-gian. Phổ-thông - trí - thức trong nước ta gần đây có phần sút kém cũng là bởi lẽ đó.

Vậy ngày nay thế-tất phải dùng chữ quốc-ngữ làm cái lợi-khi để giới-thiệu các học-thuật tư-tưởng Đông Tây cho phần nhiều quốc-dân được biết, ngõ-hầu giúp cho cái trình-độ tri-thức trong nước ngày một cao hơn lên.

Bộ « Nam-phong Tùng-Thư » này mở ra là muốn theo đòi cái mục-dịch đó.

Cái chi chúng tôi là muốn giúp cho phần nhiều người Việt-Nam ta, không cần phải đọc sách Tây, không cần phải đọc sách Tàu, chỉ biết chữ quốc-ngữ cũng có thể thông hiểu được các điều nghĩa-lý làm gốc cho văn-hóa đời xưa đời nay.

Chúng tôi ước-ao rằng sau này người An-Nam chỉ học bằng tiếng An-Nam có thể trở nên được người thông-hiểu, chỉ đọc bằng sách quốc-ngữ cũng đủ bổ-ích được cho trí khôn, ngày ấy thời sự khai-hóa trong nước mới thật là có kết-quả vậy.

Muốn cho đạt được mục-dịch đó, điều thứ nhất là cần phải có sách, không phải là sách « văn-chương chơi », mà là những sách thật có giúp được cho sự học.

Những sách ấy, hiện nay còn thiếu lắm.

Bộ « Nam-phong Tùng-Thư » này đặt ra là để bổ cho sự khuyết đó.

Chúng tôi định xuất-bản thành sách mỗi quyển chừng 120 trang, bán-bạc giáng giá về khắp các vấn-đề văn-học, khoa-học, triết-học, hoặc là biên-dịch, hoặc là soạn-thuật, cốt là cầu lấy cho rõ-ràng đích-xác, có thể làm bộ sách nghiên-cứu để cống-hiến cho các đồng-bào hiếu-học. — Sau mỗi quyển lại phụ thêm mấy trang « 1ự-vựng » cắt nghĩa rõ các danh-từ mới và dịch ra tiếng Pháp. Mong rằng sách ra hợp-thời, sẽ bổ-ích được ít nhiều cho các bạn đọc-giá.

Chừng 15 Avril thì xuất bản quyển thứ I, mỗi quyển giá 0 \$ 40.

Những sách sắp xuất-bản như sau này :

- I. — Văn - minh luận
- II. — Ba tháng ở Paris
- III. — Văn-học nước Pháp
- IV. — Chính-trị nước Pháp
- V. — Khảo về Tiểu-thuyết
- VI. — Lịch-sử thế - giới  
văn-vân . . . . .

